

GIẢNG GIẢI

CẢM ỨNG THIÊN

TẬP 3



GIẢNG GIẢI
CẢM ỨNG THIÊN - TẬP 3
HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch

ISBN-13: 978-1-7970-4694-5

ISBN-10: 978-1-7975-6307-7

HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch

GIẢNG GIẢI CẢM ỨNG THIÊN

TẬP 3 (TRỌN BỘ 8 TẬP)

NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI
UNITED BUDDHIST PUBLISHER - UBP

NỘI DUNG

Bài giảng thứ 47	7
Bài giảng thứ 48.....	17
Bài giảng thứ 49.....	25
Bài giảng thứ 50.....	33
Bài giảng thứ 51	43
Bài giảng thứ 52.....	51
Bài giảng thứ 53.....	61
Bài giảng thứ 54.....	73
Bài giảng thứ 55.....	83
Bài giảng thứ 56.....	93
Bài giảng thứ 57	101
Bài giảng thứ 58.....	107
Bài giảng thứ 59.....	117
Bài giảng thứ 60.....	127
Bài giảng thứ 61	137
Bài giảng thứ 62.....	147
Bài giảng thứ 63.....	155
Bài giảng thứ 64.....	165
Bài giảng thứ 65.....	177
Bài giảng thứ 66.....	185
Bài giảng thứ 67.....	195
Bài giảng thứ 68.....	203
Bài giảng thứ 69.....	211
Bài giảng thứ 70.....	221

Bài giảng thứ 47

(Giảng ngày 5 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 48, số hồ sơ: 19-012-0048)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Trong đạo Phật khi nói đến tu hành, chúng ta nhất định phải hiểu thật rõ định nghĩa của hai chữ này. Tu hành là sửa lại cho chính đáng những hành vi sai trái của bản thân. Hành vi thì có rất nhiều, nhưng đạo Phật phân chia tất cả thành ba nhóm lớn là [hành vi của] thân, khẩu và ý. Cho dù rất nhiều, nhưng tất cả hành vi của chúng ta đều không nằm ngoài ba nhóm này.

Hành vi của *thân* là hết thảy mọi cử chỉ, động tác. Hành vi của *khẩu* là hết thảy ngôn ngữ lời nói. Hành vi của *ý* là hết thảy mọi tư tưởng, kiến giải. Khi hành vi có sự sai trái, lầm lạc, chúng ta đem những sai trái, lầm lạc đó sửa đổi thành chính đáng thì gọi là tu hành. Ý nghĩa này cần phải được nhận hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ.

Các bậc tổ sư, đại đức dạy chúng ta rằng, việc tu hành phải bắt đầu từ căn bản. Điều gì là căn bản? Ý niệm là căn bản, tư tưởng là căn bản. Cho nên, nói tu hành phải bắt đầu từ căn bản cũng có nghĩa là hết thảy mọi hành vi của chúng ta, cho dù nhiều đến đâu cũng đều phát sinh từ nơi tư tưởng. Tư tưởng hoàn toàn chân chánh thì tất cả đều chân chánh. Tư tưởng thiên lệch, tà vạy thì tất cả đều không chân chánh. Đó chính là ý nghĩa của lời khuyên tu hành phải bắt đầu từ căn bản.

Nhưng cách nói như vậy chỉ là ở bề mặt của vấn đề, chúng ta cần phải hiểu rõ được khi xét đến ý nghĩa sâu xa đích thực thì điều gì là căn bản. Ý nghĩa này gọi là “*xúng tính khởi tu*,

toàn tu tại tính” (khởi sự tu hành tương hợp với tự tánh, hết thấy pháp tu đều ở nơi tự tánh). Đây mới đích thực là tìm ra được căn bản [của sự tu hành].

Khởi tu từ tự tánh, vì tánh ấy là căn bản của tâm. Tánh là thể mà tâm là tác dụng. Trong Phật pháp Đại thừa thường gọi tâm là thức, là thức tâm hay tâm thức. Đó là tác dụng từ tự tánh của một niệm. Một niệm còn mê muội, còn là phàm phu thì tự tánh liền tạo thành tám thức,¹ năm mươi mốt tâm sở. Do đó có thể biết rằng, tác dụng của tự tánh khá phức tạp nhưng thể của nó vẫn là một. Y báo, chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới đều từ căn bản là tự tánh của một niệm mà sinh ra.

Kinh Hoa Nghiêm giảng giải rất hay: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến.*” ([Tất cả các pháp] đều do tâm hiển hiện, do thức biến hóa.) Hết thấy các hiện tượng biến hóa vô cùng trong mười pháp giới đều do tâm hóa hiện. Sự biến hóa ấy từ đâu mà có? Là do thức biến hiện. Thức chính là ý niệm, là tư tưởng, là kiến giải. Phật dạy ta rằng, sự biến hóa vô cùng trong mười pháp giới chính là từ nơi ý niệm, tư tưởng của chúng ta mà ra. Đó mới là nguồn gốc. Người tu hành phải từ nơi nguồn gốc này mà hạ thủ công phu.

Nguồn gốc này cũng chính là hai chữ “*trung hiếu*” chúng ta đã giảng qua trong mấy ngày trước. Hôm qua bàn với quý vị về “*thuận thân dưỡng chí*” (thuận theo cha mẹ, nuôi dưỡng tâm chí), ý nghĩa đã nói rất sâu xa. Đạo hiếu nhất định phải thuận, không thuận không gọi là hiếu. Cho nên, [hai chữ] *hiếu thuận* luôn đi đôi với nhau.

Nhưng phải thuận như thế nào mới được xem là thực sự có hiếu? Phải thuận theo thể tánh, [không phải thuận theo tình thường,] đó mới gọi là thực sự hiểu rõ được đạo hiếu,

¹ Tám thức: bao gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mật-na thức và a-lại-da thức.

nhận thức được đạo hiếu. Trong Phật pháp Đại thừa dạy rằng: *“Hết thấy chúng sinh đều có tánh Phật.”* Tùy thuận tánh Phật mới là đại hiếu, mới là đạo hiếu chân thật.

Cha mẹ ta đều có tánh Phật, tùy thuận tánh Phật của cha mẹ là tận hiếu, không tùy thuận theo phiền não [của cha mẹ]. Cha mẹ vẫn còn là phàm phu nên có phiền não, ta không thể tùy thuận theo phiền não của cha mẹ, mà phải tùy thuận theo tánh Phật của các vị. Ý nghĩa đó chúng ta phải thể hội, phải hỗ trợ cha mẹ [tu hành] thành Phật, hỗ trợ cha mẹ giác ngộ, đó mới được xem là tận hiếu.

Do đó có thể biết rằng, chúng ta muốn hỗ trợ cho cha mẹ giác ngộ, nhưng tự mình không giác ngộ thì làm cách nào giúp đỡ được? Cho nên, muốn tận hiếu, thực hành đạo hiếu, chúng ta phải biết rằng, trước hết phải tự mình giác ngộ, phải tự mình thành tựu, như vậy mới có thể giúp đỡ hỗ trợ người khác. Giúp đỡ người khác thì đối tượng trên hết chính là cha mẹ.

Vì thế, chữ hiếu trong kinh Phật được giảng là tự tánh của một niệm. Chữ trung là công hạnh của Phật, công hạnh của Bồ Tát. Phát tâm Bồ-đề, thực hành đạo Bồ Tát là tận trung. Đó là hai chữ “trung hiếu” giảng sâu hơn một bậc, là ý nghĩa đích thực của trung hiếu.

Ý nghĩa đích thực này Nho gia có nói đến hay không? Quả thật là có, nhưng nói đến không nhiều. Vì sao không nói nhiều? Vì nói ra người nghe không hiểu được. Cho nên không thể nói ý nghĩa sâu xa, chỉ nói một phần ý nghĩa cạn cợt để dạy người mới học.

Trong Phật pháp giảng giải [ý nghĩa này] rất nhiều, cơ sở tu học của Phật pháp so ra sâu dày hơn, thời gian tu học Phật pháp cũng lâu dài hơn. Đặc biệt là Phật pháp chú trọng ở *“nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”* (vào sâu một pháp môn, huân tu lâu dài). Tám chữ này cực kỳ trọng yếu,

chúng ta tu tập có thành tựu hay không, mấu chốt là ở chỗ này.

Trong sự tu học Phật pháp, điều tối kỵ là tu tập hỗn tạp. Trong sáu ba-la-mật có tinh tấn ba-la-mật. Thế nào là tinh tấn? Tinh là thuần túy, không hỗn tạp. Hỗn tạp thì không tinh, nên [tu theo] một môn là tinh tấn, hai môn là không tinh tấn.

Về pháp niệm Phật, quý vị phải hiểu rằng, chân chánh niệm Phật thành tựu cũng là vào sâu một pháp môn. Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta phương pháp niệm Phật: *“Thâu nhiếp sáu căn, niệm niệm thanh tịnh tương tục nối nhau.”* Thế nào gọi là niệm thanh tịnh? Chúng ta đối với cõi Tây phương Tịnh độ, đối với đức Phật A-di-đà không có sự hoài nghi, không có sự xen tạp, không có sự gián đoạn. Sự không hoài nghi, không xen tạp đó gọi là niệm thanh tịnh. Không gián đoạn là tương tục nối nhau, niệm niệm thanh tịnh tương tục nối nhau. Được như vậy mới có thể thâu nhiếp sáu căn, vắng sinh phẩm vị mới được cao.

Rất nhiều người không hiểu biết, cho rằng muốn tiêu trừ nghiệp chướng thì phải tụng kinh Dược Sư, phải tụng phẩm Phổ Môn, phải tụng kinh Địa Tạng, phải trì chú Đại Bi, phải tụng niệm kinh này chú nọ... Đều là sai lầm, đều là hỗn tạp, [làm như vậy] nghiệp chướng có thể tiêu trừ đôi chút nhưng không thể triệt để tiêu trừ. Nếu như những người ấy thấu hiểu được việc chuyên trì duy nhất một câu Phật hiệu thì nghiệp chướng của họ sẽ có thể được diệt trừ tận gốc, có thể được vắng sinh thế giới Tây phương Cực Lạc với phẩm vị cao hơn.

Có người cũng được vắng sinh nhưng phẩm vị không cao, là do đâu? Là vì tu tập xen tạp. Những người tu tập xen tạp [hiện nay] quá nhiều. Mọi người không thấu hiểu được sức mạnh của một câu Phật hiệu này, nên mới cho rằng việc niệm danh hiệu Phật dù có tiêu trừ nghiệp chướng cũng không bằng

tụng kinh Dược Sư, không bằng trì chú Đại Bi. Quý vị nói xem, như vậy có phải hỏng hết rồi không? Sự hoài nghi đó làm tổn hại rất lớn đến công phu tu tập của chính bản thân mình.

Pháp sư Từ Vân Quán Đảnh khi chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có nói với chúng ta về điều này. Bản chú giải của ngài tên là *Quán kinh trực chỉ*, hiện nay cũng có bản in riêng đang lưu hành. Tôi đọc qua bản chú giải này của ngài liền hoát nhiên đại ngộ. Ngài giảng điều này rất hay: “Chúng sinh tạo tác những tội nghiệp cực kỳ nặng nề như năm tội nghịch, mười điều ác, tất cả kinh luận đều không tiêu trừ hết được những tội nghiệp đó, tất cả thần chú, các pháp sám hối cũng đều không tiêu trừ hết được những tội nghiệp đó, vì tội nghiệp như thế quá nặng. Cuối cùng chỉ có một câu niệm A-di-đà Phật là có thể tiêu trừ hết được.”

Qua đó chúng ta mới biết rằng, một câu niệm A-di-đà Phật vượt hơn cả ngàn kinh muôn luận, vượt hơn cả hết thầy thần chú, là thần chú [vượt trội] trong tất cả thần chú, là kinh điển [vượt trội] trong tất cả kinh điển, không gì có thể so sánh thù thắng hơn được. Chỉ có điều không ai tin được điều này, vì họ cho rằng một câu niệm A-di-đà Phật là quá dễ dàng, quá đơn giản, nên sợ rằng không có hiệu quả, mới quay sang tìm kiếm môn này pháp nọ vô cùng hỗn tạp.

Việc vãng sinh quyết định ở điểm là quý vị có niềm tin và nguyện lực hay không. Quý vị không có niềm tin chân thành, không có nguyện lực thiết tha thì [cho dù có được] vãng sinh phẩm vị cũng rất thấp. Hiện tượng này chính là như Đại sư Thiệt Đạo đã dạy: “*Chín phẩm vãng sinh [cao hay thấp] đều do gặp duyên khác biệt.*” Quý vị không gặp được bậc thiện tri thức, không có người dạy dỗ, sự nghi hoặc của quý vị không thể dứt trừ, [đó là những duyên không tốt cho sự vãng sinh.]

Chúng ta ngày nay tại Singapore xây dựng nên đạo trường này, chúng ta hiểu rõ, tin sâu không nghi ngại, cho

nên trong Niệm Phật Đường chỉ duy nhất một câu Phật hiệu, trong giảng đường chỉ [giảng giải] một bộ kinh Vô Lượng Thọ, dù một mảy may cũng không xen tạp.

Chúng ta ở đây vừa giảng xong bộ kinh Địa Tạng. Bộ kinh Địa Tạng này là vì [đạo tràng] Cửu Hoa Sơn mà giảng, bởi pháp sư Nhân Đức muốn thỉnh tôi lên núi Cửu Hoa giảng kinh này. Tôi không có thời gian đi đến đó, nên [giảng tại đây rồi] ghi hình để gửi tặng [đạo tràng] Cửu Hoa Sơn. Ý nghĩa sự việc là như vậy. Lại vì quý đồng học mà khai giảng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, cũng là điều bất đắc dĩ. Vì trong mười mấy năm qua, có nhiều vị đồng tu trong và ngoài nước đến gặp tôi đều khải thỉnh, hy vọng tôi giảng qua một lần kinh Hoa Nghiêm này, ghi hình lại để làm tư liệu cho hàng hậu học tham khảo. Tôi đã nhận lời, vì nguyên nhân như vậy nên mới giảng kinh Hoa Nghiêm.

Nếu theo ý riêng của tôi, nói thật lòng tôi chỉ giảng một bộ kinh Di-đà cho đến cùng, không muốn thay đổi. Các bậc đại đức xưa nay giảng kinh Di-đà trong suốt một đời, giảng đến 300 lượt. Tôi thấy vậy vô cùng hoan hỷ, vô cùng ngưỡng mộ. Nhưng trong một đời tôi phải giảng nhiều kinh luận khác nhau, đều là chuyện bất đắc dĩ, phải đáp ứng với sự thỉnh cầu của đại chúng mà thôi.

Muốn thực sự thành tựu, nhất định phải tinh chuyên, nhất định phải vào sâu một pháp môn, trọn đời không thay đổi, có như vậy mới được thành tựu. Nhất định phải học theo gương chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát là điển hình, là khuôn mẫu của chúng sinh trong chín pháp giới, thực sự là *“Học vi nhân sư, hành vi thế phạm.”* (Học để làm thầy người khác, hành động để nêu gương cho đời.) Chúng ta ngưỡng mộ các ngài, học theo các ngài, chúng ta cũng mong muốn ngay trong đời này có được sự thành tựu như chư Phật, Bồ Tát.

Có người hỏi, liệu có thể được như vậy hay chẳng? Câu

trả lời nhất định là được. Đây cũng là chỗ mà Đại sư Thiện Đạo nói là “*gặp duyên khác biệt*”. Quý vị có thể gặp nhân duyên thù thắng thì trong một đời này có thể được thành tựu. Đồng tử Thiện Tài gặp nhân duyên thù thắng, trong một đời thành Phật. Long Nữ gặp nhân duyên thù thắng, tám tuổi thành Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa nói rõ những việc ấy.

Nói chung, những gì đức Phật giảng giải trong kinh luận đều là những việc mà người thế gian chúng ta có thể làm được. Nếu người thế gian không thể làm được, đức Phật đã không nói ra. Vì nói ra như vậy là không thích hợp với chúng ta. Nói ra những điều mà ta không thể làm được, như vậy chẳng phải là chỉ để giấu cợt, để trêu chọc hay sao? Như vậy thì lời của Phật sao có thể tôn xưng là lời chân chánh, là lời đúng thật, là lời phù hợp, là lời không sáo rỗng, là lời không lừa dối? Những phẩm chất, tiêu chuẩn ấy đều sẽ không đạt được. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát giảng thuyết với chúng ta thì lời nào đều là chân thật. Chỉ cần chúng ta chú tâm suy xét kỹ để thể hội được, y theo lời dạy mà thực hành, thì trong một đời này có thể trọn thành Phật đạo.

Nhưng nếu quý vị muốn công phu tu tập có hiệu quả [thì phải lưu ý]. Mấy ngày gần đây, có nhiều đồng tu từ Trung quốc đến nói với tôi là họ dụng công tu tập rất khó đạt hiệu quả. Tôi thường khuyến khích mọi người rằng việc học hiểu và hành trì phải xem trọng như nhau thì công phu mới đạt hiệu quả. Vì sao Niệm Phật Đường của chúng ta mỗi ngày đều phải có hai giờ giảng kinh? Đó là dùng sự học hiểu để giúp sức hành trì, dùng sức hành trì để giúp sự học hiểu. Học hiểu và hành trì giúp nhau cùng thành tựu.

Quý vị không hiểu rõ ý nghĩa [giáo pháp] thì sự tu hành sẽ giải đãi, sẽ thoái chuyển. Vì sao vậy? Vì tập khí phiền não trong đời quá khứ rất sâu nặng, một chút công phu nhỏ nhoi, một chút đạo lực yếu ớt của chúng ta không chống nổi với

những phiền não như vậy. Cho nên mỗi ngày đều phải nghe giảng kinh.

Niệm Phật là tu định, nghe giảng kinh là tu tuệ. Chỉ có điều, mỗi ngày đều niệm Phật, nghe kinh nhưng công phu vẫn không hiệu quả, khuyết điểm rốt cùng phát sinh ở chỗ nào? Nói thật ra là phát sinh ngay ở chỗ quý vị không làm đúng theo. Quý vị niệm Phật mà không hướng tâm nơi Phật, miệng niệm Phật mà trong tâm khởi sinh vọng tưởng, công phu tu tập như vậy đương nhiên không có hiệu quả. Mỗi ngày tuy đều nghe giảng kinh, xem ra có vẻ như thấu hiểu rõ ràng nhưng lại chẳng hề làm theo. Trong kinh dạy ta bố thí, dạy ta trì giới, dạy ta nhẫn nhục, chẳng có điều nào ta làm theo được cả. Trong cuộc sống hằng ngày lại tùy thuận theo tập khí phiền não. Công phu như vậy thì tất nhiên không thể đạt hiệu quả.

Quý vị xem trong kinh Phật, mỗi bộ kinh đều có một câu sau cùng là gì? Chính là câu: *“Y giáo phụng hành, tác lễ nhi khứ.”* (Y theo lời dạy vâng làm, lễ bái lui ra.) Trong mỗi một bộ kinh đều có câu cuối cùng này, dạy chúng ta phải y theo lời dạy vâng làm. Đức Phật trong tất cả kinh điển đều không ngại rườm rà, luôn nhắc nhở chúng ta phải *“thọ trì độc tụng, vị nhân diễn thuyết”* (thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn nói). Vì người khác diễn nói cũng chính là y theo lời dạy vâng làm. Chúng ta không hề làm thì công phu sao có thể hiệu quả?

Cho nên, học hiểu được một phần phải làm theo một phần, học hiểu được hai phần phải làm theo hai phần. Khi quý vị làm theo hai phần, liền có thể học hiểu được ba phần. Học hiểu được ba phần lại có thể làm theo ba phần. Làm theo ba phần liền có thể học hiểu được bốn phần... Sự học hiểu hỗ trợ cho thực hành, thực hành lại hỗ trợ cho sự học hiểu. Như vậy mới có thể đạt đến sự rốt ráo viên mãn. Nếu học hiểu mà không thể thực hành thì nào có ích gì?

Chương ngại lớn nhất của sự tu hành là gì? Chính là không buông xả được. Không buông xả được tham ái thì phiền toái biết bao. Đây là chương ngại căn bản rất lớn. Cho nên, phải buông xả cho hết sạch cả ái dục, thị dục (những điều ham muốn, ưa thích). Đại sư Huệ Năng dạy rằng: *“Xưa nay không một vật, chỗ nào vướng bụi trần.”* Chỉ cần quý vị còn “có” một vật, quý vị liền phải vướng bụi trần. Bụi trần là phiền não, phiền não của quý vị không thể dứt trừ.

Cho nên, quý vị phải buông xả cho hết sạch, cả thân tâm, thế giới này dù một hạt bụi trần cũng không vướng nhiễm thì trong một đời này mới có hy vọng thành Phật. Nếu có một mảy may không buông xả thì không hy vọng gì thành Phật, thành Tổ.

Vì thế, y theo lời dạy vâng làm chính là tận trung tận hiếu, là thực hành trung hiếu. Đạo lớn của chư Phật cũng chỉ là trung hiếu mà thôi.

Hy vọng quý vị đồng học có thể chú tâm suy xét kỹ và thể hội được, thực sự nỗ lực vâng làm theo thì con đường phía trước sẽ vô cùng sáng tỏ, hết thảy tai nạn đều có thể được hóa giải.

Bài giảng thứ 48

(Giảng ngày 6 tháng 7 năm 1999 tại Hương Cảng (Hong Kong), file thứ 49, số hồ sơ: 19-012-0049)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Sách *Vị biên* giảng rõ về ý nghĩa chân thật của hai chữ “trung hiếu”, trình bày trong một chương sách rất dài, trong đó có dẫn một câu: “*Nghiêu Thuấn suất thiên hạ dĩ nhân, nhi dân tùng chi.*” (Vua Nghiêu, vua Thuấn dùng đức nhân nêu gương cho thiên hạ mà dân noi theo.) Một câu này rất đáng để chúng ta suy ngẫm sâu xa.

Thực tế cho thấy rõ, người lãnh đạo có mối quan hệ cực kỳ quan trọng đối với sự bình yên ổn định của xã hội, sự giàu có phát triển của quốc gia, cũng như nền hạnh phúc của nhân dân. Nếu người lãnh đạo hiền đức sáng suốt, có thể dạy dỗ muôn dân trăm họ, thì thiên hạ sẽ được thái bình yên ổn. Sự thật như thế, chúng ta có thể đọc thấy trong lịch sử, được ghi chép lại rất tường tận, đúng thật. Thời xưa, các bậc đế vương ấy vì sao có thể làm được [người lãnh đạo hiền đức sáng suốt]? Chúng ta hiện nay xem trọng dân chủ [nhưng người lãnh đạo] vì sao lại không làm được như vậy? Điều này lại cũng rất đáng để ta suy ngẫm sâu xa.

Không bàn đến những quốc gia khác, chỉ nói tại Trung quốc, vào thời xưa kia những người lãnh đạo [đất nước] đều được tiếp nhận một nền giáo dục cực kỳ tốt đẹp. Một vị vua muốn đào tạo người kế vị ngai vàng phải hết sức khó nhọc khổ công, tìm cầu những bậc thầy giỏi khắp trong nước, ngoài nước, là những người có đạo đức, học vấn, kinh nghiệm vượt xa người thường. Tìm được những bậc thầy như thế rồi mới giao cho việc đào tạo, dạy dỗ người kế vị ngai vàng, để vị

này có thể tiếp thu được nền giáo dục của thánh hiền, thực sự thấu hiểu được ý nghĩa lớn lao của việc làm vua, làm cha mẹ [muôn dân], làm thầy [thiên hạ]. Vì thế mà khi xây dựng được một chính quyền rồi thì có thể tồn tại dài lâu đến mấy trăm năm không suy vi. Những ông vua vào cuối triều đại [chính là vì] quên mất lời giáo huấn của các bậc thầy, buông thả theo tình dục, tùy thuận tập khí phiền não, mới khiến cho triều đại ấy phải diệt vong.

Việc cai trị đất nước là như vậy, việc gìn giữ nếp nhà cũng không ngoại lệ. Gia đình muốn phát triển thịnh vượng, muốn đời đời truyền nối thì phải dựa vào đâu? Phải dựa vào con ngoan cháu hiền. Con cháu ngoan hiền chính là thành tựu của sự giáo dục, bồi dưỡng. Nếu không lưu tâm vào việc giáo dục, bồi dưỡng thì không thể được như vậy. Cho nên, bậc làm cha mẹ hiền đức sáng suốt nhất định phải lo cho con cái có được một nền giáo dục tốt nhất.

Ngày nay, các bậc làm cha mẹ đâu lẽ nào lại không có suy nghĩ như thế? Nhưng chỉ có điều do quan niệm của chúng ta bị sai lệch. Ngày nay tiếp nhận một nền giáo dục [chỉ nặng về] khoa học kỹ thuật, một nền giáo dục theo chủ nghĩa vị lợi, [xem trọng lợi ích thực dụng]. Nền giáo dục như thế không thể duy trì, gìn giữ được gia đình. Thời xưa, thế hệ người lớn tuổi dạy dỗ đào tạo con cháu đều dựa vào nền giáo dục thánh hiền. Điểm đặc sắc của nền giáo dục thánh hiền là dạy cho người học hiểu rõ về quan hệ giữa người với người. Đó mới là học vấn lớn lao, đó mới là trí tuệ cao vời.

Rốt lại thì giữa người với người có quan hệ thế nào? Xét đến chỗ cùng cực thì quan hệ giữa người với người là mối quan hệ đồng nhất thể. Ý nghĩa chân thật này ai là người hiểu rõ? Ngày nay chúng ta vừa nói ra, người nghe đã bật cười lớn tiếng, cho rằng đầu óc ta hẳn có vấn đề. Đây chính là như Lão tử từng nói: “Kẻ thấp kém nghe đạo thì cười to. Nếu họ không cười thì điều đó chưa đủ gọi là đạo.” Ý nghĩa

[đồng nhất thể] này Nho giáo, Lão giáo đều nói đến, nhưng chỉ riêng trong kinh luận Đại thừa Phật giáo mới nói được rõ ràng tường tận nhất.

Phật giáo dạy chúng ta rằng, hết thảy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không với bản thân ta là đồng nhất thể (cùng một thể tánh). Cho nên, các bậc đại thánh đại hiền nhìn thấy chúng sinh tâm tánh hiền lành lương thiện, được hạnh phúc mỹ mãn, thì các ngài đều vô cùng hoan hỷ; nhìn thấy chúng sinh tạo nghiệp ác, chịu khổ báo đau đớn thì các ngài cũng đau lòng rơi lệ. Đó chính là tâm nhân hậu, lòng nhân từ, là tâm tình chân thật lưu xuất hiển lộ.

Tâm tình chân thật không phải tình cảm thông thường. Tâm tình chân thật là tình trong thể tánh. Xã hội Trung quốc thời xưa [nói đến người giàu lòng yêu thương thì] dùng chữ “tính tình”, không nói “cảm tình”. Yêu thương mà do cảm tình thì thay đổi, biến đổi không thường.

Người [giàu lòng yêu thương chân thật] với chân tình của thể tánh, trong Phật pháp gọi là Bồ Tát. Vị ấy rõ biết một cách chân thật các lẽ đúng sai, tà chánh, lợi hại. Những việc mà vị ấy làm chính là đạo nghĩa, Nho gia thường nói đủ là [các phẩm tính] “*đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ*”. Trong tình cảm thông thường không có những ý nghĩa này. Nếu tình thường mà thuận theo, phù hợp với “*đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ*”, không trái ngược lại, thì tình cảm thông thường ấy cũng chính là chân tình trong thể tánh.

Trong nền giáo dục, học vấn của xã hội hiện nay, người hiểu biết được [những ý nghĩa đó] không nhiều, người giảng giải thì lại càng ít hơn, còn đại chúng bình dân thì cho rằng những lời dạy đó đã lạc hậu rồi, không hợp thời nữa. Tôi nghe qua những lời như vậy cũng gật đầu đồng ý, nói như vậy không sai. Quả thật đã lạc hậu rồi, không hợp thời nữa rồi. Vì sao vậy? Vì thừa tiếp được tư tưởng của thời đại thái bình,

tư tưởng của thiên hạ an lạc hạnh phúc, nhưng ngày nay ta lại đem những tư tưởng ấy, những lý lẽ khái niệm ấy vất bỏ hết, kết quả đã tạo ra một thế giới loạn động, tai nạn biến đổi, diễn tiến [tồi tệ] đến mức không cách gì tưởng tượng nổi, khiến nhân loại trong xã hội này phải hứng chịu khổ nạn lớn lao cùng cực.

Những tai biến trong hiện tại, chúng ta từ nơi tin tức lan truyền hiện nay mà thấy biết, mỗi năm lại xảy ra càng nhiều hơn, mỗi năm lại mỗi nghiêm trọng hơn. Chúng ta nghe được, chúng ta nhìn thấy, chỉ toàn là kinh hoàng sợ sệt, trở tay không kịp, chẳng biết làm sao, cứ xem đó là do thiên nhiên gây hại. Tai họa trong thiên nhiên do đâu hình thành? Vì sao có những tai họa như thế? Những tai họa như thế có thể tiêu trừ được hay chẳng? Có thể né tránh được hay chẳng? Câu trả lời của các bậc thánh nhân thế gian cũng như xuất thế gian đều khẳng định là có thể.

Chúng ta nhìn sang phương Tây tìm hiểu các thuyết của một số nhà tiên tri, có một câu kết luận cho rằng, chúng ta có phải nhận lấy tai kiếp này hay không còn do nơi hành vi của chính chúng ta. Kết luận như vậy là chính xác. Chỉ có điều các vị ấy không nói ra được lý lẽ tất nhiên này. Vì sao hành vi của ta có thể quyết định việc tai nạn phát sinh hay không, ý nghĩa đó họ không nói ra được rõ ràng. Ý nghĩa này trong nhà Phật thường nói là: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến.*” ([Các pháp] do tâm hiển hiện, do thức biến hóa.) Lại cũng nói là: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sinh.*” (Hết thảy các pháp từ nơi tâm tướng sinh ra.)

Nếu chúng ta thực sự thấu hiểu rõ ràng ý nghĩa này, ắt sẽ hiểu rằng mỗi một ý niệm khởi lên của chúng ta đều có thể [góp phần làm] thay đổi hoàn cảnh. Hoàn cảnh là *y báo*, y báo tùy theo chánh báo mà chuyển đổi.

Phương pháp chuyển đổi là thế nào? Phải triệt để sám

hối [lỗi lầm đã tạo], thực sự quay đầu [hướng thiện]. Như vậy mới được cứu nạn. Nếu chỉ là sám hối ngoài miệng thì chẳng ích gì. Sau khi thành tâm chân thật sám hối, lời nói việc làm của quý vị tự nhiên đều sẽ thay đổi, sẽ hồi tâm quay về hướng thiện. Từ nay về sau luôn đem tâm thuần thiện mà đối xử với người, tiếp xúc với muôn vật, đem tâm thương yêu mà xử sự, đối đãi với người. Đem tâm vô tư, vô điều kiện mà hết lòng hết sức cúng dường, bố thí cho tất cả chúng sinh. Được như vậy mới gọi là chân thật sám hối, mới gọi là chân thật quay đầu hướng thiện.

Một người sám hối [như thế] là một người được cứu, hai người sám hối là hai người được cứu. Không nên cho rằng chỉ một mình ta chân chánh sám hối thì tác động quá yếu ớt [không đủ làm thay đổi được gì]. Vua Nghiêu, vua Thuấn năm xưa cũng chỉ [làm thiện như] là một người riêng lẻ. Vấn đề quan trọng ở đây là quý vị có tâm chân thành hay không? Tâm chân thành liền tự nhiên có thể cảm hóa được người khác.

Người làm nhiều việc ác cũng vẫn có tánh Phật, cũng vẫn có lương tâm. Chỉ vì tánh Phật của người ấy, thiên lương của người ấy đã bị vật dục làm cho mê muội, bị tập khí phiền não che chướng [không phát lộ được]. Chúng ta cứ đem tâm hiền thiện chân thành, tâm thương yêu chân thành, vô tư bố thí, cúng dường cho họ. Khi mới tiếp xúc ắt họ còn hoài nghi: “Người này vì sao đối với ta quá tốt như vậy? Hắn phải có ý đồ gì đây?” Người ấy sẽ hết sức chú tâm đề phòng. Nhưng thời gian qua lâu rồi, người ấy sẽ thấy ta đối với họ hoàn toàn không có ý đồ gì, dần dần rồi họ sẽ cảm động [trước lòng tốt của ta]. Đạo của vua Nghiêu, vua Thuấn có tác dụng cũng chính là theo cách như vậy. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa ở thế gian cũng là theo cách như vậy. Chúng sinh có sự chiêu cảm, chư Phật Bồ Tát liền có sự ứng hiện. Các ngài vì sao ứng hiện đến? Chúng ta cần phải hiểu rõ điều đó.

Do đó có thể biết rằng, phong tục đạo đức trong xã hội bị hủy hoại thì nguyên nhân ngay trước đó là gì? Là vì chúng ta đối với con em mình không có sự quan tâm. Đặc biệt là trong xã hội hiện đại, cha mẹ đều thương yêu con cái, nhưng lại không có sự quan tâm đến chúng. Bản thân mỗi người đều bận rộn công việc, bận rộn những chuyện giao tiếp xã hội, nên phải thuê người chăm sóc con cái. Người làm công dù làm hết trách nhiệm nhưng nhất định không thể có dù chỉ một phần lòng thương yêu như cha mẹ đối với con cái của mình. Cho nên, truyền nối đến thế hệ tiếp theo thì cái nhân tố [thương yêu] đó dần dần bị quên mất đi, bị vất bỏ đi.

Con cái từ nhỏ đã không được cha mẹ quan tâm chăm sóc thương yêu, lớn lên mới trở thành bất hiếu, ngỗ nghịch, nhân phẩm bị ô nhiễm, lòng dạ bị ô nhiễm. Điều đó tạo thành một kiếp nạn nghiêm trọng cho xã hội.

Những thiên tai, nhân họa trong thế giới ngày nay có nguồn gốc từ đâu? Chúng ta phải chú tâm quán xét tìm hiểu kỹ, phải tìm ra được những nguyên nhân ấy. Nguồn gốc của vấn đề đều do nơi giáo dục, đặc biệt là giáo dục ở độ tuổi vị thành niên. Người xưa hiểu rất rõ ý nghĩa này, biết rõ sự đáng sợ của nhân quả, nên đối với việc dạy dỗ trẻ thơ luôn đem hết tâm ý, sức lực mà thực hiện, xem đây là việc quan trọng nhất trong đời người.

Tại Trung quốc từ xưa đến nay, đời đời tổ tiên truyền nối, đất nước, dân tộc này đã qua mấy ngàn năm vẫn không bị diệt vong, điều đó có ý nghĩa gì? Nhất định không phải chỉ nhờ may mắn, mà chính là hiệu quả của nền giáo dục từ các bậc thánh hiền xưa. Trung quốc hiện đại vì sao suy yếu đến thế? Chính là vì trong khoảng một, hai trăm năm gần đây đã dần dần bỏ mất đi nền giáo dục thánh hiền. Một điều ngu muội là tôn sùng nước ngoài, cho rằng “trắng nước ngoài tròn đẹp hơn trắng Trung quốc”, quả thật ngu muội đến thế là

cùng. Cho nên, cả một thế hệ ngày nay của Trung quốc phải chịu nhiều khổ não đắng cay, phải nhận lãnh kiếp nạn như thế.

Hiện tại tai nạn ngày càng nhiều, càng thêm nghiêm trọng, bão lụt, hỏa tai, động đất, thiên tai hiểm họa... không cách gì phòng ngừa chống giữ được. Những tai nạn như thế do đâu mà có? Đức Phật dạy chúng ta rằng, lũ lụt khởi sinh từ lòng tham, nếu ta trừ dứt lòng tham, lũ lụt sẽ không còn nữa. Hỏa tai khởi sinh từ sân hận, chiến tranh thuộc về hỏa tai, sinh ra từ lòng sân hận. Gió bão khởi sinh từ sự ngu si, động đất khởi sinh từ [tâm phân biệt] không bình đẳng. Nếu như mọi người đều thấu hiểu, đều tu tập [các phẩm tính] thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ, thì những tai nạn như thế sẽ không còn nữa. Hoặc nếu có cũng sẽ vô cùng nhỏ nhặt, không đến mức gây tổn hại.

Những lời dạy này ai có thể tin được? Nếu không phải là người thâm nhập Kinh tạng, thực sự thấu hiểu rõ ràng chân lý, thì khi quý vị đem những lời này nói với họ, họ sẽ bảo quý vị nói chuyện điên rồ, rằng quý vị mê tín, nói những điều không có chứng cứ khoa học. Cho nên, chỉ đối với người thâm nhập Kinh tạng, người có tâm địa thanh tịnh, thì nghe qua những lời này mới có thể gặt đầu khẳng định, thừa nhận là hữu lý.

Thưa quý vị đồng học, tôi đã nói qua với mọi người, chúng ta khoác áo cà-sa thành đệ tử Phật, phải làm những việc gì? Sứ mạng của [người xuất gia] chúng ta là gì? Nếu như không thể thực sự nỗ lực hoàn thành sứ mạng giáo hóa của Phật-đà, thì đó chính là như người xưa đã nói: *“Dưới áo cà-sa đánh mất thân người.”* Dưới áo cà-sa đánh mất thân người thì sẽ đi về đâu? Hết thầy [những kẻ ấy] đều vào địa ngục.

Cho nên, vì sao các bậc tổ sư, đại đức, những người sáng suốt đều không khuyên người khác xuất gia? Khuyên người

xuất gia thì quá dễ, nhưng người xuất gia ấy không làm tròn được [phận sự người xuất gia], không thể hoàn thành sứ mạng giáo hóa của Phật-đà, như vậy chẳng phải là xô đẩy người ta vào địa ngục rồi sao?

Không xuất gia thì không nhất định phải堕 vào địa ngục, xuất gia [mà không tu hành chân chánh thì] nhất định phải堕 vào địa ngục. Ngạn ngữ có câu: “Trước cửa địa ngục nhiều thầy tăng.” Nói như vậy không phải là không có lý lẽ.

Cho nên, đã là người xuất gia, nhất định phải thực sự nỗ lực học tập, đem lời dạy của Phật giới thiệu đến với tất cả mọi người, vì tất cả mọi người mà giảng giải thật rõ ràng, thật sáng tỏ. Hơn thế nữa, tự thân mình cũng phải hết sức nỗ lực vâng làm theo lời Phật dạy. Như vậy mới xứng đáng là đệ tử tốt của Phật, mới thực sự là bậc thầy dẫn đường cho hai cõi trời, người.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 49

(Giảng ngày 8 tháng 7 năm 1999 tại Hương Cảng (Hong Kong), file thứ 50, số hồ sơ: 19-012-0050)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Thời gian sáng sớm trong mấy ngày qua chúng ta đã dành để bàn đến nội dung hai chữ “trung hiếu”. Hai chữ này làm sao vận dụng vào thực tế? Vận dụng vào thực tế sẽ biểu hiện như thế nào? Ở thế gian, đức Khổng tử là người đã vận dụng được [trung hiếu] vào thực tế. Mạnh tử cũng đã vận dụng được. Tâm thái và hành vi trong suốt một đời của hai vị này chính là biểu hiện của việc vận dụng [trung hiếu] vào thực tế.

Chúng ta học Phật thì quý vị nên biết, Phật giáo là giáo dục. Là giáo dục thế nào? Chính là nền giáo dục của thánh hiền. Mục đích [cuối cùng] của việc học Phật là học để thành bậc thánh, học để làm người hiền. Nói theo cách trong nhà Phật thì là học để thành Phật, để làm Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát là những bậc chí thiện. Nho gia nói “*chỉ ư chí thiện*” (dừng ở chỗ hết mức hiền thiện). Bốn chữ này chỉ có chư Phật Như Lai mới thực sự làm được đến mức rốt ráo viên mãn.

Chí thiện là sự lưu xuất hiển lộ của tính đức viên mãn. Nói cách khác, chúng ta nếu muốn làm người chí thiện thì tự mình phải thành Phật, phải làm Bồ Tát. Thành Phật, Bồ Tát, đối với tất cả chúng sinh mà nói đều là lẽ tất yếu. Chúng ta hiện là phàm phu, mê muội đánh mất tự tánh, nhất là sinh ra trong thời đại hiện nay có quá nhiều khổ nạn. Sự giày vò hành hạ của những khổ nạn này đối với con người tất nhiên là rất đáng sợ, nhưng cũng có thể nhờ đó giúp kẻ phàm phu thức tỉnh, giống như gậy quật vào người đau đớn khiến ta [đang ngủ mê phải] tỉnh giấc. Đã tỉnh dậy rồi thì từ đó về sau mới chịu quay đầu [hướng thiện].

[Người có thể] thực sự quay đầu, triệt để quay đầu, khôi phục được bản tánh của chính mình thì đó là Phật, đó là Bồ Tát, Nho gia gọi là bậc đại thánh đại hiền. Cho nên chúng ta mỗi khi khởi tâm động niệm, nói năng hành động trong đời sống, ứng xử với người, tiếp xúc muôn vật, luôn luôn phải suy ngẫm xem đó là nên hay không nên? Nếu quý vị có thể hiểu biết rõ ràng sáng tỏ những gì là nên hay không nên thì quý vị không còn mê hoặc điên đảo, trí tuệ liền được khai mở. Khi ấy quý vị tu học, làm người, công phu đều tự nhiên có hiệu quả.

Điều này chính là như trong Phật pháp thường dạy “*phân biệt chân vọng, tà chánh, thị phi, thiện ác, lợi hại*”. *Chân, chánh, thị, thiện, lợi* đều là những gì chúng ta nên làm, *vọng, tà, phi, ác, hại* là những điều không nên làm.

Lợi hại ở đây không phải là lợi hại đối với tự thân chúng ta. Ở đời có rất nhiều người học Phật nhận hiểu chữ “*lợi hại*” ở đây là có lợi hay có hại cho bản thân mình, như vậy là sai lầm. Sự lợi hại ở đây là muốn nói, đối với xã hội có lợi hay có hại, đối với quốc gia có lợi hay có hại, đối với hết thảy chúng sinh có lợi hay có hại, không phải nói đối với tự thân mình. Quý vị cần hiểu rõ, nếu như nói đến sự lợi hại chỉ đối với bản thân mình thì đó là sai lầm, không phải là Phật pháp. Đó là pháp dẫn đến luân hồi.

Ý nghĩa của “*lợi hại*” là như vậy, cho đến bốn cặp “*chân vọng*”, “*tà chánh*”, “*thị phi*”, “*thiện ác*” cũng là như vậy, đều không phải đối với bản thân mình mà nói. Quý vị từ nơi ý nghĩa này mà chuyển đổi tâm niệm, đó là đã học Phật được rồi. Nếu như với các ý nghĩa “*tà chánh*”, “*thị phi*”, “*thiện ác*”, “*lợi hại*” thấy đều lấy bản thân mình làm tiêu chuẩn để xét thì quý vị vẫn là phàm phu, dù học hỏi thế nào cũng không vượt thoát được ra khỏi sáu đường luân hồi.

Nếu không vượt thoát ra khỏi sáu đường luân hồi, mọi

người chúng ta đều hiểu rõ, đức Phật dạy rất rõ ràng, nhất định rồi sẽ đọa vào ba đường ác. Chúng sinh trong sáu đường luân hồi, thời gian ở trong ba đường ác rất lâu dài mà thời gian ở trong ba đường lành rất ngắn ngủi. Trong kinh Phật cũng có ví dụ về điều này, tôi thường so sánh rằng [chúng sinh] đi vào ba đường lành giống như người được nghỉ mấy hôm đi du lịch thăm viếng đó đây, còn đọa vào ba đường ác lại giống như quay về nhà mình. Nhà ở [thường xuyên] của chúng sinh trong sáu đường chính là ba đường ác.

Trong Kinh điển đức Phật vẫn thường chỉ rõ, vẫn thường giảng nói, nhưng có mấy người lưu tâm đến lời Phật dạy? Nếu ai thực sự quan tâm đến những lời răn dạy của Phật, người ấy sẽ hết sức nỗ lực suy nghĩ tìm kiếm phương thức để vượt thoát khỏi luân hồi. Nhưng vì người ta không quan tâm đến lời Phật dạy, chỉ như gió thoảng qua tai, nghe qua rồi quên mất, nên vẫn cứ làm xằng làm bậy, vẫn cứ tạo nhân đi vào sáu đường luân hồi.

Chư Phật, Bồ Tát quả là từ bi đến mức cùng cực, cho dù chúng ta ngang ngược cứng đầu như vậy, đức Phật vẫn không từ bỏ, đời đời kiếp kiếp vẫn ở bên cạnh để thức tỉnh chúng ta, mở mang chỉ dạy cho ta, vô số lần lặp lại những lời dạy dỗ, dẫn dắt chúng ta. Ân đức của Phật, cha mẹ cũng không thể sánh bằng. Ân đức cha mẹ đối với chúng ta chỉ trong một đời này, còn ân đức của chư Phật, Bồ Tát đối với chúng ta là nhiều đời nhiều kiếp, từ vô lượng kiếp đến nay mãi mãi không bỏ chúng ta.

Chúng ta phải làm sao để vận dụng những lời răn dạy từ bi của chư Phật, Bồ Tát vào thực tế? Khi tôi giảng đến hai chữ “trung hiếu” đã phạm vi nội dung hàm chứa của hai chữ này giảng rộng bao trùm toàn bộ Phật pháp, chính là pháp môn thâm nhiếp toàn bộ mà đạo Phật giảng giải. Nói theo cách của người Trung quốc thì chư Phật, Bồ Tát dạy

chúng ta không gì khác hơn là dạy đạo trung hiếu mà thôi. Ngàn kinh muôn luận đều không ra ngoài hai chữ “trung hiếu” này.

Trung là chân lý trung đạo tuyệt đối, đệ nhất nghĩa đế. Hiếu là tướng chân thật của vũ trụ nhân sinh, tướng thật của tất cả các pháp. Tướng chân thật là gì? Là hết thảy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không đều đồng một thể tánh, đó là tướng chân thật. Từ nơi tâm tánh, lý thể lưu xuất hiển lộ từ bi, lưu xuất hiển lộ bác ái. Quý vị tụng đọc kinh Vô Lượng Thọ đã nhiều lần, đều biết rằng hai chữ “bác ái” là phát xuất từ trong kinh này.

Phật dạy chúng ta rằng tâm thương yêu phải thanh tịnh bình đẳng, tâm thương yêu phải thuần nhất [không xen tạp]. Phật dạy chúng ta đem tâm thuần thiện, tâm thương yêu thanh tịnh bình đẳng mà yêu người, thương yêu hết thảy mọi người; yêu vật, thương yêu hết thảy muôn vật.

Nền giáo dục Nho giáo chỉ dạy chúng ta ba điều. Thứ nhất, dạy ta hiểu rõ về quan hệ giữa người với người, đây chính là giáo dục về luân lý. Thứ hai, dạy chúng ta hiểu rõ về quan hệ giữa con người với [môi trường] tự nhiên. Thứ ba, dạy ta về mối quan hệ giữa con người với quỷ thần. Giáo học Phật giáo cũng dạy ba điều ấy, nhưng so với Nho giáo thì phạm vi rộng lớn hơn nhiều. Phạm vi của giáo học Phật giáo là các pháp giới cùng khắp hư không, [trong suốt dòng thời gian] vô thủy vô chung, quá khứ không có điểm khởi đầu, vị lai không có điểm kết thúc, đích thực là danh xưng đúng với thực chất, rộng lớn tinh sâu. Đó là nền giáo học xứng hợp thể tánh, là những lời răn dạy chân thật, đều quy về hai chữ “trung hiếu”.

Nho gia dạy chúng ta vận dụng mức trung, là đạo trung dung, trung hòa. Phật pháp dạy chúng ta vận dụng mức trung, Bồ Tát vận dụng ý nghĩa chân lý tuyệt đối của trung

đạo. Tôi đến Bắc Kinh tham quan có đi xem Tử Cấm Thành (Cố Cung), thấy bên trong có ba tòa kiến trúc chủ yếu. Thứ nhất là điện Thái Hòa, thứ hai ở giữa là điện Trung Hòa và thứ ba là điện Bảo Hòa. Giả như quý vị có thể làm được cả ba mức “*thái hòa, trung hòa, bảo hòa*”. Thái hòa là gì? Chính là đạo hiếu, quý vị nghĩ xem mình có làm được chăng? Trung hòa với bảo hòa là gì? Chính là đạo trung. Trung hòa là dạy quý vị vận dụng mức trung, bảo hòa là dạy quý vị không thể quên việc vận dụng mức trung. Ba tòa điện lớn này xây dựng ở đó, với bảng lớn treo ở nơi đó, chẳng phải là dạy trung, dạy hiếu đó sao?

Thời xưa các bậc đế vương lấy gì để giáo hóa chúng sinh? Lấy gì để trị nước? Chỉ là [dùng đạo] trung hiếu mà thôi. Chúng ta phải thể hội được, phải thấu hiểu được. Thái hòa là tự tánh, là chân tâm bản tánh. Trung hòa, bảo hòa là đức của tự tánh, là chỗ dùng đức của chân tánh. Chúng ta mê muội đã lâu, thật đã quá lâu. Các bậc thánh hiền dạy ta khôi phục lại tự tánh. Các ngài có phương pháp, phương pháp ấy trong đạo Phật gọi là phương tiện thiện xảo.

Các ngài dạy chúng ta khiêm nhường lễ độ, giáo dục từ thuở nhỏ. Việc giáo dục phải bắt đầu từ thuở nhỏ. Ngạn ngữ có câu: “*Thiếu thành nhược thiên tính, tập quán thành tự nhiên*.” (Tập quen từ nhỏ giống như bẩm tính trời sinh, thói quen lâu ngày thành tự nhiên.) Từ thuở nhỏ đã được giáo dục, dần dần dạy cho trẻ thành thói quen nên so với bẩm tính trời sinh không khác biệt.

Vì thế, việc giáo dục của Nho gia bắt đầu từ lúc nào? Chính là từ lúc đứa trẻ còn trong thai mẹ, gọi là thai giáo. Khi người mẹ còn đang mang thai đã bắt đầu việc dạy dỗ. Cho nên, người mẹ mang thai tâm địa phải hiền hòa mềm mỏng, từ bi, chân thành, ảnh hưởng đến thai nhi, mỗi một động tác cử chỉ đều phải giữ gìn hợp theo lý lẽ, hợp theo giáo

pháp. Mục đích để làm gì? Chính là hy vọng đứa trẻ trong thai hấp thụ được khí phần tốt đẹp này, đó là khởi đầu dạy dỗ từ trong thai.

Người đời hiện nay nào hiểu được ý nghĩa này? Mang ra nói với họ thì họ cho là mê tín, cho là chúng ta đang nói chuyện gây cười. Việc này có ý nghĩa lớn lao trong đó. Người đời nay không tin được ý nghĩa đó, chỉ tin theo khoa học. Khoa học là phương thức nhỏ hẹp. Phương thức nhỏ hẹp không giải quyết được vấn đề, chỉ làm cho vấn đề càng thêm phức tạp, chỉ phá hỏng sự việc. Khoa học kỹ thuật hiện nay phát triển, mang đến cho xã hội những hiện tượng trước mắt, quý vị đều tự mình nhìn thấy, tự mình thể hội được. Chỉ có đạo lớn mới có thể giải quyết được vấn đề.

Từ thuở nhỏ đã được học khiêm nhường lễ độ. Lễ độ là học theo quy củ. Khi bước vào xã hội, trong một đời bất kể là quý vị sống trong môi trường nào, làm công việc gì, trong việc ứng xử với người khác, tiếp xúc với muôn vật, quý vị đều phải biết nhẫn nhịn nhún nhường. Đến khi đức hạnh của quý vị được thành tựu, sự nghiệp được thành tựu trong xã hội, quý vị được thăng tiến lên địa vị lãnh đạo, các bậc thánh hiền dạy là vẫn phải khiêm nhường, nhún nhường khiêm tốn. Nhún nhường không phải là vì bản thân mình, mà hết thảy đều phải vì người khác.

Đó là ba giai đoạn trong đời người, [từ thuở thiếu thời, đến lúc trưởng thành và khi đã thành tựu sự nghiệp,] cả ba giai đoạn ấy đều phải nhún nhường người khác.

Cho nên quý vị phải biết rằng, nhún nhường là tánh đức của chúng ta, là đức hạnh tốt đẹp, quý vậy cần phải có khả năng áp dụng vào thực tế, đó là thực hành nhún nhường.

Một đời nhún nhường với người khác, đó là nêu tấm gương tốt cho xã hội. Xã hội hiện nay [người người] cạnh tranh nhau, đánh nhau đến vỡ đầu chảy máu. Người với

người tranh nhau, đoàn thể với đoàn thể tranh nhau, nước này với nước khác tranh nhau. Một thế giới như vậy làm gì có sự hòa mục tốt đẹp? Làm gì có thái bình?

Tôi thường nói, trong Phật pháp muốn làm bậc thầy, muốn làm khuôn mẫu, muốn nêu gương tốt cho xã hội phải bắt đầu từ đâu? Chính là từ chỗ phải biết nhún nhường. Những việc tốt đẹp đều nhường cho người khác, bản thân mình chỉ lo nỗ lực làm [điều tốt], hy vọng người khác nhìn vào rồi sẽ giác ngộ, rồi sẽ quay đầu [hướng thiện].

Chúng ta làm [việc tốt], làm xong rồi mà người khác [nhìn vào] vẫn không giác ngộ, vẫn không quay đầu hướng thiện. Không đạt hiệu quả nên ta không làm nữa, coi như xong. Như vậy là chúng ta sai lầm, mê hoặc.

[Phải biết rằng,] chúng ta làm [việc tốt], người khác [nhìn vào] vẫn không giác ngộ, vẫn không chịu quay đầu [hướng thiện], đó là chúng ta làm còn chưa đủ, chúng ta làm chưa được triệt để, chưa đủ khả năng cảm hóa người khác.

Vua Thuấn vì sao có thể cảm hóa được cha mẹ, cảm hóa được anh em, cảm hóa được những người láng giềng hàng xóm, cảm hóa được cả một quốc gia? Chúng ta thử nghĩ xem, một đời vua Thuấn liệu có phải từ nhỏ đã được học nhún nhường, khiêm tốn, lễ độ hay không? Nếu muốn thực hành trung hiếu mà không hiểu rõ đạo nhún nhường thì không thể làm được.

Tôi còn nhớ trước đây có lần tôi đã giảng một chuyên đề về ba chữ “*quân, thân, sư*” (vua, cha mẹ, thầy dạy). Tôi đã giảng giải rất nhiều, đó là những gì Nho gia gọi là “*đạo làm vua, đạo làm cha mẹ, đạo làm thầy*”. Vua là người lãnh đạo, dẫn dắt người khác; cha mẹ là người thương yêu bảo bọc, nuôi dưỡng vun bồi; thầy là người dạy dỗ, đào tạo. Mỗi người chúng ta sống trong xã hội, bất kể sinh hoạt trong môi trường nào, bất kể đang làm công việc, nghề nghiệp gì, cũng đều có

đủ ba vai trò “*quân, thân, sư*” [đối với người khác]. Ba vai trò này trong thực tế đều là phải thực hành nhún nhường, phải biết nhún nhường.

Đặc biệt là đối với những thứ danh vọng, lợi dưỡng, năm món dục, sáu trần cảnh, đều là những thứ mà tất cả chúng sinh đều tham muốn ưa thích, đều tranh nhau giành lấy, chúng ta càng phải tùy bệnh cho thuốc, từ nơi những chỗ ấy mà học lấy sự nhún nhường nhẫn nhịn, học lấy sự khiêm tốn khiêm nhường.

Hôm nay tôi giảng với mọi người về việc thực hành đạo trung hiếu, phải chú trọng đến sự nhường nhịn, nhún nhường, lễ độ, nhẫn nhịn, khiêm tốn, khiêm nhường.

Bài giảng thứ 50

(Giảng ngày 9 tháng 7 năm 1999 tại Hương Cảng (Hong Kong), file thứ 51, số hồ sơ: 19-012-0051)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Điều quan trọng và thiết yếu nhất trong nền giáo học của Phật giáo là dạy người học nhận thức được tự tánh. Tự tánh là chân tâm của chính mình, là “*bản lai diện mục*” (mặt mũi xưa nay) theo cách nói của Thiền tông. Nói cách khác, tự tánh là tự ngã chân thật.

Người nhận hiểu vấn đề này thật rõ ràng, minh bạch, đó gọi là Phật, người ấy đã thành Phật, đã chứng quả. *Chứng* nghĩa là chứng minh được chân tướng sự thật [về tự ngã chân thật] này. Điều này đối với phàm phu mà nói, quả thật tương đối rất khó nhận thức. Khó khăn này hình thành từ sự mê hoặc trong vô lượng kiếp đã qua cho đến ngày nay, nhiều đời nhiều kiếp tích lũy sự nhận biết sai lầm, không cách gì nhất thời buông xả hết được. Cho nên, dù Phật Tổ giảng giải hết sức rõ ràng, hết sức sáng tỏ, chúng ta nghe qua cũng thừa nhận là đúng đắn, cũng nhận hiểu không sai lệch, nhưng rồi cảnh giới [mê lầm] vẫn y nguyên như cũ không thể nào chuyển biến thay đổi.

Điều này là bởi chúng ta không thể “*minh tâm kiến tánh*” (sáng tỏ tâm thức, thấy được tự tánh), không thể ngay trong một đời này thành tựu được điều then chốt. Do đó, trong sự tu học thì cả hai yếu tố *nhận hiểu* và *hành trì* đều phải được xem trọng như nhau. Đại sư Thanh Lương dạy rất hay: “*Hữu giải vô hành, tăng trưởng tà kiến; hữu hành vô giải, tăng trưởng vô minh.*” (Nhận hiểu mà không hành trì, tà kiến thêm lớn; hành trì mà không nhận hiểu, vô minh thêm dày.)

Đây là lời dạy từ tâm chân thật của người trải qua tu học. Chúng ta hiện nay trong sự tu học, vấn đề bất ổn cũng xuất phát từ chỗ này.

Nhiều người hết sức dụng công tu hành nhưng đối với giáo lý không hiểu rõ, đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh vẫn y nguyên mê hoặc, điên đảo. Tự mình nhận biết tu tập không sai lầm, giới luật cũng rất nghiêm trì, cũng có khả năng tu tập thiền định, công phu định lực cũng không sai lầm, chỉ có điều là thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn vẫn cứ như cũ không chịu buông bỏ. Vì thế vẫn gặp chướng ngại rất lớn, không thể đạt được các phẩm tính thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ.

Ngoài ra lại có một số người khác, đối với giáo lý hết sức dày công nỗ lực nghiên cứu, kết quả nghiên cứu cũng thông suốt sáng tỏ, cũng có thể giảng thuyết nhiều lời hoa mỹ xúc động người nghe, nhưng tập khí phiền não không hề dứt trừ. Vấn đề nằm ở đâu? Chính là do thiên lệch về một phía, [có nhận hiểu mà không hành trì].

Tu hành phải vận dụng ở mức trung, nhà Phật gọi là trung đạo. Mức trung là gì? Là không thiên lệch bất kỳ bên nào, [cả hai việc] nhận hiểu và hành trì phải tương ứng, đó chính là trung đạo. Nhận hiểu hỗ trợ cho hành trì, hành trì hỗ trợ cho nhận hiểu. Người xưa đưa ra tỷ dụ như con chim có đủ hai cánh mới có thể bay, cỗ xe có đủ hai bánh mới có thể chạy. Chim một cánh, xe một bánh thì không thể bay, không thể chạy. Ý nghĩa này thật hết sức rõ ràng.

Nhận hiểu là gì? Đó là điều mà chúng ta gọi là nhìn thấu, nhìn thấu [chân tướng sự việc] chính là nhận hiểu sáng tỏ.

Hành trì là gì? [Trong sự tu tập thì] hành trì chính là buông xả hết.

Quý vị cần phải hiểu rõ ràng, chúng ta nói trì giới cũng

tốt, trì giới là thuộc về hành trì, tham thiền là hành trì, niệm Phật cũng là hành trì. Hành trì như vậy không sai, chỉ có điều nếu tập khí phiền não không buông xả hết thì những pháp hành trì đó chỉ là bề ngoài, cũng có thể đạt được đôi chút tốt đẹp, nhưng chỉ là phước báo hữu lậu trong ba cõi mà thôi.

Thế nào gọi là *hữu lậu*? Bởi vì phiền não của quý vị không dứt trừ, phiền não đó là *lậu*, hay lậu hoặc. Trong chỗ công phu tu hành của quý vị còn xen tạp, bám víu phiền não, do đó đã biến [những thành tựu] thành phước báo [hữu lậu].

Các bậc tổ sư đại đức xưa nay dạy chúng ta [tu hành] phải chú trọng vào thực chất. Thực chất là bề ngoài biểu hiện đúng pháp, bên trong nội tâm thanh tịnh, muôn duyên đều buông xả, một hạt bụi trần cũng không vướng nhiễm. Công phu như vậy cần phải nhận hiểu thấu triệt [giáo pháp] mới có thể làm được.

Do vậy, khi đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế, trải qua 49 năm giảng kinh thuyết pháp, sự nhận hiểu luôn đi đôi với hành trì. Nhận hiểu và hành trì là một thể thống nhất, chẳng phải tách rời. Sự phiền phức của chúng ta hiện nay chính là đã tách rời nhận hiểu với hành trì thành hai việc khác nhau, trong sự nhận hiểu không có hành trì, trong sự hành trì không có nhận hiểu. Giáo pháp của đức Thế Tôn là trong nhận hiểu có hành trì, trong hành trì có nhận hiểu.

Trong sự hành trì có nhận hiểu, đó là giống như ngài Huệ Năng đã nói: *“Đệ tử trong tâm thường sinh trí tuệ.”* Đó là trong sự hành trì luôn có nhận hiểu, nên thường sinh trí tuệ.

Trong sự nhận hiểu có hành trì là thế nào? Từ chỗ nghe biết [giáo pháp] đi vào quán chiếu, đó là trong sự nhận hiểu có hành trì, tùy theo [ý nghĩa] kinh điển mà thay đổi, chuyển biến được tư tưởng, quan niệm của mình. Cho nên, khi chúng ta đọc kinh điển, trong kinh điển không chỉ là những tư tưởng,

kiến giải của đức Phật Thích-ca Mâu-ni mà thôi. Chúng ta đọc qua rồi, càng đọc càng thay đổi, trong tâm ta khởi sinh sự chuyển biến, thay đổi, [những điều nhận hiểu trong kinh] trở thành tư tưởng, kiến giải của chính bản thân ta, đó là tùy chỗ nghe biết mà đi vào quán chiếu. Phương pháp này chính là thực hành trung đạo.

Trung đó là nhân, chúng ta phải thực hành trung, [phải gieo nhân,] phải bắt chước theo cách vận dụng mức trung của chư Phật, Bồ Tát. Các ngài đều vận dụng mức trung, trung đó là chân tâm, vận dụng chân tâm thì không một mảy may thiên lệch tà vạy, do đó đạt kết quả là hòa hợp.

Chúng ta ngày nay giảng pháp *Lục hòa kính*, mỗi ngày đều đề xướng *Lục hòa kính*, vì sao mọi người vẫn cứ bất hòa? Vì *Lục hòa kính* chỉ nói suông bằng miệng mà không được thực hiện, không biết vận dụng mức trung [để nhận hiểu đi đôi với hành trì]. Nếu mỗi người chúng ta đều vận dụng mức trung [như thế], thì tự nhiên có sự hòa hợp.

Điều thứ nhất [trong *Lục hòa kính*] là “*kiến giải hòa*” hay “*kiến hòa đồng giải*” (chia sẻ tri thức, kiến giải để cùng thấu hiểu). Đó là nhân tố căn bản nhất của sự sống chung hòa mục. [Nhờ có “*kiến hòa đồng giải*” nên] cách nghĩ, cách nhìn [của mọi người] đều tương đồng, như vậy thì còn có vấn đề gì lại không được giải quyết tốt đẹp?

[Thứ hai là] “*giới hòa đồng tu*” (nghiêm trì giới luật để cùng tu tập) thì đương nhiên mọi người [trong cộng đồng] đều giữ theo đúng pháp. [Những điều còn lại như] “*thân hòa đồng trú*” (thân hòa hợp cùng sống chung), “*khẩu hòa vô tranh*” (lời nói hòa hợp không tranh chấp), “*ý hòa đồng duyệt*” (ý hòa hợp cùng vui thích), “*lợi hòa đồng quân*” (lợi ích cùng chia đều nhau) thấy đều dễ làm, hết thấy đều có thể làm được.

Khó nhất là gì? Chính là ở nơi tư tưởng, tri kiến. Mỗi người mỗi cách nghĩ, mỗi người mỗi cách nhìn [khác biệt

nhau] thì sự việc thành phiền toái. Cho nên [không thực hiện được điều thứ nhất “*kiến hòa đồng giải*” thì] năm điều còn lại không thể đạt đến hòa hợp được.

Vận dụng mức trung thì tư tưởng được thuần nhất chân chánh, nên pháp lục hòa có thể thực hiện được.

Vận dụng mức trung là *nhân*, đạt được lục hòa là *quả*. [Sống theo] lục hòa là *nhân*, vào được cảnh giới của lục hòa thì mọi người đều đạt tâm bình tĩnh, hòa hợp, an bình [thì đó là *quả*].

Người người đều bình đẳng, các pháp đều bình đẳng. Kinh Kim Cang dạy rằng: “*Các pháp môn đều bình đẳng, không có cao thấp.*” Bất hòa thì nhất định là không bình đẳng, có hòa hợp vui vẻ [cùng nhau] mới có sự bình đẳng.

Bình đẳng đó lại cũng là *nhân*. Vậy quả là gì? Là an ổn, là bình an. Quý vị muốn xã hội ổn định, bình an, thế giới hòa bình, nhưng bản thân quý vị không bình đẳng thì làm sao đạt được bình an ổn định? Các pháp đều bình đẳng thì pháp giới được bình an ổn định. Quý vị xem, đó chính là mối quan hệ tuần hoàn nhân quả. Sau khi các pháp được bình đẳng, điều này lại tạo thành *nhân* để tiếp theo sản sinh hiệu quả là sự vui thích. Đây mới thực sự là niềm vui chân thật.

Mục tiêu nền giáo học của Phật giáo là dạy người lìa khổ được vui, cho nên thực sự muốn cho hết thảy chúng sinh đều được vui thích thì trong bốn phẩm tính đã nêu trên đều không được thiếu sót, phải có đủ “*trung, hòa, bình, an*”. Như vậy mới có được niềm vui chân thật.

Bốn phẩm tính này đều không có mà hiện nay nói được hưởng niềm vui thì vui đó là những gì? Đó là sử dụng heroin, morphin, chất kích thích, có chỗ nào là niềm vui chân thật? Chúng ta ngày nay thấy trong xã hội có rất nhiều chốn ăn chơi, những người tuổi trẻ đi đến đâu cũng đều là hưởng lạc,

là ma túy, là chất kích thích. Ma túy là tinh thần, heroin là tinh thần, là tìm chất kích thích, ở đâu có niềm vui chân thật?

Niềm vui chân thật là từ trong nội tâm lưu xuất hiển lộ. Nhân tố trước tiên thực sự cần đến [để có niềm vui chân thật] là quý vị phải thấu hiểu rõ ràng cách vận dụng đạo trung. Thế nào là đạo trung? Việc chung là đạo trung, việc riêng tư là thiên lệch tà vạy. Mỗi một ý niệm đều vì lợi ích chúng sinh, vì lợi ích xã hội, đó là đạo trung. Nói năng hành động, hết thảy đều vì xã hội, vì muôn dân, vì chúng sinh, đó là vận dụng đạo trung.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Tôn giả A-nan sau khi được khai mở giác ngộ liền phát nguyện: *“Tương thủ thâm tâm phụng trần sát.”* (Nguyện đem tâm sâu vững này phụng sự [hết thảy chúng sinh trong] các pháp giới nhiều như bụi nhỏ.) Đó chính là vận dụng đạo trung.

Thế nào gọi là *“tương thủ thâm tâm phụng trần sát”*? *“Trần sát”* (các cõi thế giới nhiều như bụi nhỏ) chính là nói hết thảy chúng sinh trong các pháp giới. *“Phụng”* là phụng sự, theo cách nói hiện nay là phục vụ. Đem thân, khẩu thuyết pháp, tự thân nêu gương tốt cho chúng sinh, đó là vì hết thảy chúng sinh phục vụ. *“Tâm”* [ở đây] là những gì? Là những tư tưởng, suy nghĩ trong lòng, mọi ý tưởng trong lòng đều là vì hết thảy chúng sinh phục vụ. Đó chính là: *“Tương thủ thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân.”* (Đem lòng sâu vững phụng sự hết thảy chúng sinh, đó gọi là báo đền ơn Phật.)

Vì sao phải làm như thế? Lời răn dạy của đức Phật hoàn toàn sáng tỏ, phải thực sự biết rằng hết thảy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không đều là một thể thống nhất, chính là pháp thân thanh tịnh của chính mình.

Hai câu vừa dẫn trên của Tôn giả A-nan, nếu quý vị xem

cho thật kỹ, đó chính là chứng đắc pháp thân. Không chứng đắc pháp thân thì không thể nói ra được những lời này, những ý tưởng, hành vi như vậy không thể có được. Chỉ có người đã chứng đắc pháp thân mới có được những tư tưởng như vậy, hành vi như vậy, mới có thể làm được như vậy, nghĩa là vì hết thấy chúng sinh trong pháp giới mà phụng hiến thân tâm phục vụ.

Đó không phải do đức Phật khuyến khích, không phải do người khác khuyên bảo chỉ dẫn, chính là do ngài A-nan tự động phát tâm. Từ chỗ này chúng ta có thể hiểu ra được rằng giáo học đã thành tựu, sự giáo dục của Phật-đà [đối với ngài A-nan] đã thành tựu. Giáo dục của Phật-đà được thành tựu thì tự nhiên tự phát tâm nguyện vì người khác quên mình, vì muôn dân phục vụ, vì xã hội, vì hết thấy chúng sinh phục vụ. Quý vị thử nghĩ xem, trong thế gian cũng như xuất thế gian, có nền giáo dục nào có thể so sánh với [giáo dục Phật-đà như vậy] hay không?

Chiều hôm qua tôi đã giới thiệu với mọi người phẩm Hạnh Nguyên trong kinh Hoa Nghiêm, phiên bản 40 quyển.¹ Trong đó có nói đến 20 giai tầng khác nhau [trong xã hội]. Con số 20 đó chỉ là theo ước lệ nêu đại lược, vì thực ra bên trong mỗi một giai tầng lại có vô lượng vô biên [các giai tầng nhỏ hơn]. Trong 20 giai tầng đó, vì sao đức Phật chỉ đặc biệt nêu ra quốc vương là một giai tầng, Phật mẫu là một giai tầng, thái tử phi là một giai tầng? Ý nghĩa này thật rất sâu xa.

Trong xã hội, các nghề nghiệp, ngành nghề khác nhau thật quá nhiều, vì sao ngài không chọn nêu những giai tầng nào khác, chỉ chọn nêu các giai tầng này? Vì các giai tầng này đối với lòng người trong thế gian có ảnh hưởng quyết định.

¹ Kinh Hoa Nghiêm hay Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (大方廣佛華嚴經) gồm 40 quyển là bản Hán dịch của ngài Tam tạng Bát-nhã (三藏般若). Cùng tên kinh này nhưng phiên bản có 80 quyển là bản Hán dịch của ngài Thật-xoa Nan-đà (實叉難陀).

Sự thịnh suy của đạo đức thế gian, sự khổ đau hay an vui của chúng sinh, đối với ba hạng người này có quan hệ mật thiết.

Đại sư Ấn Quang trong bộ Văn Sao, từ đầu đến cuối có thể nói là mỗi trang đều nói rõ được vấn đề này. Quốc vương hay vua là người lãnh đạo. Người lãnh đạo của các đoàn thể, người lãnh đạo của các tầng lớp [trong xã hội], đều dùng [một hình ảnh] quốc vương này để làm đại biểu. [Như vậy,] trong một gia đình thì quốc vương chỉ người gia trưởng. Trong một trường học thì quốc vương là vị hiệu trưởng. Trong một công ty thì quốc vương là tổng giám đốc. Trong mỗi một đoàn thể đều có người lãnh đạo, đều dùng cách biểu thị như vậy.

Ngày xưa, vị quốc vương được xưng là “*thiên tử*” (con trời). Ngày nay, người lãnh đạo một đoàn thể nhỏ cũng là thân phận thiên tử. Thiên tử là cách xưng hô tôn kính nhất đối với người lãnh đạo, không phải sùng bái. Cách xưng hô như vậy là nhắc nhở người lãnh đạo phải thay trời hành đạo. Quý vị [lãnh đạo] là con của trời, quý vị phải gìn giữ lòng trời, phải thực hành đạo trời.

Lòng trời là gì? Trong sách cổ Trung quốc nói: “*Lòng trời không riêng tư*.” Quý vị nếu có lòng riêng tư, đó là phạm phu, chẳng phải thiên thân. Người Trung quốc đối với thần có định nghĩa rằng: “*Chỉ lo việc chung, không có lòng riêng tư, đó là thần*.” Cho nên, thần là công bằng chính trực. Một người suốt đời công bằng chính trực thì sau khi chết sẽ làm thần. Cũng có thuyết nói là người thông minh chính trực thì [sau khi chết] làm thần. Thông minh tức là có trí tuệ.

Giữ lòng trời chính là giữ tâm vô tư. Phần trước chúng ta đã nói đến việc giữ lòng trung hiếu, đó là lòng trời. [Lại nói] thi hành đạo trời thì đạo trời là gì? Là thương dân, yêu vật, đem lòng nhân từ đối đãi với hết thảy mọi người, đem lòng thương yêu đối đãi với hết thảy muôn vật. Nói cách khác, người có thể thực hành được đạo trung hiếu, đó là thi hành

đạo trời. Người như vậy được tôn xưng là thiên tử. Tâm của người ấy so với thiên thần, so với thượng đế đều không khác. Hành vi của người ấy so với thiên đế, thượng đế đều không khác, nên xưng là thiên tử, là người lãnh đạo quần chúng.

Áp dụng thực tế trong hình tướng sự việc thì đó là người thấu hiểu được cách vận dụng đạo trung, vận dụng hòa hợp, vận dụng bình đẳng, vận dụng an lạc, [có đủ bốn phẩm tính “trung, hòa, bình, an”]. Vận dụng an thì thực sự được lạc, xã hội được an toàn, nhân dân được lợi lạc. Đó là đạo làm vua, là người lãnh đạo.

Người giữ địa vị lãnh đạo trong xã hội, việc làm của người ấy noi theo đạo lý. Đó là nói rõ việc thực hành ý nghĩa hai chữ trung hiếu trong đạo làm vua, người lãnh đạo phải thực hành trung hiếu, tận trung tận hiếu như thế nào. Chúng ta phải thấu hiểu sâu xa, sáng tỏ ý nghĩa này.

Người xuất gia tuy không ở địa vị lãnh đạo, nhưng chức trách là giáo dục, dạy dỗ. [Người xuất gia] chúng ta không lãnh đạo quần chúng trong xã hội, nhưng chúng ta phải chỉ dạy, dẫn dắt quần chúng trong xã hội, phải giúp đỡ hỗ trợ cho hết thảy mọi người nhận hiểu sáng tỏ ý nghĩa này. Mỗi người ở trong phạm vi chức trách bốn phận của mình mà tận trung tận hiếu, thực hành trung hiếu, đó là những việc chúng ta phải làm.

Vai trò của [người xuất gia] chúng ta là thực hiện công việc giáo dục trong xã hội. Hơn nữa, đây là nghĩa vụ của chúng ta, nghĩa vụ là [làm mà] không cầu được báo đáp. Chúng ta hòa nhập vào sâu trong [các tầng lớp] xã hội để khuyên bảo, cảm hóa, dạy dỗ, dắt dẫn, không có hình thức [nhất định].

Chúng ta suy ngẫm thật kỹ xem, đức Thế Tôn năm xưa còn tại thế hoàn toàn không có trường học, cũng không có phòng học. Ngài lên lớp giảng dạy ở đâu? Là trên bãi cỏ, ngoài đồng trống, tìm một tảng đá mà ngồi lên, người học

quây quần chung quanh, là cách dạy học như vậy. Các vị đệ tử học hiểu sáng tỏ rồi, giác ngộ rồi, mỗi người tự đi đến trong các thôn xóm, giáo hóa chúng sinh. Quý vị nói xem, tự tại biết ngần nào! Hoàn toàn là quay về với đại tự nhiên. Đó mới thực sự là đời sống con người.

Xây một căn nhà lên là tự nhốt mình vào bên trong đó, chẳng có gì đáng thích thú. Nhà xây thật đẹp, trang hoàng vàng ngọc lộng lẫy, nói chung vẫn là giống như lao ngục giam người vào trong. Chúng ta hình dung đức Phật sống như thế nào? Là sống hòa hợp với môi trường tự nhiên thành một thể, cùng nhau vui sống. Quý vị nói xem, như vậy trong lòng rộng mở biết bao, thanh thản biết bao, không một mảy may trói buộc.

Chúng ta nên suy ngẫm nhiều, nên học tập theo cách sống như thế. [Trong môi trường ấy,] tham, sân, si, mạn đều không sinh khởi được. Xây dựng những cung điện, đạo tràng thế này thì tham, sân, si, mạn đều khởi lên rồi. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngày xưa vì sao không xây đạo tràng, vì sao không xây phòng ốc? Là dứt bỏ đi cái duyên làm sinh khởi tham, sân, si, mạn của chúng sinh. Chủ ý như vậy thật tốt đẹp, là phương pháp hay. Chúng ta cần phải giác ngộ, sáng tỏ. Cách làm của đức Phật thật đúng đắn, chính xác. Cách làm của chúng ta hiện nay là sai lầm.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 51

(Giảng ngày 10 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 52, số hồ sơ: 19-012-0052)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Mấy ngày vừa qua, chúng ta đọc văn *Cảm ứng thiên*, hai chữ “*trung hiếu*” đã giảng qua không ít lần. Trong sách *Vị biên* có rất nhiều chú giải, dẫn chứng về hai chữ “*trung hiếu*” này, chiếm số trang sách rất nhiều. Điều này có ý nghĩa của nó. Hai chữ này ai ai cũng nhớ, ai ai cũng nói được, chỉ có điều không mấy người thực sự nhận hiểu được hàm nghĩa trong đó. Nếu như thực sự thấu hiểu rõ ràng, người ấy nhất định phải làm được. Nếu không làm được, đó là vì đối với hai chữ này không nhận thức được, hoặc nhận thức không thấu triệt. Đó là sự thật.

Người xưa có nói, đặc biệt rất đúng với Phật pháp: “*Tri nan hành dị*.” (Hiểu rõ được là khó, thực hành dễ.) Việc thực hành trung hiếu, tận trung, tận hiếu đều không khó, nhưng đối với ý nghĩa hai chữ “*trung hiếu*” có thể triệt để thông đạt sáng tỏ thật rất khó.

Phần trước tôi có nói qua với quý vị, chư Phật Như Lai vì hết thấy chúng sinh trong pháp giới giảng thuyết vô số kinh luận, quy nạp tất cả lại chính là hai chữ “*trung hiếu*”. Từ đó thấy rằng, hàm nghĩa hai chữ này thực sự có thể nói là tận cùng hư không, biến khắp pháp giới, không đâu có thể nói hết. Đức Thế Tôn thuyết pháp trong 49 năm, bất quá cũng chỉ có thể vì chúng ta nêu lên một cương lĩnh khái quát mà thôi. Chúng ta phải từ nơi cương lĩnh ấy mà thể hội, mà nhận hiểu nhiều lần, sau đó mới chắc chắn có khả năng y theo lời dạy vâng làm.

Chữ hiệu, trong nhà Phật giảng là thể trọn vẹn của tâm tánh. Kinh Bát-nhã gọi đó là dấu hiệu biểu hiện của “*thật tướng các pháp*”. Từ chữ hiệu này chúng ta thể hội được ý tứ biểu thị, rằng hết thảy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không với tự thân ta là cùng một thể.

Ai có thể nhận thức được điều này? Trong kinh Phật nói rằng đó là bậc Pháp thân Đại sĩ. Vì sao vị này có thể nhận hiểu được? Vì ngài đã chứng đắc pháp thân. Thế nào gọi là chứng đắc pháp thân? Khẳng định rằng hết thảy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không là chính bản thân mình. Sự khẳng định như thế gọi là chứng đắc pháp thân.

Ý nghĩa này trong phần trước tôi có nói qua với quý vị. Chúng ta cùng với hết thảy chúng sinh còn có nhiều mâu thuẫn, còn có nhiều hiểu lầm, còn có nhiều xung đột, thủy hỏa đều là do không hiểu rõ được chân tướng sự thật. Nếu hiểu rõ được chân tướng sự thật rồi thì đâu có những sự việc ấy?

Khi những sự mâu thuẫn, hiểu lầm, xung đột... phát sinh, rất giống với trường hợp một người có bệnh. Có bệnh là thế nào? Trong nhà Phật thường nói là do bốn đại không hòa hợp, khiến người có bệnh. Bản thân chúng ta cùng với hết thảy chúng sinh không hòa hợp thì pháp thân sinh bệnh, cùng với hết thảy chúng sinh được hòa hợp thì pháp thân khỏe mạnh.

Chướng ngại của sự hòa hợp pháp thân là gì? Trong kinh điển Phật dạy rất rõ ràng, rất sáng tỏ, đó là các loại phiền não kiến tư, phiền não trần sa, phiền não vô minh. Trong khi giảng giải tôi đã chỉ rõ đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị còn ôm ấp những thứ này thì đó là bốn đại không hòa hợp, là pháp thân không hòa hợp. Do đó mà mỗi lúc khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều trái ngược với pháp tánh. Pháp tánh chính là tự tánh. Tự tánh chính là chân tâm, người thế gian thường gọi là lương tâm, là sự thiện lương chân thuần. Chúng ta làm trái lại, từ đó tạo tác

vô lượng vô biên tội nghiệp. Tội nghiệp ấy lại chiêu cảm quả báo khổ đau trong luân hồi.

Quả báo hiện tiền như thế nào? Đức Phật dạy rất rõ ràng, do tâm thức biến hiện, hết thấy các pháp đều từ tâm tưởng khởi sinh. Cho nên, quý vị nghĩ tưởng những điều hiền thiện, quả báo liền biến hiện tốt lành, hoàn cảnh sống của quý vị biến hiện tốt lành. Tư tưởng xấu ác, hoàn cảnh sống của quý vị liền biến hiện xấu ác.

Hoàn cảnh sống của chúng ta thuận lợi hay trái nghịch, tốt lành hay xấu ác, không phải do người khác làm chủ mà do chính bản thân ta, người khác không liên can. Tự bản thân ta phải chịu trách nhiệm, không chỉ là trách nhiệm với bản thân mà còn là trách nhiệm đối với hết thảy chúng sinh. Người có học ở thế gian đều rõ biết, nhờ học hành sáng tỏ lý lẽ. Người tu hành học Phật cũng rõ biết. Thế nhưng, ngày nay người có học cũng không rõ biết, người tu hành cũng không rõ biết [những lý lẽ này], nguyên nhân là do đâu? Vì giới trí thức không hề đọc sách thánh hiền xưa, còn người tu hành thì không hiểu rõ được những lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, buông xuôi theo tập khí phiền não của bản thân mình, có lẽ nào lại không tạo nghiệp?

Trong phần trước tôi có giảng qua với quý vị về sự hiếu thuận, phải thuận như thế nào? Bậc cổ đức nói rất hay, phải thuận theo pháp tánh, chẳng thuận theo tình cảm thông thường; phải thuận theo trí tuệ, chẳng thuận theo phiền não.

Đức Khổng tử đặc biệt nêu trường hợp vua Thuấn làm tấm gương cho chúng ta noi theo. Tâm tưởng vua Thuấn so với Đồng tử Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm không khác biệt, trong tâm tưởng luôn nhìn tất cả chúng sinh là chư Phật Như Lai, người thấu hiểu đạo hiếu, nhận thức được đạo hiếu, thấy đều là chư Phật Như Lai, hoàn toàn chân thật. Vì sao tất cả đều là chư Phật Như Lai? Vì chỉ do tâm biến hiện. Tâm [các ngài] là Như Lai, những gì Như Lai biến hiện có

lẽ nào lại không phải Như Lai? Người xưa có một tỷ dụ nói lên điều này rất hay: “Dùng vàng tạo vật thì vật nào cũng là vàng.” Vì lẽ như vậy ta mới hiểu ra được rằng, sự trang nghiêm y báo và chánh báo của các pháp giới trong hư không thấy đều là tự tánh, đều là chư Phật Như Lai, chỉ có riêng ta là phàm phu. Nói nôm na thì hết thấy mọi người trong thế gian đều là người tốt, chỉ riêng mỗi mình ta là không tốt, ta được làm người nhưng làm không tốt.

Vua Thuấn thường tự phản tỉnh, mỗi ngày đều tự sửa lỗi, Đồng tử Thiện Tài cũng vậy. Cho nên các ngài đều có thể ngay trong một đời thành bậc đại thánh đại hiền, ngay trong một đời trọn thành quả vị Vô thượng Bồ-đề. Không có gì khác, chỉ là một sự nhận hiểu mà thôi. Ngày ngày tự phản tỉnh, ngày ngày tự sửa lỗi, học đạo trung, làm theo đạo trung, tận trung. Trung đó là đệ nhất nghĩa trung đạo. Trong chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp của Bát chánh đạo, chữ chánh đó là ý nghĩa của trung. Trung là chánh, thiên lệch là tà vạy, là bất chánh. Vận dụng tâm tưởng phải vận dụng theo trung. Nho gia dạy người phải “*thành ý chánh tâm*” thì thành ý là hiểu, chánh tâm là trung. Vì thế, chỉ sau khi thành ý rồi thì mới có thể vận dụng được đạo trung. Trọng tâm của Nho giáo, Phật giáo đều là ở chỗ này.

Nhưng chương ngại lớn nhất của chúng ta hiện nay là gì? Là không buông xả được sự bám chấp phân biệt, là tập khí, phiền não quá nặng. Và mấu chốt vấn đề vẫn như tôi thường nói là do không chịu học hỏi, cho nên quý vị không có khả năng khắc phục phiền não của mình, không có khả năng khắc phục tập khí của mình. Nếu như quý vị thực sự ham học hỏi, quý vị nhất định có thể khắc phục được tập khí, phiền não của bản thân.

Người khác mắng chửi ta hoàn toàn vô lý, còn ta có đủ lý lẽ, vậy ta nên làm sao? Hãy chấp tay cung kính lắng nghe, miệng niệm A-di-đà Phật, [như đang] lắng nghe lời giáo huấn của người ấy. Ta có lòng nhẫn nhịn lắng nghe, để xem người

ấy có thể mắng chửi được bao lâu. Người ấy không mắng chửi được quá vài giờ, hoặc không quá vài chục giờ, hoặc không quá vài trăm giờ? Dù người ấy có thể mắng chửi trong bao lâu, ta đều ở đó cung kính lắng nghe, chẳng có chuyện gì cả. [Dù bị] mắng chửi nhưng không mắng lại. Sau khi mắng chửi như vậy xong, vài ngày sau người ấy sẽ tìm ta xin lỗi. Vậy là hòa, là vấn đề đã giải quyết xong. Nếu người khác muốn đánh ta, hãy mau mau nằm xuống cho họ đánh. Nói cho quý vị biết, chính tôi đã từng như thế.

Hồi còn trẻ, có người mắng chửi tôi, tôi vẫn giữ lòng cung kính. Hồi ấy tôi còn chưa học Phật. Tôi đứng yên nơi ấy lắng nghe [những lời mắng chửi như] lời giáo huấn. Người ấy mắng chửi được nửa giờ thì xong, không thể nào mắng lại lần nữa.

Hồi đó, khi khảo sát trong đoàn thể thì thành tích của tôi đứng đầu về phẩm hạnh, đạo đức. Do đâu mà được như vậy? Là nhờ chính người mắng chửi tôi đã nâng tôi lên. Ví như người ấy không mắng chửi tôi, người lãnh đạo làm sao biết đến sự tu dưỡng của tôi như vậy, phẩm hạnh tốt đẹp như vậy để đưa lên hàng đầu? Cho nên, thành tích hàng đầu của tôi là nhờ sự giúp đỡ của người đã mắng chửi tôi. Tôi cảm tạ người ấy, biết ơn người ấy. Sự thật là sau khi mắng tôi ba ngày thì người ấy tìm đến tôi để sám hối, xin lỗi.

Nhất định không được mắng lại. Ngay lúc mắng chửi lại thì cả hai bên đều bị khai trừ, đều không được xét đến nữa. Cho nên, người khác muốn đánh ta, cứ nằm dài tại chỗ cho họ đánh. Đánh được mấy cái rồi thì không thể đánh được nữa. Cần phải có hai người đánh nhau mới thành trận đánh. Một người đánh, một người không đánh lại thì không thể đánh tiếp được, vì chung quanh còn có nhiều người nhìn vào.

Làm người phải ham học, phải lắng nghe những lời dạy của thánh hiền. [Trong kinh Hoa Nghiêm, Đồng tử Thiện Tài trải qua] 53 lần tham học là trải qua sự rèn luyện tâm tánh. Quý vị không trải qua những sự việc như thế thì làm sao mài

giữa được tập khí của mình? Làm sao có thể hàng phục được phiền não? Đó chính là hiểu rõ cách vận dụng đạo trung.

Nội dung đoạn này cực kỳ phong phú, phần giới thiệu của tôi cũng chỉ đến mức đó mà thôi. Trong đoạn này có nói đến tội bất hiếu và đại bất hiếu, nguyên nhân là gì? Có rất nhiều nguyên nhân, rất phức tạp, nơi đây nêu ra mấy điểm rất đáng cho chúng ta tham khảo. Trong sách nói rằng tội bất hiếu là do những thói quen bất lương tạo thành.

Thứ nhất là từ nhỏ do cha mẹ nuông chiều tập quen thành tánh nết ngỗ nghịch. Phải nhận là điều này rất có lý. Cha mẹ thương yêu, cần gì có nấy, mọi việc đều thỏa mãn ý muốn của con, về sau có một ngày không thể đáp ứng thỏa mãn liền khởi sinh phiền phức. Cho nên, con cái phải dạy dỗ vun bồi từ nhỏ, phải biết cách dạy dỗ nuôi dưỡng như thế nào. Trong đời sống, những việc không vừa ý thường chiếm đến tám chín phần mười, phải dạy cho con cái biết cách nhận hiểu, chấp nhận, nhất định không được kiêu căng buông thả. Những yêu cầu hợp lý thì phải đáp ứng, không hợp lý thì nhất định phải hạn chế. Hiện nay các bậc làm cha mẹ hiểu rõ được ý nghĩa này cũng không nhiều.

Thứ hai là thói quen. Người xưa thường nói: *“Thiếu thành nhược thiên tính, tập quán thành tự nhiên.”* (Tập quen từ nhỏ giống như bẩm tính trời sinh, thói quen lâu ngày thành tự nhiên.) Từ thuở nhỏ phải nuôi dưỡng cho trẻ có những thói quen tốt. Tuổi còn nhỏ thì việc nuôi dưỡng thói quen rất dễ, khi đã tập nhiễm thói quen xấu rồi thì việc thay đổi rất khó khăn. Đây là chỗ sơ sót, xem nhẹ trong sự giáo dục của chúng ta đối với trẻ con, không có sự chú ý nuôi dưỡng những thói quen tốt từ thuở nhỏ.

Bậc tiểu học của Nho gia đã hiểu rõ ý nghĩa này. Trong Phật pháp thì lúc ban sơ xuất gia phải học giới 5 năm, đó cũng là bồi đắp, nuôi dưỡng những thói quen tốt. Thế nhưng, hiện nay những điều ấy không còn nữa. Cả Nho giáo, Phật giáo đều không thấy nữa. Những khuyết điểm, tập khí của

chúng ta mỗi ngày đều tăng thêm, [cho nên] niệm Phật, tham thiền, học hỏi kinh điển giáo pháp đều không mấy tác dụng. Bước lên bục giảng thì giảng giải kinh điển, vừa bước xuống liền phạm lỗi như cũ. Do nguyên nhân gì? Do thói quen lâu ngày thành tự nhiên. Tập khí như vậy không dễ khắc phục.

Thứ ba là buông thả ham muốn. Ham muốn không có chỗ dừng, không thể “biết đủ thường an vui”. Điều thứ ba này cũng có thể gọi là không biết đủ.

Thứ tư là quên ơn nhớ oán. Hạng người này thì sao có thể tận hiếu? Sao có thể thực hành hiếu?

Tội bất hiếu có bốn nguyên nhân như vậy. Bốn nguyên nhân này cũng khiến cho chúng ta suốt đời sống trong tội ác nghiêm trọng. Kinh Địa Tạng dạy rằng: “Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, khởi tâm động niệm tất cả đều tạo tội.” Nói cách khác, đời sống của chúng ta là sống trong tội báo.

Xã hội này hiện nay, đi đến đâu cũng thấy lòng người hoang mang lo sợ, tâm lý chung của mọi người đều có một dự cảm dường như ngày tận thế sắp đến.

Ngày tận thế phải vượt qua như thế nào? Các tôn giáo dạy người sám hối, dạy người phải tin vào thượng đế, phải sám hối sửa lỗi. Những lời dạy ấy không sai, chỉ có điều ý nghĩa quá mơ hồ, không sáng tỏ, cho nên hiệu quả thật không dễ đạt được.

Bảo người tin thượng đế, vậy thượng đế là gì? Phải tin theo cách nào? Trong phần trước tôi có giảng qua về lòng trời chính trực vô tư. [Thượng đế là trời,] do đó có thể biết rằng, [giữ lòng] chính trực vô tư chính là tin thượng đế. Nếu có may mắn riêng tư muốn thủ lợi cho riêng mình, đó là không tin thượng đế. Quý vị không sửa lỗi, không sám hối thì tai kiếp này quý vị không thể vượt qua.

Cho nên, [nếu mọi người] nhận thức được đạo trung, nhận thức được đạo hiếu, có thể học trung học hiếu, tận trung tận hiếu thì thế gian này làm gì có tai nạn? Tai nạn cũng có thể

tiêu trừ. Người Trung quốc thường nói: “Gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành phúc.” Người nào có thể được như vậy? Người con hiếu có thể được như vậy, người tôi trung có thể được như vậy. Trong lịch sử có rất nhiều chuyện dẫn chứng như vậy.

Vì sao con hiếu, tôi trung có thể được như vậy? Vì con hiếu, tôi trung đều là những người có tâm thuần thiện, tâm hoàn toàn thương yêu bảo bọc hết thầy chúng sinh, tâm hoàn toàn làm lợi ích hết thầy chúng sinh, nên gặp hoàn cảnh xấu ác họ có thể làm cho biến đổi. Cảnh tùy tâm chuyển là lẽ đó. Tâm làm thay đổi môi trường hoàn cảnh, không phải hoàn cảnh làm thay đổi tâm. Cho nên điều này có căn cứ lý luận.

Chúng ta hiểu rõ lý lẽ này rồi, liền biết rõ nên làm như thế nào, cũng biết được phải hóa giải kiếp nạn hiện tiền như thế nào. Một người hiểu rõ, một người nỗ lực làm, đối với người ấy không còn tai nạn nữa. Mọi người đều hiểu rõ, mọi người đều chịu làm, thì kiếp nạn của cộng nghiệp này không còn nữa.

Lũ lụt khởi sinh do tâm tham lam. Tâm tham lam tăng trưởng là cơn lụt lớn. Tâm sân hận là lửa dữ, núi lửa bùng phát, vũ khí hạt nhân phát nổ đều thuộc về tai nạn lửa dữ, do tâm sân hận biến hiện ra. Ngu si là gió bão, ngã mạn, bất bình đẳng là động đất, tâm niệm như thế nào thì chiêu cảm nghiệp báo như thế ấy.

Cho nên, nếu chúng ta có thể thực sự y theo lời răn dạy của Phật, tu tập ba căn lành: không tham, không sân, không si; trong việc ứng xử, đối đãi với người, tiếp xúc với muôn vật thì như tôi đã giảng qua về các đức tính lễ độ, nhún nhường, nhẫn nhịn, khiêm tốn và khiêm nhường, như vậy thì một đời người này của chúng ta trôi qua mới có ý nghĩa, trôi qua mới có giá trị, đó gọi là học Phật. Như vậy mới là được sống cuộc sống của chư Phật, Bồ Tát. Cho nên nhất định phải quay đầu, quay ngược hẳn lại với hướng đi sai lầm thì chúng ta mới có thể tự cứu được mình, mới có thể hỗ trợ giúp đỡ người khác.

Bài giảng thứ 52

(Giảng ngày 11 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 53, số hồ sơ: 19-012-0053)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Đức Khổng tử nói rằng, cả đời thuyết giảng của ngài, hết thảy đều chỉ là “*thuật nhi bất tác*” (thuật lại [ý tưởng đã có từ xưa] chứ không tự nghĩ ra). Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong 49 năm giáo hóa chúng sinh cũng đều là “*thuật nhi bất tác*”. Điều này có nghĩa là toàn bộ những gì các ngài giảng dạy đều được truyền lại qua nhiều đời, không phải do các ngài tự nghĩ ra.

Ngày nay, người đời gọi [những gì tự nghĩ ra] là sáng tạo. Đức Khổng tử không có sáng tạo, Phật Thích-ca Mâu-ni cũng không có sáng tạo. Những gì đức Khổng tử thuyết giảng, ngài nói rằng đều do các triều đại quá khứ như Hoàng Đế, Hạ, Thương, Chu, Văn vương, Vũ vương, Chu công... truyền lại. Những gì đức Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết giảng là do chư vị Cổ Phật trong quá khứ truyền lại qua nhiều đời. Nhất định không có gì do các ngài tự sáng tạo cả.

Chúng ta có thể thắc mắc, vậy hết thảy những đạo lý này rốt cuộc là do ai sáng tạo? Không ai sáng tạo cả. Thật ra đều là từ trong tự tánh tự nhiên lưu xuất hiển lộ. Là tự tánh của ai? Là tự tánh của mỗi chúng ta, nhất định không phải sự sáng tạo mới.

Trong kinh điển Đại thừa thường giảng rằng: “*Tự tánh vốn sẵn đủ trí tuệ, đức năng.*” Do đó có thể biết rằng, những gì các bậc đại thánh thế gian cũng như xuất thế gian thuyết giảng với ta, hết thảy đều từ trong tự tánh tự nhiên lưu xuất

hiển lộ. Nhà Phật dạy rằng: “*Pháp vốn là như vậy.*” Dù một mảy may ý tưởng sáng tạo cũng không có, đó mới là chân thật. Nếu nói điều gì do quý vị sáng tạo thì điều đó là giả tạo. Bởi do quý vị sáng tạo thì đó là do quý vị mà có, chẳng phải do tự tánh.

Tự tánh vốn sẵn có đủ. Tự tánh là bản thể chung của hết thảy chúng sinh trong khắp pháp giới cùng tận hư không. Cho nên, nếu nói một điều gì do quý vị sáng tạo thì tự nhiên điều đó không phải là lý thể mà hết thảy chúng sinh đều có. Do vậy không phải chân thật.

Hiện nay trong tâm tưởng người đời những ý niệm sáng tạo chen nhau dày đặc. Đó là mê muội, là phân biệt, là vọng tưởng, là bám chấp. Từ nơi vọng tưởng, phân biệt, bám chấp mà khởi sinh thì dù việc gì cũng đều trái ngược với tự tánh. Cho nên, chúng ta còn có một ý niệm sáng tạo thì đó là mê muội, là đã sai lầm rồi. Sự sai lầm đó không chỉ tai hại cho bản thân ta mà còn gây hại cho mọi người trong xã hội, cho hết thảy chúng sinh, vô cùng tai hại.

Ý nghĩa và chân tướng sự thật này chúng ta cần suy ngẫm nhiều, cần phải tỉnh táo quan sát, như vậy mới có thể nhận hiểu rõ ràng. Nho giáo, Phật giáo đều dạy chúng ta phải noi theo gốc đạo. Gốc đạo là gì? Là căn bản của đại đạo, chính là tâm tánh của một niệm. Thể của tâm tánh một niệm là *hiếu*, tác dụng của tâm tánh một niệm chính là *trung*. Cho nên bản thể, căn bản của đại đạo chỉ là trung hiếu mà thôi. Chúng ta khởi tâm động niệm đều phải noi theo căn bản này. Đó là tâm hạnh hoàn toàn tự nhiên lưu xuất hiển lộ của các bậc thánh nhân thế gian cũng như xuất thế gian, dạy ta truy tìm về nguồn gốc của mệnh trời.

Thế nào gọi là mệnh trời? Trời chính là tự nhiên. Do đó có thể biết rằng, cội nguồn hai chữ mệnh trời chính là tùy thuận theo tự nhiên. Nguyên tắc của tự nhiên chính là mệnh trời.

Mùa xuân sinh nở, mùa hạ tăng trưởng, mùa thu hàm chứa, mùa đông ẩn tàng, [những quy luật tuần hoàn tự nhiên] ấy là mệnh trời.

Học theo tự nhiên, tùy thuận tự nhiên, đó chính là [cuộc sống] lành mạnh nhất, hạnh phúc nhất, mỹ mãn nhất. Người nào sống không phân biệt nghèo giàu, sang quý hay bần tiện, luôn thấu hiểu lẽ tùy thuận tự nhiên mà sống, tùy thuận tự nhiên mà làm việc, tùy thuận tự nhiên mà xử thế thì đó là thánh nhân.

Do đó có thể biết rằng, phạm phu hoàn toàn trái ngược với tự nhiên, chúng ta ngày nay nói đó là phá hoại môi trường tự nhiên. Như trong thân người có đôi chân để đi, bước đi là tự nhiên, lên xe ngồi [để di chuyển] là không tự nhiên, là trái ngược với tự nhiên. Cho nên người thường ngồi xe thì về già đôi chân không cử động được, bị tê liệt, đó là sinh bệnh.

Vì sao những nông dân ở thôn quê đều được khỏe mạnh, đều được sống lâu? Vì họ sống tùy thuận tự nhiên. Người sống ở các vùng đô thị, mọi thứ đều tận dụng, hưởng thụ văn minh khoa học kỹ thuật, hoàn toàn trái ngược với tự nhiên nên bệnh tật gì cũng có đủ.

Trong việc này ý nghĩa rất sâu xa, sự tướng rất phức tạp, chúng ta cần phải suy ngẫm nhiều. Tôi nói ra điều này chính là nguồn gốc kiếp nạn hiện nay của thế giới. Đó là chúng ta hiện nay sống hoàn toàn trái ngược với tự nhiên, phá hoại môi trường tự nhiên. Việc này con người chúng ta tự tạo ra, phải tự mình nhận lấy quả báo.

Có cách nào để tự cứu mình chẳng? Về việc này, các bậc thánh hiền đã dạy ta là phải tương đồng với ý trời. Chúng ta ngẫm nghĩ xem, ý muốn của thiên thần, của thượng đế, của chư Phật, Bồ Tát là gì? Nói theo cách của người Trung quốc thì hoàn toàn ở nơi trung hiếu, thuận nhượng.

Tâm của các bậc đại thánh đại hiền đều là thuần hiếu. Về chữ hiếu, trong phần trước đã giảng qua với chư vị rồi, chính là như trong kinh Bát-nhã gọi là “*thật tướng của các pháp*”. Tôi thường gọi đó là chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Chữ hiếu (孝) này nằm trong văn tự Trung quốc. Văn tự là ký hiệu, hàm nghĩa của ký hiệu này là các pháp giới trong hư không cùng một thể, rằng hết thảy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không đều chung một tánh thể sinh mạng. Chữ hiếu biểu thị ý nghĩa như vậy.

Trong kinh điển Đại thừa giảng về ngã, nói có chân ngã. Chúng ta hiện nay có người nói về ngã, đó là khái niệm sai lầm, cho nên đức Phật [vì phá trừ sai lầm ấy mà] dạy pháp vô ngã, [như trong kinh Kim Cang nói:] “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng.*” Đó là đức Phật vì chúng ta [mê lầm] mà thuyết giảng.

Nếu như quý vị đã sáng tỏ tâm ý, thấy được thể tánh rồi, thì lúc ấy có ngã, có đủ *thường lạc ngã tịnh*, đó là có *chân ngã*. Chân ngã đó không phải thân thể này. Chân ngã đó là hết thảy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không. Đó là *chân ngã*.

Chúng ta hiện nay nhận thân thể mình là ngã, đó là sai lầm. Thân này chỉ là một hạt bụi nhỏ trong pháp giới giữa hư không mà thôi. Lấy một hạt bụi nhỏ mà nhận làm mình, đó là quên hết pháp giới trong hư không. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật đưa ra một ví dụ rất hay. Ngài lấy biển lớn làm ví dụ. Biển lớn đó là chân ngã, nhưng trong biển lớn lại có bọt nước nhỏ khởi sinh, quý vị nhận lầm bọt nước nhỏ noi đó là mình mà quên đi biển lớn.

Cho nên kẻ phàm phu không biết đến pháp thân, người tu hành không thể chứng đắc pháp thân, nguyên nhân là ở chỗ này. Người đã sáng tỏ tâm ý, thấy được bản tánh thì giác ngộ, nhận biết được, biết rằng hết thảy chúng sinh chính là chân

ngã, từ đó mỗi khi khởi tâm động niệm đều vì hết thấy chúng sinh, những ý niệm tự tư tự lợi đều hoàn toàn dứt sạch không còn. Đó là chỗ nhận thức cơ bản của chư Phật, Bồ Tát so với phàm phu chúng ta không giống nhau. Các ngài thấy được chân tướng sự thật, còn chúng ta hoàn toàn chìm sâu trong vọng tưởng, từ vọng tưởng khởi lên phân biệt, khởi lên bám chấp.

Sự nhận biết hoàn toàn chân chánh là trí tuệ. Trí tuệ ấy trong tự tánh vốn sẵn có đủ, không phải từ bên ngoài đến. Từ nhận thức [đúng đắn] này khởi lên tác dụng, [khởi lên các phẩm tính] *hiếu, để, trung, tín*, thương người yêu vật, đều là tùy thuận tự nhiên, không một mảy may nào là tạo tác.

Phàm phu mê muội đã quá lâu, từ vô thủy kiếp đến nay mê muội quên mất tự tánh, như vậy trải qua đời sống như thế nào? Đó là [đời sống] tùy thuận phiền não bản thân, tùy thuận vọng tưởng, tùy thuận tập khí, đem nhất chân pháp giới ban đầu chuyển biến thành mười pháp giới, biến thành sáu đường luân hồi, biến thành ba đường ác.

Chúng ta ngày nay đang sống đời sống như thế nào? Nếu ta nhìn cho thật rõ ràng, cho thật sáng tỏ, thì đời sống hiện nay của chúng ta chính là ba đường ác, là súc sinh, là ngạ quỷ, là địa ngục. Đừng nhìn nơi thân thể con người, hình dạng con người, [hãy xét nơi] tư tưởng, lời nói, hành động trong đời sống sẽ thấy toàn là ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục. Ai biết được điều này? Chư Phật, Bồ Tát biết rõ, người hiểu biết sáng tỏ đều thấy rõ. Ba đường ác là những dạng thức nào? Tham, sân, si là ba đường ác.

Bám chấp thật bền chắc, kiên cố, tham muốn danh tiếng, lợi dưỡng, tham muốn nắm món dục, sáu trần cảnh, đó đều là quỷ. Người như vậy là đang sống trong đường ngạ quỷ.

Gặp một chút việc không vừa ý liền khởi tâm sân hận, ganh ghét gây chướng ngại cho người khác, đó là đời sống trong địa ngục.

Đúng sai không rõ, tà chánh không phân, không thể gần gũi bậc thiện tri thức, ngày ngày gần kẻ tà kiến; trong kinh Phật gọi là “*thấy tà bạn ác*”, lại cùng những người như vậy qua lại gần gũi. Đó là ngu si, chính là đời sống của súc sinh.

Chúng ta ngẫm nghĩ xem, thật đáng sợ vô cùng. Phải tự mình phản tỉnh trong từng giây từng phút. Đừng nhìn nơi người khác, hãy tự nhìn lại đời sống của mình xem như thế nào? Nếu quả thật quý vị đang sống cuộc sống của con người, thì năm giới với mười điều lành đều phải giữ trọn, mỗi khi khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều nhất định phải phù hợp theo với năm giới, mười điều lành, nhất định phải phù hợp với *hiếu, đễ, trung, tín*. Chúng ta hiếu thuận cha mẹ, tôn kính thầy dạy; cha mẹ còn sống thì thường xuyên quan tâm chăm sóc, cha mẹ qua đời thì thường nhớ nghĩ đến ân đức của cha mẹ, đó là tự thân ta có sự tu học tốt.

Nhà Phật nói “*đem công đức này hồi hướng về cha mẹ*”, là công đức gì? Ăn cơm, mặc áo đều là công đức, khởi tâm động niệm đều là công đức. Không dám khởi lên một niệm xấu ác, không dám khởi sinh vọng tưởng; khởi lên một niệm xấu ác, khởi lên một vọng niệm, đó là làm việc sai lầm, có lỗi với cha mẹ. [Giữ tâm thường tỉnh giác như vậy] đó là sự hồi hướng chân thật. Chớ nên cho rằng [chỉ cần] mỗi ngày niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, tụng bao nhiêu quyển kinh, rồi đem công đức ấy hồi hướng cho cha mẹ. Cha mẹ không nhận được gì cả. Vì sao vậy? Vì niệm Phật, tụng kinh như thế đều là việc ngoài miệng, chẳng có gì trong tâm. Công đức chân thật là đời sống của quý vị luôn phù hợp với lời răn dạy của Phật, với lời răn dạy của các bậc thánh nhân. Đó gọi là công đức. Công đức ấy có thể hồi hướng [về cho cha mẹ].

Cho nên công đức chân thật ở nơi sự khởi tâm động niệm của quý vị, nơi sự nói năng tạo tác của quý vị, với tâm hạnh hoàn toàn giúp đỡ người khác phá trừ si mê đạt đến giác ngộ,

hoàn toàn vận dụng vào thực tế cuộc sống của mình, trong công việc của mình, đó là công đức chân thật. Công đức như vậy hồi hướng mới có chỗ tác dụng, đó là chân chánh hiệu thuận với cha mẹ, không lúc nào quên. Cha mẹ vãng sinh rồi, công đức ấy có thể giúp cha mẹ lên phẩm vị cao hơn. Cha mẹ không may rơi vào đường ác, công đức ấy có thể giúp cha mẹ được siêu sinh. Đó là sự siêu độ chân chánh. Không phải thỉnh mấy vị hòa thượng hay đạo sĩ đến đọc kinh mà có thể siêu độ [cho cha mẹ]. Đó là mê tín. Tất cả đều do tâm hành thực tế của chúng ta trong đời sống.

Quý vị cũng từng đọc qua sách *Ảnh trần hồi ức lục* của Pháp sư Đàm Hư, trong đó ngài kể lại câu chuyện của một vị bằng hữu là Lưu cư sĩ, “*tám năm nỗ lực đọc Lăng Nghiêm*”. Vị này đã làm cách nào để siêu độ oan thân trái chủ? Không có cách nào cả, chỉ hoàn toàn dựa vào đức hạnh của tự thân mình.

Khởi tâm động niệm, sinh hoạt hành vi đều theo lời Phật dạy, học theo việc làm của Phật, đó gọi là hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng, thương yêu hòa thuận với anh em.

Có thể tôn trọng hết thầy chúng sinh, thương yêu bảo vệ hết thầy chúng sinh vô điều kiện, vô tư đem hết tâm lực giúp đỡ tất cả chúng sinh, giúp chúng sinh lìa khổ được vui, luôn chỉ một tâm như thế, chỉ một ý niệm như thế. Tâm như thế, ý niệm như thế chính là ý trời, trong Phật pháp gọi là nguyện Phật.

Quý vị thử nghĩ xem, chúng ta vừa qua giảng kinh Vô Lượng Thọ, chính đúng lúc giảng đến 48 đại nguyện, mỗi nguyện ấy đều là giúp đỡ chúng sinh lìa khổ được vui. Cho nên, [giúp chúng sinh] lìa khổ được vui là một lời nguyện tổng quát. Nhưng lìa khổ được vui là quả, quả ấy ắt cần phải có nhân. Nên muốn giúp hết thầy chúng sinh lìa khổ được vui thì trước hết phải dạy cho họ tu nhân.

Điều gì là nhân [của lìa khổ được vui]? Là phá trừ si mê, mở ra giác ngộ. Khổ là mê muội, từ trong mê muội mà đến; vui là từ nơi giác ngộ mà được. Phá trừ si mê là lìa được khổ. Mở ra giác ngộ là được vui. Cho nên, các bậc đại thánh nhân ở thế gian cũng như xuất thế gian, thấy đều từ nơi công việc dạy dỗ, giáo dục mà trực tiếp giúp đỡ hỗ trợ cho chúng sinh phá trừ si mê, mở ra giác ngộ. Những công hạnh, thiện nghiệp khác của các ngài đều là [sự giúp đỡ] gián tiếp, chỉ riêng việc giáo dục là trực tiếp.

Không chỉ dạy dỗ, mà còn phải nêu tấm gương sáng cho mọi người noi theo, hy vọng mọi người nhìn vào hình tượng bản thân mình, nghe lời dạy dỗ khuyên răn của mình mà được giác ngộ, hiểu rõ, làm theo các bậc thánh hiền, hướng theo chư Phật, Bồ Tát mà học tập, như vậy mới có thể đạt được quả báo chân thật.

Chúng ta cần phải nhận hiểu rõ ràng những ý nghĩa này, nhất là ta đang sống vào giai đoạn cuối thế kỷ này, tai nạn xảy ra quá nhiều, lại cũng khá nghiêm trọng. Làm cách nào để tiêu trừ tai nạn? Làm cách nào để cứu mình, cứu người? Hoàn toàn đều do sự nhận hiểu sáng tỏ chân tướng vũ trụ nhân sinh, triệt để quay đầu hướng thiện. Quay đầu là bờ, vấn đề tai nạn liền có thể được giải quyết.

Phương Đông cũng như phương Tây đều có những lời tiên tri dự báo, nói rằng có rất nhiều khả năng phát sinh kiếp nạn, cuối cùng đều có những kết luận rất hay. Mục đích của những lời tiên tri không phải để cảnh báo chúng ta rằng kiếp nạn sắp tới, mà là để giúp chúng ta hiểu rõ rằng có khả năng phát sinh điều [không hay] như thế, từ đó trong lòng mới khởi sinh một sự chuyển biến, nhanh chóng quay đầu hướng thiện, dứt ác tu thiện.

Rốt cuộc thì có hay không có kiếp nạn? Điều đó được quyết định ngay trong một ý niệm của chúng ta, không phải do bên ngoài quyết định, là do chính chúng ta quyết định.

Trên giảng đường tôi vẫn thường nói, tâm tham lam chiêu cảm tai họa lũ lụt. Kinh Lăng Nghiêm dạy rằng tâm sân hận là tai họa lửa dữ, tâm ngu si là tai họa gió bão, kiêu căng ngã mạn là nạn động đất. Nếu như chúng ta từ trong tâm diệt trừ được hết tham, sân, si; đối với người khác, đối với muôn vật đều biết khiêm tốn, hạ mình, nhẫn nhục, nhường nhịn, thì những tai nạn ấy đều không còn nữa.

Chư thiên cõi trời Tứ thiên vì sao không còn phải chịu ba đại tai kiếp do nước, lửa và gió? Vì các vị đã trừ dứt được tham, sân và si. Cho nên, người có nhiều phước đức sống ở nơi nào thì nơi ấy là đất lành.

Chúng ta nghe Phật dạy rồi, cần phải giác ngộ, phải sáng tỏ, phải thực sự từ trong nội tâm trừ dứt hết tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, đem lòng từ bi xử sự, đối đãi với người khác, tiếp xúc với muôn vật.

Hôm qua, lúc giảng kinh tôi có khuyên mọi người học theo chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát dùng nhãn quang như thế nào để nhìn mọi người? Các ngài nhìn thấy hết thấy chúng sinh đều là Phật, đều là Bồ Tát. Đó là sự thật. Chúng ta thì nhìn thấy hết thấy chúng sinh đều là phàm phu, đều là người xấu ác. Đó là sai lầm. Chúng ta nhìn sai lầm, chư Phật, Bồ Tát nhìn rất chính xác.

Nhưng có những người nghe tôi nói vậy thì vẫn giữ ý kiến ngược lại, cho rằng chư Phật, Bồ Tát đã nhìn sai, chúng ta nhìn mới chính xác, rõ ràng thấy đây là người tốt, kia là kẻ xấu. Chư Phật, Bồ Tát vì sao đối với người tốt, kẻ xấu đều không phân biệt? Trong thực tế, chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy như vậy là chính xác, chúng ta nhìn đã sai lầm. Ý nghĩa này rất sâu xa, cần phải suy ngẫm rất kỹ, rất nhiều lần. Phải thay đổi, sửa lại quan điểm sai lầm của chúng ta, sửa chữa lại hành vi sai lầm của chúng ta.

Chúng ta chịu ơn ai dù rất nhỏ cũng phải luôn ghi nhớ, mãi mãi không quên. Ngược lại, người khác có điều gì không tốt với chúng ta, tuyệt đối không nên ghi nhớ trong lòng, phải quên hết sạch đi, nhất định không để lại chút ấn tượng nào. Như vậy thì quý vị mới có điều kiện học Phật, mới đủ tư cách làm Phật.

Những kẻ quên ơn bội nghĩa lại thường luôn ghi nhớ kỹ việc người này đối xử không tốt với ta, người kia đối xử không tốt với ta... Những người như vậy nhất định phải堕 vào ba đường ác. Cho dù có ngày ngày tụng kinh niệm Phật vẫn phải堕 vào ba đường ác. Những năm đầu triều Thanh, Pháp sư Quán Đảnh từng giảng như thế. Lời ngài giảng hoàn toàn không sai. Hy vọng mọi người đều ghi nhớ, đều thực sự nỗ lực học tập, nhanh chóng quay đầu hướng thiện, được tiêu trừ tai nạn.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 53

(Giảng ngày 12 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 54, số hồ sơ: 19-012-0054)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Trong hơn ngàn chữ của bài văn *Cảm ứng thiên*, câu trọng yếu nhất chính là: “*Trung, hiếu, hũu, để*.” Câu này có thể nói là trọng tâm của toàn bài văn, có quan hệ rất lớn [với mọi vấn đề]. Đối với một người sống trong xã hội thì đạo lý xây dựng bản thân, phát triển gia đình, ổn định đất nước, tạo lập hòa bình thế giới đều nằm trong một câu này. Người xuất gia tu hành, khai ngộ, chứng quả, thành Bồ Tát, thành Phật, mầu chốt cũng nằm ở [một câu] bốn chữ này.

Cho nên tôi đã nói rất nhiều lần, đối với các bậc thánh nhân ở thế gian cũng như xuất thế gian thì mục đích, nguyện vọng không gì khác hơn là mong cho hết thảy chúng sinh đều có thể cùng sống chung hòa thuận vui vẻ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Thế nhưng quả báo của hết thảy các loài chúng sinh đều không tương đồng. Sự khác biệt ấy do đâu mà có? Là do các nhân họ tạo ra trong quá khứ cũng như hiện nay đều không tương đồng. Cho nên, từ nơi quả ta có thể thấy được nhân, từ nơi nhân có thể thấy được quả. Người [thấy được] như vậy là có trí tuệ.

[Mục đích và nguyện vọng] như trên nếu muốn thực sự đạt được thì không thể dựa vào chính trị. Cho nên, đức Phật Thích-ca Mâu-ni vốn là vương tử, nếu [phương thức] chính trị có thể đạt được nguyện vọng, mục đích như trên, hẳn ngài đã làm một bậc quốc vương. Nhưng ngài biết rằng phương thức chính trị không thể giúp đạt được mục đích của mình.

Võ lực cũng không thể giải quyết được vấn đề. Chúng ta đọc thấy trong kinh điển rằng đức Phật Thích-ca Mâu-ni thời tuổi trẻ võ nghệ cao cường. Ngài có thể làm một vị tướng quân, một bậc thống soái, nhưng ngài buông bỏ hết. Ngài biết rằng, đối với việc này thì võ lực không thể thành tựu được.

Người đời nay nói đến kinh tế, khoa học kỹ thuật, tất cả cũng đều không thể giúp thành tựu được.

Phương pháp duy nhất đạt hiệu quả tốt chỉ có giáo dục. Cho nên, đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã chọn công việc giáo dục trong xã hội, suốt đời toàn tâm toàn ý thực hiện công việc đa nguyên văn hóa giáo dục. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là người như thế, chúng ta cần phải nhận biết rõ ràng. Chí nguyện lớn lao, hùng tâm dũng mãnh của ngài là muốn giúp đỡ hết thảy chúng sinh đều lìa khổ được vui, sống chung hòa thuận vui vẻ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Ngài đã chọn con đường giáo dục này.

Hôm nay, tại đây có rất nhiều bậc thầy đi theo con đường giáo dục. Công việc này cực kỳ vĩ đại, nhưng trong thế giới ngày nay những người nhận thức đúng về giáo dục hãy còn quá ít. Tôi nghe một số vị đồng học nói rằng, hiện nay làm thầy rất khó, học sinh không dễ dạy. Vấn đề này tôi cũng đã từng đề cập đến.

Hiện tại đạo thầy trò suy thoái, có thể nói đang mất dần rồi. Đạo hiếu không còn nữa. Không có đạo hiếu thì đương nhiên không có đạo thầy trò, vì đạo thầy trò được xây dựng trên nền tảng đạo hiếu. Người không biết hiếu thuận với cha mẹ thì làm sao có thể tôn kính thầy dạy? Điều này không thể có.

Thời xưa, người học trò học tốt cần phải có sự hợp tác mật thiết giữa thầy dạy với cha mẹ. Như vậy mới có thể bồi đắp, nuôi dưỡng mầm non là đứa trẻ trưởng thành, khiến cho trẻ ấy tương lai thành bậc rường cột tài năng trong xã hội.

Tôi còn nhớ lúc tôi khoảng bảy, tám tuổi, lần đầu tiên đi học. Lúc đó vẫn còn là trường tư nhân, không phải trường công lập. Trường tư nhân được tổ chức trong một ngôi từ đường, vị thầy dạy khoảng hơn vài mươi học sinh. Cha tôi mang lễ vật kính dâng thầy, tại phòng lớn của thầy. Phòng lớn này chính là chỗ điện thờ trong từ đường, trên trướng thờ có ngai thờ đức Chí thánh tiên sư là Khổng tử. Cha tôi dắt tôi đến, rồi người đứng phía trước, tôi đứng sau, cùng hướng về ngai thờ đức Khổng tử thực hiện nghi lễ tôn kính nhất là ba lần quỳ gối, chín lần khấu đầu.

Hành lễ như vậy xong, cha tôi thỉnh thầy ngồi lên ghế trên, cha tôi lại đứng trước, tôi đứng phía sau, cùng hướng về thầy thực hiện nghi lễ ba lần quỳ gối, chín lần khấu đầu. Sau đó cha tôi mới dâng lễ vật, rồi đem con giao phó cho thầy.

Phụ huynh đối với thầy tôn trọng như thế, nếu thầy không dạy dỗ học trò thật tốt thì sao có thể xứng đáng với sự tôn trọng ấy? Những lễ nghi như thế hiện nay không còn nữa.

Khi tôi ở Đài Trung, thầy Lý Bình Nam có mở một lớp học *Nghiên cứu nội điển*. Lớp này có tám học sinh, do chính thầy Lý là người phụ trách. Thầy Lý thỉnh năm vị thầy đến dạy cho lớp, trong đó có tôi. Ngày khai giảng lớp học, thầy Lý đại diện cho tất cả phụ huynh của tám học sinh, hành lễ với năm vị thầy dạy. Thầy Lý đã lạy chúng tôi ba lạy. Những phụ huynh của các học sinh ấy đều không hiểu biết, thầy Lý thay mặt họ. Chúng tôi thật không dám nhận, nhưng không dám nhận cũng không được, đành phải kính vâng theo lời dạy của thầy. Thầy bảo chúng tôi ngồi thật ngay ngắn, chúng tôi chỉ còn biết ngồi yên đó để thầy lạy ba lạy. Đã nhận lãnh lễ nghi long trọng đến thế, nếu không nỗ lực dạy dỗ thì đó là tội lỗi.

Hiện nay không còn [lễ nghi tôn kính như vậy] nữa. Điều hiện nay nghe thấy là gì? Là thầy dạy học sinh, phụ huynh còn muốn đi kiện thầy. Cho nên, tai nạn hết sức lớn lao sắp

xảy ra nơi thế gian này. Đó là gì? Là đúng như các tôn giáo đều nói về sự trừng phạt của trời cao, của thượng đế. Chúng ta xem trong các lời tiên tri, người tiên tri nói rằng có thể nhìn thấy trong tương lai thế gian này rất nhiều người chết, chôn cất đến bảy tháng chưa hết. Quả báo như thế do đâu mà có? Là do tạo nhân bất thiện.

Tại Trung quốc vào thời cổ đại, việc lớn lao trọng yếu nhất của quốc gia chính là giáo dục. Trong sách Lễ ký, thiên Học ký chính là phần triết học giáo dục của Trung quốc thời xưa, là phương châm dẫn dắt của ngành giáo dục. Trong đó nói hết sức rõ ràng, sáng tỏ rằng: “*Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên.*” (Dựng nước trị dân, giáo dục là trước nhất.) Xây dựng một đất nước, cai trị đất nước đó, lãnh đạo toàn dân, điều gì là trọng yếu nhất? Chính là giáo dục.

Đối với mỗi gia đình cũng vậy, trong gia đình điều gì là trọng yếu nhất? Cũng chính là giáo dục. Con người nếu không được tiếp nhận nền giáo dục của thánh hiền, nói thật ra so với cầm thú có gì khác biệt? So với cầm thú [thì con người] còn tàn nhẫn hơn, còn độc ác hơn nữa. Quý vị nghĩ xem, như cọp, sư tử khi ăn no rồi thì đối với các loài vật nhỏ đều để yên, dù có chạy đi chạy lại quanh đó chúng cũng không thèm lưu ý đến. Con người thì khác, dù [lúc đã no bụng] không ăn cũng muốn giết hại.

Cho nên, con người nhất định phải được dạy dỗ, phải được tiếp nhận sự giáo dục. Trong thời đại hiện nay, người có thể tiếp nhận được thì phải tận tâm tận lực dạy bảo họ. Người không tiếp nhận được thì cũng không còn cách nào, ta cũng bỏ đi không tự chuốc phiền toái làm gì.

Mục đích giáo dục của Nho giáo là dạy người thành bậc thánh hiền. Mục đích giáo dục của Phật giáo là dạy quý vị thành Phật, thành Bồ Tát. Nền giáo dục của Phật giáo từ đầu đến cuối thật ra không ngoài ba việc. Thứ nhất là dạy

người dứt ác tu thiện. Thứ hai là dạy người phá trừ si mê, mở ra giác ngộ. Thứ ba là dạy người chuyển phàm thành thánh.

Thế nào gọi là thánh? Là thấy biết sáng tỏ chân tướng vũ trụ nhân sinh, thông đạt sự lý nhân duyên quả báo. Người như thế gọi là thánh nhân. Cho nên, bậc thánh [của Trung Hoa] so với Phật của Ấn Độ là tương đồng về ý nghĩa. Phật là bậc giác ngộ, thánh là người hiểu biết sáng tỏ. Hiểu biết sáng tỏ là giác ngộ, giác ngộ là hiểu biết sáng tỏ.

Lý lẽ sự tướng về vũ trụ nhân sinh hết sức sâu rộng, không phải dùng sự học mà có thể đạt đến, vì học không đạt được. Việc học của quý vị trong một đời có sự giới hạn, làm sao có thể đạt được? Cần phải giác ngộ mới đạt được. Cho nên, giáo dục ở thế gian cũng như xuất thế gian đều xem trọng sự khai ngộ.

Không chỉ nhà Phật mới nói đến khai ngộ, nền giáo dục Nho gia cũng nói đến khai ngộ. Không khai ngộ thì làm được gì? Chúng ta ngày nay vì sao không thể khai ngộ? Vì phiền não che lấp, vọng tưởng, phân biệt, bám chấp [là những thứ] khiến ta không thể khai ngộ. Chư Phật, Bồ Tát dạy ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, bám chấp sẽ được khai ngộ. Buông bỏ một phần sẽ được khai ngộ một phần, buông bỏ hai phần sẽ được khai ngộ hai phần. Đó là những thứ gây chướng ngại.

Giác ngộ rồi thì tự tánh của ta vốn sẵn đủ trí tuệ đức năng, chẳng phải từ bên ngoài có được. Vì sao chúng ta cứ bám chấp vô cùng bền chắc? Trong sự bám chấp thì nghiêm trọng nhất là chấp ngã. Có ngã liền có sự riêng tư, có ngã liền có dục vọng. Lòng riêng tư là mê hoặc, dục vọng là nguồn gốc của tội nghiệp, [nên chấp ngã là] quý vị đã tạo tội nghiệp rồi.

Phật dạy mỗi người chúng ta, mỗi một đệ tử học Phật, đều phải cùng nhau gánh vác công việc giáo dục trong xã hội. Điều này rất tuyệt vời. Phật pháp muốn rộng độ chúng sinh, muốn cứu khổ cứu nạn, phải dùng cách gì để cứu? Là dựa vào

giáo dục. Người xuất gia là xem như đã chọn công việc giáo dục trong xã hội, chúng ta phải có tinh thần chuyên nghiệp, thúc đẩy mở mang nền giáo dục Phật-đà.

Nền giáo dục Phật-đà là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, trong đó không phân biệt chủng tộc, không phân biệt địa phương, không phân biệt tôn giáo tín ngưỡng, là nền giáo dục bình đẳng. Ngoài ra còn phải lấy bản thân mình làm gương mẫu, vì mọi người trong xã hội mà nêu gương tốt.

Đặc biệt trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta xem thấy chúng sinh đủ mọi chủng loại ngàn sai muôn khác, đó chính là những khác biệt về chủng tộc, khác biệt về văn hóa, khác biệt về tôn giáo, tín ngưỡng. Chúng ta thấy đức Phật đều có khả năng dạy bảo thành tựu trọn vẹn cho tất cả những chủng loại ấy, giúp cho tất cả đều được phá trừ si mê, mở ra giác ngộ, đều được thành bậc thánh hiền. [Trong sự giáo dục đó] hoàn toàn không phá hoại chủng loại của họ, không gây chướng ngại tôn giáo, tín ngưỡng của họ, cũng không may tổn hại đến văn hóa của họ, chỉ có sự giúp đỡ hỗ trợ mở rộng làm đẹp hơn đời sống của họ, khéo léo dẫn dắt văn hóa của họ, nhờ vậy mà đạt được sự thành công.

[Đức Phật] dựa vào điều gì [để làm được như vậy]? Chính là dựa vào tâm chân thành. Nhà Phật gọi là tâm Bồ-đề, tâm chân thật đối đãi với người khác, chân thành tiếp xúc với muôn vật. Lão tử của Trung quốc cũng nói: “Người khác đem lòng tốt đối xử với ta, ta đem lòng tốt đối lại với người. Người khác đem lòng xấu ác đối với ta, ta vẫn đem lòng tốt đối lại với người. Người khác tin cậy ta, ta tin cậy người. Người khác chẳng tin cậy ta, ta vẫn tin cậy người.”

Cho nên, bậc thánh hiền dạy chúng ta rằng, phải có tâm ý chân thành, phải có tâm ý hiền thiện, tâm ý hoàn toàn thương yêu muôn người muôn vật, bố thí một cách vô tư, cung kính cúng dường hết thủy chúng sinh vô điều kiện. Quý

vị xét kỹ trong kinh Phật, thấy đức Phật có làm được như vậy hay không? Đó chính là hành trạng oai nghi của Phật, là nguyên tắc mà Phật vận dụng trong việc xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc với muôn vật. Chúng ta ở điểm này phải học tập theo. Cho nên, [người xuất gia] chúng ta, đồng tu trong bốn chúng, cũng không chỉ riêng người xuất gia, quý đồng tu tại gia cũng phải thực hiện, thực sự nỗ lực thực hiện, thì mới có khả năng cứu vãn xã hội này, phải lấy bản thân mình làm gương mẫu.

Tôi hiện nay thành lập được mười trường trung học tại Trung quốc. Mười trường ấy đều lấy tên chung là Trung học Từ Quang. Quý vị từ Đài Loan đến đều biết là tôi ở Thư viện Từ Quang được mười năm. Ở Trung quốc đại lục tôi xây dựng mười trường Trung học Từ Quang, xem như kỷ niệm thầy Lý Bình Nam, gọi là học sinh báo ơn thầy.

Thuở nhỏ tôi đi học ở Đồng Nhân thuộc Quý Châu. Trường tôi học khi ấy là trường công lập Đệ Tam Trung Học, thầy hiệu trưởng là tiên sinh Chu Bang Đạo, hiệu Khánh Quang. Ở Đồng Nhân tôi xây dựng trường Trung học Khánh Quang để kỷ niệm thầy hiệu trưởng.

Vì sao tôi làm như vậy? Học sinh ngày nay đối với thầy dạy quên ơn phụ nghĩa, chúng ta làm sao để giáo dục việc tôn sư trọng đạo, chẳng lúc nào quên ơn thầy? Đó là tôi muốn nêu gương để mọi người noi theo.

Tôi được theo học với tiên sinh Phương Đông Mỹ. Tại quê hương của thầy là Đồng Thành thuộc tỉnh An Huy chỉ có duy nhất một trường trung học, tôi giúp nhà trường xây dựng một phòng dạy vì tính lấy tên là Đông Mỹ, tặng cho trường 100 máy vi tính, đều là để kỷ niệm thầy Phương Đông Mỹ.

Tại trường Đại học Sơn Đông ở Tế Nam thuộc tỉnh Sơn Đông, tôi giúp trường xây dựng một phòng vi tính đặt tên là Lý Bình Nam, ngoài ra còn giúp họ xây dựng một phòng đọc

sách công cộng mở cửa cho công chúng, đều là để kỷ niệm thầy Lý Bình Nam.

Các thầy dạy tôi học, hiện có một vị vẫn còn tại thế. Những ngày lễ, tết hằng năm tôi đều đến thăm viếng, cũng có cúng dường thầy. Đây là thầy giáo chủ nhiệm lớp tôi khi tôi học ở Nam Kinh, tên là Đồ Thế Trạch. Lần này tôi cũng đã nghĩ đến việc tại trường học cũ ở Nam Kinh cho xây một phòng vi tính, tặng 100 máy vi tính, và cũng đặt tên theo tên thầy là Thế Trạch. Đó là tỏ lòng tôn sư trọng đạo.

Người đời hiện nay đối với những chuyện này đều quên hết, cho nên thế gian mới gặp phải tai kiếp đại nạn. Con cái bất hiếu với cha mẹ, học trò không kính trọng thầy cô, một xã hội như thế thì còn ra gì nữa? Chúng ta nhìn thấy thực trạng này rất đau lòng.

Chúng ta đem toàn tâm toàn lực nghĩ đến thì mọi việc đều sẽ thực hiện được. Việc xây dựng trường học tại Trung quốc đại lục phải hy vọng được chính phủ hỗ trợ. Lần trước, ông đại sứ Trần đến thăm tôi, tôi đã trực tiếp thỉnh cầu ông giúp đỡ, mong sao những nguyện vọng của tôi được nhanh chóng thực hiện. Hiện tại việc xây dựng hai phòng vi tính thì trong khoảng một, hai tháng tới sẽ thực hiện.

Cho nên chúng ta phải dạy những gì? Là dạy trung, dạy hiếu. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết pháp trong 49 năm, cho đến hết thảy chư Phật mười phương ba đời vì tất cả chúng sinh giảng kinh thuyết pháp, cũng chỉ là hai chữ trung hiếu mà thôi. Hai chữ này, nói thật ra những người nhận thức được thì ngày càng ít đi, những người có thể thực hiện được lại càng hiếm hoi hơn nữa. Vì thế, chúng ta cần phải dạy bảo, phải nỗ lực giảng giải, phải đi sâu vào giảng giải, lại còn phải tự mình thực hiện để nêu gương cho người khác noi theo.

Hai chữ “hữu đức” (hòa ái kính thuận) vốn đã được bao quát trong đạo hiếu, vậy vì sao ở câu [“*Trung hiếu hữu đức*”]

này lại đặc biệt nêu riêng? Đó là muốn dạy ta phương pháp thực hành đạo hiếu. Đạo hiếu bắt đầu từ đâu? Là từ hòa ái, từ kính thuận mà bắt đầu. Hòa ái, kính thuận là cách đối đãi với người.

Chữ hiếu theo nguyên tắc chế tác chữ viết thuộc loại chữ hội ý, nằm trong sáu nguyên tắc¹ chế tác chữ viết của người Trung quốc thời cổ đại, gọi là *lục thư*. Hình dạng chữ hiếu giúp chúng ta thấy được, thể hội được ý nghĩa bao hàm trong đó. Phần trên là chữ lão (老), dưới là chữ tử (子), hai phần hợp lại thành chữ hiếu (孝). Ý nghĩa này muốn nói với chúng ta hết sức rõ ràng, rằng thế hệ trước với thế hệ sau là cùng một thể. Thế hệ trước lại vẫn còn thế hệ trước nữa, thế hệ sau vẫn còn thế hệ sau nữa.

Đây chính là ý nghĩa như trong nhà Phật dạy: *“[Hết thấy chúng sinh trong] mười phương ba đời đều chung một tánh thể sinh mạng, đều cùng một chĩnh thể.”* Đó chính là ý nghĩa tượng trưng của chữ hiếu, như trong kinh Bát-nhã gọi là *“thật tướng của các pháp”*. Trên bục giảng tôi thường gọi đó là pháp tính của hết thấy chúng sinh trong pháp giới hư không, trong triết học thì gọi là bản thể vũ trụ nhân sinh.

Từ sự nhận biết này mới thực sự khởi sinh tâm thương yêu, tâm cung kính. Vừa rồi tôi nhắc đến những tâm chân thành, tâm chí thiện, tâm bác ái, cùng tâm nguyện giúp đỡ hết thấy chúng sinh một cách vô tư, vô điều kiện, thấy đều từ trong tâm hiếu mà khởi sinh.

Quý vị không nhận thức được, không hiểu rõ, cho nên Phật khuyến khích phát tâm Bồ-đề mà tâm Bồ-đề của quý vị vĩnh viễn không phát khởi được. Nguyên nhân là do đâu? Là do quý vị không hiểu rõ được ý nghĩa, không hiểu rõ được chân tướng sự thật, nên tâm [Bồ-đề] của quý vị không cách

¹ Sáu nguyên tắc này bao gồm: tượng hình, chỉ sự, hội ý, hài thanh, giả tá và chuyển chú.

gì phát khởi được cả, đều là vì quý vị không biết được, không hiểu được rằng hết thảy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không cũng là chính bản thân mình.

Nếu quý vị biết được, hiểu được như thế thì tâm Bồ-đề tự nhiên phát khởi. Tâm Bồ-đề phát khởi cũng chính là lòng sâu vững, là tâm đại bi. Lòng sâu vững luôn ưa thích đức hạnh, hiền thiện. Vương Dương Minh gọi đó là sự hiểu biết phân biệt tự nhiên về điều thiện, là bản năng hiền thiện. Tâm đại bi là tâm làm lợi ích hết thảy chúng sinh, không có điều kiện, không mong cầu báo đáp. Cho nên, nên giáo dục theo Phật giáo là thực hiện giáo dục vì nghĩa vụ, không nhận báo đáp. Nhận báo đáp thì mọi người hoài nghi, không nhận báo đáp thì mọi người mới tôn kính, mới thấy rằng quý vị dạy bảo họ là chân thật, là không có điều kiện.

Chúng ta muốn Phật pháp hưng vượng, muốn cứu vớt thế gian này nhưng không thực sự noi theo chư Phật, Bồ Tát mà học tập thì không thể làm được. Cho nên, điều trước tiên là phải dứt trừ, phải nhổ tận gốc rễ những ý niệm tự tư tự lợi. Trong thời quá khứ, dù những ý niệm ấy còn vương lại đôi chút quý vị cũng vẫn có được ít nhiều thành tựu, nhưng trong thời hiện tại này, dù chỉ còn lại mảy may cũng đều không được. Thời đại đã khác rồi.

Điều này cũng có nghĩa là chúng ta đang đối diện với hoàn cảnh cực kỳ xấu ác, trong kinh điển gọi là “*ngũ trước ác thế*” (thời đại xấu ác với năm sự uế trước). Sự xấu ác, uế trước đã đến mức cùng cực, nếu không dùng tâm cực kỳ thanh tịnh thì không cách gì có thể cứu vớt giúp đỡ chúng sinh. Trong thực trạng thời đại xấu ác này, đạo Phật dạy rằng chúng ta đang đứng trước những chúng sinh cần được cứu độ, vì so với quá khứ thì thời đại này khó khăn nguy khốn hơn quá nhiều. Cho nên, chúng ta ngày nay nếu như phẩm đức, học vấn, trí tuệ, phương tiện khéo léo không vượt trội hơn người

xưa gấp mười lần thì không đủ sức thực hiện [việc cứu vớt chúng sinh].

Chúng ta liệu có khả năng vượt hơn người xưa hay chẳng? Hoàn toàn do nơi một ý niệm của chính ta, nếu chấp nhận buông bỏ liền có khả năng vượt hơn người xưa. Buông bỏ những gì? Buông bỏ những vọng tưởng, phân biệt, bám chấp, buông bỏ danh tiếng, lợi dưỡng, năm món dục, sáu trần cảnh, phải buông bỏ đi hết sạch.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngày xưa tại vườn Lộc Dã bắt đầu lập giáo chỉ có năm học trò. Chúng ta ngày nay cũng không cầu nhiều, có được năm, sáu người cùng chí hướng, hợp tâm đạo thì có thể cùng nhau làm cho Phật pháp hưng vượng trở lại.

Chúng ta phải làm gì? Phải học theo đức Phật Thích-ca Mâu-ni, sống cuộc sống ở mức thấp nhất, không tranh với người khác, việc đời không mong cầu, sống như thời nguyên thủy, đi khắp nơi giáo hóa chúng sinh, như vậy thì có thể thu được hiệu quả.

Cho nên, chúng ta sinh đến thế gian này, không phải vì mình mà vì hết thảy chúng sinh đang khổ nạn. Chết đi cũng là chết vì chúng sinh, không phải vì bản thân mình. Nếu có một mảy may ý niệm vì bản thân, đó là phàm phu, không phải thánh nhân, không phải đệ tử chân chánh của Phật.

Kinh Kim Cang dạy: *“Nếu Bồ Tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, đó không phải là Bồ Tát.”* Cho nên phải buông bỏ bốn tướng này, để tâm thực sự đạt đến chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi, phải thực sự làm được, chắc chắn làm được.

Những biểu hiện bên ngoài là thực sự nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên, chuyên tâm niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Đó chính là đệ tử chân chánh của Phật. [Ý nghĩa này là]

những lời răn dạy chân thật đối với bản thân, đối với chúng sinh, đối với xã hội, nhất định được chư Phật hộ niệm, được chư vị thiện thần, trời, rồng theo bảo vệ, giúp đỡ.

Cho nên quý vị đồng học phải nỗ lực khắc phục tập khí phiền não của bản thân mình. Tại giảng đường ngồi xếp bằng vài giờ mà không làm được, vậy thì làm được gì? [Phải quyết tâm, dù] liều mạng cũng phải làm cho được. Tâm thanh tịnh, an định rồi thì không khó. Khó là vì có nhiều vọng tưởng, vì nhiều dục vọng. Đó là chướng ngại rất lớn, không chỉ chướng ngại sự tu đạo, hơn nữa còn xô đẩy chúng ta vào ba đường ác, xô đẩy chúng ta堕 vào địa ngục.

Vì thế, ái dục và sự ưa thích nhất định phải buông bỏ, buông bỏ cho hết sạch. Trong đời sống tùy duyên nhưng tuyệt đối không chạy đuổi theo duyên. Quý vị ở đây học tập được thành tựu rồi phải đi giáo hóa trong thế gian, tốt nhất là khôi phục lại việc ôm bình bát khất thực như xưa, tối lại thì tìm gốc cây lớn làm chỗ nghỉ, hoặc nghỉ trong lều nhỏ cũng tốt.

Trí tuệ khai mở rồi thì chẳng cần đến sách vở, vì chúng sinh giảng kinh thuyết pháp cũng không cần chuẩn bị, mọi thứ đều buông bỏ hết. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni năm xưa không có quyển sách nào. Đức Khổng tử cũng không có quyển sách nào. Cần đến những thứ ấy để làm gì? Cho nên, hiện nay phải cố gắng đọc sách, cố gắng học tập, là vì nhất định phải đạt đến khai ngộ. Sau khi đã hoàn toàn khai ngộ rồi thì trí tuệ từ trong tự tánh chính là Phật pháp viên mãn.

Hy vọng quý vị đồng tu phải nghiêm túc nỗ lực. Thời gian cực kỳ quý báu, dù một phút giây cũng không thể bỏ luống qua vô ích.

Bài giảng thứ 54

(Giảng ngày 13 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 55, số hồ sơ: 19-012-0055)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Câu tiếp theo [của phần chúng ta đang giảng đến] trong Cảm ứng thiên là “*Chính kỷ hóa nhân.*” (Sửa mình chân chánh, cảm hóa người khác.)

Những gì đã giảng ở phần trước đều là nói về việc hoàn thiện đức hạnh bản thân, mục đích là nhắm đến giúp đỡ, hỗ trợ người khác. Nếu đức hạnh, trí tuệ của bản thân mình chưa thành tựu thì không có khả năng giáo hóa chúng sinh. Cho nên, muốn giáo hóa chúng sinh thì trước hết tự thân mình phải tu tập tốt, đó là lẽ nhất định. Bất kể là các bậc thánh hiền xưa của Trung quốc hay chư Phật, Bồ Tát của Ấn Độ, mỗi vị đều phải theo đúng phương pháp [tự giác giác tha] như vậy, cho đến hết thầy chư Phật trong mười phương thế giới cũng không ngoại lệ. Vì thế, chúng ta phải đi theo con đường như vậy, trước hết tự thân mình phải nỗ lực tu tập thật tốt.

Phần trước đã có giảng qua với quý vị về *Tứ hoàng thệ nguyện* (Bốn lời nguyện sâu rộng). Trong đó, câu “*chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*” áp dụng vào thực tế thì nhất định trước hết phải dứt trừ phiền não, thành tựu pháp môn. Dứt trừ phiền não là thành tựu đức hạnh tự thân, học pháp môn là thành tựu trí tuệ của chính mình. Người Trung quốc thường nói là “*phẩm học kiêm ưu*” (phẩm hạnh và học vấn đều tốt đẹp). [Được như vậy rồi] mới có thể giáo hóa người khác.

Chúng ta tự thân là đệ tử của Phật, không kể là xuất gia hay tại gia đều có sứ mạng cứu độ, giáo hóa chúng sinh. Dù là người xuất gia hay tại gia cũng đều là Bồ Tát, cho nên thành tựu giáo dục của Phật chính là pháp giới Bồ Tát. Thế giới Hoa Tạng trong kinh Hoa Nghiêm là pháp giới Bồ Tát. Kinh Vô Lượng Thọ giảng rất rõ ràng, thế giới Cực Lạc không chỉ là pháp giới Bồ Tát mà hơn nữa còn là pháp giới Bồ Tát Phổ Hiền. Câu kinh này quý vị đều đã từng tụng đọc qua: *“Tất cả đều vãng tu theo đức hạnh của Đại sĩ Phổ Hiền.”* Chúng ta thử nghĩ xem, mình đã có được đức hạnh của Đại sĩ Phổ Hiền hay chưa? Nếu như chưa có thì không thể vãng sanh. Điểm này phải đặc biệt lưu ý.

“Tất cả đều vãng tu theo đức hạnh của Đại sĩ Phổ Hiền.” Trong kinh Vô Lượng Thọ, đây là câu kinh đầu tiên ngay sau phần liệt kê đại chúng và các vị thượng thủ. Đức Phật dạy như thế nào, chúng ta nên học theo như thế ấy. Sau đó lại suy ngẫm, người niệm Phật rất nhiều, người được vãng sinh vì sao ít thế? Chỉ cần lưu ý một chút nơi kinh văn thì thấy rất rõ ràng, rất sáng tỏ điều này. Người niệm Phật tuy rất nhiều, nhưng chưa có đủ đức hạnh của Đại sĩ Phổ Hiền cho nên không thể vãng sinh.

Điểm mấu chốt trong đức hạnh của Đại sĩ Phổ Hiền là ở đâu? Chính là ở nơi tâm lượng, [là sự rộng mở của tâm]. Tâm lượng Bồ Tát Phổ Hiền so đồng với pháp giới trong hư không, đối với ngài thực sự là *“tâm bao thái hư, lượng chu sa giới”* (tâm rộng lớn như hư không, bao trùm hết cả các thế giới.) Đó là [tâm lượng của] Bồ Tát Phổ Hiền. Chúng ta tâm lượng quá nhỏ hẹp, mỗi ngày dù niệm đến trăm ngàn câu Phật hiệu cũng không thể vãng sanh. Lời này là chân thật, không hư dối.

Bậc đại đức xưa kia dạy rằng: *“Miệng niệm Di-đà tâm tán loạn, cho dù lớn tiếng uống công thôi.”* Nếu có được đức

¹ Đại sĩ: một danh hiệu tôn xưng khác, cũng đồng nghĩa như Bồ Tát.

hạnh như Đại sĩ Phổ Hiền thì niệm một câu Phật hiệu cũng vãng sanh rồi, đâu cần phải niệm nhiều đến thế? [Người được như thế thì] tâm hạnh người ấy chính là tâm Phật, chính là hạnh Phật, tâm và hạnh tương ứng nhau, nguyện với nguyện tương ứng, như thế đâu có lý nào lại không được vãng sinh?

Chúng ta cần hiểu rõ, hằng ngày tụng kinh Vô Lượng Thọ nhưng không tu theo đức hạnh của Đại sĩ Phổ Hiền thì làm sao có thể thành tựu?

Đức hạnh của Đại sĩ Phổ Hiền vô lượng vô biên, dù hết thấy chư Phật Như Lai cùng ngợi khen diễn nói cũng không thể nói hết. Đức Thế Tôn vì chúng ta mà quy nạp [những đức hạnh ấy] thành mười nhóm lớn, gọi là Phổ Hiền Thập Đại Nguyện Vương. Quy nạp thành mười đại nguyện như thế, chúng ta tu học sẽ được thuận tiện dễ dàng hơn.

Nguyện thứ nhất là “*Lễ kính chư Phật.*” Chúng ta đã làm được chưa? Ý nghĩa của đại nguyện này chính là lấy tâm chân thành cung kính đối đãi với hết thấy muôn người muôn vật. Đó gọi là lễ kính chư Phật. Chúng ta nếu chưa làm được thì cần phải phản tỉnh. Nếu chúng ta đối đãi với mọi người, với sự vật bằng tâm thái hoàn toàn tương phản, ngược lại, thì đó là đại bất kính. Hằng ngày cặp mắt lảo liên như kẻ trộm, chuyên rình mò bới móc tìm chuyện xấu của người khác, chuyên nhìn vào những khuyết điểm của người khác, thu gom nhặt nhanh những lỗi lầm sơ sót của người khác, đó là đại bất kính. Như thế thì dù quý vị có to tiếng niệm Phật cũng chỉ uống công phí sức.

Không cần nói đến hạnh nguyện Bồ Tát, [cho dù] một người hiền thiện quân tử của thế gian [cũng không như thế]. Chúng ta đọc sách Nho, bộ sách tiêu biểu soạn tập được đầy đủ các lời giáo huấn đức hạnh của Nho gia chính là *Ngũ chủng di quy*, do tiên sinh Trần Hoàng Mưu vào đời Thanh biên tập. Ông đem kinh sách của Nho gia cùng với lời nói,

phẩm hạnh của các bậc đại đức qua nhiều thời đại, cùng những lời răn dạy chân thật, tất cả đưa vào phân loại, biên tập thành sách. Ngày trước khi tôi cầu học ở Đài Trung, thầy Lý Bình Nam chỉ định quyển này làm sách giáo khoa tu thân cho học sinh chúng tôi.

Hồi ấy bản in tôi dùng của nhà xuất bản nào không nhớ rõ, chữ in nhỏ, khá nhiều trang, đóng bìa cứng rất dày. Về sau, Thư cục Trung Hoa tách nội dung này từ trong Tứ Bộ Bì Yếu, xuất bản riêng thành hai quyển thượng hạ, dùng bìa thường, chữ in lớn rất dễ đọc. Xem qua thì biết các bậc thánh hiền thế gian dạy người như thế nào.

Cho nên chúng ta phải thường phản tỉnh, không được làm những việc suy tổn đức hạnh. Chuyên tâm tu tập đức hạnh còn sợ không kịp, huống chi lại chuyên làm những việc suy tổn đức hạnh thì sao có thể thành tựu? Nói cách khác, những phẩm tính, điều kiện của người hiền thiện quân tử thế gian mà chúng ta chưa đạt được, thế thì [so với đức hạnh của] các vị Bồ Tát, A-la-hán còn cách rất xa.

Những kỹ xảo trên bục giảng chúng ta có thể dễ dàng học được, nhưng nếu quý vị muốn từ trên bục giảng có thể thâm nhiếp hộ trì đại chúng thì phải dựa vào công phu tu trì. Quý vị không có công phu tu trì chân thật thì không có khả năng nhiếp hóa đại chúng. Nói cách khác, những gì quý vị giảng thuyết, mỗi câu mỗi chữ phải phát xuất từ nội tâm, không chỉ là những lời từ cửa miệng. Nếu tâm ý và hành vi không tương ứng phù hợp nhau, lời nói và việc làm không tương ứng phù hợp nhau, sẽ không ai tin quý vị. Dù nói rất hay, người ta nghe rồi cũng chỉ cười mà thôi.

Cho nên, không kể là người tại gia hay xuất gia, cần phải có công phu tu hành chân thật. Tự bản thân mình không đoạn chánh lại muốn giúp cho người khác đoạn chánh thì thật là vô lý. Trong thời đại có quá nhiều tai nạn này, bản

thân mình không có khả năng tiêu trừ tai nạn mà muốn hỗ trợ giúp đỡ người khác cũng là chuyện hoàn toàn vô lý. Vì thế, câu “*chính kỷ hóa nhân*” này hết sức trọng yếu.

Trong bản văn, từ câu này trở xuống giảng về việc giáo hóa người khác, cho nên câu này là nói tổng quát. Trong sách *Vị biên* cũng chú giải [phần này] rất tường tận, chi tiết. Trong sách giải thích về hai chữ *chính* và *hóa*. Thế nào là *chính*? “*Xác bất khả di*” (đúng thật không thể thay đổi), đó gọi là *chính*. Thế nào là *hóa*? Hóa là “*tự nhiên nhi nhiên*” (hoàn toàn theo tự nhiên). Hai câu giải thích này rất hay.

Chính là lòng tin kiên định, là tâm nguyện kiên định. Lòng tin và tâm nguyện của chúng ta là ở nơi cầu đạo, là ở nơi cầu chứng quả. Thế nào là chứng quả? Trong Phật pháp, A-la-hán là chứng quả, Bồ Tát là chứng quả, Phật là chứng quả. Muốn được chứng quả thì trước hết phải dứt trừ phiền não. Tập khí phiền não không dứt trừ thì sự tu học của ta không thể nói đến thành tựu gì.

Chúng ta đều biết, dứt trừ hết sạch *kiến tư phiền não* mới có thể chứng đắc quả A-la-hán. Ví như chúng ta không dứt trừ được hết, cũng phải hướng theo con đường dứt trừ phiền não, nhất định phải làm cho phiền não giảm nhẹ bớt đi, thì công phu tu tập của chúng ta mới có thành tựu. Phiền não mỗi năm mỗi giảm nhẹ, mỗi tháng mỗi bớt đi thì đời sống của chúng ta được hạnh phúc, được tự tại, được vui thích. Trong Phật pháp thường nói “*pháp hỷ sung mãn*” (tràn đầy niềm vui của chánh pháp), đó là lời chân thật không hư dối.

Học Phật học được rất nhiều niềm vui, rất nhiều lợi ích. Trong quý vị đồng tu ở đây, có người được như vậy hay không? Quả thật là có, mà không phải số ít. Họ thực sự có được lợi ích nên đến nói với tôi, tôi vui mừng cho họ. Họ có được niềm vui của chánh pháp, họ chân chánh tu tập.

Từ chỗ nào bắt đầu làm? Các bậc cổ đức dạy ta rất nhiều

điều, nhưng quan trọng, khẩn thiết nhất vẫn là phải bắt đầu từ không nói dối. Đó là lời răn dạy chân thật. Chúng ta tu hành từ đâu bắt đầu? Bắt đầu tu tập từ việc không nói dối. Điều này phù hợp với cương lĩnh tu hành được đức Thế Tôn giảng trong kinh Vô Lượng Thọ: *“Thiện hộ tam nghiệp”* (Khéo phòng hộ ba nghiệp.) Chúng ta xem thấy câu đầu tiên dạy rằng: *“Khéo phòng hộ khẩu nghiệp, không chê bai lỗi người.”* Các bậc đại đức xưa dạy chúng ta bắt đầu từ việc không nói dối. Bắt đầu từ đó khởi tu là tương ưng, phù hợp với lời dạy trong kinh.

Các bậc đại đức xưa dạy chúng ta phương pháp tu tâm thanh tịnh, pháp môn tu của Tịnh độ tông là *“nhất tâm bất loạn”*, mục đích tu học của Tịnh độ tông thực sự cũng chính là *“nhất tâm bất loạn”*. Kinh A-di-đà dạy *“nhất tâm bất loạn”*, lại cũng nói *“tâm bất điên đảo”*. *Nhất tâm bất loạn* là định, *tâm bất điên đảo* là tuệ.

Làm sao có thể thực sự thành tựu được *“nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo”*? Đương nhiên việc khéo phòng hộ ba nghiệp là cực kỳ trọng yếu, nhưng phải bắt đầu từ đâu? Người xưa dạy rằng: *“Tri sự đa thời phiền não đa, thức nhân đa xứ thị phi đa.”* (Lắm lần biết chuyện, lắm phiền não; nhiều chỗ quen người, nhiều thị phi.) Cần gì phải nghe biết lắm chuyện đến thế? Đi đâu cũng dò hỏi nghe ngóng, vậy là quý vị chết chắc rồi!

Ngày trước, khi tôi xuất gia thọ giới, có một vị sư huynh cùng thọ giới là pháp sư Giác Bân. Huynh ấy thọ giới không bao lâu sau, dường như khoảng nửa năm, thì đến Nam Bộ để đóng cửa nhập thất. Thật tốt quá, lúc ấy tôi hết sức ngưỡng mộ huynh ấy, hẳn phải thật nhiều phúc báo mới có thể được đóng cửa nhập thất tu tập như vậy. Qua một năm sau, tôi có nhân duyên đến Nam Bộ, đặc biệt tìm đến thăm huynh ấy.

Vào lúc bắt đầu nhập thất, huynh ấy có mượn của tôi bộ

sách “*Trung quán luận số*”, cũng không dày lắm, là loại sách dùng chỉ khâu gáy thành tập, cả thấy 12 quyển. Huynh ấy muốn mượn để đọc trong lúc nhập thất. Đến lúc ấy đã quá một năm rồi, tôi hỏi: “Bộ sách huynh mượn của tôi đã đọc đến đâu rồi?” Huynh ấy đáp: “Quyển thứ nhất còn chưa đọc xong.”

Lần gặp nhau đó, huynh ấy kể với tôi đủ thứ chuyện trong thiên hạ, chuyện đạo trường, chuyện pháp sư... Huynh ấy đóng cửa nhập thất mà sao tin tức nhanh chóng thông suốt đến thế! Tôi ở bên ngoài chẳng nghe biết chuyện gì cả. Tôi nghe huynh ấy kể những chuyện mới xảy ra, [nói là đóng cửa nhập thất nhưng] như thế này thì có cửa nào đóng? Cho nên, một chút thành tựu cũng không có.

Về sau huynh ấy cùng pháp sư Bạch Thánh đến chùa Cực Lạc ở Tân Thành thuộc Nam Dương. Pháp sư Bạch Thánh làm trụ trì, nhờ huynh ấy quán xuyến việc chùa. Ở đó không lâu thì huynh ấy qua đời. Huynh ấy là người tốt, đối với tôi cũng tốt, chỉ có điều rất thích dò la nghe ngóng việc đời. Người xưa nói: “*Lắm lần biết chuyện, lắm phiền não*.” Anh ấy thật lắm phiền não nên tâm không thể an định.

Quý vị đồng tu, bất kể là tại gia hay xuất gia, giữ tâm thanh tịnh là điều quan trọng cốt yếu. Những chuyện không liên can đến bản thân mình thì nghe biết nhiều để làm gì? Quý vị ở đây đều biết, bao nhiêu người viết thư cho tôi, những thư ấy tôi không xem đến. Vì sao vậy? Tôi không muốn biết quá nhiều chuyện đến thế. Viết thư cho tôi để làm gì? Chuyên tâm niệm Phật là tốt rồi. Tôi mỗi ngày giảng kinh đã là nhiều việc, còn muốn thêm những việc không liên can đó nữa thì hết sức sai lầm.

Người quen biết thì càng ít càng tốt. Quý vị xem, tôi có một quyển sổ tay nhỏ ghi số điện thoại, chỉ có hơn hai mươi người, đó là những số nào? Là những số khi cần liên lạc

không thể không ghi lại, còn những số không cần thiết tôi không ghi. Số điện thoại của chính tôi, tôi cũng không biết. Những số điện thoại, số fax của Học Hội chúng ta, của cư sĩ Lâm, hoặc số của phòng tôi ở trên lầu, tôi đều không biết. Ghi nhớ những thứ ấy để làm gì? Tên người tôi không nhớ, cũng tốt thôi, gặp mặt thấy quen thì chào hỏi, còn quý vị tên họ là gì tôi không biết. Không dính dáng liên hệ gì, quý vị là một người tự tại biết bao!

Nếu nói rằng phải nhớ tên họ bao nhiêu người, vậy sao không nhớ bao nhiêu danh hiệu chư Phật, Bồ Tát? Làm bằng hữu với chư Phật, Bồ Tát, giao hảo với chư Phật, Bồ Tát thì con đường tương lai của chúng ta mới có hy vọng [tốt đẹp hơn]. Cho nên, những lời dạy của các bậc hiền thánh xưa phải thường ghi nhớ trong lòng, vâng làm đúng theo những lời dạy ấy. Lời dạy của các ngài đều là giúp chúng ta đạt đến giác ngộ, chân chánh và thanh tịnh. Đó là những lời răn dạy chân thật.

Trong giao tiếp giữa người với người, sai lầm lớn nhất, chướng ngại lớn nhất là lan truyền những chuyện thị phi. Người tu hành vì sao không thành tựu? Hội họp nhau, quý vị thủ lắng nghe xem, những điều họ nói ra toàn là chuyện thị phi, tốt xấu [của người khác].

Trong phần trước tôi xem thấy một công án, đã có nêu ra với quý vị rồi. Chuyện kể rằng có một pháp sư tu thiền định, trong khi nhập định nhìn thấy hai vị tăng trò chuyện, có thần hộ pháp vây quanh. Một lúc sau, các thần hộ pháp bỏ đi. Sau đó, một đám yêu ma quỷ quái hiện đến vây quanh họ. Do nhân duyên gì vậy? Vị thiền sư kể, ban đầu hai người xuất gia ấy nói chuyện Phật pháp, nên có hộ pháp vây quanh. Sau đó, họ nói chuyện trong gia đình, các thần hộ pháp liền bỏ đi. Sau khi nói chuyện nhà xong, hai người bắt đầu nói chuyện thị phi, yêu ma quỷ quái liền kéo đến. Cho nên, nếu thường

nói chuyện thị phi, bàn luận tốt xấu, hay dở [của người khác], quý vị nên biết là chung quanh quý vị sẽ toàn yêu ma quỷ quái, không có hộ pháp thiện thân.

Làm thế nào để được chư Phật hộ niệm, chư vị thiện thân, trời, rồng theo bảo vệ, giúp đỡ? Phải giữ tâm thường theo chánh đạo. Đó là cảm ứng giao hòa trong đạo thể. Chúng ta khởi tâm động niệm có sự giao cảm, chư Phật, Bồ Tát liền ứng hiện. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm có sự giao cảm bất thiện, yêu ma quỷ quái liền ứng hiện.

Yêu ma quỷ quái từ đâu đến? Quý vị tự chiêu cảm họ đến. Không phải họ đi tìm quý vị, chính là quý vị đi tìm họ. Quý vị vừa tìm, họ liền đến ngay. Khởi một niệm xấu ác, nói một lời xấu ác, tất cả đều khiến yêu ma quỷ quái tìm đến. Người tu hành làm những việc như vậy, chẳng phải là hết sức sai lầm đó sao? Cho nên phải nhớ kỹ, lời dạy của người xưa cực kỳ hữu lý: *“Tri sự thiếu thời phiền não thiếu.”* (Ít lần biết chuyện, ít phiền não.)

Cho nên, người tu hành thời xưa vì sao chọn những nơi núi sâu, không có dấu chân người? [Vì như vậy] tâm họ thanh tịnh, dễ dàng thành tựu. Chúng ta hiện nay cư trú nơi đô thị, là hoàn cảnh bất lợi nhất cho sự tu tập. Hoàn cảnh đã không tốt, quý vị còn đi đó đây lắng nghe dò xét, còn soi mói bới móc thêm chuyện, vậy thì [tu hành] được gì? [Như vậy thì] quý vị không có hy vọng gì thành tựu.

Cho nên, chúng ta muốn thành tựu thì nhất định trước hết phải biết cách bảo vệ, phòng hộ chính mình. Phương pháp bảo vệ phòng hộ tự thân thì Tứ thiên vương có chỉ bày cho chúng ta. Phương pháp biểu trưng của Tứ đại thiên vương, khi chúng ta hiểu được rồi, pháp ấy dạy ta bảo vệ, phòng hộ mình như thế nào, ta phải học.

Bồ Tát Di-lặc là hình tượng biểu trưng của Hòa thượng Bồ Đại. Đó là tâm của Bồ Tát Phổ Hiền, tâm lượng lớn, phước

báo lớn, tâm rộng lớn như hư không, bao trùm hết thảy các thế giới.

Trong kinh Hoa Nghiêm, cuối cùng của 53 lần tham vấn là tham vấn ba vị đại sĩ: Bồ Tát Di-lặc, Bồ Tát Phổ Hiền và Bồ Tát Văn Thù. Đồng tử Thiện Tài sau cùng tham học với ba vị Bồ Tát, [việc này có] dụng ý rất sâu xa. Di-lặc là biểu trưng tâm lượng, Văn-thù là biểu trưng trí tuệ. Tâm lượng không lớn lao thì trí tuệ không thể viên mãn. Trí tuệ hiển lộ trong thực tế chính là Bồ Tát Phổ Hiền. Phần cuối dùng [hình ảnh] ba vị đại sĩ để tiêu biểu cho đại viên mãn. Chúng ta đọc kinh phải thể hội được những ý nghĩa đó thì bản thân mình mới biết cách học tập như thế nào.

Một câu bốn chữ [*“Chính kỷ hóa nhân”*] này ý nghĩa rất sâu rộng, cũng phải cần thêm thời gian để đồng học chúng ta cùng nhau học tập.

Bài giảng thứ 55

(Giảng ngày 15 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Australia, file thứ 56, số hồ sơ: 19-012-0056)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Phần trước giảng đến hai chữ “*hóa tha*” (cảm hóa người khác), ý nghĩa tổng quát là “*chính kỷ hóa nhân*” (sửa mình chân chánh, cảm hóa người khác). Trong phần chú giải [Vị biên] đã nói rất hay: “*Đó gọi là tự thân chân chánh thì không cần mệnh lệnh [người khác cũng] làm theo. [Cho nên,] sửa mình chân chánh phải cần nhiều công phu, [nhưng] cảm hóa người khác có nhiều tác dụng kỳ diệu. Với những người có thể tự sửa mình chân chánh thì sẽ có khả năng cảm hóa người khác.*”

Những lời này đều khẳng định hết sức chắc chắn rằng, muốn hỗ trợ giúp đỡ người khác, hỗ trợ giúp đỡ xã hội này - như hôm qua tôi cũng đã giảng rất nhiều - điều quan trọng thiết yếu nhất vẫn là do nơi chính bản thân mình. Tự thân mình không chân chánh mà muốn hỗ trợ giúp đỡ người khác thì cực kỳ khó khăn, đương nhiên sẽ gặp rất nhiều chướng ngại. Đặc biệt là trong xã hội hiện đại của chúng ta, về sự tương ứng cũng như lý lẽ ta đều phải hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ: Tự tâm mình chân chánh, lời nói chân chánh, việc làm chân chánh, thì tự nhiên có thể được mọi người tôn trọng.

Không chỉ là mọi người đối với quý vị có sự tôn trọng mà quý thân cũng tôn trọng, trong chỗ u mặc vô hình tự nhiên [quý vị có] được sự ủng hộ [của họ], hơn nữa còn được chư Phật hộ niệm. Tự thân mình muốn làm việc chân chánh thì điều quan trọng cốt yếu là tâm phải chân chánh.

Mỗi người chúng ta đều muốn học, hết sức mong muốn được học, vì sao không học được? Nguyên nhân không học được là vì không buông bỏ những ý niệm tự tư tự lợi, hết thấy đều bị chướng ngại bởi những ý niệm này. Cho nên, nếu muốn tâm chân chánh, hành vi chân chánh, thì cần phải buông xả hết những ý niệm gây chướng ngại ấy.

Nhưng cũng có một số vị đồng tu nói rằng, chúng tôi rất muốn buông bỏ mà không buông bỏ được. Vậy nguyên nhân không buông bỏ được nằm ở đâu? Nói thật ra thì nguyên nhân chính là vì không hiểu được thật tướng của các pháp. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết pháp trong 49 năm, 49 năm ấy ngài thuyết dạy những gì? Nói gọn một câu, chính là giảng về thật tướng của các pháp. Theo cách nói hiện nay thì đó là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Thấu hiểu được chân tướng rồi thì tự nhiên dễ dàng buông bỏ, không một chút khó khăn gì.

Nhưng chân tướng vũ trụ nhân sinh đã sâu xa lại rộng lớn, rất khó thấu hiểu được. Cho nên đức Phật phải dùng đến thời gian lâu dài đến thế. Đặc biệt thuyết giảng chuyên biệt về ý nghĩa này chính là kinh Bát-nhã. Đức Phật thuyết giảng kinh Bát-nhã đến 22 năm. Trong 49 năm thuyết pháp, kinh Bát-nhã chiếm 22 năm, gần đến một nửa thời gian. Đức Phật dành một thời gian dài đến thế, tâm từ bi khó nhọc răn dạy, chỉ một mục đích duy nhất là giúp đỡ, hỗ trợ chúng ta nhìn thấu [được thật tướng của các pháp]. Nhìn thấu được rồi thì sau đó trên đường tu tập đạo Bồ-đề sẽ không còn chướng ngại gì lớn.

Đường Bồ-đề là gì? Đó là con đường sống hạnh phúc mỹ mãn. Bồ-đề là Phạn ngữ, có nghĩa là giác ngộ. Khi chúng ta sống trong trạng thái giác ngộ mênh mông, đối đãi với muôn người, tiếp xúc với sự vật đều không mê hoặc điên đảo, đó gọi là đi trên đường Bồ-đề. Cho nên, đường Bồ-đề chính là đời sống, công việc thường ngày, chính là những hoạt động bình

thường trong đối nhân xử thế, tiếp xúc, ứng xử với sự vật. Hoạt động bình thường như thế cũng chính là đời sống của Bồ Tát, đời sống của chư Phật. Chúng ta học Phật, mục đích cũng chính là ở điểm này. Đây là điều mà chúng ta trước hết phải nhận thức thật rõ ràng, không thể xem chư Phật, Bồ Tát như những vị thần rồi chờ đợi, cầu khẩn sự bảo vệ, giúp đỡ cho ta. Quan niệm như thế là hoàn toàn sai lầm.

Công phu tu tập “*chính kỷ hóa nhân*” đương nhiên trước hết phải thiết lập cho được một vũ trụ quan, một nhân sinh quan chính xác, cũng có nghĩa là xác định một nhận thức, cách nhìn đối với nhân sinh, đối với hoàn cảnh, môi trường sống. Có nhận thức chính xác, đó là trí tuệ. Có trí tuệ rồi còn cần phải có công phu. Công phu là gì? Là khắc phục tập khí phiền não của bản thân. Đó là công phu, [phiền não] phải khắc phục.

Tập khí phiền não vốn được nuôi dưỡng, tích tập từ vô thủy kiếp đến nay, Nho gia gọi là tập tánh, là thói quen lâu ngày thành tự nhiên. Tập tánh như thế rất đáng sợ, rất phiền toái, rất khó dứt trừ. Nhưng khi chưa dứt trừ hết [tập khí phiền não] thì dù có nhận hiểu được, lý giải được cũng chẳng ích lợi gì, vẫn cứ tạo tác [nghiệp lưu chuyển trong] sáu đường luân hồi, vẫn cứ phải đọa vào ba đường ác.

Do đâu đọa vào ba đường ác? Do [những ý niệm] thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn. Những quan niệm như thế, những hành vi như thế là nghiệp nhân đọa vào ba đường ác. Chúng ta phải dứt trừ, buông bỏ được những tác nhân này thì mới không còn bị đọa vào ba đường ác.

Nhưng liệu được mấy người có khả năng dứt trừ? Vì sao không thể dứt trừ? Vì không chịu khắc phục tập khí phiền não của tự thân, sáu căn tiếp xúc với sáu trần, tự nhiên lập tức sinh khởi tham, sân, si, mạn, tự nhiên sinh khởi [những ý niệm] tự tư tự lợi. Những phiền toái như vậy thật lớn lắm.

Cho nên, Phật dạy chúng ta phải thực hiện một cuộc chuyển biến. Lời dạy này rất hay. Nhất định phải thực hiện một cuộc chuyển biến. Về mặt công phu tu tập mà nói, muốn bỏ ác làm thiện phải bắt đầu thay đổi từ đâu? Phải bắt đầu từ nơi ý niệm mà thay đổi, phải bắt đầu từ nơi hành vi mà thay đổi. Trong quá khứ, mọi ý niệm của ta đều vì bản thân mình, mọi hành vi cũng đều vì bản thân mình. Hãy đem những ý niệm như thế chuyển đổi, từ nay về sau luôn vì người khác, không vì tự thân mình. Mỗi một thời khắc đều lo nghĩ vì người khác, lo nghĩ vì xã hội, lo nghĩ vì hết thảy chúng sinh.

Thế gian có rất nhiều người đáng thương. Vì sao họ đáng thương như vậy? Vì không ai dạy bảo họ, nên không biết làm thiện, không biết tích đức, gây nhân xấu ác phải chịu quả xấu ác, tuy được thân người, chuyện ăn mặc thường bị thiếu thốn. Chúng ta thấy như vậy phải hết lòng hết sức giúp đỡ hỗ trợ cho họ.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thuở còn tại thế, không chỉ tự thân ngài mà ngay cả những đệ tử của ngài, không phải là không thể sống cuộc sống sung túc hơn. Các vị có thể chọn cuộc sống tốt hơn rất dễ dàng. Bản thân đức Phật xuất thân là một vương tử, các vị quốc vương, đại thần đều là hộ pháp của ngài, nên muốn hưởng thụ vật chất đến mức độ nào đi nữa, đối với ngài đều không phải chuyện khó khăn. Ngài vì sao phải ôm bát đi khát thực? Vì sao phải sống cuộc đời đơn sơ khó nhọc như vậy? Không gì khác hơn là muốn giảm bớt một miếng ăn để giúp đỡ người đói thiếu.

Ngài có thực sự giúp được gì chăng? Xin nói để quý vị biết, quả thật là giúp được. Giảm bớt sự hưởng thụ vật chất của bản thân mình chính là giúp đỡ, hỗ trợ cho người đói thiếu. Nếu ta không có tâm hạnh này thì đương nhiên không có khả năng thực hành Bồ Tát hạnh. Trước tiên phải có tâm hạnh này, là tâm thuần thiện, là hạnh thuần thiện, cho nên

cảm động đến các vị thiện thần, trời, rồng đều hộ trì, việc giáo hóa chúng sinh trong một đời mới đạt được hiệu quả.

Chúng ta học Phật phải từ chỗ này mà bắt đầu, phải có công phu tu tập chân chánh. Chúng ta ngày nay hưởng thụ vật chất, lấy chuyện ăn uống mà nói, ngày ba bữa vẫn chưa thấy đủ, còn phải bổ sung thêm các bữa ăn vặt. Đó là do nguyên nhân gì? Thân thể này là thân nghiệp chướng. Tâm có nghiệp chướng, thân cũng có nghiệp chướng. Sự ăn uống đối với sinh mạng con người là quan trọng thiết yếu nhất. Trong mạng sống của ta, thân thể này là một cỗ máy vận hành không ngừng nghỉ nên cần phải có năng lượng cung cấp bổ sung. Sự ăn uống chính là năng lượng bổ sung. Người nghiệp chướng nặng nề thì tiêu hao năng lượng rất nhiều, nếu bổ sung ít sẽ sinh bệnh, không thể làm việc. Người tiêu hao năng lượng ít [thì dù bổ sung ít cũng vẫn] làm việc bình thường.

Năng lượng tiêu hao rốt cuộc là do đâu? Người học Phật đều biết, khoảng 95% năng lượng tiêu hao vào vọng niệm, chúng ta thường gọi là tư tưởng loạn động. Người tu hành so với mọi người trong xã hội nói chung thường ít vọng niệm hơn, tâm ý tương đối thanh tịnh hơn. Vọng niệm ít thì tiêu hao năng lượng ít, cho nên việc bổ sung năng lượng cũng ít. Đức Thế Tôn vì những người sơ học chúng ta mà thị hiện, dạy chúng ta đem tất cả những ưu tư lo phiền vướng mắc buông bỏ hết đi, vì hết thấy những thứ ấy đều không cần thiết. Như vậy thì thân tâm quý vị đều được lành mạnh khỏe khoắn, mức tiêu hao năng lượng dần dần giảm thấp. Cho nên, mỗi ngày ăn một bữa là đủ. Ngay cả một bữa ăn này, [thỉnh thoảng] không ăn cũng chẳng hề gì, vẫn có thể vận động làm việc bình thường. Đó là sự thật.

Chúng ta đọc thấy trong kinh điển, tâm ý của vị A-la-hán vô cùng thanh tịnh, vọng tưởng, tạp niệm hầu như không có. Năng lượng bổ sung của các ngài, mỗi tuần chỉ khát thực

một lần, có nghĩa là mỗi tuần chỉ ăn một bữa cơm. Các ngài ăn một bữa cơm, dưỡng chất cung cấp trong một tuần như vậy là đủ. Các vị Phật Bích-chi có công phu an định còn hơn thế nữa, so với các vị A-la-hán thì tâm ý các ngài thanh tịnh hơn, nửa tháng mới đi khát thực một lần, nghĩa là hai tuần ăn một bữa cơm, đối với các ngài là đủ.

Trong thực tế, chư Phật và các bậc Pháp thân Đại sĩ có cần đến việc ăn uống hay không? Không cần thiết nữa. Đối với các ngài có thể hoàn toàn dứt bỏ. Đức Phật ra đời là thị hiện một tấm gương để chúng ta noi theo. Trong cương vị đó, ngài có thể hoàn toàn dứt bỏ việc ăn uống. Nhưng dứt bỏ việc ăn uống rồi, phàm phu chúng ta nhìn thấy mà không thể noi theo, như vậy thì làm sao? Cho nên, ngài dạy chúng ta rằng người tu hành mỗi ngày ăn một bữa là được.

Việc tu tâm thanh tịnh là quan trọng thiết yếu, niềm vui thiên định là thực phẩm, niềm vui trong chánh pháp tràn đầy. Dùng niềm vui thiên định, dùng niềm vui chánh pháp để nuôi dưỡng thân thể, dùng tâm thanh tịnh, như vậy thì năng lượng tiêu hao ở mức ít nhất. Đó là công phu tu tập thực hành. Công phu này phải được rèn luyện ngay trong cuộc sống thường ngày, rèn luyện tâm thanh tịnh, hạnh thanh tịnh.

Tâm hạnh thanh tịnh không phải điều gì khác, chính là buông xả mà thôi. Những việc không liên can phải buông xả, những ý niệm không liên can phải dứt trừ, thường duy trì chánh niệm trong hiện tại. Chánh niệm chính là niệm Phật. Ngày đêm tiếp nối, mỗi phút mỗi giây, trong lòng duy nhất chỉ có một câu Phật hiệu, đó là chánh niệm.

Hết thầy chúng sinh không biết được sự thù thắng của Phật pháp, không biết được sự lợi ích của niệm Phật. Chúng ta phải dùng phương tiện khéo léo để giúp đỡ, hỗ trợ, khiến cho chúng sinh biết được lợi ích của việc niệm Phật, cũng có

thể học tập, niệm Phật theo như chúng ta. Sự giúp đỡ hỗ trợ của Bồ Tát đối với chúng sinh không thể nói hết, nhưng chỉ có một mục đích duy nhất là cuối cùng dẫn dắt họ vào con đường niệm Phật. Mục đích ấy là hoàn toàn chân chánh, trừ mục đích này ra, Bồ Tát không có mục đích nào khác.

Cho nên, quý vị đối đãi với người khác, tiếp xúc với muôn vật, cần phải khởi tâm từ bi, mở rộng lòng khoan dung độ lượng, phải nhận thức được tổng thể vấn đề, nhất định không được tùy thuận theo tình cảm, tham muốn của riêng bản thân mình. Chiều theo tham muốn của bản thân là chiều theo phiền não, như vậy là sai lầm. Đạo Phật dạy rằng như vậy là quý vị đang tạo nghiệp.

Vì thế, trong công phu thường ngày ở bước khởi đầu, chúng ta phải làm giảm nhẹ đi [những ý niệm] thị phi, nhân ngã. Dứt trừ chúng không phải dễ, nên trước hết phải làm giảm bớt, phải xem nhẹ chúng. Đặc biệt là đối với những lời khen tiếng chê. Gặp lúc bị người khác nhục mạ phỉ báng, hoặc có lúc được người khác ngợi khen xưng tán, những việc khen chê ấy đều không để động lòng thì tâm quý vị sẽ dần dần thanh tịnh.

Những chuyện không thiết yếu thì không cần biết đến, những người không thiết yếu phải tiếp xúc thì không cần quen biết. Người xưa nói rất hay: *“Tri sự đa thời phiền não đa, thức nhân đa xứ thị phi đa.”* (Lắm lần biết chuyện, lắm phiền não; nhiều chỗ quen người, nhiều thị phi.) Lắm phiền não, nhiều thị phi, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh? Tâm quý vị không thanh tịnh thì nghiệp thanh tịnh không thể thành tựu.

Chỗ mong cầu của chúng ta là thế giới Tây phương Cực Lạc, sớm được gần gũi với đức Phật A-di-đà. Muốn vãng sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc, điều kiện duy nhất chính là: *“Tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.”*

Chúng ta niệm một câu Phật hiệu, hiệu quả ở chỗ nào? Đó là dùng câu Phật hiệu này để trừ hết những ý niệm vọng tưởng, phân biệt, bám chấp. Trong tâm có tạp niệm, khởi lên một câu A-di-đà Phật thì bao nhiêu tạp niệm liền buông bỏ. Nếu thực sự suốt ngày suốt đêm chỉ có mỗi một câu Phật hiệu trong tâm, vọng tưởng, tạp niệm không khởi sinh, đó là công phu của quý vị đã được thành tựu, chuyện vãng sinh nắm chắc trong tay. Quý vị cùng với đức Phật A-di-đà đã có sự cảm ứng giao hòa trong đạo thể. Ngược lại, niệm Phật mà vọng tưởng không dứt trừ, đương nhiên công phu tu tập như vậy không có hiệu quả.

Có người hỏi, học tập giáo pháp cũng khiến tâm phân tán, vậy có phải tạp niệm hay không? Nếu học giáo pháp vì để được danh tiếng, vì lợi dưỡng thì đó là tạp niệm. Nếu học vì để làm cho Phật pháp tỏa sáng rộng truyền, cứu độ khắp thấy chúng sinh thì đó là chánh niệm. Do đó có thể biết rằng, nếu chúng ta không vì bản thân mình, vì tất cả chúng sinh phá trừ si mê mở ra giác ngộ, đó chính là chánh niệm hiện tiền. Nếu vì danh tiếng, vì lợi dưỡng của bản thân, đó chính là ý niệm [lưu chuyển trong] luân hồi. Như vậy thì giảng kinh thuyết pháp cũng vẫn là tạo nghiệp luân hồi, là nghiệp lành trong các nghiệp luân hồi, quả báo đi vào ba đường lành.

Nếu tâm tham danh lợi quá nặng nề, nói chung không thể đi vào ba đường lành. Vậy đi về đâu? Đi vào ba đường ác mà hưởng phúc. Nói chung, hoàng pháp lợi sinh cũng là tu phúc. Nếu quá chú trọng vào danh tiếng, lợi dưỡng của bản thân mình, tham muốn hưởng thụ năm món dục, sáu trần cảnh, [người như thế] sẽ hưởng phúc trong cảnh giới súc sinh, hưởng phúc trong cảnh giới ngạ quỷ. Những trường hợp như vậy [xưa nay] rất nhiều, không thể kể hết.

Chư vị nghĩ xem, người bạn đồng học của ngài An Thế Cao ngày xưa [về sau thác sinh] làm Long vương ở hồ Cung

Đình, mang thân rắn. Đó là sinh vào cảnh giới súc sinh. Ông này đã tạo nghiệp gì? Ông là người xuất gia, thấu hiểu kinh điển, ưa thích làm việc bố thí. Giáo lý Phật pháp đều thông đạt, lại vui thích bố thí, nhưng ý niệm riêng tư chưa dứt trừ, chưa buông bỏ hết. Một hôm đi khát thực được món ăn không ngon, không vừa ý, trong lòng không thoải mái, liền tạo thành nghiệp đời sau phải sinh làm thân súc sinh. Tuy làm súc sinh nhưng phước báo lớn. Ông hiểu rõ kinh điển, có trí tuệ, nên đọa làm thân súc sinh nhưng được làm Long vương, hết sức linh hiển. Linh hiển là do ông có trí tuệ. Phước báo ông rất lớn, trong vòng một ngàn dặm [quanh nơi ông cư trú], người ta tìm đến lễ bái, cúng dường ông. Đó là phước lớn, vì [thuở trước] vui thích bố thí. Nhưng nỗi khổ không thể nói hết là ông phải làm Long vương.

Ngài An Thế Cao đến hóa độ cho ông, vì ông giảng kinh thuyết pháp, khuyên ông quay đầu hướng thiện. Trong truyện ký về ngài An Thế Cao ghi chép rất rõ ràng. Chỉ gặp một chút không vừa ý, không thỏa mãn mà người hiểu biết kinh điển, ưa thích bố thí vẫn phải đọa vào ba đường ác. Chúng ta ngay nay kinh điển không hiểu rõ, cũng không ưa thích bố thí, tánh nóng nảy thì lại hơn xa, vậy tương lai đi về đường nào chẳng phải đã quá rõ ràng, quá sáng tỏ rồi sao? Quý vị nhất định không thể được như ông ấy.

Cho nên, suy ngẫm việc này thật rất đáng sợ. Biết là đáng sợ thì phải quay đầu hướng thiện, không dám khởi lên ý niệm xấu ác, không dám làm những hành vi xấu ác. Vì thế, đọc nhiều truyện ký cũng có lợi ích, có thể từng giây từng phút cảnh giác bản thân mình, khích lệ [sự tu tập của] bản thân mình.

Bài giảng thứ 56

(Giảng ngày 16 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Australia, file thứ 57, số hồ sơ: 19-012-0057)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Câu “*chính kỷ hóa nhân*” vận dụng vào hành trì trong thực tế đời sống có rất nhiều sự tương phức tạp, không thể nói hết. Trong phần tiểu chú [sách *Vị biên*] có nêu một câu rất đáng để chúng ta học tập là: “*Thanh quý dung, nhân quý đoán*.” (Người thanh cao quý ở sự bao dung, kẻ nhân từ quý ở sự quyết đoán.) Hai câu này thường chính là chỗ chúng ta xao nhãng xem nhẹ.

Người học Phật so với người thế gian thì khác biệt lớn nhất là sự thanh cao. Ngạn ngữ có câu: “*Nghèo thanh cao [hơn] giàu như nhuốc*.” Đây quả là một câu có giá trị muôn đời.

Nhưng người thanh cao cốt yếu phải có sự bao dung độ lượng. Trong Phật pháp, đức Thế Tôn là người thanh cao không ai sánh bằng, khiến cho người người đều kính ngưỡng. Giáo dục Phật giáo cũng xem đây là một trong những phẩm tính cần được dạy dỗ trước tiên.

Chúng ta đi vào các tự viện chùa chiền theo kiến trúc Phật giáo thì kiến trúc đầu tiên là điện Thiên Vương, có người gọi là thần Hộ Pháp. Ngay chính giữa điện Thiên vương thờ Bồ Tát Di-lặc. Người Trung quốc xưa tạc tượng Bồ Tát Di-lặc đều theo hình dạng Hòa thượng Bồ Đại.

Hòa thượng Bồ Đại sinh vào đời Nam Tống của Trung quốc. Quý vị đều biết, đời Nam Tống có Đại tướng Nhạc Phi, Hòa thượng Bồ Đại sinh đồng thời với vị đại tướng này, tại

huyện Phụng Hóa thuộc tỉnh Chiết Giang. Khi sắp viên tịch ngài mới nói cho mọi người biết rằng ngài là Bồ Tát Di-lặc hóa thân. Điều đó không sai, ngài nói xong liền viên tịch nên đó là sự thật. Nếu nói rồi không viên tịch, đó là giả dối, không thể tin được.

Hiện tại chúng ta nghe rất nhiều vị pháp sư, đại đức, tự xưng là Phật, Bồ Tát ra đời, nhưng họ nói rồi vẫn tiếp tục sống, điều đó không tin được. Hòa thượng Bồ Đại nói xong thì viên tịch ngay. Cho nên người Trung quốc từ đó về sau tạo tượng Bồ Tát Di-lặc đều tạc theo hình dạng của ngài.

Hình tượng ngài rất đặc biệt, có ý nghĩa biểu trưng vô cùng tốt đẹp. Đó là hình tượng hoan hỷ, cho nên mọi người thường tôn xưng là Phật Hoan Hỷ, luôn tươi cười chào đón mọi người, thể hiện niềm vui chánh pháp tràn đầy. Ý nghĩa biểu trưng thứ hai là bụng ngài rất lớn, biểu thị sức dung chứa, có thể bao dung khoan thứ. Cho nên, người xưa từ nơi hình tượng biểu trưng của ngài mà đề ra hai câu tám chữ, cũng được dùng để giáo huấn người mới học: “*Sinh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng.*” (Khởi sinh tâm bình đẳng, hiện tướng hoan hỷ mừng vui.) Hai câu này dùng dạy người mới học, là bài học đầu tiên. Cho nên nhất định phải có sức dung chứa, phải bao dung khoan thứ. Nếu không thể bao dung thì nhất định không có khả năng học Phật.

Vì sao vậy? Chúng ta hiện nay đều biết rất rõ ràng, Phật pháp là nền giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa. Điều quan trọng thiết yếu nhất của đa nguyên văn hóa là khả năng bao dung. Không có khả năng bao dung thì không thể nói đến giáo dục đa nguyên văn hóa. Cho nên phẩm tính bao dung khoan thứ được đưa lên hàng đầu, chính là điều mà chúng ta không thể không biết đến, không thể không học tập.

Người học Phật bất kể là tại gia hay xuất gia, nói thật ra thì mục đích không gì khác hơn là học cách sống chung hòa

thuận, vui vẻ với các tôn giáo, tín ngưỡng khác biệt, văn hóa khác biệt, chủng tộc khác biệt. Ý nghĩa là như vậy. Bài học đầu tiên này nếu chúng ta không hiểu rõ thì việc học Phật về sau sẽ có nhiều chướng ngại, sẽ gặp nhiều khó khăn.

Câu thứ hai là “*Nhân quý đoán.*” (Kẻ nhân từ quý ở sự quyết đoán.) Nhân là nhân từ. Điều đáng quý ở người nhân từ là sự quyết đoán. Quyết đoán những gì? Phải có khả năng [quyết đoán] phân biệt rõ ràng những điều thị phi, thiện ác, tà chính. Đó mới là người chân chánh nhân từ.

Nhà Phật thường nói: “*Từ bi đa họa hại, phương tiện xuất hạ lưu*” (Từ bi gặp nhiều tai họa, phương tiện đi vào đường xấu), nhưng cũng nói: “*Từ bi vi bản, phương tiện vi môn*” (Từ bi là căn bản, phương tiện là cửa vào). Quả thật, nhìn theo hướng tiêu cực thì từ bi đúng là dễ gặp phải nhiều tai họa, phương tiện dễ đi vào đường hèn xấu. Nguyên nhân vì đâu? Là vì dựa theo tình cảm mà ứng xử, không có trí tuệ quyết đoán. Nếu như có trí tuệ quyết đoán thì những hệ quả xấu đó đều có thể tránh được.

Cho nên, Phật pháp là nền giáo dục trí tuệ. Có trí tuệ chân thật mới có thể dung hợp được các chủng tộc khác biệt, mới có thể làm cho pháp thân được lành mạnh Khang kiện. Phạm vi pháp thân rất mênh mông rộng lớn, nay chỉ nói ở phạm vi nhỏ hẹp là xã hội này được lành mạnh tốt đẹp, như vậy thì quý vị có thể dễ nhận hiểu hơn. Mọi người trong xã hội có thể sống chung hòa thuận, xã hội đó sẽ lành mạnh tốt đẹp, quốc gia ấy tốt đẹp, thế giới tốt đẹp. Giáo dục Phật giáo là nhằm mục đích này.

Sự phát triển trí tuệ và đức hạnh của mỗi cá nhân phải đạt đến mức viên mãn tròn đầy. Trí tuệ và đức hạnh viên mãn có tác dụng gì? Đó là [dẫn đến] thế giới đại đồng, hết thấy chúng sinh cùng sống chung hòa thuận. Hết thấy chúng sinh đó không chỉ là toàn nhân loại, mà còn bao quát cả hết

thầy động vật, thực vật, cho đến núi sông đất nước, tất cả đều có thể sống chung hòa thuận không hủy hoại lẫn nhau.

Chúng ta nhất định không được cho rằng động vật có tánh linh còn thực vật không có tánh linh, khoáng vật không có tánh linh. Nhận thức như vậy là sai lầm. Thực vật cũng có tánh linh, khoáng vật cũng có tánh linh, hòn đá cũng có tánh linh. Nếu như không có tánh linh, [ngày xưa] Sinh công¹ thuyết pháp sao đã biết gặt đầu? Cho nên, khoáng vật cũng đều có tánh linh.

Quý vị có thể thắc mắc, vì sao khoáng vật lại có tánh linh? Đó là vì cùng một pháp tánh biến hiện ra. Tánh linh của khoáng vật so với tánh linh của động vật, nói thật ra không có gì khác biệt. Chính là ý nghĩa trong nhà Phật nói “*bất tăng bất giảm*” (không thêm không bớt). [Tánh linh ở] động vật không thêm chút nào, ở nơi thực vật, khoáng vật cũng không bớt chút nào. Tánh linh là bình đẳng. Đó là lẽ chân chánh, là chân lý. Người biết được lẽ này không nhiều, chỉ có chư Phật, Bồ Tát rõ biết. Trong các vị Bồ Tát thì đặc biệt là các bậc Pháp thân Đại sĩ. Cho nên, nếu không đọc kỹ kinh điển, hiểu sâu nghĩa lý, thì ý nghĩa lớn lao này rất ít người biết được.

Người phương Tây nói rằng, nhân loại không biết yêu quý trái đất, tùy ý giẫm đạp hủy hoại trái đất, cho nên trái đất phải đáp trả lại, phải trả thù, khiến chúng ta gặp nhiều tai

¹ Sinh công, tức ngài Đạo Sinh, một cao tăng Trung quốc sinh khoảng năm 355 và viên tịch vào năm 434. Ngài là một trong những người xiển dương giáo lý về tánh Phật rất sớm, ngay từ khi kinh Đại Bát Niết-bàn còn chưa có bản dịch Hán ngữ. Vì thế, rất nhiều người hoài nghi sự thuyết pháp của ngài. Nhân đó, ngài lên núi cao thuyết giảng trước một bãi đá và nguyện rằng nếu lời thuyết giảng đúng với Phật pháp thì đá sẽ gặt đầu. Quả nhiên đã xảy ra như vậy. Về sau, khi bản dịch Hán ngữ của kinh Đại Bát Niết-bàn được lưu hành, mọi người mới biết rằng những lời thuyết giảng của ngài là chân thật, đúng với Phật pháp.

nạn, lũ lụt, động đất, bão tố, gọi là những tai họa của thiên nhiên. Điều này ngày nay chúng ta thấy là một cách báo thù của thực vật và khoáng vật đối với động vật.

Cho nên, chúng ta không chỉ yêu thương con người, yêu thương động vật, mà còn phải yêu thương hết cả thực vật, khoáng vật đủ loại, hết thảy đều phải thương yêu bảo vệ, đem tâm thanh tịnh bình đẳng mà thương yêu bảo vệ, như vậy mới được.

Hơn nữa, tu học Phật pháp phải nhận thức được việc chung, phải chú trọng vào việc chung. Những gì là việc chung? Hết thảy chúng sinh trong pháp giới là việc chung, đó là điều mà chư Phật Như Lai, các bậc Pháp thân Đại sĩ thường xuyên quan tâm đến. Đối với những người sơ học như chúng ta mà nói [thì phạm vi có nhỏ hẹp hơn], một xã hội có an ninh là việc chung, đất nước giàu mạnh là việc chung, thế giới hòa bình là việc chung. Chúng ta mỗi khi khởi tâm động niệm phải quan tâm đến việc chung.

Người nhận hiểu được việc chung mới có khả năng buông bỏ được những điều riêng tư, không giành lợi ích cho riêng mình. Những lúc tình cảm riêng tư hay sự yêu thích của cá nhân có xung đột, mâu thuẫn với việc chung, nhất định phải lo cho thành tựu việc chung, hy sinh phần riêng tư của bản thân mình. Đó là lời Phật dạy chúng ta.

Lẽ chung với tình riêng phải phân biệt rõ ràng, tuyệt đối không được thuận theo tình riêng mà làm tổn hại lẽ chung. Đó đều là những nguyên tắc quan trọng, những tiền đề quan trọng, chúng ta không thể không quan tâm, không thể không suy ngẫm kỹ càng.

Đến như trong đời sống, các bậc hiền thánh xưa cũng dạy chúng ta nguyên tắc ứng xử, đối đãi với người khác. Đó là: “Gặp lúc nhiều việc càng phải bình thản.” Vì sao vậy? Dù có bận cũng không để phải rộn, nên dùng tâm lý bình thản để

giải quyết những công việc bận bịu, bề bộn. Đó chính là biểu hiện của trí tuệ cao minh, trong Phật pháp thì gọi là phương tiện khéo léo.

Gặp lúc khó khăn nguy cấp lại càng phải đặc biệt giữ tâm bình tĩnh. Lúc khó khăn nguy cấp mà trong lòng hồi hả gấp gáp thì nhất định càng gây rối loạn thêm. Cho nên, lúc khó khăn nguy cấp càng phải giữ tâm bình tĩnh để đối phó, xử lý. Đặc biệt đối với những người ở cương vị lãnh đạo, như chúng ta đều biết, người lãnh đạo phải thông minh sáng suốt hơn so với người thường, vì họ dẫn đầu. Người dẫn đầu mà rối loạn thì những người theo họ đều loạn cả. Cho nên, gặp lúc khó khăn nguy cấp, những người dẫn đầu càng phải hết sức trầm tĩnh, hết sức ổn định, đó gọi là gặp việc không loạn. Lúc bình thường phải hết sức phòng ngừa, phải thường xuyên kiểm tra, nhưng lúc xảy việc phải giữ tâm nhẫn nại, phải có đủ hai yếu tố ổn định và sáng suốt.

Con người sống chung với nhau cũng như sống chung với muôn vật trong trời đất, tâm nghi ngờ là khuyết điểm nghiêm trọng. Trong *kiến tư phiến não* có năm loại *tư hoặc*, bao gồm: *tham, sân, si, mạn* và thứ năm là *nghi*. Thông thường khi nêu tên những tư hoặc này, chúng ta nói đến *nghi* là chỉ cho sự nghi ngờ đối với Thánh giáo. Đó là tâm nghi lớn, gây chuồng ngại cho sự khai ngộ, chứng quả của chúng ta. Nhưng còn có những tâm nghi hoặc nhỏ hơn cũng không thể xao nhãng xem nhẹ.

Những gì là tâm nghi hoặc nhỏ? Là sự nghi ngờ đối với người khác. Người với người mà nghi ngờ lẫn nhau thì làm sao có thể chung sống?

Vì sao khởi sinh hoài nghi? Nói thật ra, phần lớn sự hoài nghi khởi sinh từ thành kiến của chính mình. Thành kiến của tự thân rất sâu đậm, cho nên lúc nào sống chung với người khác cũng nghi bóng nghi gió, tâm lượng hẹp hòi nhỏ nhặt.

Bồ Tát dạy chúng ta phải khoan dung tha thứ lỗi người. Tâm lượng của quý vị rộng mở, có thể bao dung cho người khác thì phiền não nghi hoặc không còn nữa. Tâm lượng càng hẹp hòi thì lòng nghi hoặc càng sâu nặng. Nghi hoặc càng sâu nặng thì càng không thể sống chung cùng người khác.

Đặc biệt là đối với những người lãnh đạo. Người lãnh đạo mà có lòng nghi sâu nặng thì thuộc cấp bên dưới nhất định không có người tài. Lãnh đạo như vậy thì đối với người tài giỏi luôn nghi ngờ, đổ ky, do đó họ không sử dụng người tài mà chỉ dùng toàn những kẻ nô dịch dễ sai khiến. Chỉ dùng toàn những người mà trí tuệ năng lực đều không bằng mình thì sao có thể làm nên sự nghiệp? Người lãnh đạo thực sự có thể nhẫn nại nhún nhường với người khác thì người theo giúp họ đều là người tài.

Chúng ta đọc sách xưa có chuyện Quản Trọng, là một nhà chính trị kiệt xuất của thời xưa, theo giúp Tề Hoàn Công “*chín lần hội chư hầu, chinh đốn cả thiên hạ*”, giống như ngày nay ta nói là đứng đầu Liên Hiệp Quốc. Thời ấy chư hầu đều tôn kính Tề Hoàn Công, hết thảy đều làm theo ý Tề Hoàn Công, đó là thành công của Quản Trọng. Chúng ta đọc sách *Quản tử*, thấy Quản Trọng dùng người toàn là những nhân tài nổi bật, người nào cũng cũng có năng lực vượt trội hơn ông. Bất kể làm việc gì, như trong hành chánh ông không bằng người này, trong quản lý tài chánh ông không bằng người kia, trong chỉ huy quân chúng ông lại không bằng một người khác nữa... Nói chung, trong bất cứ việc gì ông cũng có chỗ kém hơn thuộc cấp của mình, nhưng ông làm Tể Tướng.

Đó chính là như trước đây tiên sinh Tôn Trung Sơn từng nói: “*Người lãnh đạo cần điều gì? Cần có quyền hạn. Cán bộ bên dưới cần có người tài.*” Phải sử dụng người tài, phát huy người tài. Tuyệt đối không được ganh ghét đổ ky người tài. Quản Trọng đã làm được như vậy. Người lãnh đạo phải có

tâm lượng bao dung như thế, cho nên người tài mới chịu làm việc cho ông, mới liều mạng sống vì ông.

Nói theo Phật pháp thì những người tài ấy trong quá khứ có duyên phần với ông. Không có duyên phần thì ai chịu làm việc cho quý vị? Phật pháp giảng về nhân quả rất sâu xa. Pháp thế gian chỉ thấy biểu hiện bên ngoài [trong hiện tại], không nói đến quá khứ. Phật pháp giảng rất sâu, rằng trong đời quá khứ đã có nhân duyên sâu đậm [với những người tài] ấy, đã kết duyên lành với nhau.

Cho nên, sự kết duyên là quan trọng thiết yếu hơn hết, phải kết duyên lành, tuyệt đối không kết duyên xấu ác. Phật dạy chúng ta: *“Oan gia nên mở, không nên buộc.”* Oan gia đối đầu là do trong đời quá khứ đã kết duyên xấu ác với nhau, đời này gặp lại nên tháo gỡ sự kết duyên xấu ác đó, nhất định phải biết cách hóa giải, đó là dùng trí tuệ, dùng phương tiện khéo léo mà hóa giải.

Nói thật ra thì đó là dùng tâm chân thật, ý chân thành, tâm thương yêu, vô tư vô điều kiện mà giúp đỡ hỗ trợ người khác. Giúp đỡ hỗ trợ những kẻ oan gia trái chủ ấy, thì những kết duyên xấu ác [thuở xưa] sẽ dần dần được tháo gỡ, được mở ra.

Oan gia trái chủ thường sinh vào cùng nhà với quý vị, điều này chúng ta phải rõ biết. Không phải oan gia trái chủ thì không hội tụ trong một nhà. Cho nên, đối với những người chung sống một nhà, cha con đối đãi với nhau càng phải hiểu rõ ý nghĩa này. Cần đem những oán kết từ vô thủy kiếp đến nay mà hóa giải hết đi. Hãy kết pháp duyên, đem tình duyên hóa giải, hóa thành pháp duyên. Thế thì vấn đề được giải quyết xong, lại có thể đạt được hạnh phúc mỹ mãn, gia đình hưng vượng, xã hội hài hòa. Những lời giáo huấn này cực kỳ quý báu, chúng ta phải ghi nhớ, phải học tập.

Bài giảng thứ 57

(Giảng ngày 21 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 58, số hồ sơ: 19-012-0058)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm nay chúng ta xem đến câu thứ 22 trong *Cảm ứng thiên*: “*Cưỡng cô tuất quả, kính lão hoài ấu.*” (Thương yêu giúp đỡ người cô độc góa bụa, kính trọng người già lo cho trẻ thơ.) Tám chữ này dạy chúng ta thực hành nhân ái, tận trung, biết suy từ bản thân mình để nghĩ cho người khác. Nói theo hiện nay thì đó là lo cho sự nghiệp an sinh phúc lợi của xã hội.

Những người cô độc, góa bụa là rơi vào hoàn cảnh kém may mắn nhất trong đời. Đàn ông góa vợ gọi là “quan” (鰥), đàn bà góa chồng gọi là “quả” (寡). Mất đi người bạn đời, đặc biệt là khi tuổi cao, già yếu, đó là điều mà đời người khó tránh khỏi, hầu như nhất định phải gặp. Chỉ một số rất ít người được sống hạnh phúc mỹ mãn cho đến suốt đời, là nhờ trong quá khứ có tu tập rất tốt.

Trong thế gian này, những người quan quả cô độc thật rất nhiều. Hiện nay nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới đều ngợi khen khuyến khích các nhân sĩ tôn giáo đem tâm từ bi thương yêu giúp đỡ những người bất hạnh [sống cô độc] này. Cho nên, ngay tại Singapore này chúng ta cũng thấy được, hầu như mỗi tôn giáo đều có xây dựng các viện dưỡng lão, viện cô nhi, thu nhận và nuôi dưỡng những người bất hạnh phải sống cô độc trong xã hội.

Đêm giao thừa năm ngoái, lúc đón mừng năm mới, chúng tôi nghĩ đến những người cô độc bất hạnh như thế trong xã

hội, liền mời họ đến cùng chúng tôi đón mừng năm mới, cùng nhau trải qua một đêm giao thừa thật ấm cúng. Chúng tôi đề nghị tất cả các tôn giáo có xây dựng viện dưỡng lão, viện cô nhi cho mời hết thầy những người đang sống trong các viện ấy cùng toàn thể nhân viên. Đối với những người đang có bệnh không thể đi, hoặc do công việc không thuận tiện, không cách gì đi đến được, chúng tôi có chuẩn bị quà tặng và phái người chuyển đến cho họ. Ngoài ra tất cả những ai có thể đến tham dự được chúng tôi đều hoan nghênh. Trong đêm giao thừa ấm cúng đó, chúng tôi đã mời được cả thầy 3.800 người khách.

Mỗi một người già, mỗi một trẻ mồ côi, chúng tôi đều có riêng một tấm thiệp mời chính thức. Điều này có vẻ như nhỏ nhặt nhưng lại mang ý nghĩa rất lớn. Chúng ta thử nghĩ xem, một đứa trẻ trong viện cô nhi, một người già trong viện dưỡng lão, chỉ sợ rằng trong suốt một năm qua chưa từng có ai đến mời mọc, chính thức mời họ đi ăn. Thật chưa từng có. Cho nên, một tấm thiệp mời đối với họ là vô cùng ấm áp tình cảm, là một kỷ niệm tốt đẹp trong suốt cuộc đời họ.

Vì thế, chúng tôi mời thỉnh không phải chỉ một thiệp mời chung cho cả đoàn thể, tổ chức. Không phải vậy, mà là mỗi người đều có thiệp mời riêng. Đó là [bày tỏ] lòng thương yêu. Đối với mỗi viện dưỡng lão, mỗi viện cô nhi, chúng tôi đều gửi đến rất nhiều quà tặng, gồm đủ các nhu yếu phẩm hằng ngày. Đối với mỗi đoàn thể chúng tôi cũng đều biếu tặng hỗ trợ một số tiền, biểu thị sự quan tâm của chúng tôi đối với họ.

Thế là có những người đến hỏi tôi: “Bạch thầy, vì sao thầy lại đem những khoản tiền quyên góp cúng dường của tín đồ Phật giáo để tặng cho các tôn giáo khác?” Những người nêu câu hỏi như thế, có quan niệm như thế, đó là tâm lượng quá nhỏ hẹp, không phải đệ tử Phật. Đức Phật không phải như vậy. Đức Phật bình đẳng thương yêu tất cả không phân biệt.

[Những người hỏi như vậy] cũng không phải đệ tử các vị Bồ Tát, Tổ sư. Các vị Bồ Tát, Tổ sư đều dạy chúng ta tụng đọc Cảm ứng thiên, dạy chúng ta học Âm chất văn, đó chẳng phải đều là giáo lý của tôn giáo khác, là ngoại giáo đó sao? Có thể thấy rằng chư Phật, Bồ Tát, các bậc Tổ sư, đại đức đều hoàn toàn không có sự phân biệt, không có sự bám chấp, xem hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không đều bình đẳng như nhau, lẽ nào có sự phân biệt [tôn giáo] như vậy hay sao?

Như vậy có thể thấy rằng, tâm lượng của chúng ta quá hẹp hòi, nên ta học Phật không được thành tựu, niệm Phật không đạt nhất tâm. Đừng nói đến không đạt nhất tâm, ngay cả tu tập công phu thành khối [không còn xen tạp] cũng không đạt được. Chúng ta tham thiền không thể nhập định, học giáo pháp không thể nhận hiểu thông suốt trọn vẹn, học mật pháp không đạt tương ứng, nguyên nhân là tại đâu? Là do sự phân biệt, bám chấp quá nặng nề.

Chúng ta dùng tâm sai lầm, vẫn đem tâm luân hồi để học pháp Phật. Cho nên Phật pháp cũng biến thành pháp luân hồi. Cảnh tùy tâm mà chuyển, Phật pháp cũng là cảnh giới bên ngoài, vậy phải xem tâm của quý vị là tâm gì. Cho nên, chúng ta tự mình đã sai lầm.

Ý nghĩa quan trọng lớn lao [như trên] mang ra giảng với những người [hẹp hòi] ấy thì họ không hiểu được. Cho nên tôi phải giảng với họ những ý nghĩa cạn cợt, dễ hiểu hơn. [Tôi hỏi họ,] đối với những trẻ em mồ côi, những người già sống cô độc trong xã hội, người học Phật chúng ta có cần phải quan tâm đến hay không? Họ đáp, cần phải quan tâm. [Tôi lại hỏi,] vậy chúng ta có cần xây viện dưỡng lão, có cần xây viện cô nhi hay không? [Họ đáp,] rất cần. [Tôi nói,] rất cần nhưng vì sao chúng ta không xây? Là vì trong lòng rất muốn làm nhưng không đủ sức, chúng ta không có đủ điều kiện [tài chánh].

[Tôi lại hỏi,] vậy người khác xây dựng so với chúng ta tự mình xây dựng có gì là khác nhau? Điểm này cần phải hiểu rõ, người khác xây dựng cũng như chúng ta xây dựng thôi. Vậy chúng ta mang tiền bạc, thức ăn, nhu yếu phẩm hằng ngày biếu tặng [đến những người trong viện dưỡng lão, trong viện cô nhi], chẳng phải là lẽ tất nhiên thường tình đó sao? [Quý vị có] còn lời nào khác hơn để nói nữa chăng?

[Nên biết,] người khác xây dựng đó cũng là chúng ta xây dựng, không có khác biệt. Trong Phật pháp thậm chí còn giảng đến ý nghĩa chúng sinh cùng chư Phật là một, chẳng phân hai, chẳng khác biệt. Chúng ta ngày nay hư hỏng càng thêm hư hỏng đều do sự phân biệt, bám chấp. Sự phân biệt, bám chấp khiến chúng ta phải堕 vào sáu đường, chìm đắm lưu chuyển trong ba đường ác. Trong nhiều đời nhiều kiếp cũng từng có lúc gặp được Phật pháp, cũng từng gieo trồng được một chút căn lành, thế nhưng vẫn không cách gì ra khỏi được sáu đường luân hồi.

Nguyên nhân tại đâu? Do tâm phân biệt, bám chấp quá sâu nặng. Tâm lượng quá hẹp hòi, cho nên khởi tâm động niệm đều là vì chính bản thân mình, lo việc riêng tư, giành lợi riêng cho mình. Chuyện gì cũng vì bản thân, vì gia đình riêng của mình, vì đoàn thể của mình, vì tôn giáo của mình, cho nên hỏng cả rồi. Những ý niệm như thế đều là hư vọng, không chân thật.

Phật dạy chúng ta phải dùng tâm chân thật, ý chân thành. Thành có nghĩa là gì? Trước đây, tiên sinh Tăng Quốc Phiên đời Thanh có một câu rất hay: “*Nhất niệm bất sinh thị vị thành.*” (Một niệm không sinh gọi là thành.) Do đó có thể biết rằng, khởi tâm động niệm đều không phải chân thành; không khởi sinh một niệm, đó mới là chân thành. Chân thành khởi sinh tác dụng, Nho gia gọi là tâm chân chánh, trong Phật pháp gọi là tâm sâu vững, tâm đại bi. Cho nên, trước

đây tôi có giảng rằng tâm đại bi, tâm sâu vững đó là trung trong trung hiếu. [Trung hiếu] chính là tâm chân thành vận dụng vào thực tế, là tâm chân thành khởi sinh tác dụng.

Trung có ý nghĩa gì? Là không một mảy may thiên lệch, tà vạy. Chỉ một ý niệm riêng tư là tâm của quý vị đã thiên lệch rồi, tâm của quý vị đã tà vạy rồi. Mỗi một ý niệm đều suy nghĩ vì hết thấy chúng sinh, không một mảy may suy nghĩ vì bản thân mình, tâm như thế gọi là tâm trung.

Tận trung vì đất nước là tâm gì? Mỗi một niệm đều suy nghĩ vì đất nước, suy nghĩ vì nhân dân, nhất định không có một ý niệm nào suy nghĩ vì bản thân mình, đó gọi là tận trung vì đất nước. Khởi tâm động niệm nếu đem lợi ích bản thân đặt lên hàng đầu, đó là tâm luân hồi, tạo nghiệp luân hồi, làm sao có thể vượt thoát ra khỏi sáu đường luân hồi? Chúng ta phải học theo chư Phật, học theo chư Bồ Tát. Bắt đầu học từ đâu, bản thân ta phải hiểu rõ, phải thật sáng tỏ.

Cho nên, tám chữ “*cảng cô tuất quả, kính lão hoài ấu*” này ý nghĩa rất hay, giúp chúng ta thường xuyên nhớ nghĩ rằng trong thế gian này vẫn còn có nhiều người rất đáng thương, những người rất cấp thiết phải được quan tâm giúp đỡ. Chúng ta nhìn vào các viện dưỡng lão, những người đã về hưu, xã hội Singapore thường gọi là “*lạc linh nhân sĩ*”¹ (những người vui tuổi già), những trẻ mồ côi, có những người dân thân phụng sự [các đối tượng này] trong công tác phúc lợi xã hội, chúng ta phải hết sức tôn trọng, kính phục họ. Chúng ta lễ kính, ngợi khen, xưng tán những người này, họ

¹ Lạc linh nhân sĩ (樂齡人士): danh xưng được chế tác đặc biệt ở Singapore, chỉ những người từ 60 tuổi trở lên. Hai chữ “lạc linh” biểu đạt ý nghĩa tâm ý rộng mở, thích thú, vui sướng, thanh thản và hạnh phúc. Người Singapore quan niệm rằng những người ở độ tuổi này không còn những ưu tư lo nghĩ về con cái vì hầu hết đã trưởng thành, không còn áp lực công việc hay cạnh tranh trong đời sống, do đó bắt đầu được sống đời tự do, không ràng buộc, không lo nghĩ, thật là vui thú.

đã đem lời giáo huấn của các bậc hiền thánh xưa, của chư Phật, Bồ Tát mà vận dụng vào thực tế cuộc sống, thực sự thể hiện qua việc làm. Chúng ta cần phải tùy theo nhân duyên, điều kiện, hoàn cảnh, tùy theo chức phận khả năng của mình mà hết lòng hết sức hợp tác hỗ trợ cho họ, giúp đỡ họ, sao lại có thể có sự phân biệt, có sự bám chấp? [Nhờ có những người này mà] xã hội mới được an ổn, thế giới mới được hòa bình, như vậy trong Phật pháp gọi là bố thí sự vô úy (không sợ hãi) [cho người khác]. Chỉ có bố thí sự vô úy mới được quả báo sống lâu khỏe mạnh.

Đức Phật vì chúng ta giảng về tám nỗi khổ: sinh, già, bệnh, chết, thương yêu phải chia lìa, oán ghét phải gặp nhau, mong cầu không được thỏa mãn, năm ấm không điều hòa. Tám nỗi khổ này trong thực tế đều có thể tránh được, đều có thể chuyển hóa mất đi. Người thông minh, có trí tuệ luôn hiểu rõ rằng, muốn có quả cần phải có nhân, trồng nhân lành nhất định được quả lành. Chúng ta khởi tâm động niệm đều là vì tự thân mình, cho nên tạo ra các nhân bất thiện, mới có [quả báo là] tám nỗi khổ ấy. Nếu như có thể mỗi một ý niệm đều vì xã hội, mỗi niệm đều vì hết thảy chúng sinh, thì tám nỗi khổ ấy tự nhiên tiêu trừ. Là khổ được vui là lời chân thật, tuyệt đối không phải lời sáo rỗng hư dối. Vấn đề quyết định ở nơi sự giác ngộ của cá nhân, phải chân chánh quay đầu hướng thiện, thực sự nỗ lực tu tập hành trì.

Hai câu “*Cãng cô tuất quả, kính lão hoài ấu*” này ý nghĩa thật rộng lớn mệnh mông. Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi. Ngày mai tôi sẽ tiếp tục giảng cùng quý vị.

Bài giảng thứ 58

(Giảng ngày 22 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 59, số hồ sơ: 19-012-0059)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Tôi giới thiệu với mọi người bài văn *Cảm ứng thiên*. Trọn bài không dài lắm, chỉ hơn ngàn chữ. Khi giới thiệu, tôi phân đoạn dựa theo sách *Vị biên*. Trong sách này, hầu như mỗi câu đều có chú giải chi tiết, tường tận, có dẫn chứng. Thật là một bộ sách hay không dễ có được. Mỗi lần giảng tôi đều nêu rõ số thứ tự của các đoạn văn, đó cũng là dựa theo sự sắp xếp phân chia trong *Vị biên*.

Đoạn thứ 22 là: “*Căng cô tuất quả, kính lão hoài ấu.*” (Xót thương giúp đỡ người cô độc góa bụa, kính trọng người già lo cho trẻ thơ.) Tám chữ này trước đây khi giới thiệu tôi có đưa ra một sự phân chia. Trước đó nói “*chính kỷ hóa nhân*” (sửa mình chân chánh, cảm hóa người khác) là nói việc dạy người. Trong phần dạy người thì câu đầu tiên là nói tổng quát, câu “*chính kỷ hóa nhân*” là nói tổng quát, tiếp đó mới kể ra tường tận, chi tiết từng phần.

Đoạn thứ 22 này là thực hành đức nhân, cũng là nói cách làm thế nào để vận dụng lòng nhân từ, nhân ái vào trong thực tế đời sống. Trong phần này dẫn việc thi hành chính trị của người xưa: “*Văn vương chi chánh, bất quá viết, ai thử quỳnh độc.*” (Nên chính trị của Văn vương, xét cho cùng không ngoài việc thương xót những người già nua cô độc.) Ngôn ngữ hết sức đơn giản, thực sự phù hợp với yêu cầu của người Trung quốc thời xưa: *đơn giản, thiết yếu, tường tận, rõ ràng.*

Bốn chữ [“*ai thử quynh độc*”] này đã nói lên được mục đích, nguyên lý trị nước của Chu Văn vương, [đó là] thương xót quan tâm đến trẻ con và những người già sống cô độc, giúp họ có thể tránh được sự buồn lo khổ sở trong cuộc sống, nuôi dưỡng chăm sóc cho họ hưởng trọn tuổi trời. Đó là nền chính trị nhân từ. Làm người lãnh đạo đất nước mà có thể thi hành nền chính trị nhân từ, đó là bậc thánh vương. Từ đó suy ra, các quan chức địa phương cũng phải hiểu rõ ý nghĩa này để thúc đẩy thi hành chính trị nhân từ.

Trong Phật pháp, đức Thế Tôn cũng dạy bảo những người làm chính trị, đó là trong kinh *Nhân vương hộ quốc*. Kinh này nằm trong bộ Bát-nhã, [tên đầy đủ là] kinh *Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã ba-la-mật-đa*. Trước đây tôi cũng từng giảng giải, giới thiệu qua. Đó là những nguyên lý cai trị đất nước, người lãnh đạo quần chúng nên thực hiện những điều này.

Đức Phật cũng dạy phải đem lòng thương xót, cứu giúp những người góa bụa, già nua cô độc, tuổi già sức yếu, bệnh hoạn tàn tật không người chăm sóc. Phải đặc biệt thương yêu lo lắng nhiều hơn, đặc biệt quan tâm chăm sóc nhiều hơn đối với những người như vậy. Hiện tại chúng ta gọi đây là chính sách an sinh phúc lợi xã hội, là chính sách phúc lợi cho người già. Mỗi một đất nước, mỗi một địa phương hiện nay đều hết sức nỗ lực thúc đẩy việc thực hiện những chính sách này. Đây chính là những ý nghĩa đoạn văn này muốn nói.

Tiếp theo, trong sách nói: “*Phu tử chi chí, diệc bất quá viết, lão an thiếu hoài.*” (Chí hướng của đức Khổng tử xét cho cùng cũng là [muốn sao cho] người già được sống yên ổn, trẻ con được chăm sóc.) Khổng tử là nhà giáo dục lớn của phương Đông, ngài dạy những gì? Cũng là dạy những việc như vậy không khác. Do đây có thể biết rằng, các bậc đại thánh đại hiền ở thế gian cũng như xuất thế gian đều dạy chúng ta những việc này.

Đặc biệt trong Phật pháp nói thuyết nhân quả. Chúng ta không tôn kính người già, không thương yêu bảo vệ người già, không quan tâm chăm sóc người già, thử hỏi chúng ta rồi đây có già như họ không? Khi bản thân ta già yếu rồi, rất hy vọng sẽ có những người trẻ quan tâm chăm sóc ta, rất hy vọng sẽ có ai đó tôn trọng ta.

Đức Phật trong kinh luận thường dạy chúng ta phải “*thâm tín nhân quả*” (tin sâu nhân quả). Lời dạy này ý nghĩa rất sâu rộng, chúng ta phải nhận hiểu, thể hội thật sâu sắc. Cho nên, tôn trọng người khác là tôn trọng chính mình, thương yêu bảo vệ người khác là thương yêu bảo vệ chính mình, quan tâm chăm sóc người khác là quan tâm chăm sóc chính mình. Trong việc này thì quan trọng thiết yếu nhất là tâm chân thành. Đó chính là đạo Bồ Tát.

Trong kinh luận, đức Phật dạy Bồ Tát tu học sáu cương lĩnh, sáu nguyên tắc, trong kinh điển gọi là sáu *ba-la-mật*. Một số người khi giảng kinh chỉ đem tên gọi sáu pháp ba-la-mật này nói lướt qua, mô tả rất sơ sài, khiến người nghe hiểu sai vấn đề, tưởng chừng như đã hiểu rõ mà thật ra chẳng hiểu chút nào.

Sáu cương lĩnh này không thể giảng nói hết được. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong 49 năm thuyết pháp mỗi ngày đều giảng. Do đó có thể biết rằng, ý nghĩa của các pháp này vô cùng sâu rộng, đặc biệt quan trọng thiết yếu là phải vận dụng vào thực tế.

Thứ nhất là *Bố thí [ba-la-mật]*. Đối với những người già không ai quan tâm chăm sóc, chúng ta phải đặc biệt quan tâm lo lắng cho họ. Quan tâm đến họ là bố thí, bố thí lòng thương yêu, bố thí tâm từ bi. Rất ít người nói đến việc bố thí tình thương, bố thí tâm từ bi, bố thí tâm chân thành, bố thí tâm thanh tịnh. Người ta chỉ biết thấy người khác không có quần áo mặc thì mang cho mấy thùng quần áo, không có

gì ăn thì mang cho một ít thức ăn. Họ không phát khởi tâm thương yêu chân thành. Công đức như vậy tuy có làm được nhưng không trọn đủ. Không chỉ là công đức không trọn đủ, mà nói thật ra là không có công đức. Những việc bố thí như vậy là thuộc về phước đức, cũng không phải loại phước đức trọn đủ, vì trong phước đức trọn đủ phải có tâm thương yêu chân thành. Chân chánh bố thí là phải có sự quan tâm chăm sóc, đem lòng từ bi cứu giúp.

Người khác vì sao phải chịu những khổ nạn này? Chúng ta là người học Phật phải hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ. Con người sinh ra ở thế gian có hai loại nghiệp lực. Một là *dẫn nghiệp*, là nghiệp dẫn dắt chúng ta sinh vào cõi người. Đó là năm giới, trong quá khứ từng giữ theo năm giới không phạm vào, nên ngày nay nhờ đó mà được thân người. Tuy được thân người, nhưng mỗi người trong đời nhận chịu quả báo không giống nhau. Quả báo này thuộc về *mãn nghiệp*, *mãn* là viên mãn.

Mãn nghiệp là những nghiệp thiện ác đã làm trong quá khứ. Chúng ta sinh ra, từ dung mạo cho đến tình trạng sức khỏe, điều kiện vật chất, tinh thần, đủ các điều kiện khác nhau đều thuộc về *mãn nghiệp*. Những người cô độc góa bụa kia có *dẫn nghiệp* tương đồng với chúng ta, đều được thân người, nhưng *mãn nghiệp* không giống nhau.

Điều này trong kinh Phật nói đến rất nhiều. Kẻ nghèo khó không tiền bạc của cải là do nguyên nhân gì? Do [ngày trước] không tu tập bố thí tài vật. Do tham lam, keo lạt nên ngày nay phải chịu quả báo nghèo khó. Người không có trí tuệ, không có khả năng tự mình kiếm sống, đó là đời trước không tu pháp bố thí. Thân thể không được tốt đẹp, không được khỏe mạnh, nhiều bệnh tật, [đó là đời trước] không tu tập bố thí sự không sợ hãi cho người khác.

Chúng ta từ nơi quả [hiện nay] phải thấy được nhân [đã tạo trong quá khứ]. Từ nơi những gì người khác đang làm,

đang suy nghĩ, nói năng, tạo tác, đang tạo nhân trong hiện tại, ta có thể thấy được quả báo tương lai của họ. Ý nghĩa này, nói sâu thì rất sâu, nói cạn cũng rất cạn. Ý nghĩa cạn và sự thật của nó thì chúng ta có đủ khả năng quan sát nhận hiểu. Nhưng ở tầng bậc sâu xa hơn, ý nghĩa và sự thật sâu xa hơn, những người sơ học chúng ta không nhận hiểu, không thể hội được.

Nói chung trong sáu đường luân hồi, mười pháp giới, cho đến *pháp giới nhất chân* được nói đến trong Phật pháp, hết thảy đều không ra ngoài nhân quả. Cho nên, nhà Phật thường nói: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không.*” (Muôn pháp đều không, nhưng nhân quả thật có.) [Đó là vì muôn pháp đều] không ra ngoài định luật nhân quả. Chúng ta nếu muốn sống thật khỏe mạnh, thật tốt đẹp đầy đủ thì phải tu nhân lành.

Giúp đỡ hỗ trợ người khác nên lấy điều gì làm chính? Nên giúp họ khai mở trí tuệ, nên lấy điều này làm chính yếu. Đó mới là từ bi cứu giúp một cách chân chánh, thực sự giúp người khác là khổ được vui, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, không còn tạo ra những phiền phức trong chốn sinh tử. Đó là quý vị thực sự cứu giúp được người khác. Không phải chỉ thấy họ thiếu quần áo thì cho quần áo, thiếu ăn thì cho thức ăn [là đủ]. Như vậy, quý vị chỉ cứu giúp được họ trong nhất thời, không cứu giúp được họ lâu dài. Quý vị giúp đỡ họ trong đời này, sang đời khác thì biết làm sao?

Chư Phật, Bồ Tát cứu giúp hết thảy chúng sinh khổ nạn hoàn toàn không giống như sự nghĩ tưởng của chúng ta. Cho nên, giáo dục trong nhà Phật chính là dạy người sáng tỏ về nhân duyên quả báo, biết được rằng hiện trạng của chúng ta hôm nay do nhân duyên gì tạo thành, phải dùng phương pháp nào để thay đổi, cải thiện. Đó mới là cứu giúp một cách chân chánh.

Không hiểu rõ về lý luận cũng như sự thật nhân duyên quả báo thì việc dứt ác tu thiện hết sức khó làm. Không cần nói đến việc khi ta khuyên bảo người khác, họ không dễ dàng làm được, ngay như chính bản thân chúng ta đều là những người đã phát tâm xuất gia, mang hình tướng của người xuất gia, nhưng mỗi ngày ta có thực sự thực hành việc dứt ác tu thiện hay không? Hoàn toàn không. Bao nhiêu tập khí xấu ác vẫn cứ tăng trưởng mỗi ngày, không hề giảm nhẹ. Do nguyên nhân gì? Do không thấu triệt đạo lý nhân quả. Cho nên, học Phật không phải chuyện dễ dàng.

Bản thân tôi học Phật so với người khác là hết sức may mắn, từng gặp được nhiều duyên thù thắng, duyên tốt đẹp. Hồi còn trẻ, khoảng 26 tuổi, tôi gặp lão cư sĩ Chu Kính Trụ, lúc ấy thầy khoảng 70 hoặc 71 tuổi, so ra cùng tuổi với lão cư sĩ Lý Bình Nam. Thầy trao cho tôi một quyển *Liễu Phàm tứ huấn*. Trong quá trình học Phật của tôi, đây là quyển sách đầu tiên, tôi từ nội dung sách này mà khởi tu. Như vậy cũng có nghĩa là từ lẽ nhân quả mà khởi tu. Tôi đọc sách này đến mấy mươi lần, tin sâu không nghi ngại. Từ chỗ tin sâu nhân quả mà bén rễ [vào Phật pháp], sau đó mới biết được những khuyết điểm, tật xấu [của chính mình] cần phải tu sửa, cần phải dứt trừ.

Nếu tùy thuận tập khí phiền não của bản thân thì hậu quả thật [khủng khiếp] không dám nghĩ đến. Nếu có thể triệt để tu sửa những khuyết điểm, tật xấu, tập khí xấu ác của bản thân thì tương lai xán lạn rực rỡ. *Liễu Phàm tứ huấn* vận dụng vào thực tế chính là *Cảm ứng thiên*. Thiền sư Vân Cốc trao cho tiên sinh Liễu Phàm bản *Công quá cách*. *Công quá cách* [là pháp tu tự phân biệt công đức hay lỗi lầm trong mọi việc làm hằng ngày của mình, nhưng] dựa vào đâu để xác định? Chính là dựa vào *Cảm ứng thiên* mà xác định. Cho nên, *Cảm ứng thiên* chính là những lẽ nhân duyên quả báo trong *Liễu Phàm tứ huấn* được vận dụng vào thực tế.

Chúng ta xem trong *Liễu Phàm tứ huấn* thấy khi tiên sinh Liễu Phàm làm Tri huyện Bảo Đễ, ông thi hành chính sách trị dân nhân từ, chính là ý nghĩa chỗ này chúng ta đang giảng giải. Cuộc sống của bản thân tiên sinh đặc biệt tiết kiệm, đem bổng lộc [nhận được của triều đình còn thừa] giúp đỡ cho những người cô độc, góa bụa, nghèo khó. Tiên sinh thu nhận và nuôi dưỡng trẻ mồ côi. Những trẻ thông minh sáng ý thì mời thầy đến dạy cho học, những trẻ không được sáng dạ thì giúp đỡ cho học nghề, để khi trưởng thành có nghề nghiệp tự mưu sinh, có thể tự lập thân. Đó mới đích thực là cứu giúp.

Cho nên, các bậc thánh nhân ở thế gian cũng như xuất thế gian, khi thực hành bố thí đều chỉ toàn là bố thí pháp. Quý vị đều đã tụng đọc qua phẩm kinh *Phổ Hiền hạnh nguyện*, hoặc như kinh *Kim Cang* mọi người đều tụng đến thuộc lòng, trong đó đức Phật dạy rằng, việc bố thí có suy lường, hoặc bố thí tài vật, hoặc bố thí bảy báu trong đại thiên thế giới, công đức đều không lớn lao bằng mang bốn câu kệ trong kinh ra bố thí, tức là *bố thí pháp*.

Điều đó có ý nghĩa gì? Cúng dường hay bố thí bảy báu trong cả đại thiên thế giới, bất quá cũng chỉ nuôi dưỡng được thân mạng mà thôi, không liên can gì đến tuệ mạng. Nuôi dưỡng thân mạng, trong suốt một đời quý vị được ăn no mặc ấm, đó là hưởng thụ vật chất. Quý vị cũng chỉ đạt đến mức đó thôi, không thể thấu triệt sinh tử, không thể vượt thoát ngoài ba cõi. [Còn như đối với] bốn câu kệ trong kinh Phật, nếu quý vị thực sự thấu hiểu, thực sự thông đạt thì quả thật có thể chuyển đổi cảnh giới, đích thực có thể giúp quý vị vượt phạm lên thánh, vĩnh viễn thoát ly sinh tử luân hồi. Sự bố thí pháp lớn lao như thế [thì bố thí tài vật] làm sao có thể sánh nổi?

Chúng ta ngày nay học Phật, quý vị đồng tu đều biết, thế gian này sắp có kiếp nạn. Mối hôm qua còn có người hỏi tôi, kiếp nạn ấy có thật hay không? Có phương pháp nào để tránh

được hay không? Phương pháp thì có rất nhiều, có thể giúp ta hoàn toàn không phải nhận lãnh tai nạn. Đó là phương pháp gì? Là nâng cao cảnh giới của tự thân mình, như vậy thì quý vị không phải nhận lãnh tai nạn. Hiện tại quý vị ở cõi người, phải chịu tai nạn. Nếu như cảnh giới được nâng cao, lên đến cõi trời thì tai nạn này không còn liên can đến quý vị nữa. Lại nâng cao lên đến cảnh giới của bậc A-la-hán, Phật Bích-chi, hoặc cảnh giới Bồ Tát thì quý vị có năng lực cứu khổ cứu nạn [cho chúng sinh], làm sao còn phải nhận chịu tai nạn?

Cho nên tôi nói rằng, chúng ta sinh ra trong thế gian này, đối với người tu hành mà nói, chưa hẳn đã là chuyện không tốt. Nếu không gặp lúc có tai kiếp, chúng ta hẳn còn lần lữa buông xuôi, cứ nghĩ rằng qua hết hôm nay còn có ngày mai, qua hết năm nay vẫn còn năm tới, cứ từ từ thông thả. Hiện nay gặp phải tình trạng này, chúng ta biết rằng không thực sự tích cực nỗ lực là không được. Điều này thuộc về *ngịch tăng thượng duyên* (duyên trái ngược giúp tăng trưởng), có thể giúp chúng ta nhanh chóng nâng cao cảnh giới của mình trong thời gian ngắn. Đó là việc tốt.

Chúng ta muốn nâng cao cảnh giới của mình nhưng không nâng cao được, nguyên nhân nằm ở đâu? Vì không buông bỏ được sự bám chấp, [những tâm niệm] thị phi, nhân ngã, tham sân si mạn, đủ mọi thứ như vậy đều là gánh nặng trì níu. Nếu có thể buông xả hết những thứ này thì việc nâng cao cảnh giới không còn khó khăn. Khó khăn là vì quý vị không chịu buông xả ý niệm riêng tư, tự lợi, không chịu buông xả chấp ngã kiên cố.

Sự bám chấp kiên cố như vậy cũng giống như tảng băng, như nước đông lại thành băng. Người Trung quốc thường nói: *“Băng dày ba thước chẳng phải do lạnh trong một ngày.”* Sự chấp trước kiên cố của chúng ta trong hiện tại chính là tảng băng đã đông cứng từ vô lượng kiếp đến nay. Chúng ta đều

biết, tảng băng đông cứng đó chẳng phải thật cứng, chỉ cần gặp khí nóng liền lập tức tan rã. Khí nóng đó là gì? Chính là trí tuệ. Trí tuệ một khi khai mở liền làm tan rã [tảng băng chấp ngã].

Ngày nay, sự bám chấp kiên cố làm cho trí tuệ của quý vị không khai mở. Đại sư Chương Gia dạy tôi rằng: “*Khán phá thị trí tuệ, phóng hạ thị công phu.*” (Nhìn thấu là trí tuệ, buông xả là công phu.) Không có trí tuệ, quý vị nhất định không buông xả được. Nhưng buông xả lại hỗ trợ cho quý vị khai mở trí tuệ, trí tuệ hỗ trợ quý vị buông xả. [Đó là một quy trình hỗ trợ qua lại,] nhìn thấu để buông xả, buông xả để nhìn thấu.

Con đường tu tập của Bồ Tát từ lúc phát tâm cho đến lúc thành tựu quả vị Như Lai, các ngài sử dụng phương pháp gì? Cũng là phương pháp [nhìn thấu, buông xả] này. Do đó có thể biết rằng, chúng ta học Phật thì điều quan trọng thiết yếu nhất là thực hành. Học hiểu được bao nhiêu phải đem ra thực hành bấy nhiêu. Ngay trong lúc thực hành đó thì trí tuệ của quý vị được khai mở, trí tuệ khai mở rồi thì lại thực hành được thêm một phần nữa. Hai phương pháp [nhìn thấu, buông xả] này vĩnh viễn luân chuyển, hỗ trợ và thành tựu cho nhau, đưa cảnh giới của chúng ta lên ngày càng cao hơn.

Không chịu buông xả là điều tệ hại nhất. Ví như có trí tuệ, trí tuệ của quý vị cũng bị dừng tại chỗ này, không thể tiếp tục hướng thượng nâng cao. Do vậy, nếu quý vị không ngừng buông xả thì trí tuệ của quý vị cũng sẽ không ngừng tăng trưởng. Ý nghĩa này nhất định phải hiểu rõ, nhất định phải thực sự nỗ lực thực hành.

Chúng ta ngày nay sống trong xã hội, thế gian có nhiều người đau khổ. Người xưa có câu: “*Tuế thời xuân nhật thiếu.*” (Mỗi năm chẳng mấy ngày xuân.) Suốt trong một năm, những ngày thời tiết sáng tỏ tốt tươi không nhiều. Thế gian

quá nhiều người đau khổ, chúng ta phải luôn suy nghĩ, người khác chịu khổ không khác gì bản thân mình chịu khổ. Chúng ta thấy người khác chịu khổ, liền nghĩ mình cũng có những lúc chịu khổ như vậy, quá khứ đã từng có, tương lai rồi cũng sẽ có. Khi ta ở vào cảnh khổ như vậy, mong cầu người khác giúp đỡ cứu vớt, mong cầu người khác thương xót đến mình. Ngày nay ta nhìn thấy [người khác khổ đau], nếu không khởi tâm thương xót, không khởi ý niệm giúp đỡ cứu vớt, thì khi chúng ta chịu khổ chịu nạn cũng sẽ không ai quan tâm đến. Đó là lẽ đương nhiên.

Cho nên, gặp người khổ nạn trong thế gian, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, cũng chẳng kể là kẻ oán người ơn, thấy đều bình đẳng hết lòng hết sức ra tay giúp đỡ, hỗ trợ. Đó là quý vị thực sự giác ngộ, thực sự thấu hiểu sáng tỏ, biết được mình nên tu tập như thế nào.

Bài giảng thứ 59

(Giảng ngày 23 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 60, số hồ sơ: 19-012-0060)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Đoạn thứ 22 trong *Cảm ứng thiên*, phần chú giải có hai câu rất hay: “*Hiếu thiện chi tâm nhân chi sở đồng.*” (Mọi người đều sẵn có lòng ưa thích điều thiện như nhau.) Nói cách khác, con người ai cũng sẵn có tâm hiếu thiện. Thế nhưng việc thiện, việc tốt ắt phải có người đề xướng. Người đề xướng đó cũng chính là người dẫn đầu, là bậc chí sĩ chân chánh nhân từ. Vị ấy nhờ đâu có thể dẫn đầu? Đó cũng chính là nói vị ấy đã vận dụng được những đạo lý mà mình hiểu biết sáng tỏ vào thực tế, do đó mới có thể đứng lên dẫn đầu.

Lại nói: “*Thiên hạ chẳng lo không người có năng lực, chỉ lo không người phát đại nguyện mà thôi.*” Câu này cũng mang ý nghĩa giống như trên. Cho nên, rất khó có được người phát khởi tâm nguyện lớn lao.

Trong kinh Phật thường khuyến khích chúng ta phát tâm Bồ-đề. Trong thực tế, phát tâm Bồ-đề là việc rất khó. Nhưng không phát tâm Bồ-đề thì không thể nói gì đến việc tu hành. [Tâm Bồ-đề là tâm cầu giác ngộ, nên] ngược lại với tâm Bồ-đề là [chạy theo] mê hoặc. Người mê hoặc cho dù có tu hành thì thành tựu cũng hết sức hạn chế, nên nhất định cần phải phá trừ si mê, mở ra giác ngộ.

Công phu tu hành đều là ở nơi cuộc sống hằng ngày. Những khuyết điểm, tập khí xấu ác của bản thân nhất định phải rõ biết. Rõ biết là giác ngộ, không rõ biết là mê hoặc. Từ cuộc sống hằng ngày mà nói, khi có một chút gì không vừa

ý thì trong lòng không thoải mái, không vui thích. Chúng ta theo tập quán, thói quen lâu ngày đều cho rằng như vậy chẳng có gì đáng nói, nên không hề lưu ý đến những điều như vậy. Đâu biết rằng chính những tâm niệm [không thoải mái] như vậy là đang tạo nghiệp.

Người không đọc kinh Phật thì không rõ biết. Người đọc mà không hiểu sâu ý nghĩa cũng không rõ biết. Vì sao [những lúc ấy] ta không vui thích? Vì sao không được thoải mái? Chính là do phân biệt, bám chấp. Nếu quý vị không có tâm phân biệt, bám chấp, thì từ đâu khởi sinh những tâm trạng ấy?

Phân biệt, bám chấp rất khó dứt trừ. Phần trước tôi có kể với quý vị chuyện ngài An Thế Cao với người bạn đồng học. Vị này là Long vương ở hồ Cung Đình, đời trước vốn là bạn đồng học với ngài An Thế Cao. Long vương [mang thân rắn] là loài súc sinh. Vì sao một người tu hành phải堕 vào đường súc sinh? Chính là vì một chút không vừa lòng, một chút không vui thích.

Vào thời ấy, người xuất gia mỗi ngày đều đi khát thực. Vị tăng này là một pháp sư tu hành không lầm lỗi, hiểu rõ kinh điển, ưa thích làm việc bố thí. Kinh điển giáo pháp hết sức thông đạt, giảng kinh thuyết pháp rất hay, lại chịu mở lòng bố thí, pháp duyên thật thù thắng. Một vị pháp sư như thế thật ít có. Lúc ngài đi khát thực, nhận được món ăn không hợp khẩu vị, trong lòng liền có chút không vui. Chỉ một chút ý niệm không vui đó, liền bị堕 vào đường súc sinh.

Quý vị thử nghĩ xem, chúng ta ngày nay đức hạnh không thể so được với vị này. Những tâm niệm sân hận, phân biệt, ganh ghét đố kỵ, bám chấp thì so với vị ấy thật không thể biết là nhiều hơn, nặng nề hơn biết bao nhiêu lần. Vị ấy được làm Long vương, còn như chúng ta hãy thử nghĩ xem, tương lai biết sẽ堕 thành gì? Những điều này đều là sự thật.

Cho nên, bậc tu hành chân chánh, khi rơi vào những cảnh duyên như thế liền lập tức giác ngộ, lập tức quay đầu hướng thiện, lo tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh là đạo, tâm bình đẳng là đạo.

Vì thế, tu hành là ngay trong cuộc sống thường ngày, ngay nơi khởi tâm động niệm, phải tinh tế quán xét soi chiếu xem bản thân mình có còn bám chấp hay không? Có còn phân biệt hay không? Chúng ta đối với người khác, đối với sự vật, có còn yêu thích ưa mến hay không? Có còn ghét bỏ không ưa hay không? Thuận theo ý mình thì sinh lòng vui thích, không thuận theo ý mình thì sinh lòng giận tức. Hơi một chút giận dữ thì không muốn tới lui, không muốn gặp mặt nhau nữa. [Nếu có vậy là] chúng ta sai rồi. Chúng ta vẫn còn phân biệt, bám chấp. Chúng ta vẫn chưa buông xả, trong lòng vẫn còn so đo tính toán, vẫn còn thị phi, vẫn còn được mất, vẫn còn tốt xấu, vậy thì làm sao được? Vậy thì đích thực là phạm phu trong sáu đường rồi.

Do đó mới thể hội được lời dạy trong kinh Địa Tạng: *“Diêm-phù-đề chúng sinh, khởi tâm động niệm vô bất thị tội.”* (Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, khởi tâm động niệm đều là tội lỗi.) Từ đây hiểu được sơ qua ý nghĩa câu này. Nếu không có sự quán xét soi chiếu tinh tế, chú tâm phản tỉnh thì chúng ta đọc trên văn kinh hễ đều cho là Kinh điển nói có phần quá đáng. Nhưng một khi quan sát tỉ mỉ, một khi đã tự phản tỉnh liền thấy rõ trong văn kinh mỗi câu mỗi chữ đều chính xác, không sai chút nào.

Bậc tu hành lớn lao chân chánh đều ở trong cảnh duyên dứt trừ tập khí phiền não, cho đến lúc hoàn toàn thanh tịnh, mài giũa cho sáng sủa trơn láng bao nhiêu góc cạnh thô xấu [của tâm thức]. Đó là tu hành chân chánh.

Người tu hành hạ thủ công phu là ở chỗ nào? Chúng ta đã hiểu rõ. Hiểu rõ rồi thì phải thực sự làm. Trong cuộc sống

thường ngày, khi đối đãi với người, ứng xử với sự việc, tiếp xúc với muôn vật đều không gì khác hơn là học theo một mực nhìn thấu, buông xả. Khi có mảy may ý niệm khởi lên, ý niệm đó phải buông xả. Phải biết rằng, trong tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, trong chân tâm hoàn toàn không có một mảy may ý niệm gì. Nếu có mảy may ý niệm khởi sinh thì đó là vô minh hiện khởi. Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này, phải biết đó là vô minh.

Nếu chúng ta không vận dụng công phu tu tập như trên thì làm sao có khả năng thành tựu? Việc dụng công tu tập theo Tịnh độ tông quả thật so với các phương pháp khác thuận tiện hơn nhiều. [Tu tập theo] Tịnh độ tông là nêu lên một câu Phật hiệu, vừa khởi tâm động niệm đã tự mình quán sát nhận biết. Như người xưa có nói: “*Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác tri*.” (Không sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm.) Ý niệm vừa khởi lên thì quý vị liền tức thời quán sát nhận biết, niệm tiếp theo là câu Phật hiệu “*A-di-đà Phật*” thay thế cho niệm trước đó, biến ngay thành A-di-đà Phật. Như vậy gọi là niệm Phật. Pháp môn niệm Phật vốn dĩ chính là cách niệm như vậy.

Một câu Phật hiệu A-di-đà san bằng hết thủy mọi ý niệm của quý vị, đè dẹp hết thủy mọi ý niệm. Công phu niệm Phật được như vậy gọi là hiệu quả, thành tựu.

Trong chúng ta ngày nay có người nói công phu được thành tựu, nhưng chưa hẳn vậy, chỉ là hiểu sai ý nghĩa. Thế nào gọi là thành tựu? Ý nghĩa này người ta không hiểu được rõ ràng, sáng tỏ. Công phu thực sự thành tựu thì mỗi niệm liên trừ diệt hết tham sân si, mỗi niệm liên trừ diệt hết thị phi nhân ngã, mỗi niệm liên trừ diệt hết bốn tướng [ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả]. Công phu như vậy mới gọi là thành tựu.

Không chỉ là bốn tướng không còn, cho đến bốn kiến [chấp] cũng không còn. Kinh Kim Cang phân sau nói: “Ngã

kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.” Người dụng công tu tập chân chánh trong suốt ngày đêm đều hạ thủ công phu tại chỗ này, làm sao còn có chỗ phải trừ vọng tưởng? Nhưng quý vị nên biết, công phu nếu có lúc không hiệu quả thì vọng tưởng liền khởi sinh. Trong Phật pháp dạy [chúng ta phải] quán chiếu, nếu quán chiếu có lúc mất tập trung, có quên sót, không giữ được liên mạch thì vọng tưởng khởi sinh, những ý niệm xen tạp khởi sinh.

Chúng ta tự mình thường phản tỉnh, thường giác ngộ sẽ cảm thấy vô cùng tâm quý hổ thẹn, vì khởi tâm động niệm vẫn còn đang tạo nghiệp.

Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta đều biết, Bồ Tát Phổ Hiền [trong Thập đại nguyện vương] dạy rất rõ ràng: *“Hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức.”* (Thường thuận theo chúng sinh, vui theo công đức.) Thế nhưng ta không làm được, vẫn cứ như cũ mà làm, chính là thường thuận theo bản thân mình, thuận theo tập khí phiền não của bản thân mình, thuận theo sự bám chấp, phân biệt, vọng tưởng của bản thân mình. Những gì chúng ta làm vẫn là như vậy.

Nhưng chúng ta cần phải giác ngộ, vì nếu cứ làm theo như hiện nay thì nhất định không thể ra khỏi sáu đường luân hồi. Mong cầu vãng sinh là hy vọng của quý vị, nhưng [cứ như thế này thì] không chắc gì đạt được. Đó là lời chân thật không hư dối, nhất định không phải gạt người.

Muôn người niệm Phật là muôn người đều hy vọng được vãng sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc, nhưng thực sự vãng sinh chỉ được vài ba người. Trước đây lão sư Lý Bình Nam thường nói như vậy. Đó là do nguyên nhân gì? Do không buông xả được bám chấp, vọng tưởng, phân biệt, vẫn tùy thuận theo tập khí phiền não.

Làm sao mới có thể vãng sinh? Tối thiểu cũng phải biết tùy thuận đức Phật A-di-đà, mỗi niệm đều là Phật A-di-đà,

người như thế mới có thể vãng sinh. [Thường niệm] Phật hiệu A-di-đà mới thực sự đè bẹp được những bám chấp, phân biệt, vọng tưởng của bản thân mình. Đó là chế phục phiền não, hoàn toàn chưa nói đến dứt trừ.

Bậc tu hành chân chánh chính là người ở đây chúng ta gọi là người phát nguyện dẫn đầu. Vị này có thể nêu gương cho mọi người noi theo. Nêu gương nhưng không hề khởi lên ý nimm nêu gương, mà chính là bản thân vị ấy đã tu hành theo pháp như vậy, không phải cố ý dựng khuôn tạo mẫu cho người khác nhìn vào. Không hề có ý niệm như vậy. Nếu có ý niệm như vậy liền rơi vào vọng tưởng, liền rơi vào bám chấp, phân biệt. Cho nên, đó không phải chân tâm.

Chân tâm không có sự tạo tác, chân tâm là [sự hiển lộ] hoàn toàn tự nhiên. Thuận theo tự nhiên, đó là chân. Trái ngược tự nhiên, đó là tạo tác, là giả dối, là hư ngụy. Tâm hư ngụy không thể sinh về thế giới Cực Lạc. Người vãng sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc đều là có tâm chân thành. Nói cách khác, mọi người ở thế giới ấy đều là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi.

Tuyệt đối không thể nói rằng tâm hư vọng cũng có thể vãng sinh. Không có lý lẽ đó. Tâm hư vọng niệm Phật chỉ là kết pháp duyên với đức Phật A-di-đà. Trồng căn lành như vậy, đời này không được vãng sinh phải đợi đến đời sau, đời sau nữa. Đợi những đời sau, đến khi nào gặp được duyên phần này, gặp được pháp môn niệm Phật, đến khi quý vị vận dụng tâm chân thật [niệm Phật]. Đó cũng có nghĩa là, nếu quý vị vận dụng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi để niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, quý vị chắc chắn sẽ được vãng sinh. Ý nghĩa này không thể không rõ biết.

Chúng ta hiện nay đã hiểu được rồi, cần phải biết vận dụng, phải học tập làm theo đúng vậy thì trong một đời này có thể được vãng sinh.

Có thể vãng sinh hay không, vãng sinh phẩm vị cao thấp thế nào, Đại sư Thiện Đạo nói rất hay: “*Đều do gặp duyên khác biệt.*” Chúng ta ngày nay đã được gặp duyên thù thắng, đối với những ý nghĩa, phương pháp, cảnh giới như vậy về đại lược đều nhận hiểu rõ ràng, sáng tỏ. Hiểu được sáng tỏ rồi thì phải biết làm người, phải biết sống.

Làm người thế nào? Sống thế nào? Làm người xa lìa vọng tưởng, phân biệt, bám chấp, đối với hết thảy chúng sinh đều lấy tâm thanh tịnh, tâm chân thành, bình đẳng để đối xử, nhất định không khởi tâm [phân biệt] người này là tốt, người kia là không tốt. Nếu cứ nhất định phải tranh giành với người khác, phải so đo tính toán [thì nên biết rằng], so đo tính toán như vậy rốt cùng chính mình phải堕 vào ba đường ác.

Quý vị hẳn sẽ thắc mắc là vì sao? Đó là vì ba đường ác do chính mình tạo ra. Hết thảy các pháp đều từ nơi tâm tưởng sinh ra, quý vị bám chấp như thế, muốn hơn người như thế, hiểu thắng như thế, đó chính là nguyên nhân đích thực của sự堕 lạc.

Chúng ta xem trong kinh luận thấy chư Phật, Bồ Tát có tranh nhau hay chăng? Hoàn toàn không có. Vì sao các ngài không tranh giành? Vì các ngài đều thấu hiểu một ý nghĩa: Hết thảy những gì có hình tướng đều là hư vọng. Người tốt, hoàn cảnh tốt là hư vọng. Người xấu, hoàn cảnh xấu cũng là hư vọng. Cho nên, đối với hết thảy cảnh duyên hiện ra trước mắt, trong tâm các ngài đều an nhiên không lay động. Kinh Kim Cang dạy: “*Bất thủ ư tướng, như như bất động.*” (Không dính mắc hình tướng, an nhiên không lay động.) Vì thế, các ngài hoàn toàn không có tâm niệm tranh giành.

Chân tâm là hết thảy ý niệm, không còn khởi niệm. Đức Phật sợ người hiểu sai, cho rằng chân tâm là hết thảy ý niệm là [cảnh giới] định vô tướng, cho nên ngài dạy thêm: “*Lìa hết thảy ý niệm, đó là lìa vọng niệm.*” Có nghĩa là, người lìa hết thảy ý niệm vẫn còn có chánh niệm.

Thế nào là chánh niệm? Niệm mà không niệm, đó là chánh niệm; không niệm mà niệm, đó là chánh niệm. Ý nghĩa này rất sâu xa, nhưng chúng ta phải thể hội được.

Niệm mà không niệm, đó là niệm hết thấy chúng sinh, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, điều mà kinh A-di-đà có nói đến. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là lợi ích cho hết thấy chúng sinh. Hết thấy chúng sinh cũng chính là Phật, là Pháp, là Tăng. Niệm như thế là chánh niệm.

Thế nào gọi là không niệm? Tuy thường niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm lợi ích hết thấy chúng sinh, nhưng trong tâm địa trước sau vẫn luôn thanh tịnh, thực sự không hề khởi lên một ý niệm nào.

Cả hai điều [niệm và không niệm] đó đều là đồng thời, không có trước sau, đó mới gọi là chánh niệm.

Ý niệm của người nào là chánh niệm? Là của bậc Pháp thân Đại sĩ. Chúng ta đều biết, bậc Pháp thân Đại sĩ không có sự phân biệt, nhất định là không có sự phân biệt, nhất định không có sự bám chấp, các chướng phiền não và sở tri đều dứt trừ, vô minh cũng đã phá trừ được mấy phần, chân tâm được hiển lộ, cũng chính là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi đã hiển lộ. Các ngài vận dụng những tâm như vậy.

Phàm phu so với những điều này đều trái ngược. Nói cách khác, phàm phu không có tâm chân thành. Tâm [phàm phu là] hư ngụy, là nhiễm ô, là [phân biệt] cao thấp (không bình đẳng), là tâm mê hoặc, tâm tự tư tự lợi. So với [những tâm của bậc Pháp thân Đại sĩ] như thế đều hoàn toàn trái ngược. Cho nên, phàm phu thật không dễ ra khỏi được sáu đường luân hồi.

Chúng ta nói đến tu hành thì phải đem những tâm này tu sửa, thay đổi, thay đổi hoàn toàn, phải biết vận dụng các tâm

chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Đó là tâm Bồ-đề, đó là chân tâm, là Phật tâm. Tâm như vậy khởi lên tác dụng chính là Bồ Tát hạnh, thực sự là hạnh phúc tốt đẹp mỹ mãn. Người đời gọi đó là trí tuệ chân thiện mỹ.

Cho nên chúng ta biết được rằng, [với người tu hành chân chánh thì] một mảy may bám chấp cũng không thể có. Thế nhưng loại tập khí xấu ác này vẫn tự nhiên lưu xuất hiện lộ mà ta hoàn toàn không hay biết, mọi lúc mọi nơi quý vị đều có thể nhìn thấy.

Nhìn thấy được ở nơi người khác, có tức thời nghĩ đến bản thân mình không? Bản thân mình có [những tập khí xấu này] hay không? Tự mình thấy được tật xấu của mình thật không dễ dàng. [Cho nên] thấy được [tật xấu] nơi người khác phải lập tức quay nhìn lại mình, tự soi rọi chính mình, như vậy mới có thể thấy được bản thân mình, mới biết được mình là người như thế nào.

Thấy biết rõ ràng được tự thân mình, đó là giác ngộ. Bao nhiêu tập khí xấu ác của mình đều nhanh chóng tu sửa, thay đổi, đó là tu hành chân chánh. Kinh điển không thể không đọc, không thể không nghe giảng. [Người còn mê muội] nghe giảng kinh thì chán lẩm, thế nhưng không nghe thì bao nhiêu tập khí xấu ác của bản thân thực sự không thể nhận biết được, vĩnh viễn cũng không có được một ngày tỉnh ra, nhận biết để sửa đổi. Như vậy thì sao được? Như vậy thì chúng ta học Phật uống công mất rồi.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 60

(Giảng ngày 24 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 61, số hồ sơ: 19-012-0061)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Câu thứ 22 [trong Cảm ứng thiên] là: “*Cảng cô tuất quả, kính lão hoài ấu.*” (Thương yêu giúp đỡ người cô độc góa bụa, kính trọng người già lo cho trẻ thơ.) Trong phần chú giải trích dẫn một đoạn kinh Hoa Nghiêm:

“Nguyện hết thấy chúng sinh phát tâm Bồ-đề, đầy đủ trí tuệ, giữ gìn mạng sống mãi không dứt mất.

“Nguyện hết thấy chúng sinh, tu hành đầy đủ, lìa pháp già chết, hết thấy tai ương nạn độc không hại đến mạng sống.

“Nguyện hết thấy chúng sinh thành tựu đầy đủ thân không bệnh nảo, tuổi thọ không giới hạn, sống lâu tùy ý.

“Nguyện hết thấy chúng sinh không già không bệnh, mạng sống thường còn, dũng mãnh tinh tấn nhập trí tuệ Phật.”

Bốn lời nguyện trên là những điều mà hết thấy chúng sinh ở thế gian luôn mong cầu. Có thể cầu được hay không? Đương nhiên là có thể cầu được. Nếu như không thể cầu được, đức Phật chắc chắn đã không nói ra những lời nguyện này. Nếu Phật nói ra những ý nghĩa mà chúng ta không thể hiểu được, những phương pháp mà chúng ta không thể làm được, thì sự thuyết pháp như vậy là không khế hợp căn cơ, cũng gọi là những lời nhàn rỗi vô nghĩa. Như vậy thì sao có thể tương ứng với năm [phẩm tính] của lời Phật nói, như trong kinh Kim Cang [đã xác định rõ lời của Như Lai là “*chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất cuống ngữ, bất dị ngữ*” (lời chân chánh,

lời đúng đắn, lời như thật, lời không dối gạt, lời không sai khác)]?

Do đó có thể biết rằng, mỗi câu mỗi chữ trong kinh luận đều nằm trong khả năng lý giải nhận hiểu của chúng ta, đều có thể thực hiện được. Như vậy mới đúng là những lời răn dạy chân thật.

Trong lời nguyện đầu tiên, điểm trọng yếu nhất là phát tâm Bồ-đề. Nói đúng ra, cả bốn lời nguyện này đều lấy tâm Bồ-đề làm căn bản. Không phát tâm Bồ-đề, chúng ta muốn sinh về thế giới Cực Lạc cũng không thể được. Kinh Vô Lượng Thọ đã vì chúng ta khai thị rõ ràng, điều kiện quan trọng thiết yếu nhất để vãng sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc là tám chữ *“phát tâm Bồ-đề, một lòng chuyên niệm”*.

Niệm Phật Đường của chúng ta ngày nào cũng 24 giờ [niệm Phật] không hề gián đoạn, không chỉ bảy ngày hay bảy mươi ngày mà là trường kỳ như vậy. Đó là đạt đến mức một lòng chuyên niệm. Nhưng nếu không phát tâm Bồ-đề thì vẫn không thể vãng sinh. Dù mỗi ngày niệm Phật liên tục 24 giờ không gián đoạn, niệm suốt một đời cũng không thể vãng sinh.

Chúng ta không thể trách đức Phật, ngài đã giảng giải quá rõ ràng. Nhưng ngài giảng tám chữ, ta chỉ làm được bốn chữ. Dù có trọn vẹn bốn chữ ấy thì bất quá cũng chỉ mới được một nửa thôi, chưa đạt yêu cầu. Nên có thể thấy rằng việc phát tâm Bồ-đề là quan trọng thiết yếu như thế nào.

Tâm Bồ-đề là gì? Là tâm chân chánh giác ngộ. Giác ngộ điều gì? Chân tướng vũ trụ nhân sinh đều [nhận hiểu] sáng tỏ rõ ràng. Chân tướng đó hình dạng thế nào? Kinh Kim Cang dạy rằng: *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.”* (Hết thấy những gì có hình tướng đều là hư vọng.) Lại nói: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng ảo bèo ảnh.”* (Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng ảo, bọt nước.) Đó là cái thấy của chư Phật, Bồ Tát về chân tướng [vũ trụ nhân sinh].

Lại nói dễ hiểu hơn một chút thì hết thấy hiện tượng đều là nghiệp nhân quả báo. Nhân lành được quả lành, nhân ác gặp quả báo ác. Nhân quả thay đổi tiếp nối nhau, kéo dài không dứt, đó là sự thật chân tướng.

Lại xét đến sâu xa hơn một bậc, Phật dạy rằng hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không với tự thân ta là cùng một tánh thể sinh mạng.

Đó là nói sâu xa hơn một bậc. [Những điều trên] thấy đều là sự thật chân tướng.

Thấu hiểu rõ ràng, sáng tỏ về sự thật chân tướng, đó gọi là tâm Bồ-đề. Sau khi hiểu rõ rồi thì điều quan trọng thiết yếu nhất là phải tự giúp mình đạt đến giải thoát. Làm sao để thoát khỏi sáu đường luân hồi? Làm sao để ra khỏi mười pháp giới, cùng chư Phật, Bồ Tát chung sống trong pháp giới nhất chân bình đẳng? Đó mới đích thực là giác ngộ, đó mới đích thực là Bồ-đề. Không chỉ tự giúp mình [giải thoát] mà còn phải cứu giúp, hỗ trợ cho hết thấy mọi chúng sinh đang khổ nạn.

Quý vị nên biết, người giác ngộ trong thế gian này phải chịu nhiều đắng cay vất vả, không phải như chúng ta tưởng tượng rằng họ sẽ hết sức tự tại, hết sức khoái lạc. Sự thật là ngược lại. Người giác ngộ phải chịu đựng hết thấy mọi oan khuất, chịu đựng hết thấy mọi sự khinh chê hủy nhục, chịu đựng hết thấy mọi sự chà đạp giày vò. Những oan khuất, hủy nhục, giày vò đó do đâu mà có? Là từ nơi những chúng sinh mê muội mà có. Người giác ngộ phải có khả năng nhận chịu. Không chỉ trong Phật pháp là như thế, cho đến pháp thế gian cũng vậy. “*Người tốt chịu khinh chê*”, chẳng phải người đời vẫn thường nói vậy sao?

Người tốt bị kẻ xấu ác khinh chê lấn áp, người tốt khi ấy thế nào? Người tốt vẫn là người tốt, họ tự nguyện chấp nhận sự khinh chê lấn áp, hơn nữa còn không chút oán trách. Như

thế mới gọi là người tốt. Người tốt là người đã thấu hiểu sáng tỏ, khi sống chung với những người mê muội chưa sáng tỏ, người tốt phải giúp đỡ hỗ trợ những người ấy quay đầu hướng thiện, giúp đỡ họ giác ngộ, lại phải nhận chịu sự giày vò, nhận chịu sự hủy nhục của họ. Nếu không phải người thực sự giác ngộ thì không thể làm được như vậy.

Chỉ có người thực sự giác ngộ, tâm địa mới chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, đại từ, đại bi. [Hết thấy những phẩm tính ấy] đều lưu xuất hiện lộ trong cuộc sống, nhưng người mê hoặc điên đảo không thể nhìn thấy được. Ai là người có thể nhìn thấy được? Chư Phật, Bồ Tát có thể nhìn thấy được. Chư Phật, Bồ Tát khích lệ, ủy lạo người tốt. Chư Phật, Bồ Tát ở trong chỗ u mặc vô hình luôn âm thầm hộ trì người ấy. Người giác ngộ qua việc làm của chính mình mà cảm hóa người khác, vì tất cả chúng sinh mà tiêu trừ tai nạn.

Chúng ta phát tâm làm người tốt, dù người tốt phải chịu nhiều cay đắng vất vả. Nhưng người tốt có trí tuệ đầy đủ, đó là sự thật. Người phát tâm Bồ-đề thì trí tuệ liền hiển lộ.

Có nhiều người trong chúng ta muốn phát tâm Bồ-đề nhưng không phát khởi được. Nguyên nhân vì sao? Là do nghiệp chướng, nghĩa là do nghiệp gây chướng ngại. Nghiệp là những gì? Là sự tạo tác. Hết thấy những suy nghĩ bất thiện, những hành vi bất thiện đều tạo thành nghiệp [xấu ác]. Nghiệp ấy gây chướng ngại tâm Bồ-đề của ta, cho nên tâm Bồ-đề không thể hiện khởi. Ý nghĩa là ở chỗ này.

Vậy chúng ta tạo các thiện nghiệp có được không? Thiện nghiệp cũng chướng ngại tâm Bồ-đề. Câu này phải hiểu thế nào? [Phải hiểu rằng,] việc thiện của quý vị chưa phải là việc thiện chân chánh. Việc thiện đó chỉ là trong vòng thiện ác đối đãi mà nói. Việc thiện trong vòng đối đãi thiện ác không có tác dụng [với tâm Bồ-đề], không giúp ích gì. Việc thiện trong vòng đối đãi chỉ có thể giúp đạt được phúc báo hữu lậu trong ba cõi, không thể giúp khai mở trí tuệ.

Cho nên, Phật dạy chúng ta dứt ác tu thiện, trong việc thiện này không xen tạp những phân biệt, bám chấp. Đó mới gọi là việc thiện chân chánh. Phân biệt là ý niệm của bản thân, bám chấp là [so tính] lợi hại của bản thân. Nói cách khác, phải đem hết thấy những ý niệm riêng tư, muốn giành lợi ích bản thân, những kiến giải, chủ trương, thành kiến của riêng mình, hết thấy đều buông bỏ. Dứt ác tu thiện được như vậy chính là tâm Bồ-đề. Tu hành như vậy mới khai mở trí tuệ, mới đầy đủ trí tuệ.

Trí tuệ hiển lộ hiện tiền mới có thể giữ gìn mạng sống mãi mãi không dứt mất. Quý vị phải biết rằng, mỗi chúng sinh như chúng ta, không chỉ riêng con người mà là hết thấy mọi chúng sinh, đều có tuổi thọ vô lượng. Mọi người không nên cho rằng chỉ ở thế giới Tây phương Cực Lạc mới có tuổi thọ vô lượng, còn chúng ta ở đây không có. Nếu như chúng ta ở đây không có tuổi thọ vô lượng thì lời Phật giảng trong kinh không thể thông suốt, tự có mâu thuẫn rồi. Phật pháp là pháp bình đẳng, thế giới Tây phương Cực Lạc có tuổi thọ vô lượng, còn ở đây tuổi thọ ngắn ngủi, như vậy là không bình đẳng, sao có thể gọi là Phật pháp?

Cho nên, chúng ta so với Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương Cực Lạc không khác, mỗi người đều có tuổi thọ vô lượng. Chỉ vì chúng ta mê hoặc điên đảo không biết, không hiểu được tự thân mình vốn có tâm Bồ-đề, không biết rằng tự mình vốn có vô lượng trí tuệ, tuổi thọ vô lượng, cho nên mới gọi là những người đáng thương.

Trí tuệ vô lượng, tuổi thọ vô lượng đó có phải do tu tập mà được? Không phải, là do trong tự tánh vốn sẵn có đủ. Vậy vấn đề bất ổn của hiện tại nằm ở đâu? Là ở chỗ quý vị không thể giác ngộ. Vấn đề bất ổn nằm ở đó. Một khi đã giác ngộ, một khi đã quay đầu hướng thiện thì quý vị tự nhiên đạt được.

Hôm kia có vị đồng tu đưa tôi xem một bản tin, có nhà

tiên tri ở Mỹ giải thích về tai kiếp của thế giới. Tôi nhìn trong hình thấy có nhiều người đến nghe. Có thể thấy rằng, ngày nay có rất nhiều người, kể cả người Mỹ, hết sức quan tâm đến vấn đề này. Một tai kiếp lớn lao của toàn thế giới sắp xảy đến, như thế có ai mà không sợ hãi? Nhưng rốt lại thì đây là chuyện gì?

Trong thế gian này có một số người thông minh sáng suốt, nói thật ra là người thông minh sáng suốt rất nhiều, mọi lúc mọi nơi ta đều có thể gặp. Những người này trong khi nhập định nhìn thấy, hoặc là trong giấc mộng nhìn thấy, hoặc là trong quá trình tu học nhìn thấy, cũng có thể là ngay trong cuộc sống thường ngày nhìn thấy [tai kiếp sắp xảy ra], nhưng tất cả đều chỉ thấy biết được cái đương nhiên xảy ra mà không hiểu được nguyên nhân của vấn đề. Do đó mà lo sợ, hốt hoảng nhưng không thể giải quyết được vấn đề.

Chỉ có Phật pháp hiểu biết được sáng tỏ việc này, nhất là Phật pháp Đại thừa. Cho nên mới tôn xưng pháp là món báu [ở thế gian, là Pháp bảo]. Chúng ta thể nghiệm càng lâu càng sâu sắc, đích thực là Chánh pháp món báu, chỉ món báu này mới có khả năng giải quyết vấn đề.

Tai kiếp hiện nay chỉ là chuyện nhỏ nhặt mà thôi. Nhà Phật nói đến ba tai kiếp lớn, mới thực sự là đại tai kiếp. Đó là *thủy tai* (nạn nước lụt), *phong tai* (nạn gió bão) và *hỏa tai* (nạn lửa cháy), có khả năng phá hủy đến tận các tầng trời Sơ thiên, Nhị thiên và Tam thiên. Đó mới thật là đại tai kiếp. Những đại tai kiếp như vậy, nhưng trong Phật pháp cũng không xem là đáng kể, vì [đối với] người nhận hiểu rồi thì không phải nhận chịu tai kiếp, thực sự có tuổi thọ kéo dài đến vô lượng.

Nhưng người không hiểu thì phải nhận chịu tai nạn, như là phải có sống chết, có tuổi thọ dài ngắn... Những huyễn tướng như vậy không ra ngoài vọng tưởng phân biệt bám

chấp. Cho nên, lìa khỏi vọng tưởng phân biệt bám chấp thì đúng như Đại sư Vĩnh Gia [Huyền Giác] nói trong Chứng Đạo Ca: “*Giác hậu không không vô đại thiên.*” (Sau khi giác ngộ thì hết thấy đều rỗng không, cả thế giới cũng không có.)

Phật pháp, nhất là Phật pháp Đại thừa, từ khởi đầu cho đến kết thúc không gì khác hơn là dạy ta giác ngộ. Tuy nhiên, đi vào giáo dục thì Phật pháp có ba mục tiêu. Thứ nhất là chuyển mê thành ngộ. Đây là mục tiêu chủ yếu, chỉ cần đạt được mục tiêu này thì có thể nói trước sau gì hai mục tiêu còn lại cũng tự nhiên hoàn thành, những việc [tiếp theo là] bỏ ác làm thiện, chuyển phàm thành thánh đều không thành vấn đề.

Cho nên, điểm cốt yếu là ở nơi *chuyển mê thành ngộ*. Điều này thường được nêu rõ trong nhà Phật là: “*Phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui.*” Muôn câu ngàn lời, ngàn kinh muôn luận, hết thấy đều không ra ngoài nguyên tắc này.

Vì thế, việc phát tâm Bồ-đề là vô cùng quan trọng thiết yếu. Tâm Bồ-đề thực sự hiện khởi thì tuổi thọ vô lượng có thể đạt được. Vì sao vậy? Vì chắc chắn được vãng sinh, dù niệm Phật một câu hay mười câu cũng đều được vãng sinh. Không phát tâm Bồ-đề thì dù mỗi ngày niệm Phật 24 giờ, niệm suốt một đời cũng không thể vãng sinh. Phát tâm Bồ-đề rồi thì niệm Phật một câu, mười câu đều được vãng sinh. Cho nên, ý nghĩa của mỗi câu mỗi chữ trong kinh điển đều phải được nhận hiểu thật rõ ràng sáng tỏ.

Lời nguyện thứ hai là: “*Nguyện hết thấy chúng sinh, tu hành đầy đủ, lìa pháp già chết, hết thấy tai ương nạn độc không hại đến mạng sống.*” Đây chẳng phải là điều mà mọi người chúng ta hiện nay cần đến hay sao? Phải tu theo phương pháp nào để có thể lìa được già chết?

Nói già chết vẫn còn thiếu một việc, không phải sót thiếu mà là lược bớt, đó là bệnh. Lìa được *già, bệnh, chết*, [nghĩa là]

không già, không bệnh, không chết, có ai đạt được như vậy hay không? Có rất nhiều người đạt được. Những người vãng sinh, đứng mà viên tịch, ngồi mà viên tịch, ngay trước lúc ra đi từ biệt thân thích bằng hữu, như thế không phải là chết, họ không hề chết. Vãng sinh thế giới Tây phương Cực Lạc là đang sống mà vãng sinh. Điều đó quý vị phải nhận hiểu thật rõ ràng. Đó là pháp tu [đạt đến] không già, không bệnh, không chết.

Phải tu pháp ấy như thế nào? Y theo kinh Vô Lượng Thọ mà tu học sẽ thành công. Quý vị muốn y theo kinh Vô Lượng Thọ mà tu hành, trước tiên đối với kinh văn phải thuộc lòng, đọc kỹ. Thứ hai là phải nhận hiểu sâu xa. Thứ ba là phải vận dụng vào thực tế đời sống. Làm được như vậy thì vấn đề đã được giải quyết, đã lìa khỏi được cả già, bệnh, chết.

“Hết thấy tai ương nạn độc” chính là nói về tình trạng xã hội chúng ta hiện nay. Tai nạn, virus gây bệnh, tức là dịch bệnh lây nhiễm, đều không thể gây hại đến quý vị.

Chúng ta đối diện với hoàn cảnh hiện nay, sợ sệt không thể giải quyết, trăm phương ngàn cách để phòng ngừa cũng không thể giải quyết, vì không cách gì phòng ngừa nổi. Chỉ có một cách duy nhất là nương dựa vào Thánh giáo, nương dựa vào những lời răn dạy chân thật của chư Phật, Bồ Tát, ta mới có thể thoát khỏi được kiếp nạn này.

Cho nên, Phật dạy ta phải tụng đọc kinh điển Đại thừa, đặc biệt là những người tu học theo Giáo tông, những người phát tâm hoằng pháp lợi sinh. Tụng đọc kinh điển Đại thừa là khóa trình tu tập quan trọng, thiết yếu nhất của chúng ta. Trong việc tụng đọc đó phải bao gồm cả nghiên cứu và thảo luận [nghĩa lý].

Quý vị đồng học hiện nay ở đây tu học, hoàn cảnh tu học như thế này thật là nhân duyên tốt nhất, hiếm có ở thế gian. Nếu quý vị không biết nắm lấy cơ hội [để nỗ lực tu học] thì đó

là lỗi của quý vị. Trước đây tôi tu học ở Đài Trung mười năm, ngày nào cũng như ngày nấy, suốt mười năm không hề gián đoạn. Nhưng hoàn cảnh tu học của tôi so với hoàn cảnh tu học của quý vị hiện nay khác xa nhau một trời một vực. Quý vị [ngày nay] giống như được ở trên trời cao, còn hoàn cảnh của tôi [khi ấy] như ở dưới đất bằng.

Bạn đồng học của tôi ở Đài Trung cả thầy được bảy người, cùng tâm chí, hợp đạo tình. Chúng tôi bảy người cùng học với nhau suốt mười năm, mỗi tuần chỉ họp nhau một lần trong ba giờ để cùng nhau nghiên cứu thảo luận. Bởi vì mỗi người đều có gia đình, có công việc riêng, không thể ngày nào cũng họp nhau. Quý vị [ngày nay] mỗi ngày đều họp mặt nhau, nếu như có thể học tập giống chúng tôi [ngày trước] thì ít nhất một năm học cũng bằng chúng tôi học trong bảy năm. Quý vị học trong hai năm bằng chúng tôi học trong mười bốn năm! Đó là nói đúng với thực tế. Tôi học ở Đài Trung mười năm, quý vị ở đây học một năm rưỡi là đã hoàn thành rồi. Nếu không thể khéo léo vận dụng cơ duyên tốt đẹp này thì thật đáng tiếc lắm.

[Quý vị] không phải không có phước báo, mà là phước báo rất lớn. Chỉ có điều khi phước báo lớn đến lại không chịu tận hưởng. Đã không chịu hưởng phước, lại còn ở trong hoàn cảnh ấy khởi sinh phiền não, thật đáng tiếc lắm.

Phần trước tôi có nói với mọi người về tâm thiết tha cầu học, quý vị không làm được như vậy. Nếu quý vị thực sự có tâm thiết tha cầu học thì đối với thời gian dù một giây một phút cũng không để luống qua. Cho nên, bạn đồng học cùng tụ họp thì mỗi giây mỗi phút đều phải tập trung nghiên cứu thảo luận. Chúng ta học giảng kinh thì một người giảng, những người khác cùng nghe. Nghe xong rồi thì nêu ý kiến, nhận xét góp ý, giúp nhau sửa đổi để tiến bộ.

Giúp nhau sửa đổi như vậy không chỉ là giúp cho riêng

một người [giảng kinh], mà tất cả mọi người tham gia đều được lợi ích, đều được tiến bộ. Như vậy làm gì có thời gian rảnh rỗi để khởi sinh vọng tưởng? Như vậy mới gọi là thực sự tu tập.

Đặc biệt là quý vị từ những nơi khác, đến Singapore này quý vị là khách, thời gian đối với quý vị càng quý báu biết dường nào, đúng như người thời nay thường nói là phải tranh thủ từng giây từng phút. Như vậy thì chúng ta mới có thể thành công lớn, thành tựu sự nghiệp lớn lao.

Sự nghiệp lớn lao này là gia nghiệp của đức Như Lai, đâu chỉ là giữ được tuổi thọ dài lâu, chỉ là không bị hại mà thôi? Hy vọng quý vị đồng học thể hội sâu xa ý nghĩa chân thật của [Giáo pháp] Như Lai, thực sự nỗ lực vâng theo lời dạy tu hành, lợi ích cho mình, lợi ích cho người. Như vậy thì một đời này của chúng ta mới không luống qua vô ích. Đó mới là sống có ý nghĩa, có giá trị.

Bài giảng thứ 61

(Giảng ngày 25 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 62, số hồ sơ: 19-012-0062)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta xem đến [phần chú giải] trong *Cảm ứng thiên* có trích dẫn bốn lời nguyện trong kinh Hoa Nghiêm. Nguyện thứ nhất và thứ hai là:

“Nguyện hết thấy chúng sinh phát tâm Bồ-đề, đầy đủ trí tuệ, giữ gìn mạng sống mãi không dứt mất.

“Nguyện hết thấy chúng sinh, tu hành đầy đủ, lìa pháp già chết, hết thấy tai ương nạn độc không hại đến mạng sống.”

Hai lời nguyện này tôi đã giảng qua với quý vị. Tiếp theo còn hai lời nguyện nữa là:

“Nguyện hết thấy chúng sinh thành tựu đầy đủ thân không bệnh nảo, tuổi thọ không giới hạn, sống lâu tùy ý.

“Nguyện hết thấy chúng sinh không già không bệnh, mạng sống thường còn, dũng mãnh tinh tấn nhập trí tuệ Phật.”

Hôm nay chúng ta xem tiếp đến hai lời nguyện sau này.

Cả bốn lời nguyện này, như tôi đã nói, chính là những điều mà hết thấy chúng sinh đều mong cầu. Vấn đề là có thể cầu được hay không? Nhà Phật có câu: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng.”* (Trong cửa Phật có cầu có ứng.) Nếu như bốn lời nguyện này mà cầu không thể được thì câu *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* ắt có vấn đề, là lời hư dối, không phải lời chân thật.

Chư Phật, Bồ Tát nhất định không có lời dối trá, nói ra lời nào cũng đều là chân thật. Vấn đề là ở phía chúng ta nên mới cầu không được. Trong thế gian này, tám nỗi khổ lớn có

bao gồm “cầu bất đắc khổ” (khổ vì mong cầu không được). Vì sao cầu không được? Vì không hiểu rõ sự thật chân tướng nên chỗ mong cầu của quý vị không hợp lý, không hợp Chánh pháp, không thuận tánh pháp, do đó mà chỗ mong cầu của quý vị không đạt được. Mong cầu như vậy trái ngược với lời nguyện. Nếu thực sự mong cầu đúng lý đúng pháp thì không có chuyện gì không cầu được. Cầu làm Phật mà còn có thể được, bốn lời cầu nguyện này nếu đem so với việc cầu thành Phật là quá nhỏ nhặt, chỉ là chuyện nhỏ thôi. Cho nên, xác định chắc chắn là có thể cầu được.

Hôm qua tôi cũng đã nói, nguyên tắc cơ bản trong sự mong cầu là phát tâm Bồ-đề. Chỉ cần phát tâm Bồ-đề rồi thì bốn lời nguyện này có cầu có ứng. Nếu không phát khởi được tâm Bồ-đề, bốn lời nguyện này rất khó cầu được. Cho nên, việc phát tâm Bồ-đề là quan trọng thiết yếu. Quý vị thường tụng kinh Vô Lượng Thọ, trong [phẩm thứ 24] “*Ba bậc vãng sinh*” có [ba đoạn] nói đến [ba bậc vãng sinh là] bậc thượng, bậc trung và bậc hạ. Đoạn cuối [của phẩm kinh này] nói thêm về việc tu học các pháp môn [Đại thừa] khác cũng [có thể] phát nguyện hồi hướng cầu sinh Tịnh độ. Trong cả [bốn đoạn nêu rõ] bốn nhóm lớn [những người tu tập được vãng sinh] này, Phật dạy chúng ta một cương lĩnh chung, một nguyên tắc chung là “*phát tâm Bồ-đề, một lòng chuyên niệm*”. Đây là nguyên tắc chung nhất. Có thể vãng sinh thế giới Tây phương Cực Lạc hay không? Tâm ý và việc làm của chúng ta phải tương ứng, phù hợp với [nguyên tắc] tám chữ đó. Được vậy thì quý vị có thể nắm chắc sẽ được vãng sinh. Nếu trái ngược với tám chữ đó thì không thể vãng sinh.

Chúng ta hiện nay ở Niệm Phật Đường này mỗi ngày niệm Phật 24 giờ không gián đoạn, quanh năm suốt tháng không gián đoạn, đó là thực hiện được [bốn chữ] “*một lòng chuyên niệm*”. Vậy có thể vãng sinh hay không? Còn phải xem quý vị có phát tâm Bồ-đề hay không. Nếu như không

thể phát tâm Bồ-đề thì không thể vãng sinh. Mỗi ngày niệm Phật đủ 24 giờ cũng không thể vãng sinh. Điều này chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Đó là vì quý vị chỉ mới làm được [bốn chữ] “*một lòng chuyên niệm*” nhưng không phát tâm Bồ-đề.

Cho nên, phát tâm Bồ-đề là cực kỳ quan trọng thiết yếu. Trong việc vãng sinh thế giới Tây phương Cực Lạc, “*phát tâm Bồ-đề*” đích thực là *nhân*, “*một lòng chuyên niệm*” là *duyên*. Đây đủ nhân duyên thì nhất định được sinh về Tịnh độ. Ý nghĩa này, sự thật chân tướng này chúng ta phải thấu hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ, không được hiểu sai thánh ý của Phật.

Tâm Bồ-đề là tâm giác ngộ chân chánh, tâm giác ngộ triệt để. Tâm giác ngộ là như thế nào? Nói ở mức đơn sơ dễ hiểu nhất thì đó là chúng ta có thể tự mình thể hội, tự mình vận dụng vào thực tế, khởi tâm động niệm đều thuận theo những lời răn dạy của Phật, không thuận theo ý niệm riêng tư của mình, buông bỏ hết những ý niệm riêng tư, hết thấy đều y theo lời Phật dạy. Đó chính là biểu hiện của tâm Bồ-đề.

Chư Phật, Bồ Tát trong Kinh luận dạy chúng ta làm những việc gì, chúng ta đều nỗ lực làm theo; dạy chúng ta không làm những việc gì, chúng ta không bao giờ nghĩ đến những việc ấy. Đó chính là biểu hiện của tâm Bồ-đề.

Tối hôm qua chúng ta học đến đại nguyện thứ mười ba trong kinh Vô Lượng Thọ, “*Quang minh vô lượng nguyện*”, tôi đã giảng giải rất tường tận, chi tiết. Nói thật ra, do [bị giới hạn thời gian] theo tiến độ [của khóa học] nên chúng ta không thể giảng đi giảng lại nhiều lần, nhưng mỗi câu mỗi chữ trong Kinh văn đều hàm chứa vô lượng ý nghĩa. Do đó chúng ta phải thể hội được, phải biết cách học tập như thế nào.

Pháp lành nhất định phải tu tập, mà pháp lành trọn vẹn đầy đủ nhất chính là vãng sinh Tịnh độ. Thực sự mong cầu vãng sinh Tịnh độ thì phải buông bỏ hết những chướng ngại của việc vãng sinh. Nói về “*đối nghiệp vãng sinh*” (vãng sinh

mang theo nghiệp) thì không thể cho rằng quý vị có thể mang theo những chướng ngại đó mà vãng sinh. Điều đó không thể được. Các bậc đại đức ngày xưa đã giảng nói với chúng ta rất rõ ràng, chỉ có thể mang theo những nghiệp cũ, không thể mang theo những nghiệp hiện hành [để vãng sinh. Nghiệp cũ là những nghiệp] tạo ra khi ta còn chưa học Phật, bản thân còn ngu muội không hiểu biết. Sau khi đã học Phật rồi mà vẫn tạo nghiệp thì không có cách gì mang theo [những nghiệp ấy để vãng sinh]. Sau khi đã học Phật thì phải lắng nghe lời Phật dạy, phải sửa lỗi thay đổi chính mình cho hoàn thiện hơn, hết thấy mọi việc làm đều vì mong cho Phật pháp được lưu truyền dài lâu ở thế gian, như vẫn thường nói là “*Chánh pháp cửu trụ*” (Chánh pháp ở đời lâu dài), lại vì giúp đỡ hỗ trợ cho hết thấy chúng sinh được phá mê khai ngộ, là khổ được vui.

Cho nên, giác ngộ triệt để rốt ráo chính là biết phát nguyện cầu sinh Tịnh độ. Đó mới là thực sự giác ngộ triệt để. Được vãng sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc rồi là thực sự là khổ được vui, bao nhiêu khổ não trong ba cõi, mười pháp giới hết thấy đều xa lìa, đạt được niềm vui rốt ráo. Đó chính là lời dạy trong Kinh luận của đức Thế Tôn, của Phật A-di-đà cùng hết thấy chư Phật.

Nếu chúng ta thực sự hiểu được tấm lòng thương yêu khó nhọc của chư Phật đối với ta, thực sự nhận hiểu rõ ràng và cung kính vâng làm theo lời Phật dạy, thì bốn lời nguyện trên không khó thành tựu.

Lời nguyện thứ ba không phải nguyện cho chư Phật, Bồ Tát, mà là nguyện cho hết thấy chúng sinh. Trong hết thấy chúng sinh đó bao gồm cả bản thân chúng ta, đều được “*thành tựu đầy đủ thân không bệnh não*”. Thân thể chúng ta hiện nay không tốt, là thân có bệnh, có phiền não. Làm sao có thể ngay trong một đời này đạt đến mức không bệnh đau, không phiền não?

Lại nói “*tuổi thọ không giới hạn, sống lâu tùy ý*”. Sống

lâu tùy ý có nghĩa là quý vị muốn sống bao lâu ở thế gian này cũng được, tuổi thọ không giới hạn, muốn viên tịch thì viên tịch, muốn trụ thế liên tiếp tục trụ thế. Có thể được như vậy hay chăng? Quả thật có thể được.

Chúng ta xem trong các sách *Cao tăng truyện*, *Cư sĩ truyện*, *Thiện nữ nhân truyện*, quả thật đều thấy có như vậy. Có những vị tuổi thọ đã hết nhưng chưa muốn viên tịch, tiếp tục trụ thế mấy năm nữa để vì chúng sinh làm thêm việc gì đó. Các vị làm được ngay, không có vấn đề gì.

Pháp sư Giao Quang là người soạn chú giải *Lăng Nghiêm Kinh chính mạch*.¹ Khi tuổi thọ đã hết, Phật A-di-đà hiện đến tiếp dẫn ngài. Ngài thưa thỉnh với đức Phật rằng còn muốn ở lại thế gian này mấy năm nữa, vì kinh Lăng Nghiêm từ trước chưa từng có ai chú giải đầy đủ, nên ngài muốn đem kinh Lăng Nghiêm ra chú giải lại [cho thật đầy đủ], xong việc mới vãng sinh. Đức Phật A-di-đà đồng ý, ngài lưu lại thế gian và hoàn tất việc chú giải kinh Lăng Nghiêm. Điều này chứng minh rõ việc “*sống lâu tùy ý*”.

Những người tu tập đạt công phu như vậy không chỉ riêng có Pháp sư Giao Quang. Xưa nay không kể là tại gia hay xuất gia, có rất nhiều người đạt được như vậy. Thế nhưng, người muốn ở lại thế gian như vậy nói thật ra chỉ có một việc mà thôi, đó là giúp cho Chánh pháp truyền lại dài lâu ở đời. Như trường hợp Pháp sư Giao Quang, chính là muốn cho Chánh pháp truyền lại dài lâu, rộng độ chúng sinh. Theo cách nói hiện nay thì đó là vì tất cả chúng sinh mà phục vụ. Ngài không vì riêng bản thân mình, không có ý riêng tư, cho nên ngài có thể “*thành tựu đầy đủ thân không bệnh não*”.

Do đó có thể biết rằng, bệnh đau phiền não đều do chúng ta khởi tâm riêng tư vị kỷ nên mới có. Do bám chấp thân này

¹ Tức là Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch Sớ (楞嚴經正脈疏), hiện còn trong Vạn tục tạng, Tập 12, kinh số 275, người soạn là Chân Giám (真鑑), chính là hiệu của ngài Giao Quang (交光). Bộ sớ giải này được soạn vào đời Minh.

là tôi, bám chấp những vọng tưởng phân biệt của mình là tôi, nên khởi tâm động niệm đều là “tôi muốn thế này, ý tôi là thế này, tôi cho là thế này...” Quý vị có “cái tôi” [như thế] thì quý vị lên có bệnh, liền có phiền não, liền có đau đớn khổ não.

Sự tu hành trong Phật pháp, bất kể là pháp môn nào, tông phái nào, cương lĩnh tổng quát được kinh Kim Cang nêu ra rất hay là: “*Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ Tát.*” (Nếu Bồ Tát còn có các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả thì không phải Bồ Tát.)

Thế nào là Bồ Tát? Bồ Tát là người đã hiểu biết sáng tỏ, là người tu hành. Không hiểu biết sáng tỏ là mê hoặc điên đảo, không tu hành tức là tạo nghiệp [xấu ác]. Các bậc hiền thánh xưa từng nêu những tấm gương Bồ Tát để chúng ta noi theo. Người xuất gia gần đây, trong Thiên tông có Lão Hòa Thượng Hư Vân, trong Tịnh độ tông có Đại sư Ấn Quang, các ngài đều là những tấm gương [Bồ Tát] để chúng ta noi theo. Nêu gương như thế nào? Không có các tướng *ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả*. Quý vị hãy quan sát cho kỹ, các ngài đều có đầy đủ trí tuệ.

Các vị cư sĩ tại gia hiện tướng Bồ Tát cũng không phải ít. Cư sĩ Giang Vị Nông là người soạn chú giải sách *Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa*, ngài là một nhân vật kiệt xuất. Tại Đài Loan, chính mắt tôi đã được nhìn thấy cư sĩ Lý Bình Nam. Các ngài đều thị hiện những tấm gương hiểu biết sáng tỏ, chân chánh tu hành. Các ngài sống ở đời chỉ có một mục đích đơn giản là giúp đỡ, hỗ trợ chúng sinh dứt ác tu thiện, phá mê khai ngộ. Suốt đời các ngài chỉ làm mỗi một việc ấy, thực sự giúp cho Chánh pháp được lưu truyền dài lâu ở đời, không một mảy may ý niệm riêng tư, không một mảy may ý niệm vì lợi riêng. Đó thực sự là hạnh Bồ Tát.

Chúng ta qua những điều nhìn thấy được, so với trong kinh điển dạy đều tương ứng. Các ngài vì sao không trụ thế

nhiều năm? Là vì người đã hiểu biết sáng tỏ, bậc tu hành chân chánh ở lại thế gian này không phải do ý riêng của mình, hoàn toàn đều tùy theo duyên phần. Khi có duyên thì ở lại trong một giai đoạn, lúc không có duyên liền ra đi. Những gì là duyên? Duyên là tâm nguyện của chúng sinh, có mong muốn được học tập với các ngài hay không. Nếu có người mong muốn được học với các ngài, các ngài liền trụ thế, vì *“Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân”* (Trong cửa Phật không bỏ người nào). Nếu [chúng sinh] không có ai mong muốn học với các ngài, việc trụ thế không cần thiết, các ngài liền ra đi.

Quý vị có thể sẽ nói, người muốn học với các ngài [lúc nào cũng] rất nhiều. Nhìn theo vẻ ngoài thì đúng vậy, quả thật thấy có rất nhiều người. Nhưng có người thực sự muốn học hay không? Những kẻ ngoài mặt nghe theo, trong lòng trái nghịch vốn rất nhiều. Những kẻ như vậy không tính. Đó là những kẻ nhìn bề ngoài rất giống như đang theo Bồ Tát học tập, đang theo thiện tri thức học tập, nhưng trong thực tế thì khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều hoàn toàn trái ngược với lời dạy của Bồ Tát, của thiện tri thức. Cho nên, [đã là như vậy thì] tất nhiên là các ngài không cần trụ thế.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni năm xưa thị hiện nhập Niết-bàn, nguyên nhân cũng là như vậy. Phật dạy rằng, người cần hóa độ đều đã được độ, người chưa được hóa độ phải xem lại nhân duyên, hiện tại nhân duyên chưa thành thực, ngài liền nhập Niết-bàn. Chư Phật, Bồ Tát trụ thế hay không, hoặc trụ thế thời gian dài hay ngắn, đều là nhìn nơi thái độ học tập của chúng ta có thực sự nỗ lực hay không. Cho nên, chúng ta phải suy ngẫm việc này. Chúng ta đã bị chư Phật, Bồ Tát nhìn đúng tâm can [không muốn tu học] hay chúng ta bị chư Phật, Bồ Tát bỏ rơi?

Tôi nói câu này khó nghe, nhưng bản thân chúng ta không chịu học tập thì chư Phật, Bồ Tát đối với chúng ta cũng chẳng

làm gì được. Nhất là trong xã hội hiện tại này, dân chủ, tự do, khai phóng, không ai có thể can thiệp vào việc của người khác. Ngày xưa, cha mẹ, thầy cô giáo có thể ép buộc con cái, học trò, nhưng ngày nay thì không thể được, ép buộc người khác là phạm pháp. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát trụ thế theo điều kiện nhân duyên như vậy, chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải sáng tỏ.

Thực sự vâng làm theo lời dạy [của chư Phật, Bồ Tát] thì có thể được thân không bệnh não. Bệnh vốn từ đâu sinh ra? Chúng ta hiện nay đều biết là do nhiễm phải virus gây bệnh. Nhưng mọi người lại không biết rằng, loại virus gây bệnh nghiêm trọng nhất theo Phật dạy chính là ba món độc tham, sân, si. Vì trong lòng chúng ta vốn có tham, sân, si nên mới bị nhiễm phải virus gây bệnh từ bên ngoài. Trong lòng ta nếu không có tham, sân, si thì bên ngoài dù có virus gì cũng không nhiễm hại được ta. Hiện nay y học có nói đến khả năng miễn nhiễm, đến hệ thống miễn nhiễm [của cơ thể]. Nhà Phật dạy rằng khả năng miễn nhiễm thực sự chính là dứt trừ được tham, sân, si, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác. Như vậy là thực sự có thể miễn nhiễm. Tâm địa đại từ đại bi có thể giải trừ mọi sự độc hại.

Cho nên, sự thật là chắc chắn có thể *thành tựu đầy đủ thân không bệnh não, có thể sống lâu tùy ý*.

Lời nguyện [thứ tư] tiếp theo nói “*nguyện hết thấy chúng sinh được không già không bệnh*”. Làm thế nào có thể trẻ mãi không già, đó là điều mọi người đều mong muốn. Ai cũng hy vọng giữ được tuổi thanh xuân mãi mãi. Bằng cách nào có thể trẻ mãi không già? Con người dường như ai cũng phải có tuổi già. Chúng ta cần phải hiểu được, nguyên nhân của tuổi già nằm ở đâu? Đó là do [những ý niệm] phân biệt, bám chấp.

Quý vị còn bám chấp, quý vị liền có bệnh. Quý vị có phân biệt, quý vị liền già suy. Đối với hết thấy các pháp thế gian,

các pháp xuất thế gian, nhất định không khởi sinh phân biệt, không bám chấp, [như vậy thì] quý vị không sinh bệnh, không già suy. Hoặc ít nhất thì hiện tượng già suy cũng sẽ chậm lại, chính là điều chúng ta gọi là lão hóa rất chậm.

Người phân biệt, bám chấp nặng nề thì tiến trình lão hóa rất nhanh, già yếu rất nhanh. Nếu thực sự hoàn toàn không còn phân biệt, bám chấp, sự lão hóa sẽ dừng lại, thực sự dừng lại, không còn già yếu nữa. Tiến trình lão hóa, già yếu còn không có, người như thế làm sao có bệnh?

Nguyên nhân sinh bệnh có ba loại. Thứ nhất là nguyên nhân sinh lý. Đó là những nguyên nhân như “bệnh từ miệng vào”, do quý vị ăn uống món này món khác không cẩn thận chú ý. Hoặc do việc ăn mặc không thích hợp, không lưu tâm [giữ ấm] dẫn đến nhiễm gió cảm lạnh. Đó là các bệnh do nguyên nhân sinh lý.

Nguyên nhân thứ hai là bệnh do oan nghiệp, phần nhiều là do sát sinh hại mạng, bao nhiêu hồn oan [chúng sinh] tìm theo quý vị, báo thù quý vị, quở oan nhập thân. Hết thầy đều là do những oan gia đối đầu của quý vị. Loại bệnh này cần phải hòa giải. Nếu đối phương đồng ý hòa giải với quý vị, rồi bỏ đi thì bệnh tự nhiên bình phục. Quốc sư Ngộ Đạt trong [lời tựa] sách *Tam-muội Thủy sám* [kể chuyện] bị ung nhọt hình mặt người [nơi đầu gối], đó là thuộc loại bệnh này.

Loại bệnh thứ ba so ra phiền toái hơn nhiều. Đó là bệnh do nghiệp cũ, nghiệp từ quá khứ đã tạo. Hoặc cũng có thể do ngay trong đời này tạo tác tội nghiệp quá nhiều. Cho nên, đối với loại bệnh này không phải do ăn uống, cảm lạnh, cũng không do oan gia đối đầu, mà do quả báo của những tội nghiệp do chính mình tạo ra. Loại quả báo này, theo cách nói hiện nay thì chứng Alzheimer ở người già cũng thuộc loại này. Tôi đã từng gặp qua rất nhiều, phần lớn là những người giàu sang, có địa vị trong xã hội, có nhiều tiền của, mắc phải

bệnh này rồi thì sống không ra sống, chết không ra chết, hơi thở chưa dứt thì vẫn cần nhiều người đến chăm sóc, phục dịch. Họ nằm trên giường, ngay cả con cái họ cũng không nhận biết được, nhưng hơi thở vẫn không dứt. Chúng ta nhìn thấy như vậy thì biết ngay đó là bệnh nghiệp chướng.

Bệnh như vậy có thể cứu được không? Có thể cứu được, bằng cách sám hối, sám hối dứt trừ nghiệp chướng thì bệnh có thể hồi phục. Nhưng những người ấy thường không tin nhận, họ không biết sám hối. Người nhà họ cũng không hiểu được ý nghĩa này nên không thể giúp gì được.

Nếu hiểu rõ được ý nghĩa này, tiêu trừ hết nghiệp chướng, không kết oán thù với chúng sinh, trong cuộc sống biết chú trọng giữ gìn vệ sinh, như vậy thì có thể không già, không bệnh. Quý vị có được thân thể cường tráng khỏe mạnh thì mới có khả năng sức lực để lo cho đạo pháp, mới có thể “*dũng mãnh tinh tấn*”. Đợi đến lúc thể lực suy yếu, dù muốn tinh tấn cũng không làm nổi, lúc ấy đã muộn rồi.

Cho nên, từ xưa đến nay, công phu tu hành đạt hiệu quả nhất là giai đoạn nào? Chính là vào thời còn thanh niên trai tráng. Chúng ta xem Lục tổ Đàn kinh, thấy Đại sư Huệ Năng đắc đạo năm 24 tuổi, chính là lúc đang có thể lực. Lên Niệm Phật Đường niệm Phật bảy ngày bảy đêm vẫn thản nhiên như không, đó là nhờ có thể lực. Già yếu đến bảy, tám mươi, lên Niệm Phật Đường, [niệm Phật] vài giờ đã không làm nổi, đã không chịu nổi, dù muốn tinh tấn cũng không cách gì làm được. Ý nghĩa đó chúng ta cần phải hiểu thật rõ ràng thì mới biết phải tu học như thế nào.

Kinh Hoa Nghiêm dạy bốn lời nguyện ấy, chúng ta thấy đều có thể làm được, nhất định không phải lời gặt gẫm, hư dối.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 62

(Giảng ngày 27 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 63, số hồ sơ: 19-012-0063)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời mọi người mở xem đến câu thứ 23 trong Cảm ứng thiên: “*Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương.*” (Côn trùng cỏ cây cũng không được làm hại.)

Câu này hàm ý yêu người thương vật, từ bi bình đẳng.

Chữ “côn” (昆) hàm nghĩa rất nhiều, cũng chính là nói đến hết cả [các loài] lớn cũng như nhỏ, đến như loài bò sát nhỏ, các động vật nhỏ nhoi đều không có ý làm hại, hướng chi đối với các loài vật lớn? Đó là thực sự nuôi dưỡng tâm từ bi.

Trong ba loại bố thí, ý nghĩa này thuộc về *bố thí vô úy* (bố thí sự không sợ hãi). Quả báo của bố thí vô úy là được sống lâu, an ổn khỏe mạnh. Người Trung quốc nói về năm loại phước báo thì trong đó có hai loại quả báo [sống lâu, an ổn khỏe mạnh] này. Cho nên, chúng ta nhìn thấy quả thì phải biết cách tu nhân như thế nào [để được quả ấy]. Thực sự chịu tu nhân lành thương yêu nhân ái thì về sau nhất định được quả báo tốt đẹp. Nhân duyên quả báo không mảy may sai lệch.

Toàn văn *Cảm ứng thiên* đều là khuyên người tu nhân lành, dứt bỏ duyên xấu ác. Từ vô lượng kiếp đến này, chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng hành động, nói thật ra đều quá nhiều việc ác, ít việc lành. Cho nên, trong Kinh luận Phật giáo cho chúng ta biết về số lượng phiền não, như trong luận *Bách pháp minh môn* quy nạp hết cả phiền não thành 26 nhóm lớn thì các pháp lành chỉ có 11 nhóm, [còn lại toàn

là pháp xấu ác.] Vì thế, tập khí xấu ác của chúng ta so với tập khí hiền thiện quả thật là quá mức nhiều hơn.

Đối với các loài vật nhỏ nhoi, nhất là như các loài muỗi mòng, sâu kiến, mỗi lúc nhìn thấy ta đều vô ý giết hại. Giết hại như vậy có lý do gì không? Hoàn toàn không có lý do. Vậy do nguyên nhân gì? Là do tập khí, tập khí xấu ác [khiến ta giết hại như vậy].

Cho nên, các bậc thánh nhân thế gian cũng như xuất thế gian đều dạy ta phải nuôi dưỡng, bồi đắp tâm từ bi. Phải nuôi dưỡng, bồi đắp bắt đầu từ đâu? Chính là từ việc biết thương yêu quý trọng mạng sống của các loài vật nhỏ nhoi. Người học Phật biết rằng [mỗi con vật bé nhỏ] đó cũng là một sinh mạng [như chúng ta]. Chúng phải thọ thân nhỏ bé như vậy là do trong quá khứ đã tạo nghiệp xấu ác. Chúng ta trong quá khứ cũng không thể biết được đã bao nhiêu lần thọ thân như chúng. Những thân tướng nhỏ hơn, những động vật nhỏ hơn ta cũng vẫn có một thân thức [như chúng ta], làm sao có thể giết hại? Không chỉ là không thể giết hại, mà khiến chúng khởi sinh phiền não [như sợ sệt, oán hận...] thì ta cũng có lỗi. Đối với các loài vật nhỏ đều như vậy, làm sao có thể khởi tâm xấu ác đối với người khác?

Có nhiều người cho rằng động vật càng nhỏ nhoi thì càng ngu si hơn, nên các động vật lớn có linh tính cao hơn, cũng chính là thông minh hơn. Tuy nhiên, chúng ta quan sát kỹ trong thực tế thì quan điểm này rất khó chấp nhận. Bởi vì chúng ta thấy như loài kiến cũng rất thông minh. Xã hội của chúng được tổ chức rất nghiêm ngặt, chặt chẽ, có kiến chúa, có sự phân công. Kiến cũng biết phân công, nên có thể thấy chúng hoàn toàn không phải loài quá ngu si.

Côn trùng có cánh như ong mật cũng có tổ chức xã hội, sao có thể nói chúng hoàn toàn ngu si? Những sự thật này chúng ta phải quan sát thật kỹ. Các nhà động vật học chuyên

ngiên cứu động vật đều quan sát kỹ lưỡng, chi tiết hơn chúng ta. Họ nghiên cứu cách sinh hoạt, động thái [của từng loài], rồi từ những động thái, cách sinh hoạt đó có thể nhận hiểu được tâm lý của chúng.

Cho nên nhất định không được cho rằng việc giết hại các loài vật nhỏ cũng chẳng quan trọng gì vì chúng rất ngu si, không biết trả thù. Cách suy nghĩ như vậy là sai lầm. Trong sách xưa có kể chuyện một cậu bé cứu con kiến. Con kiến này sắp bị chìm trong nước, cậu vớt nó đưa lên bờ. Về sau cậu bé được kiến báo ơn. Có thể thấy, kiến cũng có tánh linh. Từ đó chúng ta có thể nhận hiểu được rằng, nếu chúng đã biết báo ơn thì khi bị giết hại chúng cũng biết báo oán.

Những loài vật nhỏ nhoi cũng đều có tánh linh, cũng đều biết trả ơn, báo thù, huống chi là các loài vật lớn? Vì thế, trong kinh Lăng Già đức Phật khuyên ta không nên ăn thịt chúng sinh. Trong kinh Phật cũng giảng giải rất rõ ràng về căn nguyên của chiến tranh. Đó là do [con người] ăn thịt chúng sinh, oan oan tương báo, không có lúc kết thúc. Nhưng thế gian ngày nay có ai chịu tin vào lời dạy ấy? Chúng ta khuyên bảo người khác, họ bảo ta là mê tín, họ giễu cợt chúng ta, còn biết làm sao được?

Khi Phật còn tại thế, hằng ngày nuôi sống bằng cách đi khát thực. Khất thực như thế hoàn toàn không phải gây phiền toái cho chúng sinh. Trong thực tế, đức Thế Tôn suốt đời không muốn gây mảy may phiền toái nào cho người khác. Chúng ta xem trong kinh đều thấy, tất cả là tùy duyên, hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức. Cho nên [khi Phật đi] khất thực, người ta cúng dường món gì thì ăn món ấy, nhất định không hề có sự phân biệt, không có sự bám chấp. Vì thế, có người cúng dường thịt thì ăn thịt, cúng dường món gì thì ăn món ấy, tuyệt đối không phải là đề xướng hay tán thành việc ăn thịt. Chúng ta phải nhận hiểu thật rõ ràng ý nghĩa này.

Lẽ tự nhiên trên tinh thần “từ bi là gốc, phương tiện là cửa vào” thì không cần buộc mọi người phải chuẩn bị riêng thức ăn chay để cúng dường cho người xuất gia, gây phiền toái thêm cho họ. Ý nghĩa [của việc nhận ăn thịt] là như vậy.

Cho nên, trong kinh Lăng Già khuyên người ăn chay, vua Lương Vũ Đế của Trung quốc đọc qua kinh này cảm động sâu sắc nên tự thân quyết định ăn chay trường. Ông là một vị hộ pháp lớn lao, đã đem toàn tâm toàn lực hộ trì Phật pháp. Ông tự mình ăn chay, lại khuyến khích người xuất gia ăn chay. Phật giáo Trung quốc bắt đầu ăn chay là nhờ có sự đề xướng của Lương Vũ Đế. Sự đề xướng này là hết sức đúng đắn, thuận theo lời răn dạy của đức Phật.

Những động vật nhỏ bé hơn so với con người cũng hoàn toàn giống nhau. Chúng không may nhận lãnh thân tướng như vậy trong luân hồi, chúng ta nhất định không được thấy chúng nhỏ nhoi yếu ớt mà khinh thường lấn áp. Như vậy chắc chắn là sai lầm. Trong phần chú giải nói rất rõ ràng, những con vật nhỏ bé không chỉ là có tánh linh, mà chúng cũng có tánh Phật. Trong kinh Phật dạy: *“Hết thấy chúng sinh đều có tánh Phật.”* Đã có tánh Phật thì rồi sẽ thành Phật, chúng ta sao có thể làm hại những vị Phật [tương lai]? Sao có thể giết chết những vị Phật [tương lai]? Chúng ta tự mình tu hành muốn được thành Phật, lại đi hại Phật, giết Phật, vậy sao có thể thành Phật được?

Cho nên, Phật chế định giới luật, điều trước tiên là không giết hại. Ý nghĩa này hết sức sâu rộng. Nếu như không tụng đọc kinh điển Đại thừa, hiểu sâu nghĩa lý, thì rất khó nhận hiểu được [ý nghĩa của] điều giới không giết hại. Thực sự giữ theo giới không giết hại, thử hỏi đối với các loài vật nhỏ nhoi có thể làm thương tổn chúng hay không? Không thể được. Có thể thấy rằng chúng cũng có trí tuệ, cũng có sự chọn lựa.

Trong sách *Cao tăng truyện* gần đây, quý vị đều biết là

Đại sư Ấn Quang không bị những loài vật nhỏ bé quấy nhiễu, gây tổn hại. Bất kỳ ngài đến ở nơi đâu, trong phòng của ngài cũng không thể tìm được dù chỉ một con muỗi, ruồi, bọ nháy, kiến... Không thể tìm thấy. Lúc bình thường thì nhiều lắm, nhưng một khi ngài đến ở thì không còn nữa. Những con vật nhỏ bé ấy đều dời đi nơi khác.

Vì sao Pháp sư Ấn Quang có thể có sự cảm ứng như vậy còn chúng ta thì không? Điều này rất đáng để chúng ta suy ngẫm sâu xa. Chúng ta phải nghĩ xem, điều đó có ý nghĩa gì? [Là do ngài có] tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Tâm chân thành thì trên có thể cảm động chư Phật, Bồ Tát, dưới cảm động đến quỷ thần trong trời đất, cho đến quỷ thần trong cảnh giới ngạ quỷ cũng đều cảm động, hướng chi những động vật nhỏ bé trong cảnh giới súc sinh. Hết thấy chúng đều cảm động. Điều này chúng ta phải nhận biết.

Cho nên, người tu hành chân chánh thì khi nhìn thấy những loài vật nhỏ bé ấy đều chấp tay niệm Phật, niệm Tam quy y: *“Quy y Phật, không dọa vào địa ngục; quy y Pháp, không dọa vào ngạ quỷ; quy y Tăng, không dọa vào súc sinh.”* Tôi nghĩ là mọi người đều đã nghe qua những câu này rồi. Nhưng chúng ta có thực sự vâng làm theo hay không? Rất nhiều người [nghe qua rồi] quên hết cả.

Ba câu quy y này đối với loài vật mà nói, chính là lời chúc phúc, là lời nhắc nhở chúng. Chúng ta nói vậy, chúng có hiểu được không? Về ngôn ngữ thì không thể hiểu, nhưng về tánh linh thì thông suốt. Sự chí thành trong tâm ta, chí thành chúc phúc, chúng có thể cảm nhận được. Chỉ cần ta thực sự chân thành.

Thế nào là chân thành? Nhất tâm, [không tạp niệm] là chân thành. Ta vì chúng chúc phúc, vì chúng niệm Tam quy y, nếu tâm ấy không chân thành, xen tạp, tán loạn thì không có hiệu quả gì. Nếu thực sự chân thành sẽ có hiệu quả. Tâm

chân thành không chỉ đối với một việc này, cần phải trong điều kiện bình thường nuôi dưỡng bồi đắp cho tâm chân thành ấy hiện ra.

Tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi, đó chính là chân tâm của chúng ta, là tự tánh vốn đầy đủ tánh đức. Chúng ta vốn có, chư Phật, Bồ Tát cũng có, hết thấy chúng sinh cũng đều vốn có. Tánh đức của các vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, chư Phật đều hiện tiền, tự tại. Tánh đức của chúng ta bị chôn sâu trong tập khí phiền não, nên tuy có mà không thể khởi sinh tác dụng.

Cho nên, Phật dạy chúng ta phải khắc phục phiền não, khắc phục chướng ngại, sao cho tánh đức hiển lộ hiện tiền. Nhà Nho nói “*khắc niệm tác thánh*” (khắc phục được ý niệm thành bậc thánh) cũng là ý nghĩa này. Khắc phục phiền não, khắc phục tập khí là điều quan trọng thiết yếu nhất.

Căn tánh mỗi người không giống nhau. Đối với người có căn lành phước đức sâu dày thì rất dễ dàng. Những người này vừa nghe qua một lần [việc không giết hại] liền sáng tỏ, có thể làm được ngay. Ví như đối với ý nghĩa này chưa được thấu suốt, họ nghe qua rồi cũng sinh tâm hoan hỷ, rất muốn làm theo.

Chúng ta mỗi ngày đều nghe giảng kinh, mỗi ngày đều tụng đọc Kinh điển Đại thừa, nhưng không thể làm theo được, nên có thể tự hiểu rằng căn lành phước đức của mình mỏng manh đến mức nào. Như vậy thì phải làm sao? Phải nghe nhiều, đọc nhiều [hơn nữa], phải nuôi dưỡng bồi đắp căn lành phước đức của mình. Khi nhân duyên thành thực liền tự nhiên hết sức hoan hỷ triệt để làm theo lời răn dạy không giết hại, làm được đến mức trọn vẹn. Không chỉ là không giết hại mà cũng tuyệt đối không gây phiền não cho chúng sinh.

Không giết hại chúng sinh thì được quả báo sống lâu. Không gây phiền não nhiều hại chúng sinh thì được quả báo an ổn khỏe mạnh. An ổn khỏe mạnh tức là thân tâm được an vui, suốt đời không có việc gì buồn phiền lo nghĩ trong lòng, không có phiền não gì. Như vậy là an ổn khỏe mạnh.

An ổn khỏe mạnh đó là *quả*, do *nhân* là không muốn gây phiền não cho hết thảy chúng sinh. Nhân thế nào thì quả như thế ấy, nhân duyên quả báo không mảy may sai lệch. Nguyên lý nhân quả như thế có thể quy kết đến mức rốt cùng chỉ gồm trong bốn chữ “*tự làm tự chịu*”.

Chúng ta tự mình tu thiện, tự mình hưởng phước báo; tự mình làm việc xấu ác, tự mình nhất định phải nhận chịu quả báo xấu ác. Ngàn vạn lần không thể oán trời trách người. Oán trời trách người là tạo nghiệp lớn, thêm tội nghiệp.

Ở đời có nhiều người không hiểu ý nghĩa này, cho rằng hết thảy những chuyện không vừa ý đều do người khác gây ra cho mình, rằng người khác gây phiền phức cho mình. Như vậy là sai lầm, [vì sự thật chính là] tự làm tự chịu.

Nói người khác gây phiền phức cho ta, vì sao họ không gây phiền phức cho ai khác, chỉ riêng tìm đến ta? Vì ta với họ trong quá khứ có duyên xấu ác, họ tìm đến ta để báo thù. Chúng ta hiểu rõ được như vậy thì nên tiếp nhận, chấp nhận quả báo mà không mảy may oán hận, như vậy thì gút mắt oán thù tự nhiên được mở ra, tự nhiên được hóa giải.

Các bậc thánh hiền thế gian cũng như xuất thế gian đều dạy chúng ta: “*Oán thù nên hóa giải, không nên buộc vào.*” Không kết oán với người khác thì con đường tu đạo Bồ-đề luôn xuôi buồm thuận gió, sống trong đời cũng luôn được như ý, tốt lành. Hết thảy đều do tự thân tu tập mà được.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 63

(Giảng ngày 28 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 64, số hồ sơ: 19-012-0064)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng đến câu thứ 23: “*Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương.*” (Côn trùng cỏ cây cũng không được làm hại.)

Côn trùng là động vật, cỏ cây là thực vật. Hôm qua chúng ta nói đến các loại côn trùng nhỏ bé như kiến, muỗi... Các bậc thánh nhân thế gian cũng như xuất thế gian dạy ta nuôi dưỡng tâm từ bi, không chỉ thương yêu bảo vệ các động vật nhỏ bé, mà đến cỏ cây, thực vật cũng phải từ bi thương yêu bảo vệ. Tâm từ bi như thế mới là chân thật.

Thế nhưng, người thương yêu bảo vệ động vật còn có, chứ nói đến thực vật cũng không làm tổn hại thì ít có vô cùng. Trong phần chú giải có dẫn kinh Viên Giác để nói rằng, [hết thấy chúng sinh dù] hữu tình hay vô tình cũng đều cùng một tánh thể sinh mạng. Điều này thật không dễ nhận hiểu, nhưng trong kinh điển Đại thừa nói đến rất nhiều. Chúng ta phải chú tâm suy ngẫm thật kỹ để nhận hiểu được, đây là sự thật chân tướng.

Đức Phật vì ta nói ra một nguyên tắc chung về hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không. Hết thấy chúng sinh đó là cách nói theo nghĩa rộng, tức là hết thấy các duyên hòa hợp mà sinh ra hình tướng vật thể, tất cả đều là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” (chỉ do tâm hiển hiện, chỉ do thức biến hóa), tất cả đều từ tâm tưởng sinh ra. Do đó có thể biết rằng, hết thấy chúng sinh đó đều cùng chung một tánh thể sinh mạng, cũng chính là như trong kinh

điển Đại thừa thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất pháp thân*” (Ba đời mười phương Phật, đều cùng một pháp thân.) Đó cũng chính là cùng chung một tánh thể sinh mạng. Thực vật đương nhiên cũng không ngoại lệ.

Kinh Lăng Nghiêm nói về điều này rất hay: “*Như Lai thường thuyết, chư pháp sở sinh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới vi trần, nhân tâm thành thể.*” (Đức Như Lai thường dạy: Các pháp sinh khởi đều do tâm hiển hiện, hết thảy nhân quả cho đến các thế giới nhiều như bụi nhỏ đều nhân nơi tâm mà thành tánh thể.) Câu kinh này có thể dùng để giảng rõ cho tám chữ trong kinh Hoa Nghiêm: “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” (chỉ do tâm hiển hiện, chỉ do thức biến hóa). Cho nên, hai bộ kinh [Lăng Nghiêm và Hoa Nghiêm] cùng tham khảo cho nhau thì ý nghĩa đặc biệt sáng tỏ.

Kinh Lăng Nghiêm còn nói chi tiết hơn: “*Kỳ trung nãi chí thảo diệp lữ kết, cật kỳ căn nguyên hàm hữu thể tính.*” (Trong đó cho đến cỏ cây dây gút, xét đến cùng nguồn gốc đều hàm chứa tánh thể.) Cỏ cây là thực vật, dây gút là chỉ hình tướng sự vật. Chúng ta cầm một đoạn thùng, một sợi dây buộc thành cái gút, đó là hình tướng sự vật. [Thực vật hay sự tướng,] hết thảy đều có nguồn gốc của nó, đều có tánh thể của nó. Tánh thể là gì? Là tánh pháp. Nguồn gốc là gì? Là tự tánh.

Cho nên, trước đây tôi vẫn thường khẳng định, hết thảy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không đều là chính bản thân mình. Đây chính là chỗ thấy biết của chư Phật. Người thể nhập được chỗ thấy biết của chư Phật, theo như Đại sư Thiên Thai [Trí Khải] nói là đã chứng được một phần quả vị Phật. Kinh Hoa Nghiêm có nói đến 41 địa vị Pháp thân Đại sĩ, chỗ thấy biết của các vị này cũng là như vậy. Đó gọi là thể nhập chỗ thấy biết của chư Phật.

Nếu thực sự khẳng định được [chỗ thấy biết như trên] thì quý vị chính là bậc thượng thượng căn, được pháp thượng thượng thừa, tức thì vượt lên địa vị Như Lai, tức thì vượt lên địa vị Pháp thân Đại sĩ. Điều này [chúng ta] có thể làm được hay không? Vấn đề nằm ở chỗ, ngay trong một ý niệm chúng ta có thể thay đổi được hay không? Khi huân tu Kinh điển Đại thừa lâu ngày, [hành giả sẽ có] sự phát sáng giống như tia chớp điện nhất thời phóng ra. Nhưng người xem kinh có căn lành khác biệt nhau. Người căn lành sâu dày thì tần suất phát sáng như vậy thường xuyên hơn, số lần nhiều hơn, chỉ tiếc là không thể duy trì được. Một niệm sáng tỏ vừa [nhận biết] gập đầu khẳng định thì niệm tiếp theo đã quên đi mất. Đó là do nguyên nhân gì? Do tập khí quá nặng, vừa chớp mắt đã rơi vào mê lầm. Nếu như có thể duy trì được sự sáng tỏ nhận biết này, quý vị liền chứng quả, liền vào quả vị Phật, chứng một phần quả vị Phật, sự hành trì của quý vị so với chư Phật, Bồ Tát không còn khác biệt.

Quý vị đối với hết thảy các loài vật nhỏ bé cũng như thực vật đều một lòng từ bi, cũng giống như đối với chư Phật Như Lai, cũng giống như đối với cha mẹ mình, nhất định [tất cả đều bình đẳng] không sai khác. Thương yêu bảo vệ các loài muỗi, kiến, bảo vệ tất cả các loài hoa cỏ, hết thảy đều giống như quan tâm chăm sóc cha mẹ mình, như phụng sự chư Phật không khác, như vậy thì quý vị là Pháp thân Đại sĩ. Nhưng nếu như vẫn còn tâm phân biệt thì quý vị là phàm phu.

Chúng ta trong đời này được thân người, được nghe Phật pháp, nhân duyên như vậy thật thù thắng không gì sánh bằng. Chúng ta xem trong quá khứ vài ngàn năm qua, tại Trung quốc có các bậc tổ sư, đại đức cũng như cư sĩ nam nữ tại gia tu hành chứng quả rất nhiều. Các vị ấy cũng đều là phàm phu, vì sao có thể chứng được thánh quả? Chính là nhờ

không ngừng nghe pháp, không ngừng tu tập, cho nên các vị mới được thành tựu.

Chúng ta vì sao không thành tựu? Vì xét về cả hai phương diện nghe pháp cũng như tu tập, chúng ta đều thường gián đoạn. Do gián đoạn nên sức lực hiệu quả đều yếu ớt đi. Nếu như bên trong lại thêm tập khí phiền não, bên ngoài năm món dục, sáu trần cảnh dẫn dụ mê hoặc, thì công phu học pháp và hành trì của chúng ta hầu như rơi xuống chỉ bằng số không. Như vậy chẳng những không thể tiến bộ mà mỗi ngày đều thối lui, rơi thẳng xuống đến tận địa ngục A-tỳ. Hiện tượng như vậy xảy ra ngay trước mắt, chúng ta thường nhìn thấy rất nhiều.

Đạo tràng này ở Singapore cũng có thể xem là không tệ. Mỗi ngày đều có hai giờ giảng kinh. Thực tế giảng kinh như vậy đã đủ chưa? Nhất định là chưa đủ. Vài giờ giảng kinh đó, còn lại đến hai mươi hai giờ khởi sinh vọng tưởng. Cho nên, Phật pháp [trong chúng ta] không thắng nổi các pháp thế gian, tâm thanh tịnh [trong chúng ta] không thắng nổi sự nhiễm ô tâm ý. Chúng ta không thể thành tựu, nguyên nhân chính là ở chỗ này. Nhưng quý đồng học mỗi ngày dụng công tu học ít nhất tám giờ thì cũng có thể duy trì, củng cố được sự nhận hiểu giáo nghĩa. Tám giờ nghiên cứu giáo điển, thêm tám giờ chuyên tâm niệm Phật, nếu có thể chân thật nỗ lực làm được như vậy thì trải qua năm ba năm, chúng ta cũng không thua kém các bậc đại đức xưa.

Việc này phải dựa vào chính tự thân mình, không thể dựa vào người khác thúc đẩy, đôn đốc. Trong thời đại hiện nay, việc đốc thúc không còn khả thi. Cách giáo dục thúc ép trong quá khứ có thể thực hiện được, nhưng hiện tại với [các quan niệm] dân chủ, tự do, khai phóng, không ai có quyền đốc thúc quý vị, cũng không ai dám đốc thúc. Ở Hoa Kỳ, cha mẹ cũng không dám trách mắng con cái. Đến như trẻ con năm, sáu

tuổi, nếu bị cha mẹ đánh chửi, hàng xóm sẽ gọi cảnh sát, nói rằng nhà ấy có cha mẹ ngược đãi trẻ em, nếu bị khép tội phải vào tù. Quý vị nói xem có phải hỏng cả rồi không?

Cha mẹ không dám quản con cái mình thì thầy cô giáo sao dám quản học sinh? Cho nên, xã hội hiện tại là thế nào? Cha mẹ với con cái là bạn bè, thầy cô giáo với học sinh là bạn bè. Nếu thực sự theo đúng các chuẩn mực bạn bè thì cũng không đến nỗi, nhưng nói thật ra thì [những quan hệ này hiện nay đều] chưa thể nói là bạn bè.

Xã hội ngày nay là như vậy, cho nên việc tu hành có thể thành tựu hay không là hoàn toàn dựa vào chính tự thân mình. Tôi khích lệ mọi người, khuyên dạy mọi người, chỉ có thể ở nơi đạo tràng này mà nói vậy thôi. Quý vị nghe được thì điều này có thể giúp quý vị thêm chút thuận duyên tăng trưởng. Quý vị nghe rồi hoan hỷ, nhận hiểu sáng tỏ thì y theo những lời này mà làm. Ngược lại, quý vị nghe qua không vừa ý thì buổi giảng sau có thể không đến. Cho nên, phải hiểu được hiện trạng của xã hội chúng ta hiện nay, quả thật [việc tu hành] có thể thành tựu hay không đều hoàn toàn dựa vào sự giác ngộ, nhận hiểu của tự thân, hoàn toàn dựa vào công phu tự mình khắc phục lấy mình.

Vì thế tôi thường nói, nhân duyên đạo tràng ở đây thù thắng không gì sánh bằng, có thể được ở tại đây tu học là sự thành tựu của căn lành phúc đức nhân duyên từ vô lượng kiếp. Đạo tràng này có hộ pháp nhiệt tâm hộ trì, nơi ăn chốn ở không cần phải lo lắng, có thể đem hết tinh thần dốc toàn tâm toàn lực vào việc tu tập đạo, mong cầu đạt đến mức nhận hiểu và hành trì tương ứng nhau. Có thể nắm lấy cơ hội này mà liều mạng nỗ lực tu tập, qua năm ba năm nhất định sẽ được thành tựu không thể nghĩ bàn.

Hãy nghĩ đến việc thế gian này có biết bao người muốn cầu nhân duyên như thế này mà không được. Thuở tôi còn

trẻ học tập ở Đài Trung, cũng thấy mình có được cơ duyên khá tốt rồi, nhưng so với quý vị ở đây bây giờ thì cùng lắm bảy phần chỉ so được một mà thôi. Thế nào là bảy phần chỉ so được một? Chúng tôi mỗi tuần được một lần cùng học với thầy, với bạn học, cùng nghiên cứu thảo luận. Quý vị hiện nay mỗi tuần được bảy lần như vậy. Cho nên, duyên phần của tôi [ngày trước] so với quý vị [bây giờ] chỉ bằng một phần bảy, quý vị so với tôi được nhiều hơn sáu lần. Thành tựu của quý vị theo lẽ thì phải vượt hơn tôi sáu lần mới xứng. Quý vị không hơn tôi, đó là quý vị không dụng công, quý vị bỏ mất cơ hội này rồi.

Tôi học ở Đài Trung mười năm, quý vị hôm nay với cơ hội [tốt đẹp] này, với duyên phần [thuận lợi] này thì mỗi năm học bằng bảy năm học của tôi. Học qua hai năm thì đã vượt hơn tôi rất nhiều rồi. Hồi đó học chung với tôi đều là những cư sĩ tại gia, tất cả đều có gia đình, có sự nghiệp riêng, mỗi người đều phải gánh vác lo toan gia đình, công việc, mỗi tuần chỉ dành ra được ba giờ để đến lớp nghe giảng, học tập với thầy. Mỗi tuần chỉ có một buổi học mà thôi. Khi tôi học giảng kinh cũng mỗi tuần lên lớp một lần, học được ba giờ. Nếu nói mỗi ngày đều được đến lớp học, tôi làm gì có số mạng tốt đến thế?

Do đó có thể biết rằng, cơ hội [tốt đẹp] này rất khó có được. Khó được mà chúng ta đã có được rồi, chính là như trong kinh Phật thường nói: “*Nhân thân nan đắc kim dĩ đắc, Phật pháp nan văn kim dĩ văn.*” (Thân người khó được nay đã được, pháp Phật khó gặp nay được nghe.) Không chỉ là nay đã được nghe, mà còn là mỗi ngày đều được nghe.

Nơi đạo trường nhỏ này hết thầy Kinh điển đều có đủ, không thiếu sót gì cả. Thiếu sót chính là sự nhận hiểu của chúng ta đối với cơ duyên này, chỉ sợ đối với cơ hội tốt đẹp này quý vị không nhận thức được, quý vị không thể nắm lấy, không thể tận dụng tốt. Đây quả là điều hết sức đáng tiếc.

Tôi thường khuyên các thầy Ngô Đạo, Ngô Hạnh, hiện còn có thầy Ngô Giáo bên Malaysia, các thầy này hiện nay giảng kinh thuyết pháp khắp nơi trên toàn thế giới. Đây là một sự hy sinh lớn lao, chính là tu tập phúc đức. Trong sự tu tập nhận hiểu và hành trì thì đây là một sự hy sinh lớn lao. Tôi thường khuyến khích các thầy phải hết sức nỗ lực. Nhưng mặt khác, quý vị đồng học ở đây tu tập tinh tấn, các thầy ấy trong tương lai nhất định phải theo sau quý vị, hơn nữa lại còn chênh lệch khoảng cách rất lớn. Quý vị ở đây ngày ngày chuyên cần tinh tấn nỗ lực tu hành, còn các thầy ấy thì nhọc nhằn bận rộn bên ba khắp chốn, sự nhận hiểu và hành trì đều hết sức trì hoãn, chậm chạp. Quý vị ở đây thì nhận hiểu và hành trì đều tiến bộ rất nhanh.

Pháp thế gian hay Phật pháp cũng đều phải nhìn xa trông rộng. Chỉ nhìn quá gần thì không có thành tựu, phải biết nhìn thật sâu xa. Thành tựu chân chánh là phải song song tu tập cả phúc đức và trí tuệ, trong tu phúc có tu tuệ, trong tu tuệ có tu phúc. Tu phúc và tu tuệ là một thể thống nhất, không phải hai pháp khác nhau. Các vị pháp sư kia hoằng pháp lợi sinh trên khắp thế giới, [đối với họ] phúc và tuệ là hai pháp khác nhau, chẳng phải một. Họ không hòa hợp được cả hai, có thể nói là họ tu phúc nhiều hơn tu tuệ.

Phúc báo không thể [giúp chúng ta] vượt thoát ra ngoài sáu đường [luân hồi]. Phải tái sinh vào cảnh giới nào trong sáu đường để hưởng phúc cũng rất khó nói, còn phải xem công phu tu hành của quý vị. Tu tập năm giới với mười nghiệp lành đạt được chín, mười phần thì chỗ tu phúc của quý vị [có thể được hưởng] ở hai cảnh giới trời, người. Nếu không đạt được mức ấy, quý vị sinh vào cảnh giới nào để hưởng phúc thật rất khó nói.

Trong Kinh điển, Phật nói lời nào cũng đều chân thật, không một lời nào dối gạt chúng sinh, chúng ta phải suy

ngắm cho thấu đáo. Tu hành song song cả phúc đức và trí tuệ thì trong lúc tu phúc không có lòng riêng tư, trong lúc tu phúc vẫn gìn giữ tâm thanh tịnh bình đẳng giác, như vậy là trong tu phúc có tu tuệ, có thể giải quyết được vấn đề. Trong lúc tu phúc nếu có lòng riêng tư, [chạy theo] danh tiếng, lợi dưỡng, hưởng thụ năm món dục, sáu trần cảnh, không chịu triệt để buông bỏ, như vậy thì không thể thoát ra khỏi sáu đường luân hồi.

Ở đoạn này [trong sách] đưa ra hai câu chuyện, quý vị nên xem thật kỹ, rất đáng để chúng ta suy ngẫm phản tỉnh. Câu chuyện thứ nhất là trong lúc đức Phật thuyết pháp có một con ốc sên nhỏ đang bò gần đó cũng nghe Phật giảng kinh, ngẫu nhiên bị người vô ý giẫm lên mà chết. Do nhân duyên nghe kinh Phật, nên sau khi chết con ốc nhỏ liền được sinh về cõi trời Đao-lợi, làm vị Thiên vương Đao-lợi. Sau đó, vị Thiên vương Đao-lợi này liền trở lại nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, chứng quả Tu-đà-hoàn. Câu chuyện này cho chúng ta biết, động vật nhỏ bé cũng có tánh linh, sao có thể gây hại cho chúng?

Câu chuyện còn lại kể về một vị xuất gia vẫn chưa khai mở được đạo nhãn, thường xuyên nhận cúng dường từ hai cha con một nhà thí chủ. Nhà thí chủ này ăn chay trường. [Vị tăng kia] sau khi chết phải trả nợ, sinh làm cụm nấm rơm mọc trong vườn rau của nhà vị thí chủ. Cụm nấm rơm chính là vị tăng năm xưa, mỗi ngày mọc một tai nấm cúng dường cha con vị thí chủ kia. Chuyện này nói lên điều gì? Nói lên rằng thực vật cũng có tánh linh. Cha con người kia mỗi ngày ra vườn nhổ nấm, không hề biết rằng đó là vị pháp sư mình từng cúng dường. Mỗi ngày họ đều nhổ nấm, [vị pháp sư] kia mỗi ngày đều trả nợ. Trong pháp Phật thường nói: *“Thí chủ nhất lap mễ, đại như Tu-di sơn. Kim sinh bất liễu đạo, phi mao đái giác hoàn.”* (Mỗi hạt gạo của thí chủ [cúng dường] đều lớn như núi Tu-di. Đời này tu hành không hiểu

đạo, [đời sau phải] mang lông đội sừng để trả lại.) [Mang lông đội sừng] là nói phải thọ thân súc sinh, còn trong chuyện này là tái sinh làm thực vật, đều phải trả nợ [cho thí chủ vì tu hành không đạt đạo].

Cho nên, trong pháp thế gian cũng như xuất thế gian, chúng ta phải hiểu thật rõ ràng, thật sáng tỏ, không có chuyện chiếm phần lấn lướt. Ai có thể chiếm phần lấn lướt hơn ai? Cũng nhất định không có chuyện thua thiệt. Ai thua thiệt, ai bị lấn lướt? Không hề có, nhân duyên quả báo thông suốt ba đời. Trong đời này người khác chiếm phần lấn lướt hơn ta, ta chịu thua thiệt, đâu biết rằng đời sau lại sẽ có người tính sổ, bù đắp cho ta. Phải thấu hiểu rõ ràng ý nghĩa này.

Đương nhiên chúng ta cũng không mong muốn người khác phải trả nợ cho ta. Nếu cứ như thế thì xoay vần oan oan tương báo, vay qua trả lại mãi mãi không dứt, không phải chuyện tốt đẹp đáng mong muốn. [Tu tập] khai ngộ là khẩn thiết, chứng quả là khẩn thiết, vãng sinh là khẩn thiết. Đó mới là giải thoát rốt ráo, về sau có thể quay lại giúp đỡ, hỗ trợ những chúng sinh hữu duyên.

Trong Phật pháp có câu: *“Phật chẳng độ người không có duyên.”* Những người nào có duyên với chúng ta? Trong quá khứ, đời đời kiếp kiếp từng là oan gia trái chủ của nhau, đó là có duyên. Có ơn với nhau là duyên phần, kết oán cùng nhau cũng là duyên phần. Ta thiếu nợ người khác, đó là duyên phần. Người khác thiếu nợ ta, đó cũng là duyên phần. Duyên phần là [bao gồm hết cả những chuyện] báo ơn, trả oán, trả nợ, vay nợ, cùng xoay cả trong một vòng.

Chúng ta đã từng kết nên những duyên phần như thế rất nhiều, phải nhanh chóng [tu hành] thành tựu để còn quay lại giúp đỡ hỗ trợ những oan gia trái chủ đó, cứu độ cho tất cả.

Cho nên, tự mình nhất định phải xem trọng cả hai mặt nhận hiểu và hành trì, phải cùng lúc tu học cả định lực và trí

tuệ. Nhất là trong tình trạng xã hội hiện nay, không thực sự nỗ lực [tu tập] thì chắc chắn phải đọa lạc, hơn nữa còn đọa lạc rất nhanh. Vì thế, mỗi phút mỗi giây đều phải luôn đề cao cảnh giác. Tay vừa buông quyển kinh xuống thì Phật hiệu phải khởi lên, phải niệm Phật ngay. Vừa ngưng câu niệm Phật liền mở quyển kinh ra. Mỗi ngày nếu có thể nghiên cứu giáo lý được tám giờ, niệm Phật được tám giờ thì vọng tưởng tự nhiên ít đi, vì không có thời gian khởi sinh vọng tưởng.

Hy vọng quý vị đồng học thực sự nỗ lực, không nên cô phụ cơ duyên hiếm có khó gặp như hiện nay.

Bài giảng thứ 64

(Giảng ngày 29 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 65, số hồ sơ: 19-012-0065)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Chúng ta đã giảng đến: “*Cặng cô tuất quả, kính lão hoài ấu. Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương.*” (Thương yêu giúp đỡ người cô độc góa bụa, kính trọng người già lo cho trẻ thơ. Côn trùng cỏ cây cũng không được làm hại.)

Bốn câu này giảng về việc thực hành đức nhân ái.

Tiếp theo câu thứ 24 là: “*Nghi mẫn nhân chi hung, lạc nhân chi thiện.*” (Phải thương xót trước việc ác của người, vui mừng với việc thiện của người.) Và theo sau nữa là: “*Tế nhân chi cấp, cứu nhân chi nguy.*” (Giúp người khi khẩn cấp, cứu người lúc nguy nan.)

Những câu này đều nói về thực hành đức nghĩa hiệp.

Nhân ái và nghĩa hiệp đều là sự vận dụng trung hiếu vào thực tế. Phần trước đã giảng qua với quý vị, trong nhà Phật thì *hiếu* là tự tính, là tính thể, *trung* là chỗ vận dụng lớn lao của tự tính ấy. Đạo Phật gọi là *trung đạo*. Chư Phật Như Lai, các bậc Pháp thân Đại sĩ trong mọi sinh hoạt, đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, thị hiện đủ các pháp, giáo hóa đủ các môn, hết thấy đều là thực hành đức *trung*.

Trung là vận dụng hiếu vào thực tế, nhân nghĩa lại là sự vận dụng thực tế của đức trung. Những ý nghĩa này chúng ta phải hiểu thật rõ ràng. Chúng ta học Phật phải bắt đầu từ đâu, tự mình phải nhận hiểu rõ, phải sáng tỏ. Con người nếu không hiểu rõ được những ý nghĩa lớn lao này thì như người xưa thường nói, so với cầm thú không khác biệt gì. Cầm thú

là động vật, con người cũng là động vật. Chỗ khác nhau giữa người và thú là con người có thể nhận hiểu được nguyên lý lớn lao của nhân sinh vũ trụ, thấu hiểu được thật tướng của các pháp. Như thế mới gọi là làm người. Những ý nghĩa lớn lao đó nhất định không phải sinh ra đã tự biết được. Lịch sử từ xưa đến nay, trên khắp hoàn cầu, chưa từng thấy ai sinh ra đã biết. Tất cả đều phải học qua mới biết.

Trong việc học thì mỗi người bẩm sinh năng khiếu không giống nhau, nhà Phật thường nói có ba hạng căn tánh: thượng căn, trung căn và hạ căn. Bậc thượng căn có khả năng tiếp thu mạnh mẽ, có thể nghe một biết mười, một lần nghe ngàn lần ngộ. Bậc trung căn thì kém hơn, hàng hạ căn lại càng kém hơn nữa.

Sự khác biệt về căn tánh như vậy do đâu hình thành? Người đời quả thật mê muội, có người nói là do di truyền. Nếu quả thật do di truyền, sao có những trường hợp cha mẹ hết sức thông minh mà con cái vô cùng ngu tối? Nếu nói do di truyền thì những trường hợp này không thể giải thích thông suốt được. Lại có những trường hợp cha mẹ không thông minh, chỉ là những người hết sức bình thường, nhưng con cái lại cực kỳ thông minh. Như vậy có thể thấy là cách hiểu do di truyền không thể đứng vững.

Đức Phật giải thích điều này rất hay. Do từ vô lượng kiếp đến nay, mỗi chúng sinh đều có tập tính khác biệt nhau. Cách giải thích này chúng ta nghe qua liền có thể chấp nhận được. Con người nhất định không chỉ có một đời này. Nếu quả thật cho rằng con người chỉ có một đời này, không có đời sau, đó là rơi vào đoạn kiến. Có người lại nói, con người chết đi rồi luôn sinh trở lại làm người. Đức Phật dạy rằng cách hiểu như thế là thường kiến. Cả hai cách nhận hiểu này đều sai lầm.

Ấn Độ vào thời cổ đại có rất nhiều tôn giáo, bậc thầy của các tôn giáo ấy đều có tu thiên định. Chúng ta biết rằng,

thiền định có khả năng đột phá các chiều kích thời gian và không gian. Nói cách khác, những người tu thiền định có thể thấy biết được về không gian bốn chiều, không gian năm chiều, thậm chí là những chiều không gian cao hơn nữa. Phạm vi đời sống của họ như vậy là rất lớn lao, biết được rất nhiều điều. Cho nên họ thấy được đến các tầng trời Dục giới, Sắc giới, thấy biết được trạng huống đích thực của sáu đường luân hồi. Vì thế, thuyết về sáu đường luân hồi không phải do Phật nói ra, mà vốn đã có từ trước thời Phật ra đời. Các tôn giáo của Ấn Độ thời cổ đại đã từng thấy biết được, đã chứng thực được hiện trạng như vậy.

Tôi từng sống ở Hoa Kỳ rất nhiều năm. Tại Hoa Kỳ có nhiều người cũng chứng minh được sự tồn tại của sáu đường luân hồi. Họ không dùng thiền định để thấy biết, họ dùng phép thôi miên. Nói thật ra, thôi miên cũng là một trong các pháp thiền định, nhưng không phải thiền định ở mức thâm sâu, đó là sự tập trung ý chí. Nếu không tập trung ý chí thì không thể đi vào trạng thái thôi miên. Đối với người tư tưởng rối loạn xen tạp thì các nhà thôi miên cũng không can thiệp gì được.

Làm cách nào mới thể nhập được vào trạng thái thôi miên? Phải nghe theo sự chỉ dẫn của người thôi miên, lắng nghe lời họ, họ bảo làm gì thì phải hoàn toàn làm theo đúng vậy. Như thế thì rất dễ đi vào trạng thái thôi miên. Đi vào trạng thái thôi miên rồi thì người ấy có thể nhớ biết được về đời quá khứ, trước đó một đời, hai đời. Nếu thể nhập được sâu thì có thể biết đến ba đời, bốn đời. Bình thường nhất là biết được quá khứ một đời trước. Điều này rất phổ biến. Có thể biết được đến ba đời, bốn đời thì hiếm có lắm. So với pháp thiền định của Phật giáo mà nói thì đó là công phu định lực được sâu hơn. Cho nên, việc này không phải giả dối.

Người chết rồi không phải hết chuyện. Nếu chết là hết

chuyện thì chúng ta còn học Phật làm gì? Như vậy thì không cần thiết nữa. Nhưng con người sau khi chết còn rất nhiều việc, nhiều đến vô cùng vô tận. Sự thật này chúng ta phải nhận hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ. Chúng ta biết là có đời trước, có đời sau, nên người thông minh có con mắt nhìn thấu trước sau, đó là điều người xưa đã nói. Thế nào là con mắt nhìn thấu trước sau? Là thấy được đời trước, thấy được đời sau. Con mắt nhìn như vậy là thấy được rất xa.

Người có thể nhìn thấy được quá khứ, vị lai thì không tạo nghiệp nữa. Vì sao vậy? Vì họ biết được rằng nghiệp thực sự có quả, việc thiện có quả lành, việc ác có quả xấu ác. Cho đến y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, mà không chỉ mười pháp giới, cho đến pháp giới nhất chân ở địa vị chư Phật Như Lai, như kinh Hoa Nghiêm nói là thế giới Hoa Tạng, Tịnh độ tông nói là thế giới Cực Lạc, hết thảy cũng đều không ra ngoài nguyên lý nhân quả. Mọi người đều biết, kinh Hoa Nghiêm giảng về “*ngũ chu nhân quả*”, kinh Pháp Hoa giảng về “*nhất thừa nhân quả*”, dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, hết thảy đều không xa lìa nhân quả. Đó là chân lý.

Giảng về nhân quả đến chỗ rốt ráo, các bậc tổ sư, đại đức xưa nay có một câu tổng kết: “*Lý bất xuất tâm tính, sự bất xuất nhân quả*.” (Lý lẽ không ra ngoài tâm tánh, sự tướng không ra ngoài nhân quả.) Hai câu này nói lên toàn bộ những điều giảng dạy của đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong suốt 49 năm.

Đạo Phật đã như vậy, Nho gia, Đạo gia của Trung quốc đâu lẽ nào lại không như vậy? Không chỉ là về mặt lý luận hoàn toàn tương đồng, cho đến trong các pháp thế gian cũng giống nhau về đại thể, chỉ khác biệt tiểu tiết, hết thảy đều không ra ngoài một chữ *trung* này.

Thế nào gọi là *trung*? Gần đây tôi đã giảng giải không

ít lần, nhân vì giảng trong *Cảm ứng thiên* có nói đến hai chữ trung hiếu. Những chữ này trong tâm Bồ-đề gọi là *tâm sâu vững*. Chữ *hiếu*, trong tâm Bồ-đề gọi là *tâm ngay thẳng*, cũng chính như Phật dạy trong Quán kinh là *tâm chí thành*. Chân thành đến hết mức, đó là trung hiếu. Chỉ một mảy may thiên lệch là rơi vào bất trung, là bất trung bất hiếu. Ai có thể thực hiện trung hiếu đến mức trọn vẹn đầy đủ? Là địa vị chúng quả Như Lai. Đó là nói đến mức rốt ráo trọn vẹn đầy đủ. Trung hiếu đã trọn vẹn đầy đủ, nhân nghĩa đương nhiên cũng trọn vẹn đầy đủ, cũng là nói sự vận dụng thực tế vào đời sống, trong cách xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc với muôn vật, hết thảy đều đạt đến mức cực kỳ trọn vẹn, đầy đủ.

Bồ Tát Đẳng Giác [so với chuẩn mực này] lệch đi một độ, nếu chúng ta nói [trong tổng thể] 360 độ [của phương hướng]. Bồ Tát Đẳng giác chỉ lệch đi một độ, như vậy là cực kỳ gần sát [với chuẩn mực của Như Lai]. Bồ Tát Pháp Vân Địa lệch đi hai độ. Nếu chúng ta cứ theo cách này mà nói thì Bồ Tát ở địa vị Sơ tín lệch đi bao nhiêu? Lệch đi năm mươi hai độ. Năm mươi hai độ cũng xem là tốt lắm rồi. Phàm phu chúng ta lệch đến một trăm tám mươi độ, [nghĩa là theo hướng hoàn toàn ngược lại]. Do đó có thể biết rằng, chúng ta học Phật là học những gì? Chỉ là học *trung, hiếu, nhân, nghĩa* mà thôi.

Hôm nay chúng ta đọc đến câu thứ 24 này: “*Nghi mẫn nhân chi hung, lạc nhân chi thiện.*” (Phải thương xót trước việc xấu ác của người, vui mừng với việc thiện của người.) Lại tiếp theo sau là: “*Tế nhân chi cấp, cứu nhân chi nguy.*” (Giúp người khi khẩn cấp, cứu người lúc nguy nan.) Chúng ta ngày nay nhìn vào bốn chữ “*hung, thiện, nguy, cấp*” có cảm xúc rất sâu xa.

Những điều hung tai, nguy cấp trong hiện tại này quá nhiều, quá nghiêm trọng, dường như lan rộng khắp toàn cầu. Điều này do nhân tố nào tạo thành? Y theo lời giảng của

người xưa ở Trung quốc thì đó là do không được giáo dục, là mất dạy. Vào thời xưa, hai chữ “mất dạy” này là vô cùng nặng nề nghiêm trọng. “Mất dạy” là chỉ những người chưa từng được nhận sự dạy dỗ, giáo dục. Người xưa bất cứ ai nghe đến hai chữ này cũng đều cảm thấy hết sức nhục nhã xấu hổ. “Mất dạy”, không được dạy dỗ, giáo dục thì quý vị không biết đạo làm người. Nhưng hiện nay nói đến mấy chữ này thì người ta không hiểu, nghe rồi không hiểu, không biết được trong đó có ý nghĩa gì.

Về giáo dục, ngày nay mọi người nhìn bề ngoài đều thấy có vẻ như đang phát triển vượt trội. Nhưng giáo dục theo Phật giáo so với giáo dục trong xã hội chúng ta ngày nay hoàn toàn khác nhau. Xã hội hiện nay giáo dục những gì? Là giáo dục [những kiến thức] khoa học kỹ thuật. Giáo dục khoa học kỹ thuật, chúng ta hiện nay ngẫm nghĩ xem, là nền giáo dục hoàn toàn trái ngược với phép tắc trong tự nhiên. Mỗi ngày, mọi người đều làm những việc đi ngược với phép tắc trong tự nhiên.

Cho nên, có những nhà tiên tri ở nước ngoài, tôi có xem qua sách của họ, nói rằng trái đất này đang trả thù toàn bộ nhân loại. Quý vị làm thương tổn, hủy hoại trái đất, trái đất phải báo thù quý vị. Nghe ra thật giống như lời nói đùa, nhưng thực tế hiện nay biết bao nhiêu thiên tai, nhân họa, chẳng phải là trái đất này đang phản kháng, chống lại nhân loại đó sao? Con người vẫn cứ mơ hồ chẳng hiểu biết gì, cho rằng đó những tai họa do tự nhiên, không liên quan gì đến hành vi của chúng ta. [Sai lầm như thế] là vì không được tiếp nhận sự giáo dục.

Sự giáo dục của các bậc hiền thánh xưa, không chỉ riêng trong nhà Phật, cho đến Nho gia, Đạo gia, các nhà giáo dục từ thời Tiên Tần, hết thảy đều giảng nói về đạo làm người. Tôn chỉ của giáo dục trước hết là dạy người hiểu rõ về mối

quan hệ giữa người với người, tức là giảng mỗi đạo lý làm người. Người Trung quốc gọi là giáo dục luân lý. Cho nên dân tộc Trung quốc trải qua mấy ngàn năm duy trì, đến ngày nay vẫn không bị đào thải, vẫn không bị diệt vong, đó là nhờ những nhân tố gì? Chính là nhờ giáo dục luân lý.

Tôn chỉ thứ hai của giáo dục là dạy người rõ biết về mối quan hệ giữa con người với môi trường thiên nhiên, biết thương yêu muôn vật. Giáo dục luân lý dạy quý vị yêu thương con người, còn giáo dục loại này dạy quý vị biết thương yêu muôn vật, thương yêu bảo vệ môi trường sống của chúng ta, bảo vệ nơi cư trú cũng như muôn vật quanh ta. Đó là sự thật.

Quý vị chỉ cần lưu ý một chút thôi, như nói về việc trồng hoa. Có rất nhiều người yêu thích hoa lá cây cỏ. Quý vị đối với cây hoa có lòng thương yêu, cây hoa đặc biệt lớn nhanh, tươi tốt. Đó là đáp lại tình thương của quý vị. Nếu quý vị đối với hoa không có lòng thương yêu, hoa cũng nở nhưng không đẹp, cũng lớn lên nhưng không tươi tốt, dù cũng chính là cây hoa đó, là bồn hoa đó.

Chúng ta có thể thấy rất rõ ràng, trước đây [Hàn] quán trưởng rất thích chơi hoa, bà quan tâm chăm sóc, những bông hoa ấy nở ra đặc biệt xinh đẹp. Lúc bà đi du lịch nước ngoài, giao người khác chăm sóc, đến lúc trở về hoa khô héo đến mức như gần chết. Bà phải mất đến một, hai tuần mới có thể làm hoa hồi phục. Cây cỏ cũng cảm thông được tình người.

Người đời còn nói hoa có thần hoa, cỏ có thần cỏ. Đối diện chúng ta có mấy khóm xương rồng đang nở hoa, mỗi đóa hoa đều có một vị thần hoa, chúng ta mắt thường không nhìn thấy được. Quý vị đối tốt với hoa, hoa báo đáp quý vị [bằng cách lớn nhanh tươi tốt]. Quý vị đối với hoa không tốt, hoa cần cỗi, khô chết. Quý vị quan sát kỹ thì hiểu được.

Giáo dục sâu hơn một bậc là giúp chúng ta hiểu được mối quan hệ với quỷ thần trong trời đất, đó cũng là vượt qua chiều

kích không gian, thời gian bình thường. Cũng giống như hết thấy mọi người cùng nhau chung sống được thì mới có thể vui vẻ, mới có thể dung hợp. Cho nên, mục đích của giáo dục nằm ở đâu? [Mục đích ấy] không ra ngoài việc dạy người có thể chung sống vui vẻ với người khác, với muôn vật, với quỷ thần trong trời đất, có thể tôn trọng giúp đỡ lẫn nhau, thương yêu kính trọng lẫn nhau, hợp tác cùng nhau. Được như vậy thì mới có thể sống một cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn chính là thế giới Cực Lạc, chính là pháp giới nhất chân.

Cho nên Phật dạy chúng ta sống với trí tuệ chân thật trọn đủ, nhất định không rơi vào mê tín. Con người nếu không có trí tuệ thì đời sống hết sức đáng cay khổ sở, hết sức đáng thương.

Thế giới ngày nay vì sao đầy dẫy tai nạn hung hiểm? Đầy dẫy những nguy cơ? Là vì nền giáo dục của thánh hiền đã mất đi, không còn ai đề xướng dạy dỗ, cũng không còn ai chịu học.

Hôm nay chúng ta cùng ở nơi này, chỉ một số ít quý vị đồng tu, chúng ta thật vô cùng may mắn, dù sống trong thời đại này mà vẫn còn nghe được những lời răn dạy của thánh hiền, vẫn còn có thể đọc sách thánh hiền. Điều này quả đúng như cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: “*Vô lượng kiếp lai hy hữu nan phùng đích nhất nhật.*” ([Gặp được Phật pháp] chính là một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay.) Chúng ta đã gặp được rồi vậy.

Gặp được [Phật pháp] là thuận duyên đã đầy đủ, vậy quý vị có thể thành tựu hay không? Còn phải xem căn lành phúc đức của quý vị [như thế nào nữa]. Những gì gọi là căn lành? Là khi quý vị tiếp xúc [với Phật pháp] rồi thì sinh lòng hoan hỷ, có thể tin nhận, có thể hiểu rõ. Đó chính là căn lành của quý vị.

Phúc đức là khả năng vận dụng của quý vị trong thực tế. Quý vị có thể đem những điều đã tin nhận, đã hiểu rõ, vận dụng vào đời sống thực tế hằng ngày, vào việc xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc với muôn vật. Quý vị có thể giống như chư Phật, Bồ Tát, giống như các vị thánh hiền xưa biết thương người yêu vật, đó là phúc đức của quý vị.

Căn lành, phúc đức với nhân duyên, ba yếu tố này đều hội đủ thì quý vị trong một đời này sẽ có sự thành tựu rất lớn lao. Thành tựu rất lớn lao đó là gì? Là vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, thành Phật, thành Bồ Tát.

Làm Phật, làm Bồ Tát không phải thần tiên, không nên hiểu sai như vậy. Phật, Bồ Tát có ý nghĩa gì? Người Ấn Độ gọi là Phật, người Trung quốc gọi là thánh nhân. Người Ấn Độ gọi là Bồ Tát, người Trung quốc gọi là hiền nhân. Phật, Bồ Tát là những vị đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh có thể hiểu biết thấu triệt, sáng tỏ. Làm người phải hiểu biết sáng tỏ, đừng làm người hồ đồ. Hiểu biết sáng tỏ là thánh nhân, hồ đồ mê muội là phàm phu. Điều này chúng ta cần phải hiểu biết thật rõ ràng.

Sự khác biệt giữa thánh nhân với phàm phu tôi đã giảng giải rất nhiều. Chúng ta phải học tập như thế nào? Giáo trình đang dùng đây là tư liệu hết sức tốt [để học tập]. Không cần phải học toàn bộ quyển sách, chỉ học được một câu, vài câu trong đó là được lợi ích suốt đời không hết rồi.

Thế gian hiện nay nhiều tai nạn, quý vị đều biết. Cũng có rất nhiều người khuyên rằng phải tìm những nơi an toàn để dời đến đó sống. Nói như vậy có đúng không? Nói thì không sai, nhưng quý vị còn phải nhìn lại [các phẩm chất] trung hiếu, nhân nghĩa. Nếu là người bất nghĩa, sống buông thả, gọi là bừa bãi buông thả, thì người như thế dù sống ở thế gian cũng nào có ý nghĩa gì? Xã hội Trung quốc ngày trước thường có câu: “*Sĩ vị tri kỷ giả tử.*” (Kẻ sĩ sẵn lòng chết vì tri

kỷ.) Kẻ sĩ là những ai? Là những người có học, người trí thức, người hiểu rõ lý lẽ, người sẵn sàng vì nhân nghĩa đi vào chốn nước sôi lửa bỏng không từ nan. Người như thế sống mới có ý nghĩa, sống mới có giá trị. [Người như thế] làm sao có thể tham sống sợ chết? Làm gì có lý lẽ đó? Huống chi trong Kinh điển đức Phật đã vì chúng ta giảng giải rất rõ ràng: “*Cảnh tùy tâm chuyển*.” (Hoàn cảnh tùy theo tâm mà chuyển đổi.)

Chúng ta cần phải chuyển biến cảnh giới này, hoàn cảnh này, giải pháp của vấn đề khẳng định phải là như vậy. Phải từ đâu mà chuyển đổi? Phải bắt đầu chuyển từ tâm địa, chuyển tâm phàm thành tâm Phật, cũng là chuyển phàm thành thánh. Tâm chuyển đổi được rồi thì thân liền chuyển đổi. Đích thực trong Phật pháp có dạy pháp không già, không bệnh, không chết. Đó là chân thật, tuyệt đối không giả dối.

Ai có thể thực hiện được [những pháp ấy]? Chư Phật, các bậc Pháp thân Đại sĩ có thể thực hiện được. Chúng ta nếu như có thể vượt lên đến cảnh giới của các bậc Pháp thân Đại sĩ thì cũng có thể thực hiện được.

Do đâu mà có bệnh, có già, có chết? Do quý vị có ý niệm, có vọng tưởng. Chỉ cần quý vị có vọng tưởng, có phân biệt, có bám chấp, nhất định quý vị phải có già, có bệnh, có chết. Điều này chúng ta đọc thấy trong rất nhiều Kinh điển Đại thừa. Quý vị thực sự không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có bám chấp, thì tự nhiên quý vị không già, không bệnh, không chết.

Cho nên, bệnh từ đâu sinh ra? Chẳng phải đức Phật thường giảng là do ba món độc tham lam, sân hận và si mê đó sao? Trong lòng quý vị có tham, có sân, có si, tâm đó của quý vị độc hại không gì bằng, đó chính là virus gây bệnh. Trong lòng có virus nghiêm trọng gây bệnh, bên ngoài có năm món dục, sáu trần cảnh dẫn dụ mê hoặc, tấn công vào, quý vị làm sao có thể không sinh bệnh? Nhà Phật đã tìm ra được căn nguyên của bệnh tật là như vậy.

Các bậc thánh nhân Trung quốc cũng rất siêu việt. Sách y học của Trung quốc, đứng đầu là bộ Hoàng Đế Nội Kinh, nội dung phần Linh Khu của sách này không nói gì về trị bệnh, chỉ giảng về phép trường sinh, [giúp người sống lâu]. Người Trung quốc thời xưa cho rằng tuổi thọ con người ít nhất cũng có thể sống được đến hai trăm năm. Con người là một cỗ máy, nếu có thể bảo dưỡng tốt, chăm sóc tốt thì tuổi thọ phải lên đến vài trăm năm. Chưa được vài trăm năm mà quý vị đã chết thì đó là quý vị đã không chăm sóc, bảo dưỡng tốt. Điều này cũng giống như ngày nay chúng ta sử dụng máy móc. Quý vị không chăm sóc tốt thì sẽ làm hỏng máy.

Người Trung quốc thời xưa biết quan tâm chăm sóc thân tâm, cũng là chú trọng đến giữ lòng thanh tịnh, ít ham muốn, so với giáo lý nhà Phật thật đã rất gần. Giữ lòng thanh tịnh, ít ham muốn, so với Phật pháp thì dứt trừ hết dục vọng, cho nên lòng thanh tịnh đạt đến mức rốt ráo, còn ít ham muốn thì chưa phải là dứt sạch.

Rất nhiều người thấy thân thể tôi khỏe mạnh, đã cao tuổi thế này rồi vẫn có thể đi lại nhanh nhẹn, nguyên nhân là nhờ đâu? Là do tôi ít ham muốn hơn so với mọi người. Ý nghĩa là như vậy. Do đó mà tiến trình lão hóa được chậm lại, bệnh tật quả thật được giảm thiểu. Mỗi ngày tôi ăn một bữa, rất bình thường, tinh thần rất tốt. Rất nhiều người quan tâm đến tôi, sợ tôi [ăn uống như vậy] không đủ dinh dưỡng, liền mang đến món này, món nọ, tôi chỉ thấy phiền phức.

Phải chăm sóc bản thân như thế nào? Giữ lòng thanh tịnh, ít ham muốn. Tốt nhất là mỗi ngày đều giảm bớt đi những ham muốn của mình. Mỗi năm đều giảm bớt như vậy, cho đến khi không còn nữa, đó mới [thực sự trở lại] là một người bình thường.

Thầy tôi dạy tôi nhìn thấu, buông hết. Chư Phật Như Lai triệt để buông hết, buông hết những danh tiếng, lợi dưỡng,

buông hết những dục vọng hiện có, thậm chí đến thân này cũng buông xả, mọi ý niệm đều buông xả. Khởi tâm động niệm, nói thật ra đều không khởi tâm. Nếu quả thật có khởi tâm động niệm thì quý vị vẫn chưa buông hết.

Chúng ta mấy ngày nay giảng giải ý nghĩa trong kinh điển rất hay. Chư Phật, Bồ Tát ứng hiện là do chúng sinh có sự chiêu cảm. Chư Phật, Bồ Tát ứng hiện, hóa hiện như vậy, tuyệt đối không phải các ngài có sự khởi tâm động niệm. Nếu nói khởi tâm động niệm thì đó là chạy đuổi theo duyên, chẳng phải tùy duyên. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa đều là tùy duyên, không phải chạy đuổi theo duyên. Cho nên, chúng ta phải tùy duyên thì quý vị mới được tự do tự tại. Chạy đuổi theo duyên thì không được tự do tự tại. Chạy đuổi theo duyên thì trong lòng khởi lên ý muốn phải làm thế nào, như vậy là sai rồi.

Cho nên chúng ta phải học theo đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Đức Phật là tấm gương tốt nhất để ta noi theo. Thông thường người ta học Phật chỉ nói ngoài cửa miệng, thực tế không hiểu được ý nghĩa chân chánh của việc học Phật, cũng không biết phải học Phật như thế nào. Chúng ta phải suy ngẫm, lời Phật dạy chúng ta đích thực là chân lý, đích thực là hết mức hiền thiện. Nhà Nho gọi là “dừng ở chỗ hết mức hiền thiện”.

Hôm nay giảng với quý vị một ít nguyên tắc làm thế nào để “*mẫn nhân chi hung, lạc nhân chi thiện, cứu nhân chi nguy*” (thương xót trước việc xấu ác của người, vui mừng với việc thiện của người, cứu người lúc nguy nan). Khi vận dụng [những nguyên tắc này] vào thực tiễn cụ thể, chúng ta còn phải chú tâm cứu xét, thăm dò, thử nghiệm, làm sao mới có thể vận dụng được những câu này vào thực tế.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 65

(Giảng ngày 30 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 66, số hồ sơ: 19-012-0066)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng đến câu: “*Nghi miễn nhân chi hung, lạc nhân chi thiện. Tế nhân chi cấp, cứu nhân chi nguy.*” (Phải thương xót trước việc ác của người, vui mừng với việc thiện của người. Giúp người khi khẩn cấp, cứu người lúc nguy nan.)

Ngày nay, những tai nạn hung hiểm, nguy cấp có thể nói đã đạt đến mức đỉnh điểm, người hứng chịu không phải chỉ một, hai người, cũng không chỉ trăm người, ngàn người... Hôm nay chúng ta xem bốn câu này, dường như có ý chỉ đến việc nhân loại toàn cầu đang gặp phải tai nạn lớn.

Thương xót, không chỉ là một tấm lòng thương xót, như thế nào có tác dụng gì? Thương xót phải có hành động cụ thể. Hành động đó là từ trong nội tâm có sự triệt để sám hối [mọi lỗi lầm], trong tôn giáo gọi là hối cải, sửa lỗi. Như thế mới là thực sự khởi tâm thương xót.

Tai kiếp lớn lao trên toàn thế giới hình thành như thế nào? Trong lúc giảng kinh tôi đã đề cập đến rất nhiều lần. Trước hết, quý vị phải nhận thức được, chúng ta hiện cư trú trên trái đất này, nằm trong hệ Thái dương, hệ Ngân hà, đây là y báo của chúng ta. Trong Kinh điển Đại thừa, đức Phật nhiều lần dạy rằng: “*Y báo tùy trước chánh báo chuyển.*” (Y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi.) Nếu quý vị thực sự hiểu rõ được ý nghĩa câu này thì quý vị cũng sẽ hiểu được tai nạn của toàn thế giới, hoặc tai nạn của hệ Thái dương, của hệ Ngân hà là do đâu mà có.

Chính là do bản thân chúng ta đã làm những việc bất thiện. Vì đây là y báo của chúng ta, nên y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi. Chúng sinh không giải quyết được vấn đề, nhất định phải hứng chịu tai nạn, phải nhận lãnh quả báo. Vì chúng sinh nhận thức vấn đề sai lầm, cho rằng [sự hình thành] những tai nạn đang xảy đến không liên can đến mình, chỉ do người khác làm sai, còn bản thân mình không làm gì sai. Quan niệm như thế là sai lầm. Hết thấy mọi người [quanh ta] đều là hoàn cảnh nhân sự của chính ta, hết thấy muôn vật [quanh ta] đều là hoàn cảnh vật chất trong đời sống của ta.

Ngày nay, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất đều không tốt, truy cứu đến nguyên nhân căn bản là do bản thân chúng ta nuôi dưỡng tâm địa không tốt, bản thân chúng ta làm người không tốt, cho nên y báo là hoàn cảnh của chúng ta mới hết sức tồi tệ như thế này. Đó chính là then chốt trong việc tiêu trừ tai nạn.

Cho nên, tự bản thân mình phải nhận thức rõ ràng, tự mình phải biết quay đầu [hướng thiện]. Trong quá khứ khởi tâm động niệm toàn vì bản thân mình, vì chuyện riêng tư, giành lợi ích riêng mình. Vì thế mới tạo nên hoàn cảnh, tình thế như ngày nay. Hình thành sự việc như thế này là do tâm lượng [của chúng ta] quá nhỏ nhen, hẹp hòi. Tai kiếp lớn lao này xảy đến như một gậy thật nặng nề quật thẳng vào chúng ta, rốt cùng phải làm cho chúng ta tỉnh lại, phải triệt để sửa lỗi, tự làm trong sạch tâm ý, [phát tâm] vì hết thấy chúng sinh nhận chịu khổ nạn.

Như vậy là thực sự hiểu rõ vấn đề, thực sự tỉnh thức, thực sự hối cải. Những lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát trong kinh điển Đại thừa quả nhiên đã có được cơ duyên vận dụng vào thực tế. Chúng ta [trong lúc này dù phải] đi vào nước sôi lửa bỏng cũng không tiếc [thân mình], nhất định phải làm.

Những gì không phù hợp với lời Phật dạy, nhất định không làm, cho dù [việc ấy] đối với riêng mình có được lợi ích lớn lao cũng không cần. Chúng ta biết rõ những lợi ích như thế là dẫn dụ mê hoặc ta, chỉ là chút mồi ngon nhỏ nhoi trước mắt. Người đời đối với danh tiếng, lợi dưỡng đều ham muốn ngưỡng mộ, nhưng những thứ đó chỉ là [tạm bợ như] khói mây trong chớp mắt, hậu quả là rơi vào ba đường ác, là quả báo khổ não. Lúc mê muội không hề biết, tỉnh ngộ rồi thì [những điều ấy] rõ ràng minh bạch.

Chúng ta tự mình đã giác ngộ, đã hiểu rõ rồi, phải đem những ý nghĩa ấy chia sẻ với người có duyên, vì nhà Phật thường nói: *“Phật không độ được người không duyên.”* Thế nào là người có duyên? Là những người chịu lắng nghe, có thể nhận hiểu, có thể tiếp nhận, có thể y theo lời dạy vâng làm. Như thế là người có duyên.

Cho nên, chúng ta đi các nơi hoằng pháp, trước tiên phải biết cách quán sát cơ duyên. Trong việc quán sát cơ duyên thì quan trọng nhất là [quán xét] đại chúng thường trú [ở nơi đó]. Nếu đại chúng thường trú vắng mặt không tham dự, không hoan hỷ với việc nghe pháp, cho dù hàng tín đồ bên ngoài có đến tham dự nhiều, nơi ấy cũng không nên đến. [Việc giảng pháp] là kết duyên với các tín đồ, nhưng đại chúng thường trú không có ý muốn học Phật, vẫn chạy theo ham muốn riêng tư, giành lợi ích riêng, chỉ làm vì danh tiếng, lợi dưỡng, không thực hành Phật pháp, vậy làm sao có thể đến đó?

Hôm nay trong sách này giảng đến thế nào là hung hiểm, thế nào là nguy nan, thế nào là khẩn cấp, chúng ta cần phải nhận thức thật rõ ràng, minh bạch. [Việc của ngày nay] không phải là tai nạn nhỏ nhặt, không phải là mối nguy có thể trì hoãn, mà là cực kỳ nghiêm trọng.

Chúng ta ngày nay dạy người khác, khởi tâm từ bi khó nhọc giảng dạy, có mấy người chịu tin nhận? Dạy người khác

phải làm thế này, thế này... nhưng tự bản thân mình không làm được, nên người ta nghe qua rồi khởi sinh rất nhiều nghi vấn, đặt rất nhiều dấu hỏi [ở những chỗ được nghe]. Quý vị nói như vậy là đúng thật hay giả dối?

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni năm xưa thuyết pháp là nói được làm được. Nói đúng ra là ngài đã làm được rồi sau đó mới nói. Chúng ta trong thực tế thì tâm thô ý tháo, bao nhiêu hành vi công hạnh suốt một đời của Phật năm xưa ta quên sạch hết rồi. Hành vi công hạnh của ngài chính là chỗ để chúng ta noi theo, là tấm gương tốt cho chúng ta. Đức Thế Tôn vì răn dạy chúng sinh, vì tuyên dương Chánh pháp nên không từ gian lao khó nhọc. Đức Phật hết sức khó nhọc, hết sức nhọc nhằn. Chúng ta ngày nay Kinh điển không xem qua, cả bộ Đại Tạng Kinh ngay đến tên gọi cũng chưa từng nhìn thấy, sao có thể nói là nhọc nhằn? Sao có thể nói là khó nhọc? Sao có thể nói là không chịu được nữa? Đó không phải lời của đệ tử Phật, là lời của ma. Lời lẽ như vậy là của ma vương, chư Phật, Bồ Tát không có những lời lẽ ấy.

Cho nên, trong lúc gặp phải tai nạn lớn lao, nguy cấp nghiêm trọng mà chúng ta hôm nay vẫn còn có cơ hội ở tại nơi này học tập, đó chính là sự gia trì của Tam bảo, là căn lành, phúc đức nhân duyên của mọi người tích lũy từ vô lượng kiếp đến nay đã thành thực. Những chúng sinh khổ nạn sau này làm sao được cứu độ phải dựa vào quý vị. Quý vị có nghĩ đến điều đó hay không? Nếu như có nghĩ đến, sao có thể không hết sức nỗ lực? Sao có thể không phát khởi ý chí mạnh mẽ?

Hẳn có người trong quý vị đồng học sẽ nêu câu hỏi, chúng tôi căn lành phúc đức mỏng manh, trí tuệ nhỏ nhoi, chúng tôi có thể làm được [việc cứu độ chúng sinh] hay chăng?

Trong Kinh điển Phật dạy chúng ta rằng, căn lành, phúc đức, trí tuệ của hết thảy chúng sinh so với Như Lai không hai, không khác, [tức là hoàn toàn giống nhau]. Quý vị đã

không tin vào điều đó. Thế nhưng hiện nay không có trí tuệ. Hiện nay không có trí tuệ là do phiền não của quý vị che lấp, quý vị đối với bản thân mình không có niềm tin.

Việc đầu tiên của người học Phật là khôi phục lòng tự tin, khắc phục phiền não, tập khí của chính mình, nhất định sẽ được chư Phật hộ niệm. Phước báo không đủ, [chỉ cần nỗ lực tu hành] tự nhiên có các vị thiện thần, trời, rồng theo bảo vệ, giúp đỡ quý vị, gia trì cho quý vị, tuyệt đối không cầu nơi người khác. Người khác ở thế gian dù có phước báo lớn lao cũng tuyệt đối không mở miệng đòi hỏi họ một xu, [giàu sang phú quý] đó là chuyện của họ. Chúng ta chỉ cầu nơi chư Phật. Cầu Phật là lẽ chân chánh, là pháp chân chánh. Điều này năm xưa Đại sư Chương Gia dạy tôi, tâm chúng ta vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn là tự tại.

Phật dạy người “dứt ác tu thiện, phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh”, chúng ta học [Phật] chính là học ba việc này. Nhân duyên đầy đủ thì chúng ta đối với hết thảy chúng sinh khổ nạn làm được nhiều việc, nhân duyên không đầy đủ thì chỉ làm ít việc, không có duyên thì không làm. Đâu lẽ nào có thể gượng ép mong muốn mà được? Trong lòng chỉ một mảy may gượng ép mong muốn, quý vị liền không được tự tại. Nói cách khác, [như vậy là] quý vị không có trí tuệ.

Chúng ta ngày nay mong cầu là vì hết thảy chúng sinh khổ nạn mà mong cầu, hoàn toàn không phải vì bản thân mình mà mong cầu. Vì bản thân mong cầu là tạo nghiệp. Vì hết thảy chúng sinh mong cầu là phúc đức, là công đức. [Chúng ta] học Phật đã nhiều năm như vậy, lẽ nào một chút ý nghĩa này cũng không hiểu rõ?

Cho nên, chúng ta ngày nay phải làm sao để cứu khổ cứu nạn [cho hết thảy chúng sinh]? Đó là phải thực sự quay đầu hướng thiện, bao nhiêu việc xấu ác đã làm trước đây nhất định phải dứt trừ, dứt trừ cho hết sạch. Hết thảy các việc

thiện nếu trước đây chưa từng tu tập, từ hôm nay phải nỗ lực tu tập làm theo.

Thế nào là thiện? Thế nào là ác? *Cảm ứng thiên* là tiêu chuẩn tốt nhất. Chính Đại sư Ấn Quang đã vì chúng ta mà giới thiệu. Phật dạy rất nhiều tiêu chuẩn [thiện ác], phân tán trong khắp các kinh luận Đại thừa, thật không dễ dàng tụng đọc hết. *Cảm ứng thiên* chỉ trong hơn một ngàn chữ tập trung phân biệt được hết thấy các điều thiện ác, mỗi câu đều là trong kinh Phật có nói. Cho nên, bộ sách này cũng là kinh Phật.

Chúng ta tu hành, bước đầu tiên dứt ác tu thiện, y theo bản *Cảm ứng thiên* này thực hành là được. [Sang giai đoạn] *chuyển mê thành ngộ*, [sử dụng] kinh Hoa Nghiêm, kinh Bát-nhã là những giáo trình tốt nhất. Để *chuyển phàm thành thánh* thì kinh Vô Lượng Thọ là giáo trình tốt nhất.

Chúng ta không cần thiết phải đọc quá nhiều [kinh sách], vì đọc nhiều quá thì tinh thần phân tán, lại phải mất rất nhiều thời gian. [Người học Phật] nắm lấy cương lĩnh trọng yếu trong Phật pháp, nhận hiểu được một câu phải thực hành được một câu.

Trong chú giải của phần này nêu ra rất nhiều trường hợp ví dụ, đều nói lên việc chư đại đức xưa kia đã làm sao để giúp đỡ người khác. Chúng ta có thể xem qua để tham khảo.

Ở đây tôi giảng giải với quý vị là cương lĩnh chung, là nguyên tắc chung, là bắt đầu từ căn bản của việc cứu độ. Trong pháp căn bản thì “*y báo tùy theo chánh báo mà thay đổi*”. Điều này nhất định là đúng thật. Hết thấy các pháp từ tâm tưởng sinh, kinh Hoa Nghiêm dạy là “*chỉ do tâm hóa hiện, chỉ do thức biến thành*”. Chúng ta đối với lý luận cơ bản này, cội nguồn của muôn pháp, cần phải tham khảo thấu đáo thì mới biết được phải làm như thế nào, cũng có được niềm tin để khởi làm.

Với niềm tin chân chánh, tâm nguyện thiết tha, sao có thể không chuyển biến được [hiện trạng] cảnh giới? Hy vọng quý vị đồng học suy ngẫm nhiều về việc này, quan sát nhiều hơn, nhận hiểu nhiều hơn.

Trong bốn câu đang giảng có câu “*vui với điều thiện của người*”. Thế nào là điều thiện? Cần phải nhận thức rõ điều này. Hết thấy mọi việc tốt đẹp, hiền thiện trong đời này, nếu có xen tạp, vướng mắc tâm ý riêng tư trong đó thì đều hóa thành bất thiện. Dù có đến 90% là vì công chúng, chỉ cần xen tạp 1% vì bản thân mình đã là bất thiện. Hoàn toàn không có ý riêng tư, đó gọi là thuần thiện.

Chúng ta phải nâng cao tiêu chuẩn [phân biệt thiện ác] lên đến mức này. Cũng có quý đồng tu cho rằng [tiêu chuẩn] mức ấy quá cao, người bình thường không thể làm nổi. Tôi cũng biết vậy, nên chúng ta chỉ tự mình nâng cao [tiêu chuẩn] đến mức ấy, không nhất thiết phải yêu cầu người khác. Yêu cầu tự thân mình phải thuần thiện [thì được], muốn yêu cầu người khác, đối với họ thì 90% là vì bản thân mình, chỉ 10% là vì người khác đã là tốt lắm rồi, rất ít có rồi. Vì sao vậy? Vì họ không giác ngộ, không hiểu rõ chân tướng sự thật.

Người giác ngộ rồi thì nhất định không thể như vậy. Chỉ xen tạp một phần trăm ý niệm riêng tư đã là không thể được.

Đối với việc này mỗi ngày tôi đều giảng giải, mỗi ngày đều khuyên bảo, luôn hy vọng quý vị có lúc bừng tỉnh ngộ. Lúc nghe khuyên bảo thì dường như tỉnh ngộ, hiểu rõ, nhưng khi tôi rời khỏi giảng đường này rồi thì mọi người lại mơ hồ lẫn lộn, lại mê muội như trước. Cho nên, đức Thế Tôn phải khuyên dạy đến bốn mươi chín năm. Bốn mươi chín năm ấy, rốt cuộc có được bao nhiêu người tỉnh ngộ? Cũng không nhiều lắm. Số người thực sự tỉnh ngộ chỉ là số ít.

Số ít người đó là những chúng sinh căn tánh thành thực. Những người chưa chịu quay đầu hướng thiện là căn tánh

chưa thành thực. Người căn tánh thành thực [được giác ngộ rồi] quay lại tiếp sức, giúp đỡ hỗ trợ cho người căn tánh chưa thành thực, nhờ đó Chánh pháp được lưu truyền dài lâu, đời đời đều có người truyền nối, như vậy mới là phúc của chúng sinh.

Hiện nay việc giảng dạy khó khăn hơn rất nhiều so với trong quá khứ. Cho dù là đức hạnh hay trí tuệ, nói thật ra [người giảng dạy] đều phải vượt xa hơn các bậc tổ sư đại đức [trước đây] thì mới có thể cứu vãn được vận hạn thế giới. Nếu đức năng và trí tuệ tương đương như các bậc tổ sư đại đức ngày xưa thì không cứu vãn được thế giới này.

Chúng ta không thực sự nỗ lực thì làm sao được? Không thực sự nỗ lực, không chỉ là muốn giúp đỡ người khác cũng không giúp được, mà cho đến tự cứu chính mình cũng không cứu nổi. Phải thực sự có khả năng giúp đỡ hỗ trợ người khác thì mới có thể tự cứu chính mình. Bản thân ta với người khác vốn chẳng phải hai, không thể chia tách.

Bài giảng thứ 66

(Giảng ngày 31 tháng 7 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 67, số hồ sơ: 19-012-0067)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem đến câu thứ 26: “*Kiến nhân chi đắc như kỷ chi đắc. Kiến nhân chi thất như kỷ chi thất.*” (Thấy người khác được cũng như mình được. Thấy người khác mất cũng như mình mất.)

Câu này nói về sự được mất. Trong kinh Phật dạy chúng ta rằng, sự được mất [trong đời] không [có ý nghĩa] chân thật. Nhưng người đời hết thấy đều mê muội trong [chỗ được mất] đó mà tạo thành biết bao tội nghiệp. Trong hai mươi bốn pháp hành *bất tương ứng*¹ thì “*được mất*” xếp ở vị trí đầu tiên, nên có thể thấy rằng chúng sinh đối với vấn đề [được mất] này mê muội rất sâu, rất nghiêm trọng.

Câu này trong Cảm ứng thiên nói rất hay, đối với vấn đề “*được mất*” thì cách nhìn, cách nghĩ của người đời thật không bình thường, [không hợp lý]. Thấy người khác được thì sinh lòng ganh ghét, thấy người khác mất lại sinh lòng hoan hỷ mừng vui. Tâm niệm như vậy đã tạo ra vô số tội nghiệp.

“*Thái Thượng xét lỗi của người đời*”, đó là nói những lầm lỗi, sai sót. Câu này là xét những lầm lỗi sai sót [của người đời], dạy người phải biết xem người khác như chính bản thân mình, không phân biệt. [Do vậy mà] thấy người khác được có

¹ Tức Nhị thập tứ bất tương ứng hành pháp (二十四不相應法) theo Duy thức học, bao gồm: đắc, mạng căn, chúng đồng phận, dị sanh tánh, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng sự, danh thân, cú thân, văn thân, sanh, lão, trụ, vô thường, lưu chuyển, định dị, tương ứng, thế tốc, thứ đệ, phương, thời, số, hòa hợp tính và bất hòa hợp tính.

thể sinh lòng hoan hỷ mừng vui, thấy người khác mất có thể sinh lòng thương xót cảm thông.

Phạm vi của vấn đề “*được mất*” hết sức rộng lớn. Trong pháp thế gian thì đó là được danh tiếng, được lợi dưỡng, được nắm món dục trong sáu trần cảnh. Trong pháp Phật thì đó là được thiên định, được giác ngộ, được chứng quả. [Cho nên,] pháp thế gian và xuất thế gian đều bao quát trong phạm vi [hai chữ “*được mất*”] này.

Phật dạy rằng, được mất cũng là quan hệ nhân quả, không gieo nhân thì nhất định không có gì được. Chỗ mong cầu của hết thảy chúng sinh không ngoài những việc giàu sang phú quý, thông minh trí tuệ, khỏe mạnh sống lâu. Người Trung quốc gọi là Ngũ phúc, phần trước đã có giảng qua với quý vị. Hết thảy những điều này đều có nghiệp nhân.

Cho nên, gieo nhân lành thì được quả lành. Gieo nhân xấu ác mà mong cầu quả lành, đâu lẽ nào như thế? Trong kinh Phật thường gọi [những trường hợp này] là “*chuyện không thể có*”. [Cho nên,] chúng ta mong cầu những điều gì thì phải cố gắng tạo nhân [tương ứng]. Quý vị tạo nhân thù thắng thì được quả thù thắng, tạo nhân tốt đẹp trọn vẹn thì được quả báo tốt đẹp trọn vẹn.

Câu văn [đang giảng] này hết sức quan trọng thiết yếu. Trong câu này chúng ta thấy ra được là nhất định không được khởi tâm ganh ghét đố kỵ [với người khác]. Không chỉ là không ganh ghét đố kỵ, mà còn phải sinh tâm tùy hỷ, vui theo niềm vui của người khác.

Tâm tùy hỷ là pháp tu của hàng Bồ Tát, chính là pháp tu của Bồ Tát Phổ Hiền, là công hạnh lớn lao của ngài: “*Hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức*.” (Thường tùy thuận chúng sinh, vui theo công đức [của người khác].) Quý vị đồng tu chúng ta đối với điều này thường xao nhãng xem nhẹ, đối

với lợi ích [tu tập] rất lớn lao trước mắt này lại bỏ lỡ đi. Điều này chúng ta cần phải suy xét lại.

Quý vị đồng tu học Phật đều biết là phải dứt việc ác, phải làm việc thiện. Thế nhưng việc thiện thường vẫn cứ không thể thành tựu, việc xấu ác mỗi ngày đều tiếp tục tạo thêm. Đặc biệt là khẩu nghiệp, tiếp xúc với người khác là tạo ngay khẩu nghiệp, là bình phẩm phê phán những thị phi, được mất của người khác.

Những điều quý vị bình phẩm, phê phán đó có chính xác không? Nếu là chính xác, là sự thật, cũng đều không nên nói ra. Nếu là không chính xác, chẳng phải [nói như thế] là oan uổng cho người khác rồi sao? Nói oan cho người khác là tạo nghiệp nặng nề. Nếu sự bình phẩm, phê phán của quý vị không có ảnh hưởng gì đối với xã hội thì tội lỗi ấy còn nhỏ, nhưng nếu điều đó có ảnh hưởng lớn lao đối với xã hội thì tội lỗi đó vô cùng nặng nề. Nếu như quý vị hủy báng Tam bảo, khiến cho một số người có lòng tin bị thối thất tâm đạo thì tội ấy phải đọa vào địa ngục. Điều này có nói rõ trong kinh *Phát khởi Bồ Tát thù thắng chí lạc*, quý vị nào đã xem qua đều biết.

[Cho nên,] không được xem nhẹ việc tùy tiện nói năng, tưởng rằng chẳng có quan hệ gì lớn lao, trong một lúc thích thú hứng chí [nói ra những điều] làm ngăn cản hoặc dứt mất căn lành của người khác, phải chuốc lấy tội nghiệp đọa vào địa ngục A-tỳ. Trong xã hội chúng ta rất thường thấy, thường nghe có nhiều người mắc phải sai lầm này. Chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy như vậy rất đau lòng, rất thương xót, đúng như trong kinh [thường gọi những người này] là “thật đáng thương xót”.

Vì sao tạo thành những việc [đáng tiếc] như thế? Vì tin nghe những lời đồn đại mà không tìm hiểu sự thật. Trong đời tôi gặp việc như vậy rất nhiều. Tôi có một nguyên tắc là,

không liên quan đến mình thì không lưu tâm, không cần thiết phải lưu tâm, chỉ cười mà cho qua, cũng không để trong lòng. Để trong lòng cũng là tạo nghiệp. Muốn tâm mình thanh tịnh, muốn tâm mình thuần thiện thì mảy may ý niệm xấu ác cũng không để trong lòng. Như vậy mới gọi là nuôi dưỡng lòng tốt. Quý vị đem những chuyện thị phi, nhân ngã đó đây tạp nhạp dồn chứa hết trong lòng thì tâm của quý vị là bất thiện, tâm quý vị không tốt.

Nếu sự việc lan truyền là có quan hệ với bản thân mình, quan hệ với đại chúng, chúng ta nhất định phải thẩm tra, tìm chứng cứ. Phải điều tra ngay, phải chứng minh ngay những tin đồn lan truyền đó là đúng thật hay không đúng thật, sau đó mới bình phẩm, phê phán. Cho nên không thể nghe sự việc từ một phía. Chỉ nghe sự việc theo lời của một bên thì đó là ngu si, là mê hoặc.

Nhất là đối với những người giữ cương vị lãnh đạo. Chúng ta đọc sách xưa, thấy bên cạnh các vị đế vương thường có rất nhiều kẻ tâu rối [về người khác], họ có hoàn toàn tin vào những lời ấy hay không? [Không,] họ chỉ xem đó như nguồn tin tham khảo thôi. Họ nhất định phải điều tra, chứng minh, cho nên họ không xử oan người tốt, cũng không bị kẻ xấu lừa gạt. Như vậy mới là người thông minh. Những điều đó đều là do các bậc thầy đã dạy cho họ, cha mẹ đã dạy cho họ.

Người xưa có nói: “*Dao ngôn chỉ ư trí giả*.” (Lời đồn đại không qua được kẻ trí.) Chỉ vì người thực sự có trí tuệ luôn biết rõ phải xử lý như thế nào. Nhưng người không có trí tuệ lại rất nhiều. Những người này nghe qua lời đồn thì tin ngay, rồi tiếp nối sự đồn đại sinh sự.

Hiện nay thế gian này có quá ít người trí tuệ. Hẳn quý vị sẽ hỏi tại sao không có trí tuệ? Là vì không có bậc thánh hiền răn dạy. Hiện nay trên toàn thế giới, tuyệt đại đa số là loại giáo dục nào? Là giáo dục theo [chủ nghĩa] vị lợi, [là thực

dụng], chạy đua theo lợi nhuận, là kiểu giáo dục cạnh tranh nhau để đạt được danh tiếng, lợi dưỡng, [sự hưởng thụ] năm món dục trong sáu trần cảnh. Chỉ cần khởi lên ý niệm cạnh tranh thì nhất định đã là chuyện lợi mình hại người, trái nghịch lẽ trời. Giáo dục hiện đại là như vậy. Cho nên đối với giáo dục hiện đại, nói ra thật khó nghe, nhưng đó là [nền giáo dục dạy người] tăng trưởng tâm luân hồi, thúc đẩy chúng sinh tạo nghiệp luân hồi. Họ làm nên những chuyện như vậy.

Người học Phật tuy nhiều nhưng đối với Kinh điển có mấy người thực sự nghiên cứu, thảo luận và học tập? Cho nên ngàn năm có câu: *“Trước cửa địa ngục nhiều thấy tăng.”* [Người xuất gia không nỗ lực tu tập,] tội nghiệp ấy thật quá nặng nề. Núp dưới chiêu bài [tu hành theo] thánh hiền mà vẫn tạo nghiệp luân hồi như cũ, cho nên phải chịu đọa lạc hết sức nặng nề, đọa vào địa ngục A-tỳ.¹

Danh hiệu [thánh hiền] là không thể giả mạo. Hiện tại đối với luật pháp thế gian, mọi sự giả mạo đều phải bị trừng trị. Danh hiệu Phật là cao trổi nhất trong tất cả các pháp thế gian cũng như xuất thế gian, quý vị nếu tùy tiện mượn đó làm chiêu bài [che giấu việc làm sai trái] của mình, tội nghiệp đó không gì nặng nề hơn.

Chúng ta ngày nay nêu lên danh hiệu Phật thì phải y theo lời dạy [của Phật] vâng làm, thực sự noi theo chư Phật, Bồ Tát mà học tập. Luôn luôn phải học được ít nhiều theo giống như chư Phật, Bồ Tát. Nếu hoàn toàn không giống thì đó là tội lỗi. Không thể nói rằng tôi không tạo tội nghiệp gì, tôi không làm hại người khác... Không làm hại người khác, nhưng nêu lên danh hiệu Phật, [mang danh đệ tử Phật] mà không vâng làm y theo lời Phật dạy thì đó là tạo tội nghiệp rồi.

¹ Địa ngục A-tỳ: cũng gọi là địa ngục Vô Gián, vì tội nhân trong ngục này bị hành hình không có lúc nào dừng nghỉ nên gọi là vô gián.

Đó là tội nghiệp gì? Tội phá hoại hình tượng Phật pháp. Tội danh là như thế. Tội danh này không thể gánh nổi rồi. Chư Phật, Bồ Tát là hình tượng gì? [Người xuất gia] chúng ta ngày nay khởi sinh những tâm niệm gì, làm những việc gì? Vì sao hiện nay trong xã hội Phật pháp lại suy yếu đến như vậy?

Chúng ta đọc sách xưa, thấy ngày trước từ triều đình cho đến vùng dân dã, không nơi nào người xuất gia không được tôn trọng. Xã hội hiện tại đối với người xuất gia khinh thường, xem nhẹ, nguyên nhân là tại đâu? Thời xưa, người xuất gia học Phật làm theo giống như chư Phật, Bồ Tát, cho nên được mọi người kính ngưỡng, tôn trọng, đích thực là những bậc mô phạm, chuẩn mực của trời người. Hiện nay xã hội vì sao khinh thường người xuất gia? Vì người xuất gia không vâng làm y theo lời Phật dạy, không học theo chư Phật, Bồ Tát. Như vậy là học theo ai? Điều này thật không cần phải nói.

Chúng ta cần phải phản tỉnh, tự xét lại, phải giác ngộ, phải quay đầu hướng thiện, phải xác định thật rõ ràng, mình bạch đối tượng nào để học tập theo. Không học tập theo chư Phật, Bồ Tát là sai lầm.

Các bậc cao tăng đại đức là điển hình [để chúng ta noi theo], nhưng phải quán sát cho thật kỹ, người có danh tiếng, chức vị cao có thực sự có đức hạnh hay không? Danh tiếng và thực chất phải tương hợp nhau thì mới là tấm gương để ta noi theo, để hướng theo các vị ấy mà học tập.

Ban đầu tôi mới học Phật, lão cư sĩ Lý Bình Nam suy cử Đại sư Ấn Quang, khuyên tôi hướng theo ngài học tập. Đồng thời với Đại sư Ấn Quang cũng có rất nhiều bậc cao tăng đại đức, vì sao thầy Lý Bình Nam không giới thiệu những người khác? Vì sao ngày nào thầy cũng nhắc đến, cũng giới thiệu Đại sư Ấn Quang? Ý nghĩa nằm trong chỗ đó, sự khổ tâm nằm trong chỗ đó, chúng ta biết hay không biết?

Trong kinh điển chúng ta đều xem thấy, người xuất gia nhiều, trong đó có đệ tử chân thật của Phật, nhưng cũng có con cháu của ma vương. Vào thời mạt pháp, ma vương đã có lời nguyện sẽ cho con cháu của ma trà trộn vào cửa Phật, xuất gia, khoác áo cà sa để hủy diệt Phật pháp. Điều này trong kinh Phật có ghi rõ. Chúng ta sinh vào đời mạt pháp, cho nên trong số người xuất gia có [đệ tử] Phật, cũng có [con cháu của] ma, chúng ta phải có con mắt trí tuệ, phải biết phân biệt.

Chúng ta noi theo chư Phật học tập, không thể noi theo ma học tập. Học tập theo Phật, chúng ta trong một đời này sẽ có thành tựu. Học theo ma, trong một đời này chúng ta nhất định sẽ堕 vào ba đường ác. Chuyện lợi hại khẩn thiết đối với bản thân như thế, sao có thể không rõ biết?

“Thấy người khác được cũng như mình được. Thấy người khác mất cũng như mình mất.” Chúng ta đối với câu này phải thường dùng làm phương châm sống, phải luôn ghi nhớ trong lòng. Nhất định phải buông xả hết [những ý niệm] tự tư tự lợi, niệm niệm đều vì lợi ích của hết thảy chúng sinh, niệm niệm đều vì giúp đỡ hỗ trợ người khác.

Tuy khởi tâm như thế rồi, nhưng để vận dụng tâm ấy vào thực tế cũng không phải dễ dàng. Quý vị muốn làm việc tốt, lại không có duyên, không có cơ hội, hoặc là duyên không đủ. Lúc nào cũng có nhiều người gây trở ngại cho quý vị, không để cho quý vị làm việc tốt, không muốn quý vị thành tựu được việc thiện nào, họ nghĩ ra đủ mọi phương cách để gây trở ngại. Những chuyện như vậy rất thường gặp.

Do đó có thể biết rằng, duyên là điều vô cùng quan trọng, thiết yếu, nên cần phải rộng kết duyên lành với hết thảy chúng sinh, dù một đời này chưa làm xong vẫn còn đời sau nữa. Bồ Tát cứu độ chúng sinh trải qua đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn không dừng nghỉ.

Quý vị đồng tu đều biết, lần trước tôi thành tâm thành ý muốn giúp người bên Australia xây dựng viện dưỡng lão, lại bị người khác phá hoại. Người phá hoại đó có khả năng làm việc tốt đẹp hay không? Họ không thể làm. Tự mình không thể làm được, nhưng lại gây trở ngại không cho người khác làm.

Bình luận chuyện đúng sai phải trái của một người thật không dễ dàng. Quan sát họ về đủ mọi mặt, thấy biết đều rõ ràng rồi, cũng không dám đưa ra một câu quyết đoán. Người xưa nói rất hay: “*Cái quan định luận.*” (Đóng nắp quan tài rồi mới nhận định được [về tính cách một người].) Chỉ khi đóng nắp quan tài rồi mới có thể bình luận về nhân phẩm của một người. Họ còn chưa chết thì chưa dám nói chắc.

Vì sao vậy? Suốt một đời làm việc xấu ác, nhưng đến lúc lâm chung khởi tâm sám hối, từ bỏ lỗi lầm, tự làm thanh tịnh tâm ý, cũng trở thành người tốt. Người như vậy niệm Phật vẫn có thể vãng sinh, vẫn có thể thành Phật. Cho nên, quay đầu [hướng thiện] là bờ giác. Người chết rồi không thể quay đầu, nên phải đợi đến lúc đó mới có thể xác định họ có phải người xấu hay không.

Vì thế, quý vị phải biết rằng việc phán định tính cách một người thật khó khăn biết bao. Người xưa viết truyện ký, đều là sau khi nhân vật đã chết, người đời sau viết lại. Một triều đại lịch sử cũng vậy, sau khi đã diệt vong rồi, người của triều đại sau đó mới viết lại. Như thế đều là ý nghĩa “*cái quan định luận*”.

Chúng ta gây chướng ngại cho việc làm thiện của người khác, quả báo là sẽ bị người khác gây chướng ngại việc làm thiện của ta. Nhân duyên quả báo không mảy may sai chạy, nhất là trong xã hội hiện đại này, càng quá rõ ràng, càng quá nhanh chóng. Cho nên, quý vị đồng học phải ghi nhớ, gặp được cơ hội, gặp được việc tốt phải nhanh chóng làm ngay.

Thấy người khác làm việc tốt, phải giúp đỡ hỗ trợ, giúp họ thành tựu. Thành tựu việc tốt đẹp cho người, không thành tựu những việc xấu ác cho người.

Người khác làm việc đối với xã hội, đối với nhân dân, đối với chúng sinh chẳng ích lợi gì, ta nhất định không giúp đỡ hỗ trợ. Nếu quả là việc có lợi ích, chúng ta phải hết lòng hết sức quan tâm, hết lòng hết sức hợp tác hỗ trợ, nhất định không khởi tâm ganh ghét đố kỵ gây chướng ngại cho họ. Chỉ luôn hằng thuận, luôn tùy hỷ, đó là hành Bồ Tát đạo.

Quy kết đến chỗ sau cùng là nhất định phải có trí tuệ chân thật, nhất định không để xen tạp tình kiến trong lòng. Tình kiến là si mê, trí tuệ chân thật là quang minh chính đại. Điều này chúng ta phải học tập.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 67

(Giảng ngày 1 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 68, số hồ sơ: 19-012-0068)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm nay chúng ta xem tiếp đến câu thứ 27 trong Cảm ứng thiên: *“Bất chương nhân đoản, bất huyển kỷ trường.”* (Không phô bày nhược điểm của người, không khoe khoang ưu điểm của mình.)

Hai câu này nghe qua hết sức bình thường, nhưng đối với việc tu hành chân chánh lại có quan hệ hết sức trọng đại. Phần tiểu chú của câu này mở đầu rất hay: *“Người [khác] có chỗ kém cõi cũng giống như tên riêng của cha mẹ, tai có thể nghe nhưng miệng không thể nói.”*

Câu này là nói trong xã hội thời xưa, hiện tại chúng ta nghe qua rất khó nhận hiểu. Vào thời xưa, có thể nói ở Trung quốc từ khoảng triều Hán cho đến triều Thanh, trước sau luôn duy trì, xem trọng lễ tiết, gọi là *“dùng lễ làm yên ổn thiên hạ”*. Câu này có ý nghĩa rất sâu xa.

Thời xưa, việc gọi tên riêng [do cha mẹ đặt lúc mới sinh ra] chỉ dành cho những người có quan hệ cực kỳ mật thiết. Thông thường thì đối với tên riêng này, chỉ có hai đối tượng có thể dùng để gọi, một là cha mẹ và hai là thầy dạy. Những người này có thể gọi tên riêng của quý vị.

Theo lễ xưa, con trai đủ hai mươi tuổi được xem là trưởng thành, sẽ thực hiện “quán lễ”, tức là lễ đội mũ. Hai mươi tuổi là trưởng thành nên đội mũ để biểu thị là người đã trưởng thành. Kể từ sau lễ này, bạn bè đồng trang lứa, anh em, bằng hữu, đồng học, mọi người đều chúc mừng, đồng thời dành cho họ một [danh xưng mới, gọi là] tên *tự*.

Cho nên, [thời xưa mỗi người đều] có tên riêng [do cha mẹ đặt] gọi là *danh*, tên khi đã trưởng thành gọi là *tự*. Tên riêng không được mang ra gọi [thường ngày], chỉ dùng tên *tự*, đó là bày tỏ sự tôn trọng đối với người ấy. Vì thế, một người sau khi đã trưởng thành thì chỉ có cha mẹ, thầy dạy mới gọi bằng tên riêng. Ví như có ra làm quan thì tại triều đình, hoàng đế cũng chỉ dùng tên *tự* để gọi, không gọi tên riêng, để tỏ sự tôn trọng. Nếu hoàng đế không dùng tên *tự* mà gọi thẳng tên riêng, đó là trường hợp người đã phạm tội, không còn được xem là người bình thường nữa. Nói cách khác, đó là người đang chờ xử tội.

Thông thường thì tên riêng của một người, người khác đều không thể tùy tiện xưng hô, huống chi con cái đối với tên riêng của cha mẹ, người ta chỉ có thể nghe thôi, nhất định không dám từ miệng mình nói ra. Ở đây nói “không phô bày nhược điểm của người khác” lại dùng việc [gọi tên riêng cha mẹ] làm ví dụ, ý nghĩa rất sâu xa. Tại nghe người khác nói chuyện thị phi, nói chuyện tốt xấu hay dở, ở đây muốn nói rằng hãy xem như đang nghe người khác gọi tên riêng của cha mẹ mình, quý vị chỉ có thể nghe thôi, quý vị không thể nói theo, không thể lặp lại. Nếu nói thì thế nào? Thì đó là đại bất kính đối với cha mẹ, cũng chính là tội đại bất hiếu.

Phân chú giải dùng việc này làm ví dụ rất hay. Nhưng hiện tại chẳng có ai học lễ tiết, cũng chẳng ai dạy lễ, nên đọc đến câu này thì hiện nay ít người hiểu được, cũng không có cách gì để nhận hiểu. Thậm chí ý nghĩa trong câu này sâu rộng như thế nào, người hiện nay cũng không hiểu thấu.

Người [Trung quốc] thời xưa đối với việc xưng hô hết sức xem trọng, nhất định không có sự rối loạn. Đó là căn bản của nền giáo dục luân lý. Nhưng người phương Tây không có việc này, cho đến khái niệm này họ cũng không có. Ở phương Tây, con cái tùy tiện gọi tên riêng cha mẹ. Điều này trong xã hội

Trung quốc thời xưa tuyệt đối không có. Người Trung quốc thời xưa đối với một người bình thường thì gặp nhau xưng hô bằng tên tự để tỏ sự tôn trọng. Nếu là người có đạo đức, học vấn, có sự cống hiến đối với xã hội, đối với quốc gia, thì mọi người cũng không xưng hô bằng tên *tự* nữa, mà dành cho họ một tên khác nữa là tên *hiệu*. Như vậy là đối với họ tôn kính hơn.

Người được tôn kính bậc nhất thì ngay cả tên *hiệu* cũng không dùng để xưng hô. Vậy xưng hô bằng tên gì? Xưng hô bằng địa danh, quê quán của họ. Ví dụ như ông Lý Hồng Chương, tên riêng của ông là Hồng Chương. Ông làm đến chức Tể tướng, được mọi người trong xã hội tôn kính, nên tên riêng, tên *tự*, tên *hiệu* của ông họ đều không dùng, mà gọi ông là Lý Hợp Phì, bởi ông là người ở Hợp Phì. Đó là dùng địa danh quê quán của ông. Như vậy không chỉ là tôn kính đối với ông, mà với quê hương ông mọi người cũng tôn kính. Đất Hợp Phì sản sinh ra được một nhân vật quan trọng như vậy, đây là niềm vinh dự tự hào của tất cả người Hợp Phì, dùng địa danh để gọi tên là có ý nghĩa như vậy.

Đối với người xuất gia, người trong xã hội cũng dùng cách xưng hô này. Lấy ví dụ như Đại sư Trí Giả vào đời Tùy, gọi ngài là Trí Giả cũng đã rất tôn kính, vì pháp danh của ngài là Trí Khải, nhưng không gọi là Trí Khải mà gọi [tên hiệu] là Trí Giả, như vậy là rất tôn kính. Nhưng tôn kính bậc nhất là ngay cả tên hiệu ấy cũng không dám gọi, chỉ gọi ngài là Đại sư Thiên Thai, vì ngài ở tại núi Thiên Thai nên gọi là Đại sư Thiên Thai. Vì thế, tôn kính bậc nhất là xưng hô bằng địa danh quê quán, nơi sinh trưởng, hoặc nơi người ấy trú ngụ lâu dài. Chúng ta xem trong sách xưa thấy rất nhiều trường hợp như vậy. Người được xưng hô theo cách này là người được mọi người trong xã hội đương thời kính ngưỡng. Đây chỉ nêu một ví dụ như vậy.

Lại tiến xa hơn bước nữa, không chỉ là miệng không được nói ra, mà *“tai cũng không được nghe”*. Đó là cao hơn một bậc nữa. Không chỉ là nghe người khác nói [lỗi người khác] rồi thì không được nói theo, không được lặp lại, mà tốt nhất là tránh đi không nghe. Điều này vô cùng quan trọng, thiết yếu.

Chúng ta tu hành thì điều quan trọng thiết yếu nhất là gì? Là giữ tâm thanh tịnh. Phật pháp xét đến chỗ rốt cùng không ngoài ba pháp: Giác môn, Chính môn và Tịnh môn.

Giác môn là pháp tu của Tánh tông, của Thiên tông, phải là những bậc thượng căn mới tu được. Không phải bậc thượng căn thì không có khả năng vào được pháp môn này. Tông này giảng giải những gì? Là *“đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”* (giác ngộ thấu triệt hoàn toàn, tâm ý sáng rõ thấy được tự tánh). Người thuộc hàng trung căn, hạ căn thì trong một đời không tu tập đến nổi.

Cho nên, tu tập theo Giác môn tất nhiên là [thành tựu] nhanh chóng, nhưng chắc chắn chỉ một số ít người làm được mà thôi. Trong lịch sử Thiên tông Trung quốc, người theo học dưới Pháp hội của Lục tổ Đại sư Huệ Năng được triệt ngộ nhiều lắm cũng không quá 43 người. Quý vị nghĩ xem, được nhận sự dạy dỗ của Đại sư Huệ Năng có bao nhiêu người? Tôi chỉ tính sơ qua thôi, nhất định cũng phải có đến mấy vạn người. Trong số mấy vạn người mà chỉ có 43 người được triệt ngộ, là thiếu số thôi. [Cho nên,] nhất định không phải bậc thượng căn thì không thể tu tập [thành tựu].

Từ thời Lục tổ về trước, từ lúc Tổ sư Đạt-ma đến Trung quốc, [mỗi bậc thầy] suốt đời chỉ có được một đệ tử, cho nên truyền nối chỉ đơn độc một người. Kể từ Lục tổ về sau, người được khai mở trí tuệ dưới pháp hội của các bậc tổ sư đại đức cũng chỉ được ba người, năm người, xưa nay cũng chưa từng vượt quá số mười người. Phần lớn là chỉ ở mức ba người, năm người. Cho nên, Giác môn tuy là pháp môn tốt nhưng lại rất khó khăn.

Chính môn cũng không dễ dàng. Chính môn là pháp môn nghiên cứu giáo lý, tu tập chậm chậm tiến dần từng bước (tiệm tu). Giác môn là pháp môn tu tập nhanh chóng đạt đến thành tựu, nhanh chóng siêu việt (đốn tu). Ngoài Thiền tông ra thì các tông khác đều thuộc về Giáo tông, [tức là nặng về giáo lý], như Thiên Thai tông, Hiền Thủ tông, Tam Luận tông, Pháp Tướng tông đều là thuộc về Giáo tông, kinh sách giáo điển rất nhiều.

Điều này cũng giống như khi quý vị đi học, từ tiểu học, trung học rồi lên đại học, đi vào nghiên cứu, nghĩa là dần dần lên cao dần. Những người có căn tánh bậc trung, bậc hạ đi theo con đường này là thích hợp thuận tiện, chỉ có điều phải mất rất nhiều thời gian. Thời gian tu tập kéo dài thì chướng ngại cũng càng nhiều, chướng ngại vì con người, chướng ngại vì hoàn cảnh, những điều ấy không lúc nào tránh khỏi. Cho nên, tiến tới thì ít, thối lui thì nhiều, đạt đến thành tựu cũng rất gian nan.

Chúng ta xem trong sử truyện đều thấy, nếu không có tâm kiên trì, không có nghị lực, không thực sự nỗ lực thực hành công phu khắc phục bản thân thì không thể thành tựu. Cho nên, con đường tu theo Giáo môn là hết sức xa xôi diệu vợi, cũng không dễ dàng học được.

Thứ ba là Tịnh môn, tức là pháp tu tâm thanh tịnh. Trong Phật pháp Đại thừa có hai tông thuộc về Tịnh môn là Tịnh độ tông và Mật tông, đều là pháp tu tâm thanh tịnh. Người tu tâm thanh tịnh, nếu thường xen tạp những chuyện thị phi, tốt xấu, hay dở [của người khác] thì tâm làm sao thanh tịnh được? Thường nghe chuyện thị phi, thường nói chuyện thị phi, như vậy là tạo khẩu nghiệp rất nặng nề. Không chỉ là tâm không thanh tịnh, mà quả báo gánh chịu trong tương lai cũng thật khó tưởng tượng.

Trong kinh Phật nói về địa ngục Bạt Thiệt (lưỡi bị kéo ra), đó chính là quả báo của khẩu nghiệp. Khẩu nghiệp quý vị tạo thành, đối với người khác, đối với xã hội, nếu như gây sự tổn hại lớn lao thì không chỉ là địa ngục Bạt Thiệt, mà còn có thể từ địa ngục Bạt Thiệt chuyển đến địa ngục Vô Gián. Kinh *Phát khởi Bồ Tát chí lạc* có nói, ngay từ đầu kinh đã nói rõ ràng rồi. Tông chỉ thực sự của kinh này là ở chỗ nào? Chính là ở chỗ dạy người tu hành tin sâu nhân quả, dứt ác tu thiện.

Đặc biệt là đối với khẩu nghiệp, người nào có thể thường tự giữ tâm thanh tịnh, thường giữ lòng nhân hậu lương thiện, ví như chưa thành tựu đạo nghiệp thì cũng là bậc hiền thiện trong hai cõi trời người.

Nhà Phật nói về thiện, người xưa tổng kết xem đó là Giáo pháp đức Phật thuyết giảng trong suốt một đời. [Bởi vì,] chư Phật, Bồ Tát giảng lý lẽ không ra ngoài tâm tánh, giảng sự tướng không ra ngoài nhân quả. Nhân quả với tâm tánh nếu có thể hoàn toàn tương ứng, đó là đại thiện. Đó là chỗ hành trì của chư Phật, Bồ Tát.

Chúng ta học Phật, quý ở chỗ có thể nắm chắc được cương lĩnh thì sự tu học mới không cảm thấy khó khăn. Sau khi thấu hiểu sáng tỏ về nhân quả rồi, quý vị mới có thể khẳng định chắc chắn rằng gieo nhân lành sẽ được quả lành. Chúng ta mong cầu quả lành, vì sao không chịu gieo nhân lành?

Suốt đời tôi luôn gìn giữ một điểm này: Người khác nói chuyện thị phi là tôi nhanh chóng tránh đi, dù chỉ nghe thôi cũng không nghe. Nếu nghe rồi thì sao? Nghe rồi thì tâm bị ô nhiễm. Cũng từng có người phá hoại tôi, có người nói xấu tôi, rồi có đồng tu ghi âm được mang đến, hoặc ghi chép thành văn bản gửi cho tôi, nhưng xưa nay tôi đều không xem không nghe. Băng ghi âm thì tôi dùng lại để ghi âm những việc khác, văn bản ấy thì vất bỏ vào thùng rác, không để cho thức

a-lại-da¹ phải ghi lại những chủng tử như vậy. Đó là những chủng tử không tốt.

Người khác bịa đặt sinh sự, hủy báng là oan gia. Oan gia nên cỏi mở, không nên buộc vào. Cứ để họ bịa đặt, chúng ta không cần nghe. Chúng ta chỉ nhớ những ưu điểm, những điều tốt của người khác, không nhớ những khuyết điểm của họ. Chúng ta chỉ nghe về những thiện hạnh, thiện sự của người khác, không nghe những lời xấu ác, về những hành vi xấu ác. Đó không chỉ là tu tâm thanh tịnh mà cũng là tu tập lòng nhân hậu lương thiện.

Trong một đời này thường giữ tâm thanh tịnh, thường giữ lòng nhân hậu, cho dù đời sống vật chất của quý vị có thiếu thốn, có khổ cực, đời sống tinh thần vẫn luôn phong phú, luôn được an vui sướng khoái. [Người xưa nói:] “Lý đắc tâm an”, thông đạt lý lẽ thì tâm được an ổn. Nhất là khi quý vị đã được nghe qua Phật pháp, đã phát nguyện cầu sinh thế giới Tây phương Cực Lạc, quý vị phải nghĩ xem, thế giới Tây phương Cực Lạc là nơi “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các bậc thượng thiện nhân cùng hội tụ một nơi), tâm hạnh chúng ta nếu bất thiện, sao có thể đến đó được?

Phật A-di-đà tuy là từ bi tiếp dẫn, nhưng tiếp dẫn đó cũng phải có điều kiện. Tự thân quý vị tâm hạnh bất thiện, dù có siêng năng niệm Phật, dù tâm nguyện có khẩn thiết, [nhưng tâm hạnh] so với hoàn cảnh ở Tây phương Cực Lạc hoàn toàn không tương ưng thích hợp. Phật A-di-đà có tiếp dẫn đưa quý vị về, quý vị lại mỗi ngày cãi cộ sinh chuyện, mỗi ngày cùng người khác thị phi đôi co, chẳng phải là làm náo loạn thế giới Cực Lạc hay sao? Quý vị đối với Phật A-di-đà

¹ A-lại-da thức, tức Tạng thức, nghĩa là thức chứa trữ. Theo Duy thức học thì chính thức này là nơi chứa trữ, lưu giữ tất cả các chủng tử (hạt giống) thiện ác của con người, đợi khi có đủ nhân duyên sẽ hiện khởi thành tất cả các nghiệp lành dữ, thiện ác.

dù có tình sâu nặng, đức Phật cũng không vì quý vị mà đem thế giới Cực Lạc hủy hoại đi.

Cho nên, muốn được vãng sinh thế giới Tây phương Cực Lạc thì điều kiện là bản thân quý vị phải có thiện tâm, thiện hạnh. Khổng tử dạy: *“Chỉ ư chí thiện”* (dừng ở chỗ hết mức hiền thiện), đó mới là điều kiện để cùng các bậc thượng thiện nhân ở thế giới Tây phương Cực Lạc hội tụ một nơi.

Tôi thường nói, dù một mảy may tâm ý xấu ác cũng không được có. Chỉ cần một mảy may tâm ý xấu ác, ý niệm xấu ác là không thể vãng sinh. Không thể cho rằng pháp môn này không linh nghiệm, rằng *“tôi đã tu tập cả đời, tôi niệm Phật cả đời, ngày ngày đều lễ Phật, ngày ngày đều niệm Phật, đến lúc lâm chung vẫn không được vãng sinh, Phật Thích-ca Mâu-ni thật dối gạt người”*. Kỳ thật, đức Phật không hề dối gạt quý vị, là do quý vị tự mình hiểu sai ý nghĩa. Người thực sự mong cầu vãng sinh thế giới Tây phương Cực Lạc thì dù một mảy may tâm ý xấu ác cũng không thể có.

“Không phô bày nhược điểm của người.” Câu này hết sức quan trọng thiết yếu. Tuyệt đối không được nói chỗ khiếm khuyết, yếu kém của người khác, tốt nhất là ngay cả nghe cũng [tránh đi] không nghe.

Câu tiếp theo là: *“Không khoe khoang ưu điểm của mình.”* Tự mình có chỗ tốt đẹp, có ưu điểm, không cần phải khoe khoang phô bày, không cần phải phô trương, điều đó không có gì tốt cả.

Bài giảng thứ 68

(Giảng ngày 2 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 69, số hồ sơ: 19-012-0069)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta xem đến đoạn thứ 27 trong Cảm ứng thiên: “*Bất chương nhân đoản, bất huyễn kỷ trường.*” (Không phô bày nhược điểm của người, không khoe khoang ưu điểm của mình.) Hai câu này đối với chúng ta là lời dạy quý báu nhất trong việc xử thế.

Người ta sống ở đời ai cũng có công việc thuộc bốn phận riêng. Công việc thuộc bốn phận mình, nếu làm tốt thì đó là bốn phận phải làm, đâu có gì đáng để kiêu ngạo? Cho nên, không có lý do gì để khoe khoang ưu điểm của mình. Nếu làm không tốt thì sao? Làm tốt là tròn bốn phận, làm không tốt là lỗi lầm, sai sót, cũng là tội nghiệp. Khẩu nghiệp là dễ dàng tạo thành tội nghiệp nhất và cũng thường nghiêm trọng nhất, như những việc thêu dệt sinh sự, đảo lộn thị phi...

Quý vị đều biết, hiện nay thế gian này có tai kiếp lớn. Hôm qua, quý vị đồng tu ở Hoa Kỳ và Australia đều điện thoại hỏi tôi, hỏi rằng ngày 18 tháng 8 này làm cách nào qua được? Quý vị nói xem, làm sao vượt qua? Đi đến đâu để tránh kiếp nạn? Ngạn ngữ thường nói: “*Vận số khó tránh*”, quý vị tránh đi đâu? Ngày nay, điều quan trọng thiết yếu nhất, cách giải quyết thông minh nhất, là làm thế nào hóa giải kiếp nạn này, chứ không phải né tránh.

Kiếp nạn từ đâu đến? Chính từ trong tâm thức biến hiện ra. Hết thấy các pháp đều từ tâm tướng sinh ra. Pháp tướng tông nói rằng: “*Chỗ sinh khởi của các pháp chỉ là do tâm biến*”

hiện.” Nguồn gốc của nghiệp chướng đều do sự khởi tâm động niệm của tự thân ta. Để hóa giải, cũng chính từ sự khởi tâm động niệm. Sự hóa giải đó cũng không phải là chuyện nhất thời, chuyện chỉ một lần, [theo kiểu như] khi có kiếp nạn xảy ra liền nhanh chóng dứt ác tu thiện, lúc không còn kiếp nạn thì quay lại tạo nghiệp xấu ác. Tâm thức như vậy thì không cách gì thoát được tai nạn. Nghiệp ác, ý niệm ác một khi đã dứt trừ phải vĩnh viễn dứt trừ thì kiếp nạn này mới thực sự được hóa giải.

Chúng ta phải tận dụng cơ hội này, là một cơ hội tốt cho sự tu hành. Nhân duyên, điều kiện không thể chậm trễ trì hoãn. Chúng ta phải ngay trong một thời gian ngắn nhất nâng cao cảnh giới của mình, nâng cao lên đến cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát thì kiếp nạn này không còn nữa, kiếp nạn này được hóa giải. Nếu không chịu nâng cao cảnh giới của mình, hoặc [nghĩ rằng ta sẽ] nâng lên một lúc, kiếp nạn qua rồi lại rơi xuống như cũ, cũng xem như xong, không có lý nào lại như vậy.

Các bậc đại đức xưa đã từng cho ta một điển hình về việc này. Vào triều Tống, có vị pháp sư tên Oánh Kha. Chuyện của vị này được ghi chép trong *Vãng sinh truyện*, cũng ghi chép trong *Tịnh độ Thánh hiền lục*. Quyển *Tây quy trực chỉ* trong bộ *An Sĩ toàn thư* cũng có ghi chép.

Pháp sư Oánh Kha là người xuất gia nhưng không giữ theo thanh quy của tự viện, phạm vào giới luật. [Tuy vậy,] ông không phải kẻ ngu muội hồ đồ, có thể xem là một người hiểu biết, giác ngộ. [Do đó] trong lòng thường suy nghĩ, những việc làm của mình đời này nhất định trong tương lai phải chịu quả báo ở địa ngục. Ông tự biết chắc mình sẽ phải vào địa ngục. Vì thế, ông liền tham vấn các bạn đồng học để xem liệu có phương pháp nào có thể cứu vớt bản thân mình hay không?

Có người bạn đồng học trao cho ông một quyển *Vãng sinh truyện*. Ông xem qua rồi thì hết sức cảm động, liền bắt đầu đóng cửa ở trong phòng chuyên tâm niệm Phật A-di-đà. Niệm được trọn ba ngày ba đêm, không ăn không uống, cũng không ngủ nghỉ. Suốt ba ngày ba đêm liều cả thân mạng [niệm Phật].

Do tâm chí thành của ông như vậy nên có sự cảm ứng linh hiệu, đức Phật A-di-đà hiện đến. Đức Phật bảo ông: “Tuổi thọ của ông vẫn còn mười năm nữa, hãy cố gắng tu hành. Sau mười năm ta sẽ đến tiếp dẫn ông.”

Pháp sư Oánh Kha bạch Phật: “Tập khí xấu ác của con rất nặng nề, không chống chọi nổi muôn sự dẫn dụ mê hoặc. Một khi bị hoàn cảnh bên ngoài dắt dẫn, e rằng con lại tạo nghiệp. Trong mười năm nữa thật không thể biết là con sẽ tạo tác bao nhiêu tội nghiệp. Con không cần mười năm tuổi thọ đó nữa, ngay bây giờ xin được theo Phật vãng sinh.” Đức Phật chấp nhận lời khẩn cầu của ông, nói: “Ba ngày nữa ta sẽ tiếp dẫn ông, như vậy được chứ?” Pháp sư Oánh Kha hết sức mừng rỡ vâng theo lời Phật.

Ông liền mở cửa phòng, thông báo với đại chúng rằng ba ngày nữa ông sẽ vãng sinh. Người trong tự viện không ai tin lời ông. Một kẻ [xưa nay] không từ bất kỳ chuyện xấu ác nào, chỉ vừa đóng cửa ba ngày, cũng không biết làm gì trong đó, thế mà lại dám nói sau ba ngày nữa sẽ vãng sinh! Cũng tốt thôi, thời gian ba ngày không lâu lắm, mọi người cứ đợi xem sau ba ngày ông ấy có thật vãng sinh hay không?

Đến ngày thứ ba, quả nhiên ông ấy liền tắm rửa, thay y phục sạch sẽ, mời tất cả đồng tu trong đạo trường cùng đến niệm Phật giúp ông, tiễn ông đi. Tất nhiên là mọi người đều rất hoan hỷ khi được thấy một người thực sự có thể vãng sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc. Quý vị xem, ông ấy không bệnh tật gì, là người đang rất bình thường. Niệm Phật chưa

được thời gian một khắc - thời gian một khắc là rất ngắn - ông nói với mọi người: “Phật A-di-đà đã đến, đến giờ tôi đi đây.” Rồi ông từ biệt mọi người, ngồi mà vãng sinh.

Điều này chứng thực lời dạy trong kinh A-di-đà, [nếu người niệm Phật] trong một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, [nhất tâm bất loạn được Phật tiếp dẫn,] quả thật không sai. Quý vị tại Niệm Phật Đường niệm Phật quá lâu như thế, không hề thấy Phật A-di-đà hiện đến, là do tâm quý vị chẳng chân thành. Vì sao người ta niệm trong ba ngày thì được thấy Phật, chúng ta niệm lâu đến thế mà một chút tin tức của Phật cũng không nhận được? Nguyên nhân là ở đâu? Chúng ta phải tự mình hiểu được điều đó.

Người được vãng sinh thế giới Tây phương Cực Lạc tức là đi làm Phật. Quý vị thử nghĩ xem, từ địa vị phàm phu thấp kém, chỉ một bước vươn lên đến cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát. Quả thật là một điển hình tốt, một tấm gương tốt để ta noi theo.

Tôi tin rằng trải qua nhiều thế hệ, có [rất nhiều] người giống như pháp sư Oánh Kha, những người thực sự quay đầu, triệt để quay đầu hướng thượng, sửa chữa lỗi lầm, tự làm thanh tịnh tâm ý, từ một người xấu ác trở thành một người hết sức hiền thiện. Đó thực sự là hồi đầu, thay đổi chỉ trong thời gian một ý niệm. Những người vãng sinh như thế, từ xưa đến nay không thể biết được là bao nhiêu, không có ai ghi chép đủ, mà các vị ấy cũng chẳng nói cho ai biết.

Người niệm Phật vãng sinh không thể biết được số lượng bao nhiêu, các sách *Vãng sinh truyện*, *Tịnh độ thánh hiền lục* ghi chép lại được chỉ là số ít, khoảng một phần mười, một phần trăm mà thôi. Sự thật đó chúng ta cần hiểu rõ. Chúng ta còn gì phải sợ sệt, còn gì phải lo lắng? Phải sống như thế nào? Hãy chơn chất niệm Phật mà sống. Thân thể này của ta còn lưu lại ở thế gian này, tạm thời chưa buông xả đi thì phải

thay Phật A-di-đà mà làm công việc tuyên dương, thường vì tất cả chúng sinh mà nêu gương tu tập, như vậy mới được.

Giúp Phật A-di-đà tiếp dẫn đại chúng, khuyên bảo hết thảy chúng sinh niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, nhất định phải sửa chữa lỗi lầm, tự làm thanh tịnh tâm ý.

Hôm qua có nói với quý vị, câu mở đầu chú giải của phần này rất hay: *“Người [khác] có chỗ kém cỏi cũng giống như tên riêng của cha mẹ, tai có thể nghe nhưng miệng không thể nói.”* Quý vị có thể nghe lại trong băng ghi hình, buổi giảng hôm qua tôi giảng rất rõ ràng.

Câu này ngày nay nói với mọi người, có thể quý vị không có chút ấn tượng gì, nhưng vào thời xưa thì [ý nghĩa] câu này là hết sức nghiêm trọng.

Chúng ta ở thời đại này gặp phải kiếp nạn lớn lao này, thật ra mà nói [là do] không tiếp nhận được sự răn dạy của thánh hiền, mọi việc trong đời sống đều buông xuôi, thuận theo phiền não của tự thân, có lý nào lại không tạo nghiệp? Tạo nghiệp hết sức nghiêm trọng, [nhưng ngược lại] vẫn cứ cho đó là chuyện tốt, không biết là tự mình có lỗi lầm sai trái.

Không chỉ là học Phật mà trái nghịch lời dạy của chư Phật, Bồ Tát, cho đến các pháp lành của thế gian cũng không biết một chút gì. Đối với hết thảy các pháp xấu ác mà cho là pháp lành, đối với hết thảy các ý niệm xấu ác, tà vạy mà cho là chánh niệm. Do đó mới chiêu cảm kiếp nạn lớn lao này.

Chúng ta ngày nay phải biết triệt để sám hối, một đời này mới có thể được sống trong sự biết ơn, trong hạnh phúc mỹ mãn. Bằng cách nào mới có thể làm được như vậy? Tại không nghe lời xấu ác, mắt không nhìn những việc xấu ác, thì quý vị mới có thể gìn giữ được tâm ý thanh tịnh của mình.

Nhưng thế gian này có rất nhiều người, một số người học Phật cũng không tránh khỏi, trong đó có cả những người xuất

gia, lại chuyên nghe ngóng những việc làm xấu ác, những điều xấu ác của người khác, từ sáng đến tối gặp ai cũng sinh chuyện thị phi, tranh nhau chổ hay dở tốt xấu, tạo nghiệp hết sức nặng nề mà không tự biết.

Việc của người khác thì liên can gì đến ta? Chỉ nghe thôi cũng không nên nghe. Có một số đồng tu đến bảo tôi, có người bịa chuyện về thầy. Họ nghe được người khác bịa chuyện [về tôi] liền ghi âm lại, rồi mang băng ghi âm đến cho tôi [làm bằng chứng]. Tôi không hề mở nghe. Có văn bản ghi chép, tôi cũng không xem, tôi mang vất cả vào giỏ rác. Vì sao vậy? Tôi mong muốn duy trì một ấn tượng tốt đẹp nhất [đối với mọi người].

Cho nên, trong mắt tôi thì mọi người đều là người tốt, mọi người đều là người hiền thiện, mọi người đối với tôi đều có ân đức. Ví như họ có đôi lời hủy báng, có những chuyện bàn ra tán vào [không hay] lúc rồi việc, đó là sự nhận hiểu sai lầm của họ. Hoặc có thể họ nghe theo lời bịa đặt của người khác, không phải họ cố ý, ta đâu cần phải ôm giữ việc ấy trong lòng? Ta đâu cần phải để tâm mình bị nhiễm ô vì sự việc?

Vấn đề là từ bên ngoài đến, quý vị có tiếp nhận hay không? Không tiếp nhận thì quý vị mãi mãi giữ được tâm thanh tịnh. Quý vị tiếp nhận thì mới bị ô nhiễm, không tiếp nhận thì tuyệt đối không bị ô nhiễm. Chúng ta đâu cần phải vướng vào những việc như vậy?

Làm người phải thấu hiểu được một nguyên tắc quan trọng: *“Làm việc thiện với người khác.”* Trong Kinh điển đức Phật giảng giải rất rõ ràng, rất thấu triệt. *“Hết thầy chúng sinh [đối với ta] đều là cha mẹ trong quá khứ, đều là chư Phật trong tương lai.”* Đã là cha mẹ trong quá khứ, chúng ta cần phải đem tâm cung kính, hiếu thuận mà đối đãi. Đó chẳng phải là đã nói hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch rồi sao?

Dem tâm hiếu thuận, cung kính đối đãi với hết thầy

chúng sinh, thành tựu thiện nghiệp của chính bản thân mình, thành tựu các phẩm tính thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình, như vậy chúng ta mới là chân chánh học Phật, mới là chân chánh quay đầu hướng thiện.

Việc lợi hại đối với riêng bản thân mình thì hoàn toàn không quan tâm. Việc lợi hại đối với chúng sinh, nếu không phải là tai hại lớn cũng không cần quan tâm. Nếu thực sự là điều tai hại lớn lao thì phải dùng trí tuệ để giải quyết, xử lý, không thể theo tình cảm mà xử sự.

Về chuyện bị người lừa gạt, tôi cũng đã gặp rồi. Trong quá khứ, pháp sư Đạo An cũng gặp rất nhiều. Chuyện như thế nào? Là chuyện lừa gạt tiền bạc. Pháp sư Đạo An thường xuyên bị người gạt tiền. Ngài là một người rất tuyệt vời. Không phải ngài không biết. Nếu không biết thì là si mê ngu muội. Ngài biết rất rõ, nhưng biết rồi có đưa tiền cho người ấy hay không? Vẫn cứ đưa tiền cho họ. Đó mới là điểm tuyệt vời [của ngài]. Biết rõ quý vị đến đây lừa tôi, tôi vẫn đưa tiền cho quý vị. Đó là phương pháp hóa độ chúng sinh. Lừa gạt được rồi, mãi lâu về sau nếu có một ngày người ấy hiểu ra được, hóa ra trước đây mỗi lần mình lừa gạt thì hòa thượng ấy đều biết. Người ấy liền sinh tâm xấu hổ, quay đầu hướng thượng. Lão hòa thượng không hề si mê ngu muội.

Chúng ta gặp phải những trường hợp như vậy, nếu không có được trí tuệ như pháp sư Đạo An, cũng có một phương pháp khác. Đó là điều tra tìm hiểu rõ ràng sự thật. Nếu quả người ấy đang có việc thiết yếu, [vì cần tiền nên] dùng thủ đoạn bất chính, chúng ta vẫn nên giúp đỡ người ấy. Nếu là muốn dùng tiền lừa gạt được để ăn chơi trác táng mà lại làm việc bất chánh thì ta không đưa tiền cho họ. Đó cũng là một phương pháp giải quyết.

Làm người, mỗi một niệm tưởng đều phải hướng về điều thiện mà suy ngẫm, mỗi một ý niệm đều chỉ nghĩ đến chỗ

hay, chỗ tốt của người khác. Mỗi người đều có ưu điểm, đều có chỗ sở trường, nhưng cũng có khuyết điểm, cũng có lỗi lầm, sai sót. Đó gọi là: “Người chẳng phải thánh hiền, sao có thể không mắc lỗi?” Phải bao dung chỗ lầm lỗi, ngợi khen khuyến khích chỗ tốt đẹp của người khác, thường bồi đắp nuôi dưỡng tâm đạo của chính mình. Thực sự có tâm đạo thì nhất định không có tai nạn, nhất định có chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, nhất định có thần hộ pháp bảo vệ, giúp đỡ.

Lẽ thường đối với ai cũng vậy, chúng ta gặp người hiền thiện thì ai ai cũng hết lòng bảo vệ, giúp đỡ, vì thiện với thiện có sự tương ứng. Nếu tâm quý vị bất thiện, hành vi bất thiện, chư Phật, Bồ Tát, các vị thiện thần đều xa lánh, yêu ma quỷ quái liền đến vây quanh. Việc này trong Cảm ứng thiên nói đến rất nhiều, nói rất chi tiết. Khi ấy, quý vị sẽ thường gặp nhiều tai nạn, sẽ thường gặp nhiều điều bất như ý.

Bài giảng thứ 69

(Giảng ngày 4 tháng 8 năm 1999 tại Hương Cảng, file thứ 70, số hồ sơ: 19-012-0070)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Lần trước đã giảng đến câu thứ 27 trong *Cảm ứng thiên*: “*Bất chương nhân đoản, bất huyển kỷ trường.*” (Không phô bày nhược điểm của người, không khoe khoang ưu điểm của mình.) Trong phần trước tôi cũng có nói, hai câu này vừa mới nghe qua có vẻ rất tầm thường, chẳng có gì đặc biệt, nhưng trong thực tế quan hệ hết sức trọng yếu với đạo làm người, với sự tu dưỡng của chúng ta.

Người sống ở đời, lỗi lầm lớn nhất là thích phê phán, bình phẩm về người khác, thích công kích những chỗ khiếm khuyết, kém cỏi của người khác. Đây là điều làm tổn hao âm đức nhiều nhất. Vào lúc tạo nghiệp như thế chỉ biết hài lòng khoái ý trong thoáng chốc, không hề nghĩ đến ngày sau phải chịu quả báo cực kỳ thâm trọng. Kinh Địa Tạng nói đến các địa ngục Bạt Thiết (kéo lưới), địa ngục Hỏa Hoạch (chảo lửa), đều là do những nghiệp báo loại này chiêu cảm.

Người thời xưa tâm ý thuần hậu, ai ai cũng nhận được sự giáo dưỡng. Người hiện nay thật đáng thương, không được ai dạy dỗ, [mọi việc đều] thuận theo tập khí phiền não của bản thân. Nhìn lại phong khí xã hội, bên trong thì tạo nhân xấu ác, bên ngoài thì gặp duyên chẳng lành, do đó tạo ra bao nhiêu tội nghiệp dầy đầy. Điều này thật đáng để chúng ta lưu tâm cảnh giác. Tự thân mình quả thật có [như vậy] thì phải hết lòng hối cải lỗi lầm đã tạo. Những lỗi lầm này nếu không sửa đổi thì dù có niệm Phật cũng không thể vắng sinh Tịnh độ.

Chúng ta phải luôn ghi nhớ, đức Phật vì chúng ta giới thiệu cõi Tịnh độ, giảng giải rõ ràng, minh bạch. Ở thế giới

Tây phương, hết thảy đều là “các bậc thượng thiện cùng hội tụ một nơi”, nhất định không thể dung chứa kẻ có tâm hành bất thiện đến nơi ấy làm rối loạn đời sống của mọi người. Cho nên [những người có tâm hành bất thiện] nhất định không thể vắng sinh. Chúng ta phải muôn ngàn lần ghi nhớ kỹ điều này.

Trong phần chú giải nêu ra rất nhiều ví dụ. Hãy xem người xưa hàm dưỡng [công hạnh] như thế nào, chúng ta phải làm theo, phải học tập. Ở đây liệt kê một số người thời xưa, chúng ta đọc trong sử truyện, văn chương xưa đều đã từng biết, khá là quen thuộc, như Hàn Kỳ, Vương Tố, Văn Trưng Minh vào triều Tống, đều là những người trí thức, có tầm lòng độ lượng bao dung.

Con người có những sai sót, lỗi lầm vụn vặt, nói thật ra người xưa cho đó là chuyện bình thường: “*Người chẳng phải thánh hiền, sao có thể không mắc lỗi?*” [Đối với] lỗi nhỏ của người mà thêm thất tội vẽ thành lỗi lớn, khiến cho tiền đồ của họ phải sụp đổ gián đoạn, kẻ tạo nhân như vậy phải nhận chịu quả báo hết sức nặng nề. Người bị hại như thế trong lòng không phục. Hay nói cách khác, họ nhất định sẽ báo thù. Sự báo thù đó không ngay đời này thì cũng là đời sau, hoặc đời sau nữa, rồi oán thù vay qua trả lại tiếp nối không thôi, chẳng lúc nào dứt được.

Thời xưa, bạn đồng học với nhau thấy bạn mình có lỗi thì khuyên bảo. Khuyên bảo vào lúc nào? Lúc chỉ riêng có hai người, đem tình thân sâu đậm mà ngỏ lời cảnh tỉnh, khuyên khích bạn sửa lỗi. Khuyên bảo [ở chỗ riêng tư như vậy] hai lần, ba lần mà vẫn không chịu sửa lỗi, trong đạo Phật sẽ dùng phương pháp “*mặc tấn*”.¹ Mặc tấn nghĩa là không để ý tới người ấy nữa.

¹ Theo Tứ phần luật, mặc tấn (默擯) là biện pháp được chư tăng áp dụng đối với những tỳ-kheo xấu ác, thường làm những việc xấu xa phạm giới. Theo pháp này, chư tăng tuyệt đối không trò chuyện với người ấy (mặc) và lạng lẽ tránh xa họ (tấn). Với những tỳ-kheo còn giữ được tâm tâm quý thì sau một thời gian bị mặc tấn, họ sẽ hối hận và sửa đổi lỗi lầm.

Chúng ta thấy đức Phật Thích-ca Mâu-ni thời tại thế người theo học không ít, trong Kinh điển ghi lại là 1.255 người, cũng là một đoàn thể khá lớn. Chúng ta xem trong Kinh điển thấy đoàn thể tăng chúng ấy không có [những hình thức] tổ chức hiện đại hóa [như ngày nay], vì sao rất đông người có thể sống chung có quy củ như thế, nghiêm chỉnh như thế, ý nghĩa nằm ở đâu? Đó là vì mọi người đều vâng giữ, tuân theo sáu pháp hòa kính, mọi người đều tu tập mười nghiệp lành, giữ theo năm giới. Ví như có chút lỗi lầm sai sót thì mỗi ngày nghe Phật giảng kinh thuyết pháp liên tục biết lỗi, tự trách mình mà sám hối.

[Trong Kinh điển] chúng ta không nghe nói đến chuyện đức Phật Thích-ca Mâu-ni phân xử bất cứ người đệ tử nào, cũng không nghe nói ngài khai trừ đệ tử nào. Đó chính là khuôn mẫu điển hình cho chúng ta. Ngày nay chúng ta làm theo không được, muốn học theo mà học không được. Cho nên, xem lại trong Kinh điển mới thấy đức Phật Thích-ca Mâu-ni là một con người hoàn hảo trọn vẹn biết bao. Hiện thân của ngài đã là một bài thuyết pháp dạy dỗ chúng ta. Suốt một đời ngài đối đãi với người, tiếp xúc với muôn vật, không một mảy may tỳ vết khiếm khuyết. Đây mới thực sự là hiện lộ trí tuệ rốt ráo viên mãn.

Câu tiếp theo là: *“Không khoe khoang ưu điểm của mình.”* Tự mình có sở trường, có ưu điểm, người thời nay thấy là đáng kiêu ngạo. Thấy đáng kiêu ngạo, đó là khoe khoang sở trường, ưu điểm của mình, ưu điểm đó của quý vị lập tức mất đi, không còn nữa. Cho nên, bản thân có ưu điểm cần phải kín đáo, ẩn giấu tài năng mà tu dưỡng [công hạnh]. Các bậc thánh hiền xưa dạy dỗ chúng ta rằng, tự thân mình có khuyết điểm phải bộc lộ ra, có ưu điểm thì phải kín đáo, che giấu, [như vậy là] tu tích âm đức.

Làm việc thiện là bốn phận của ta, có gì đáng để khoe khoang? Nhất là những công việc thuộc bốn phận mình thì

càng phải làm thật tốt, phải tận tâm tận lực mà làm, vì đó là bốn phận. Nếu làm không tốt, đó là có lỗi, là sai lầm, không đáng để khoe khoang. Công việc thuộc bốn phận mình có thể làm tốt, đó là việc thiện lớn. Thực sự có thể làm tốt, chu đáo mọi mặt cũng không dễ dàng gì. Cho nên, không có trí tuệ, không có học vấn thì quý vị không có phương tiện khéo léo [để thực hiện].

Người đời có ai lại không muốn làm tốt công việc thuộc bốn phận của mình? Tại sao không làm tốt được? Vì sao rơi vào chỗ tội lỗi đây mình? Nguyên nhân là ở đâu? Chúng ta cần phải chú tâm suy ngẫm kỹ. Nói tóm lại một câu, đó là cái lỗi không học. Không học lại tự cho là đúng, nên khi gặp việc phải có nhiều sai lầm. Việc thế gian là như vậy, việc lớn xuất thế lại càng khó khăn hơn nhiều. Cho nên đối với mọi việc, tự mình phải suy xét kỹ năng lực, trí tuệ của mình, việc này mình có thể làm tốt hay không? Có thể làm thật trọn vẹn hoàn hảo hay không? Có thể mang lại lợi ích cho xã hội, cho đại chúng hay không? Nếu như [tự xét mình] không đủ khả năng thì không dám tiếp nhận. Còn nếu có đủ trí tuệ, có đủ năng lực, lại gặp được cơ hội, thì đó là điều người xưa gọi là: *“Việc cần làm, không dùn dẩy.”*¹ Gặp việc cần làm, nếu ta không làm sẽ không có ai làm.

Nếu không đủ năng lực, không đủ trí tuệ, không gặp cơ duyên, không thể miễn cưỡng mà làm. Miễn cưỡng mà làm ắt sẽ như trong kinh Địa Tạng đã dạy: *“Khởi tâm động niệm đều là tội lỗi.”* Cho nên nói rằng, con người quý ở chỗ tự rõ biết mình. Người khác không biết nhưng tự mình phải biết, phải hiểu thật rõ năng lực bản thân mình đến đâu, trí tuệ ở mức nào, khả năng chịu đựng đến mức nào.

¹ Nguyên văn dùng thành ngữ “當仁不讓 - Đương nhân bất nhượng”, trước đây có nghĩa là vì lòng nhân ái mà nhận việc, không khiêm nhượng. Ngày nay có nghĩa thường dùng hơn là “gặp việc cần làm phải chủ động làm, không dùn dẩy cho người khác”.

Bản thân tôi suốt đời không dẫn dắt ai. Theo cách nói ngày nay là tôi không làm lãnh đạo. Suốt đời tôi chịu sự lãnh đạo của người khác, không có kinh nghiệm dẫn dắt người khác. Tôi tự biết rất rõ. Cho nên suốt đời tôi không xây dựng đạo trường, không làm trụ trì, không dám quản lý người khác, không dám quản lý công việc. Vì sao vậy? Vì tôi tự biết mình không có năng lực đó, cũng không có phước báo đó, nếu làm sẽ không làm tốt. Làm không tốt là tạo tội nghiệp. Tôi không gượng ép làm [những việc đó] là chỉ hy vọng trong đời này ít mắc phải lỗi lầm mà thôi. Thấy người khác làm được thì tôi hoan hỷ, tôi đứng bên cạnh hỗ trợ, giúp đỡ. Tôi hết lòng hết sức giúp đỡ hỗ trợ cho họ.

Theo tập tục của Trung quốc thì những người lãnh đạo trong mạng số đều phải có “*quan ấn*”. Nói như vậy cũng không phải là không có lý. Cho nên tôi tự rõ biết mình, suốt đời chỉ phục tùng lãnh đạo, thực hiện những công việc phải làm thuộc bốn phận mình. Từ sau khi gặp được Phật pháp, tôi tự cảm thấy mình hết sức may mắn, trong đời này có thể được đọc những quyển sách mình vui thích đọc, được làm những công việc mình vui thích làm. Sự nghiệp của tôi sau khi học Phật là giảng kinh thuyết pháp, là truyền rộng ý nghĩa giáo pháp đạo Phật.

Tự tôi đã có tâm nguyện nhưng cũng cần phải có duyên. Nếu không có duyên, dù có tâm nguyện cũng không làm được. Dù là pháp thế gian hay xuất thế gian cũng đều cần có nhân tốt, duyên lành, thì sau đó mới được quả tốt lành.

Trong việc học Phật, đức Phật dạy chúng ta phải tu [các môn] *giác, chính, tịnh*, phải tu tâm thanh tịnh. Muốn tâm địa thanh tịnh thì phải bớt việc. Nếu quá nhiều việc [phải làm] thì nhất định quý vị không thể đạt được tâm thanh tịnh. Cho dù sự nghiệp của quý vị có tốt đẹp, có huy hoàng, hiền thiện, cũng chỉ rơi vào chỗ hưởng phước báo trong hai cõi trời người.

Đối với việc vãng sinh, quý vị phải luôn ghi nhớ: “*Tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh.*” Tâm không thanh tịnh thì không thể vãng sinh. Đàn Kinh nói rất hay: “Đối với việc [vãng sinh] này, phúc đức không cứu được.” Xây dựng đạo tràng là tu phúc, giảng kinh thuyết pháp cũng là tu phúc, cứu độ chúng sinh cũng là tu phúc. [Những việc ấy] không thể giúp quý vị thấu triệt sinh tử, vượt thoát ngoài ba cõi. Cho dù có phúc lớn cũng chẳng liên can gì đến việc vượt thoát ngoài ba cõi. Điều này chúng ta cần phải rõ biết.

Quý vị chỉ cần lưu ý một chút là có thể thấy được ngay, nơi đạo tràng của người xuất gia, nơi đạo tràng của người cư sĩ, những người trụ trì các đạo tràng ấy có mấy người được vãng sinh? Có mấy người lúc lâm chung được điềm lành xuất hiện? Ngược lại không bằng những người lặng im không nói không nghe, chỉ chơn chất niệm Phật, thường bị người đời coi rẻ xem thường.

Pháp sư Đàm Hư kể lại với chúng ta trong *Ảnh trần hồi ức lục*, và ở phần sau quyển *Niệm Phật luận* cũng có ghi chép, chuyện Pháp sư Tu Vô vãng sinh ở chùa Cực Lạc, Cáp Nhĩ Tân. Đó là chuyện thật, hoàn toàn không giả dối. Pháp sư Tu Vô là người chưa từng đọc sách, ngài không biết chữ. Trước khi xuất gia làm thợ nề, sau khi xuất gia rồi chỉ biết niệm mỗi một câu A-di-đà Phật. Ngài là người hết sức nhún nhường khiêm hạ, hết sức hòa ái cung kính với mọi người, dù đối với bất kỳ ai ngài cũng đều cung kính. Ở trong chùa, ngài nhận làm những việc hết sức nặng nhọc, tu hành khổ hạnh, mọi thứ đều nhường cho người khác, chỉ những gì người khác không cần dùng nữa thì ngài mới dùng. Quý vị xem, ngài vãng sinh hết sức tự tại, hết sức thanh thoát. Pháp sư Đàm Hư, Pháp sư Đế Nhân đều vãng sinh nhưng điềm lành so ra không bằng ngài.

Pháp sư Đế Nhân có một người đệ tử [trước đây] làm thợ hàn nôi. Khi tôi giảng kinh vẫn thường nhắc đến ông, cũng

là một người hoàn toàn không biết chữ. Ông niệm Phật ba năm thì đứng mà vãng sinh. Vãng sinh rồi còn đứng yên ba ngày, chờ sư phụ ông đến lo hậu sự. Sư phụ ông lúc vãng sinh so ra không bằng ông. Sư phụ ông là Lão hòa thượng Đế Nhàn, một trong các đời Tổ sư của tông Thiên Thai. Vì sao sư phụ không bằng đồ đệ? Vì đồ đệ chỉ tỉnh tâm lo một việc [niệm Phật], sư phụ làm trụ trì, mỗi ngày phải nhiều việc ứng phó, nặng lo. Nói cách khác, bàn về việc tu phúc thì đồ đệ không bằng sư phụ, nhưng nói về công phu tu hành thì sư phụ không bằng đồ đệ. Sự thật này ở ngay trước mắt, chúng ta có thấy được hay không?

Pháp sư Đàm Hư, Lão hòa thượng Đế Nhàn đều là các bậc đại đức trong cửa Phật, chỗ nhận hiểu và hành trì thực sự tương ứng nhau, thực sự là những bậc xuất gia tu hành rất tốt. Nếu sự hành trì tu tập, đức hạnh của chúng ta không bằng các ngài [mà làm người dẫn dắt đồ chúng] thì nhất định phải đoạ lạc.

Cho nên, dẫn dắt đồ chúng không phải chuyện dễ dàng. Các vị ấy không phải người phàm, phải thực sự có trí tuệ, có đức hạnh mới có thể dẫn dắt đồ chúng. Nhất là đại chúng trong xã hội hiện đại này thật không dễ dẫn dắt. Ngày trước con người chơn chất, biết nghe lời. Con người hiện nay không chơn chất, mỗi người đều có rất nhiều ý kiến. Nếu không có đức hạnh chân chánh khiến đại chúng kính phục [mà giữ cương vị dẫn chúng] thì chuông nạn của quý vị không thể nào tránh khỏi.

Người học Phật phải biết ơn và báo ơn, nhất định không báo oán. Phải cùng hết thảy chúng sinh kết mối duyên lành, không cùng chúng sinh kết duyên xấu ác. Đối với mọi việc đều nhẫn nhịn nhún nhường. Quý vị cần đến, tôi sẽ biếu tặng tất cả. Không chỉ là buông xả những vật ngoài thân [để bố thí], cho đến sinh mạng tôi cũng có thể bố thí.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni từng nêu gương cho chúng ta noi theo. Ma vương Ba-tuần khuyến khích Phật nhập Niết-bàn, theo cách nói ngày nay là muốn Phật chết sớm. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni liền chấp nhận đáp ứng nguyện vọng của ma, liền nhập Niết-bàn. Phật thỏa mãn tâm nguyện của hết thảy chúng sinh nên cũng thỏa mãn tâm nguyện của ma. Trong tương lai, ma tiêu diệt Phật pháp ắt còn có chỗ lưu tình một chút, xuống tay còn lưu tình. Nếu Phật không thỏa mãn nguyện vọng của ma, sợ rằng về sau khi ma diệt Phật pháp sẽ xuống tay không lưu tình.

Quý vị thấy đó, đức Phật đối với người xấu ác, đối với Ma vương, đều thỏa mãn mọi tâm nguyện, hướng chỉ đối với những người bình thường. Chỗ này chúng ta phải học tập.

Những chỗ tốt đẹp, ưu điểm của các bậc hiền thánh xưa, chúng ta nhất định phải ghi nhớ kỹ, phải hết sức nỗ lực làm theo. Những chỗ yếu kém, khuyết điểm của người khác, tuyệt đối không nói ra của miệng. Chẳng những không nói ra, mà tốt nhất là tai cũng không nghe vào. Vì sao vậy? Vì bảo vệ tâm thanh tịnh của chính mình. Điều này dứt khoát là có lợi cho bản thân mình.

Người thích nghe lỗi lầm của người khác, thích nghe ngóng dò tìm lỗi lầm của người khác, chắc chắn phải堕 vào địa ngục. Vì sao堕 vào địa ngục? Vì tự mình làm tự mình gánh chịu. Không phải do người khác xô đẩy quý vị vào địa ngục, chính vì quý vị tạo nhân bất thiện nên chiêu cảm quả bất thiện. Điều này chúng ta không thể không rõ biết.

Cho nên, Tăng đoàn thực sự sống đúng Chánh pháp, như Tăng đoàn thời đức Thế Tôn còn tại thế, ngày nay chúng ta học tập cách gì cũng không làm theo nổi. Nguyên nhân là tăng chúng thời nay dù không tập hợp đông đảo như thời ấy, mỗi nơi tập trung chỉ ba, bốn mươi người, nhưng đã mỗi người một tâm niệm, mỗi người một tư tưởng. Ngay điều thứ

nhất trong Lục hòa đã không làm được, không có cách gì đạt được “*kiến hòa đồng giải*”. Cho nên hoàn toàn không có nền tảng căn bản.

[Đã thế,] chúng ta lại còn phân chia thành nhiều nhóm nhỏ hơn, chọn rồi người đứng đầu quản lý, như vậy thật là [phân tán] quá lắm. Nhưng đây cũng là cách làm bất đắc dĩ thôi. Vì sao vậy? Vì người [thời nay] không thể tự quản chính mình. Thời đức Phật còn tại thế, trong Tăng đoàn mỗi người đều biết tự trọng, biết tự ái, biết tự trị, không cần phải có tổ chức [quản lý], mỗi người đều có khả năng tự quản chính mình rất tốt. Đó là Tăng đoàn theo Phật pháp.

Chúng ta phải suy ngẫm kỹ, nếu quý vị đạo hữu đồng học cộng tu một nơi mà không đạt được đến mức độ này thì thà không [tổ chức tu tập chung] còn hơn. Tự mình lo tu tập, tự mình nhất định có thành tựu. Những việc không đúng pháp thì không làm. Việc gì thực sự đúng pháp thì phải làm ngay, hoàn toàn noi theo gương đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Những gì các bậc Tổ sư đại đức đã làm vốn đã cắt giảm đi rất nhiều [so với thời Phật tại thế]. Chúng ta biết rằng, những sự cắt giảm này đều là chuyện bất đắc dĩ mới phải làm. [Tăng đoàn cộng tu] trọn vẹn, đầy đủ nhất, rót ráo nhất chính là phương thức [tự quản tự nguyện] như vào thời đức Phật còn tại thế. Đây là điều chúng ta phải ghi nhớ.

Thực sự thành tựu trí tuệ, đức hạnh, học vấn của tự thân thì mới có thể thực sự đạt đến việc tự mình hành trì, hóa độ người khác, mới thực sự có năng lực lãnh đạo, dẫn dắt đồ chúng. Lãnh đạo đồ chúng [theo cách như vậy] là hoàn toàn [thuận] tự nhiên, không cần đến bất kỳ hình thức tổ chức nào. Đó là [thuận] tự nhiên, tự nhiên là tốt đẹp nhất, tự nhiên là hiền thiện nhất.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 70

(Giảng ngày 5 tháng 8 năm 1999 tại Hương Cảng, file thứ 71, số hồ sơ: 19-012-0071)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem đến mục thứ 28, chỉ có một câu là “*Át ác dương thiện.*” (Ngăn điều xấu ác, tán dương điều thiện.)

Trong chú giải của phần này vừa mở đầu đã nói rất hay: “*Việc xấu ác của người đời vốn không do bản tánh mà có, đều do tập nhiễm quá sâu nặng, dấy đẩy không ngăn nổi. Hoặc có những điều biết sai mà cố phạm, hoặc có những điều không biết nên làm lạc. Xét chỗ đã hình thành thì tạo tội đến ngập trời, mà nguồn gốc ban đầu chỉ do một niệm sai lầm tri trệ.*”

Câu này chúng ta phải hết sức tĩnh tâm suy ngẫm, phải chú tâm nhận hiểu kỹ. Ở Trung quốc vào thời xưa, tuổi nhi đồng khi bắt đầu vào học thì nói chung đều được học trước hết là quyển *Tam tự kinh*. Mở đầu *Tam tự kinh* là câu: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện. Tính tương cận, tập tương viễn.*” (Con người ban sơ vốn tánh hiền thiện. [Thuận theo] tánh ngày càng gần [đạo, thuận theo] thói quen xấu ác ngày càng xa [đạo].) Dem so những câu này với đoạn [chú giải] trên thì ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

Con người vì sao tạo tội ác? Tánh người ban đầu vốn hiền thiện, nhưng [phẩm tính] thiện đó không phải là cái thiện trong [sự phân biệt tương đối] thiện với ác. Cái thiện [tương đối trong phân biệt] thiện ác đã là nghĩa [tương đối] thứ hai, không còn là nghĩa [tuyệt đối] thứ nhất.

Cho nên, bậc Đại thánh của Nho gia là Khổng tử dạy rằng “*thuận theo tánh thì ngày càng gần đạo*”, nhưng những

gì Tuân tử, Mạnh tử giảng giải chính là “*thuận theo thói quen xấu ác thì ngày càng xa đạo*”.

Quý vị xem, Mạnh tử chủ trương “*tánh thiện*”, Tuân tử lại nói về “*tánh ác*”. Thiện, ác [mà hai người này nói] đều là tương đối, đều thuộc về tập tính, [tức thói quen được tập thành,] không phải bản tánh [vốn có].

Khổng tử nói [về tánh] chính là bản tánh. Bản tánh [vốn có] của tất cả chúng sinh đều như nhau. Trong Phật pháp dạy rằng, sự trang nghiêm của y báo và chánh báo trong mười pháp giới đều cùng một tâm tánh. Làm thiện, tạo ác đều do tập tánh. Cho nên, trong đoạn này nói về nguồn gốc mọi việc xấu ác của con người, chính là nguồn gốc tạo ác không phải nơi tự tánh.

Chư Phật, Bồ Tát tâm ý đã sáng rõ, thấy được tự tánh, không chỉ [các ngài] nhất định không làm điều xấu ác, mà ngay cả một ý niệm xấu ác [các ngài] cũng hoàn toàn không có. Không chỉ là không có ý niệm tạo ác, mà ngay cả ý niệm làm thiện cũng không có. Vì sao vậy? Vì tập khí đã dứt sạch. Làm thiện, tạo ác đều là tập khí, chúng ta gọi là tập tánh, là thói quen, tập quán lâu ngày thành tự nhiên. Loại tập tánh này chẳng phải trong một đời được nuôi dưỡng bồi đắp mà thành, chính là từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, từ vô thủy kiếp đến nay nuôi dưỡng mà thành, nuôi dưỡng [như thế mới] hình thành tập quán, thói quen [của một người].

Người không hiểu biết thì cho rằng đó là tính trời sinh. Chỉ những bậc giác ngộ triệt để, tâm ý sáng tỏ thấy được tự tánh, mới rõ biết là trong bản tánh không hề có [tập quán làm thiện cũng như tạo ác]. Vậy từ đâu mà có? Do thói quen huân tập lâu ngày mà thành. Sự tập nhiễm như vậy đã quá sâu nặng, do huân tập từ vô lượng kiếp [trong quá khứ] đến nay. Phạm phu không thể thành Phật, không thể làm Bồ Tát, đều là do tập tánh [đã huân tập lâu ngày] này che chướng, ngăn ngại.

Trong đoạn này dùng chữ “*tập nhiễm*” rất hay, là tập khí nhiễm ô chân tánh của chính mình từ vô lượng kiếp đến nay. Do đó mới tạo thành vô lượng vô biên tội nghiệp. Trong việc tạo tội đó, có những lúc tự thân mình biết rõ, do biết rõ nên đó là biết mà cố phạm; có những lúc tự thân không hiểu biết, không biết rằng việc mình làm là đang tạo ra tội nghiệp. Bất kể là quý vị rõ biết hay không rõ biết, trong đoạn này nói rằng nếu truy cứu đến tận nguồn gốc của những tội lỗi ấy, đều là do [khởi sinh từ] một ý niệm sai lầm trì trệ.

Một ý niệm sai lầm trì trệ đó, nhà Phật gọi là một niệm mê hoặc. Vì sao bị mê hoặc? Vì tập nhiễm quá sâu nặng. Các bậc hiền thánh thế gian cũng như xuất thế gian đều dạy chúng ta sửa đổi lỗi lầm, đều dạy chúng ta quay đầu hướng thiện. Nhưng phải quay đầu từ đâu? Từ chỗ tập nhiễm mà quay đầu. Như vậy mới gọi là thực sự quay đầu hướng thiện, là triệt để quay đầu.

Nhưng sự quay đầu hướng thiện đó cũng phải có chỗ để khởi đầu. Kinh Lăng Nghiêm gọi là “*tối sơ phương tiện*” (phương tiện trước nhất), chúng ta phải bắt đầu công phu tu tập từ chỗ nào? Bốn chữ “*át ác dương thiện*” (ngăn điều xấu ác, tán dương điều thiện) này chính là dạy chúng ta phương thức khởi đầu tu tập. Bốn chữ này, dù sâu xa hay cạn cợt đều không có chỗ giới hạn. Chúng ta mới học thì công phu cạn cợt, đạt đến địa vị Bồ Tát thì công phu thành sâu xa.

Dùng chữ “*át*” (ngăn cấm) là nói có sự nỗ lực hạn chế, ngăn cản, cũng chính là nói phải khắc phục, đè nén. Đè nén điều gì? Đè nén điều xấu ác, những ý niệm xấu ác, những hành vi xấu ác. Không chỉ là chúng ta phải khống chế, ngăn giữ những hành vi xấu ác, không được tạo tác, thực hiện, mà cho đến ý niệm xấu ác cũng không được khởi sinh.

Niệm xấu ác, nếu không là do vô minh thì cũng là vọng tưởng. Những thứ này trong nhiều đời nhiều kiếp đã làm hại chúng ta phải ở trong sáu đường chịu bao khổ nạn. Khổ nạn

không phải do người khác gây ra cho ta, là chính ta tự làm tự chịu, do nơi quý vị khởi tâm động niệm không tương ứng với tự tánh. Nếu là tương ứng với tự tánh thì trong tự tánh không hề có thiện hay ác. Tự tánh vốn là thanh tịnh. Cho nên không chỉ những ý niệm xấu ác mới làm tổn hại chúng ta, ngay cả những ý niệm hiền thiện cũng gây tổn hại.

Trong Kinh điển đức Phật đã dạy rất rõ ràng, niệm xấu ác chiêu cảm quả báo trong ba đường ác, niệm hiền thiện chiêu cảm quả báo trong ba đường lành. Ba đường lành hay ba đường ác thì cũng đều ở trong sáu đường luân hồi. Thiên tông thường dạy người: “*Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác.*” Câu này có ý nghĩa gì? Mọi ý niệm dù thiện dù ác cũng đều dứt sạch hết đi. Khi ấy, “*bản lai diện mục*” (khuôn mặt vốn có xưa nay) của quý vị liền hiển lộ ngay đó. “*Bản lai diện mục*” đó là gì? Là tâm ý sáng tỏ thấy được tự tánh.

Bồ Tát thị hiện trong sáu đường [luân hồi] để hóa độ chúng sinh, quả thật đối với mọi ý niệm thiện cũng như ác đều không sinh khởi. Cho nên, Bồ Tát không trụ nơi sinh tử, cũng không trụ ở Niết-bàn. Không khởi niệm thiện, không khởi niệm ác, cho nên Bồ Tát không trụ nơi sinh tử. Trong phương pháp cũng như sự vận dụng cách thức cứu độ, giáo hóa chúng sinh, Bồ Tát không có việc thiện, không có việc ác, cho nên không trụ ở Niết-bàn. Sinh tử với Niết-bàn, cả hai bên Bồ Tát đều không trụ. Hai bên đều không trụ, đó chính là an trụ ở cả hai bên.

Vì thế, việc giáo hóa chúng sinh phải xem nơi căn tánh của chúng sinh. Chúng sinh có căn tánh lương thiện, tốt đẹp thì dùng pháp lành hóa độ. Chúng sinh căn tánh bất thiện thì dùng pháp xấu ác để hóa độ. Cho nên, Bồ Tát hóa độ chúng sinh, việc thiện việc ác đều có đủ. Nhưng đó chỉ là việc [thiện ác], các ngài không hề khởi tâm [thiện ác]. Việc [thiện ác] đó là vận dụng cách thức để giáo hóa chúng sinh, không phải mục đích hướng tới.

Các bậc đại thánh đại hiền thì tâm địa vĩnh viễn là thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ. Mọi ý niệm thị phi, thiện ác các ngài đều đã dứt sạch, không giống như phàm phu.

Sự tập nhiễm của phàm phu chúng ta đã từ vô thủy kiếp [đến nay], trong một lúc nhất định không thể dứt trừ hết được. Các bậc cổ đức thường nói: *“Lý khả đốn ngộ, sự tu tiệm trừ.”* (Về lý có thể hiểu được ngay, về sự phải dứt trừ dần.) Ý nghĩa này quý vị phải nghe cho rõ. Quý vị có thể nhận hiểu, giác ngộ rất nhanh, nhưng tập khí [nhiều đời] của quý vị không thể ngay một lúc dứt trừ hết được, phải dần dần dứt trừ.

Về phương pháp dứt trừ, trước hết phải kiểm soát, chế ngự được những ý niệm xấu ác, những hành vi xấu ác, không để chúng sinh khởi. Đối với người niệm Phật, tôi vẫn thường nói, ý niệm vừa khởi lên liền lập tức đè khởi trong tâm câu “A-di-đà Phật”. Niệm thứ nhất vừa sinh khởi, bất kể đó là niệm thiện hay niệm ác, sang niệm thứ hai vẫn là “A-di-đà Phật”. Dùng ý niệm “A-di-đà Phật” thay thế ngay cho ý niệm [vừa khởi sinh] trước đó. Đây chính là *“ngăn niệm xấu ác”*. Quý vị cần hiểu rõ, chữ “ác” ở đây chỉ cho ý niệm xấu ác. Như vậy là tu tập bắt đầu từ căn bản.

Về hành vi xấu ác, nói chung thì trong việc đối xử với người khác, với xã hội, với chúng sinh, nếu tạo ra ảnh hưởng bất lợi, [tổn hại cho đối tượng] thì những hành vi ấy đều xem là xấu ác, nhất định không được làm. Đó gọi là *“tổn hại lẽ trời”*, nếu quý vị vẫn cứ làm thì tội nghiệp rất nặng.

Người ta làm điều ác không gì khác hơn là do nghĩ đến bản thân mình được một chút lợi ích. Một chút lợi ích đó, nói thật ra là quá nhỏ nhoi. Người xưa có đưa ra ví dụ, chẳng hạn như nếu quý vị giết oan một người, người ấy hoàn toàn không có tội, nhưng sau khi giết người ấy rồi thì quý vị được làm hoàng đế. Như thế cũng không làm. Thà không làm hoàng đế, nhất định không chấp nhận giết oan một người. [Quyết

định] như vậy mới là người có trí tuệ. Nếu là người có tội, tự nhiên sẽ có người trị tội đối phó với họ. Quốc gia có pháp luật để chế tài. Chúng ta không phải người chấp pháp, không phải người lập pháp, nhìn thấy người khác tạo tội nghiệp, ta không có quyền lực chế tài đối với họ. Ý nghĩa này cần phải hiểu rõ.

Người [có trách nhiệm] lập pháp, chấp pháp, áp dụng chế tài đối với người khác không tạo thành tội nghiệp. Chúng ta không phải người chấp pháp, thấy người khác có tội ta trừng phạt họ thì bản thân ta đã có sai lầm. Trong trường hợp đó ta phải làm sao?... Nếu là việc tạo tội ác nặng nề, gây hại cho xã hội, gây hại cho nhiều chúng sinh, chúng ta có thể trình báo với cơ quan pháp luật, như vậy là được, vì chúng ta không thể trừng phạt họ. Phật pháp dạy cho quý vị vận dụng trí tuệ, dùng trí tuệ ở mức cao minh, tuyệt đối không phải làm việc theo tình cảm. Chúng ta thường nói là hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Đó là Phật pháp. Đó là những gì chư Phật, Bồ Tát dạy bảo chúng sinh.

Một người tu hành, đó là tu sửa cho thân chánh những hành vi sai trái của bản thân mình, đó gọi là tu hành. Tu hành không có giới hạn dừng lại. Vì sao vậy? Hành vi của chúng ta thường luôn có sai lầm. Còn sai lầm là còn phải tu sửa. Bồ Tát Đẳng giác vẫn cần phải tu hành. Vì sao vậy? Vì vị ấy vẫn còn có một phẩm *Sanh tướng vô minh* chưa phá trừ, đó là chỗ còn khiếm khuyết, lỗi lầm, nên vẫn chưa thể lìa bỏ sự tu hành. Đạt đến quả vị Như Lai hoàn toàn không còn khiếm khuyết, lỗi lầm, đó là công đức tu hành trọn vẹn đầy đủ, không còn bất kỳ công hạnh nào còn phải tu tập nữa.

Quý vị phải hiểu rằng, Bồ Tát ở địa vị Đẳng Giác vẫn còn cần phải tu hành, chúng ta sao có thể không tu? Từ địa vị Đẳng Giác trở xuống là chúng sinh trong chín pháp giới, chúng ta cần phải nhận thức thật rõ ràng. Chúng ta ngày nay phải bắt đầu tu tập từ đâu? Chúng ta là phàm phu, nằm

trong chín pháp giới, địa vị [hiện nay] của ta rất thấp, tập khí nghiệp chướng lại hết sức nặng nề, phải từ chỗ dứt ác tu thiện mà bắt đầu. Chúng ta chưa đủ khả năng dứt hết mọi việc thiện ác. Nói cách khác, chưa có cách gì vượt thoát ra khỏi sáu đường luân hồi.

Ở trong sáu đường, chúng ta dứt được các việc ác, tuyệt đối sẽ không rơi vào ba đường ác. Tu thiện, có thể được phước báo trong hai cõi trời, người. Đó là quả báo nhỏ. Trong Phật pháp mà nói, [so với quả vị xuất thế] thì không gì nhỏ hơn những quả báo [hữu lậu] này.

Phần trích dẫn trong chú giải là lời của Đạo gia. Câu [*“át ác dương thiện”*] này đích thực là của Đạo gia. Cảm ứng thiên là của Đạo gia. Phật dạy: *“Chỉ ác hành thiện.”* (Dừng việc ác, làm việc thiện.) Nho gia nói: *“Ẩn ác dương thiện.”* (Che giấu việc ác, biểu dương việc thiện.) Đó là các bậc thánh nhân của Tam giáo đối với vấn đề này đều nói ra hoàn toàn tương đồng.

Do đó có thể biết rằng, chúng ta thấy việc xấu ác của người, phải biết che giấu, tuyệt đối không nói ra của miệng. Không chỉ miệng không nói ra, mà tốt nhất là cũng không giữ trong lòng. Tôi thường nói rằng, như thế thì tâm của chúng ta mới được thanh tịnh. Trong tâm quý vị lưu giữ chuyện này chuyện nọ như thế thì làm sao có thể thanh tịnh? Tâm không thanh tịnh thì không phát sinh trí tuệ. Tâm quý vị khởi sinh phiền não. Đem tâm phiền não mà học Phật thì dù học cách gì cũng không [làm theo] giống được. Đem tâm phiền não mà nghiên cứu Kinh điển giáo pháp, dù có nghiên cứu cách gì đi nữa cũng không nghiên cứu thông suốt được. Phải từ tận trong đáy lòng dứt trừ hết đi.

Thấy điều hiền thiện của người khác phải tán thán. Vì sao vậy? Để khuyến khích mọi người làm điều thiện. Tối hôm qua tôi gặp cư sĩ Chung Mậu Sâm, người Quảng Châu. Anh là người trẻ tuổi, chỉ mới hơn hai mươi, nhưng là một người ít

có. Anh đã lấy được học vị tiến sĩ ở Mỹ. Mấy năm trước khi tôi ở Mỹ, anh có đến nghe tôi giảng kinh. Sau khi nghe rồi hết sức cảm động, phát khởi chín điều đại nguyện hiếu thuận với cha mẹ. Anh viết ra rồi có đưa cho tôi xem. Hiện nay anh đã hoàn tất học vị tiến sĩ, về nhà thăm người thân. Tối hôm qua trong lúc giảng kinh tôi gặp lại anh. Anh cùng đi với người trong gia đình, có ông bà, cha mẹ với một bà cô, cùng đến gặp tôi. Người trẻ tuổi này thật ít có. Hôm qua anh ấy lại mang chín điều [đại nguyện] đọc cho tôi nghe. Tôi nói, tốt lắm, đưa cho tôi, tôi sẽ cho đăng trên tờ tạp chí *“Phật Đà Giáo Dục”* để biểu dương điều thiện, khuyên mọi người làm theo.

Người Trung quốc thời xưa thường nói: *“Tôi trung từ nhà con hiếu.”* Anh này hiện đang giảng dạy ở Đại học Đức Châu. Thật không dễ gì được như vậy. Anh ấy nhờ đâu có được thành tựu lớn lao đến thế? Từ một phần tám lòng hiếu thảo của anh, chúng ta có thể hiểu được. Tiên sinh Liễu Phàm thường quan sát những người công danh phú quý. Quan sát điều gì? Quan sát nơi đức hạnh của họ. Đức hạnh rất khó có được. [So với đức hạnh thì] tri thức, kỹ thuật không thể tính là gì cả. Đức hạnh mới khó được. Người có đức hạnh nhất định được chư Phật, hộ niệm, nhất định được thiện thần giúp đỡ, ủng hộ.

Anh bạn trẻ này rất đáng để chúng ta ngợi khen tán thán, rất đáng để chúng ta biểu dương. Anh là mẫu mực, là khuôn mẫu cho những người trẻ tuổi noi theo. Tối nay giảng kinh, cả nhà anh lại sẽ đến.

Bốn chữ *“át ác dương thiện”* này, chúng ta một đời làm theo không hết. Không chỉ là một đời, mà đời đời kiếp kiếp, mãi cho đến khi thành tựu địa vị Như Lai đều không thể xả lìa. Phải vĩnh viễn ghi nhớ, mỗi giây mỗi phút, dù ở bất cứ nơi đâu cũng đều phải biết dứt ác tu thiện.

Hết tập 3 trong tổng số 8 tập

Lời thưa

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy rằng: “Pháp thí thắng mọi thí.” Thực hành Pháp thí là chia sẻ, truyền rộng lời Phật dạy đến với mọi người. Mỗi người Phật tử đều có thể tùy theo khả năng để thực hành Pháp thí bằng những cách thức như sau:

1. Cố gắng học hiểu và thực hành những lời Phật dạy. Tự mình học hiểu càng sâu rộng thì việc chia sẻ, bố thí Pháp càng có hiệu quả lớn lao hơn. Nên nhớ rằng **việc đọc sách còn quan trọng hơn cả việc mua sách.**
2. Phải trân quý kinh điển, sách vở in ấn lời Phật dạy. Khi có điều kiện thì mua, thỉnh về nhà để tự mình và người trong gia đình đều có điều kiện học hỏi làm theo. Không nên giữ làm của riêng mà phải sẵn lòng chia sẻ, truyền rộng, khuyến khích nhiều người khác cùng đọc và học theo. Không nên để kinh sách nằm yên đóng bụi trên kệ sách, vì **kinh sách không có người đọc thì không thể mang lại lợi ích.**
3. Tùy theo khả năng mà đóng góp tài vật, công sức để hỗ trợ cho những người làm công việc biên soạn, dịch thuật, in ấn, lưu hành kinh sách, **để ngày càng có thêm nhiều kinh sách quý được in ấn, lưu hành.**

Thông thường, việc chi tiêu một số tiền nhỏ không thể mang lại lợi ích lớn, nhưng nếu sử dụng vào việc giúp lưu hành kinh sách thì lợi ích sẽ lớn lao không thể suy lường. Đó là vì đã giúp cho nhiều người có thể hiểu và làm theo lời Phật dạy. Mong sao quý Phật tử khắp nơi đều lưu tâm đóng góp sức mình vào những việc như trên.

TINH YẾU THỰC HÀNH PHÁP THÍ

- *Mua thỉnh kinh sách về đọc, tự mình sẽ được rất nhiều lợi ích.*
- *Chia sẻ, truyền rộng bằng cách cho mượn, biếu tặng kinh sách đến nhiều người thì lợi ích ấy càng tăng thêm gấp nhiều lần.*
- *Đóng góp công sức, tài vật để hỗ trợ công việc biên soạn, dịch thuật, giảng giải, in ấn, lưu hành kinh sách thì công đức lớn lao không thể suy lường, vì có vô số người sẽ được lợi ích từ việc lưu hành kinh sách.*